NĂM THỨ TÁM • #89 • SEPTEMBER 1996

# THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

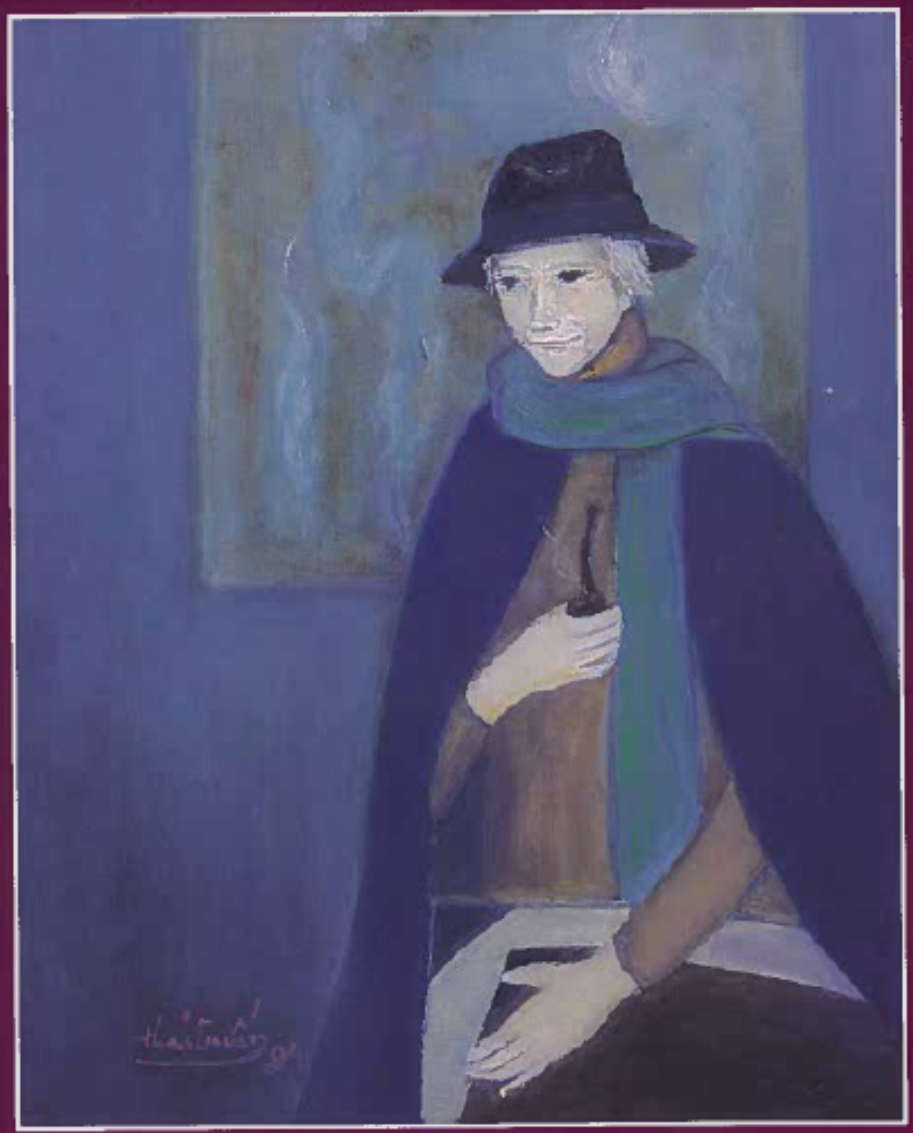

**NGUYỄN KẾT** TÂM NÃO VÀ TÂM

**TRẦN CÔNG SUNG** TỪ SƯƠNG MÙ ĐẾN MỐI TÌNH MỊ CHÂU

**NGUYỄN ĐỒNG** XEM TRANH THÁI TUẤN

BẠN ĐANG SỐNG TRONG MỘT THẾ GIỚI MỞ RỘNG, GIAO DỊCH VÀ LÀM VIỆC
VỚI NGƯỜI NGOẠI QUỐC, HỌC NGÔN NGỮ LÀ CHUYỆN CẤP THIẾT KHÔNG THỂ XAO LÃNG.

*Hãy nhớ đến*

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ PHÁT ÂM

ĐỪNG BỎ LỠ CƠ HỘI!
Một máy bằng 3 máy
cộng lại mà chỉ tốn
nửa số tiền.

# GOLDEN Thế Kỷ VEC-888

3 NGÔN NGỮ: ANH - VIỆT - HOA
5 BỘ TỪ ĐIỂN: ANH-ANH, ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-HOA, HOA-ANH

CHUYỂN TỪ NGÔN NGỮ NÀY QUA NGÔN NGỮ KIA CHỈ DÙNG MỘT NÚT BẤM.

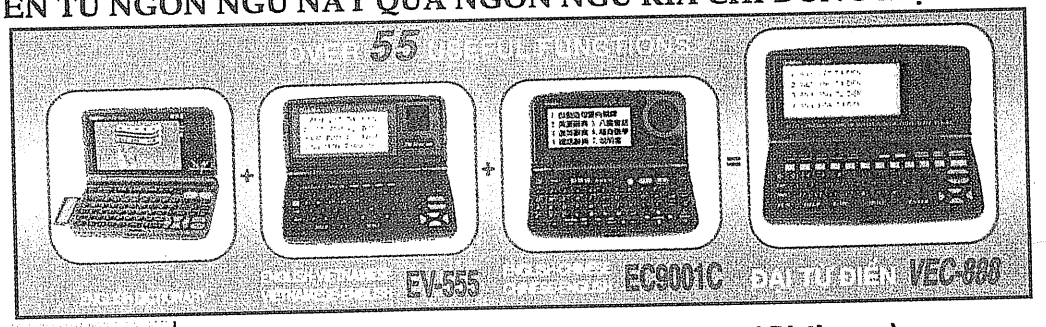


- *Anh-Anh* Từ Điển
- *Anh-Việt* Từ Điển
- *Việt-Anh* Từ Điển
- Từ điển *Đồng Nghĩa*
- Từ điển *Phản Nghĩa*
- *Đàm Thoại* thông dụng trong hàng chục lãnh vực
- *Vạn Dụng* Từ Điển để dùng riêng trong 35 lãnh vực khác nhau
- Sổ ghi *Điện Thoại*, Sổ Hẹn, *Sổ Ghi Nhớ* có sức chứa gấp đôi máy thường
- *Máy Tính:* Làm đủ các phép tính thông thường
- Đổi đơn vị đo lường
- Đổi hối suất tiền tệ quốc tế
- Xem giờ như đồng hồ biết giờ khắp năm châu
- Tra cứu thông minh chỉ cần ghi vào một phần hay một mẫu tự cái
- Tìm ngày tháng Âm Dương Lịch
- Chuông báo giờ nhắc mọi hoạt động

- **Anh-Anh Từ Điển (American Heritage Concised Dictionary)**
- **Anh-Việt, Việt-Anh của máy Thế Kỷ EV-555**
- **Anh-Hoa, Hoa-Anh của máy EC-900 1C**

**Và 10 khả năng vô địch tất cả các máy khác hiện nay không thể có được:**

1. *5 bộ từ điển ngôn ngữ Anh, Việt và Hoa trong một máy.*
2. *Màn ảnh có thể hiện lên bằng 1 trong 3 ngôn ngữ trên.*
3. *Tra cứu tuần hoàn, chuyển từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ kia ngay lập tức và không giới hạn (máy mới nhất của người Hoa chỉ cho tra 5 lần).*
4. *Có 16 bài văn phạm với đầy đủ câu ví dụ.*
5. *Trên 30,000 câu dẫn chứng cho các từ tiếng Anh.*
6. *Phát âm tiếng Anh nguyên giọng Mỹ của Đại Học Berkeley (có bản quyền).*
7. *Phát âm tiếng Hoa hai giọng Quảng Đông và Bắc Kinh, đúng giọng địa phương (có bản quyền).*
8. *Bộ nhớ của VEC-888 lớn nhất, kho chứa trữ liệu lớn nhất.*
9. *Luyện thi Nhập Tịch theo tài liệu hình thức của Sở Di Trú có phát âm.*
10. *Thay đổi màn ảnh, tra cứu các từ, đổi công dụng, chuyển ngôn ngữ, tìm câu dẫn chứng cho mỗi từ...chỉ bấm 1 nút.*

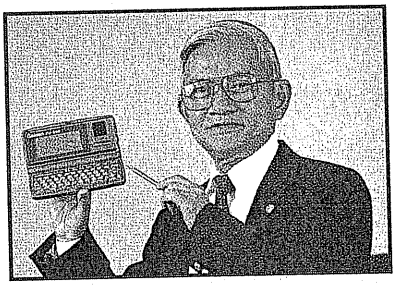

Chỉ cần Anh-Việt hãy dùng
**Từ Điển Điện Tử Phát Âm Thế Kỷ EV-555**
với trên 40 công dụng

**Chúng tôi phân phối đi khắp thế giới**

**TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ VÀ CANADA**
**GOLDEN MATE INC.**
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
**Tel: (818) 279-9898**
**Fax: (818) 279-9899**
Nhận Order: **1-800-248-3948**

**THẾ KỶ NEW YORK**
36-26 145 Place, Flushing, NY 11354
Tel: (718) 353-9116 * Fax: (718) 353-0294

**LITTLE SAIGON**
9200 Bolsa Ave., # 226
Tel: (714) 897-9808

**MONTERY PARK**
127 N. Garfield Ave
Tel: (818) 571-6598

**FELICITY CO.**
861 N. Spring St., # 110, LA.
Tel: (213) 617-2283

**NHÀ SÁCH THĂNG LONG**
767 N. Hills St., # 102, LA., CA 90012
(trong khu Interstate Bank)
Tel: (213) 628-1644

**CHINATOWN (LA)**
727 N. Broadway # 128
Tel: (213) 625-8609

*Trước 3000 khán giả say mê, theo dõi từng giây, từng phút một show ca vũ nhạc Việt Nam vỉ đại chưa từng có tại Houston (Texas), video Paris By Night 36 đã chứng minh tuyệt vời định lý:*

## "Xem một lần rồi sẽ yêu thích Paris by Night mải mải"

**PARIS BY NIGHT 36** in **HOUSTON TEXAS**

**VIDEO ĐẮT GIÁ NHẤT DÀI HƠN 3 GIỜ**
**$28.00 / Bộ**

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN & HỒNG ĐÀO

Từ ngạc nhiên nầy đến ngạc nhiên khác hằng ngàn khán giả đã vổ tay không ngừng trước những hoạt cảnh mới lạ đầy sáng tạo: **Bích Câu Kỳ Ngộ (Ái Vân & Thế Sơn), Chuyện Tình Romeo & Juliet (Dalena & Henry Chúc), Màn Vampire Ma Cà Rồng (Don Hồ), Màn Vũ Cowboy Texas (Lynda T. Đài) Màn SAY độc đáo (Nguyễn Hưng), Màn Cổ Nhạc (Hương Lan & Chí Tâm)...**

Một tổng hợp các nghệ sĩ hàng đầu hải ngoại:

**Họa Mi - Ái Vân - Ý Lan - Hương Lan - Thanh Lan - Lê Uyên & Phương - Dalena - Thanh Hà - Phi Phi - Mỹ Huyền - Châu Ngọc - Hoàng Lan - Lynda Trang Đài - Bảo Hân - Don Hồ - Nguyễn Hưng - Thái Châu - Henry Chúc - Thế Sơn - Philip Huy - Chí Tâm - Phạm Long & các Vũ công chuyên nghiệp Hollywood...**

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
P.O. Box 2174
Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France
Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Sau sự thành công của các băng đọc chuyện ngắn Thúy Nga mới phát hành băng đọc chuyện dài **Cõi Đêm** với giọng đọc **HỒNG ĐÀO & NGUYỄN NGỌC NGẠN**

*tìm đọc tạp chí*

# VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, Ấn Tiềm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

## THƯ MỤC CỦA NHÀ XUẤT BẢN THẾ KỶ

| Số | Tên sách | Tác giả | Giá |
|---|---|---|---|
| 9402. | Thơ Bùi Giáng | *(thơ, Bùi Giáng)* | $8.00 |
| 9403. | Hà Nội Trong Mắt Tôi | *(ký, Phạm Xuân Đài)* | $10.00 |
| 9503. | Câu Chuyện Của Lá Phong | *(truyện, Trần Mộng Tú)* | $10.00 |
| 9504. | Để Em Làm Gió | *(thơ, Trần Mộng Tú)* | $10.00 |
| 9506. | Vùng Đá Ngầm | *(truyện, Hà Kỳ Lam)* | $10.00 |
| 9507. | Hoa Vàng Cũ | *(kịch thơ Phạm Xuân Tích)* | $10.00 |
| 9508. | Những Ngày Xa Xưa Ấy | *(ký, Thu Tâm)* | $10.00 |
| 9509. | Đàn Bà | *(truyện, Phạm Văn Hải)* | $10.00 |
| 9510. | Thơ Tình | *(thơ, PVHải vàDĐHưng)* | $10.00 |

## THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PKWY SUITE A ■ GARDEN GROVE CA 92640 ■ TEL. 714-638-9510 FAX 714-638-1944

**PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN ■ SUBSCRIPTION FORM**

Họ tên / *Full Name:* _____ Đ.T./ *Phone:* _____

Địa chỉ / *Address:* _____

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like* ***The Ky 21*** *delivered to me:*

☐ 06 số / *Issues* ☐ 12 số / *Issues* ☐ 24 số / *Issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #* _____

Kèm theo đây là chi phiếu / lệnh phiếu mang số tiền / *Enclosed is check/money order of:* $ _____

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| Gửi Bulk Rate: | ☐ 6 tháng / *6 months:* $22.00 | ☐ 1 năm / *1 year.* $40.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $ 75.00 |
| Gửi First Class: | | ☐ 1 năm / *1 year:* $52.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $ 96.00 |
| Gửi ngoài nước Mỹ (chỉ nhận Air Mail) | *CANADA* | ☐ 1 năm / *1 year.* $59.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $113.00 |
| | ÂU CHÂU / *EUROPE* | ☐ 1 năm / *1 year.* $76.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $140.00 |
| | Á & ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA* | ☐ 1 năm / *1 year.* $86.00 | ☐ 2 năm / *2 years* $160.00 |

# VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
# ANDRE LAM

Liên lạc:

**DIAMOND BICH NGOC**

10221 Slater Avenue, Suite 211 - Fountain Valley, CA 92708

**(714) 965-9715** (trong giờ làm việc)

**1-(800) 695-7144** (ngoài giờ làm việc)

**(714) 663-4314** (Beeper)

## CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ

LUẬT SƯ PHÍ CỦA VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

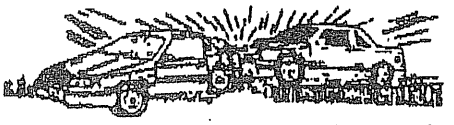

**14.99%**

**THAY VÌ NHƯ CÁC VĂN PHÒNG LUẬT SƯ KHÁC 33.33%**

**Ngoài ra văn phòng còn chuyên lo về các dịch vụ: Di trú (Immigration); Khánh tận tài sản (Bankruptcy); Ly dị cấp dưỡng (Family Law); Luật thương mại (Business Litigation); Hình luật, Trộm cắp và Tội Đại hình; Tai nạn nghề nghiệp.**

**ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE ! ĐÓN NGHE !**

**GIỜ HỘI LUẬN VỀ LUẬT PHÁP phổ thông do Văn Phòng Luật Sư AMDRE LAM phụ trách, và Diamond Bich Ngọc thực hiện hàng tuần mỗi chiều Thứ Ba trên đài VNCR, làn sóng 106.3 FM từ 2:15 PM đến 3:15 PM.**

**GIỜ HƯỚNG DẪN LUẬT PHÁP ba tuần một lần chiều Thứ Bảy trên đài Văn Nghệ Truyền Thanh, làn sóng 96.7 FM từ 2:00 PM đến 3:00 PM.**

**Trân trọng thông báo**

# BÁO NÓI

Đài phát thanh VNCR (*Viet Nam California Radio*) phát thanh hàng ngày trên làn sóng 106.3 FM, tại vùng Los Angeles và Orange County, California, có nhiều chương trình giá trị, ghi lại trong các băng cassette 30 phút, 60 phút và 90 phút. Quý vị muốn có các băng này, xin điền phiếu dưới đây và gửi kèm một ngân phiếu $50.00. Các băng này hiện không bán; quý vị chỉ đài thọ tiền vật liệu và công đóng gói gửi, trung bình một băng ngắn $3.00, và băng dài $10.00.

Sau đây là danh mục một số băng đã có, để quý vị chọn. Tên để trong ngoặc là tên người thực hiện hoặc người diễn đọc.

**I. Phỏng vấn:**
Các chiến sĩ Biệt Hải
Bang giao Mỹ-Việt
Bà Đoàn Viết Hoạt
Nguyễn Hộ
Hà Sĩ Phu
Nguyễn Ngọc Lan
Tiêu Dao Bảo Cự I, II, III
Nguyễn Chí Thiện
Thái Hóa Lộc
Lê Hữu Mục
LM Chân Tín
Hoàng Minh Chính

**II. Đọc truyện:**
Cuống Rún, (*Hoàng Khởi Phong*)
Bỗng Dưng Người Đàn Bà Cuối Đời,(*Hà Kỳ Lam*)
Bên Kia Sông (*Nghị Thuyết*)
Evelyn, (*Nguyễn Tiến Đức*)
Quan Phu, (*Miêng*)
Hoa Táo, (*Trần Mộng Tú*)
Cầu Vồng Bẩy Sắc, (*Trần Mộng Tú*)
Vài Chuyện Rất Thường (*Lê Xuân Nhị, Lê Tất Điều*)
Tưởng Như Không Còn Gì (*Trần Long Hồ*)
Kẻ Đào Mồ (*Trần Long Hồ*)
Đoạn Kết Một Chuyện Tình (*Nguyễn Thị Ngọc Liên*)
Bà Nẫm (*Nguyễn Tuyển*)
Hai Kẻ Đãng Trí (*Đinh Linh*)
Thư Không Gửi (*Nguyễn Thị Vinh*)
Người Mẹ Bị Từ Chối (*Võ Tài*)
Chỉ Còn Em Ngậm Ngùi (*Ngày Xưa Trần Thị*) Mùa Xuân Rực Rỡ (*Ngọc Thủy*)
Khán Giả (*Phùng Nguyễn*)
Ả Điếm Và Dấu Lặng Bản Hùng Ca (*Dương Thành Vũ*)
Nuôi Cọp Trong Nhà (*Khuyết Danh Thị Nghi*)

**III. Kịch truyền thanh:**
Cơn Mưa Phùn
Ước Gì Em Có Một Người Mẹ

**IV. Chúng ta đi mang theo quê hương:**
Mì Quảng, (*Phạm Xuân Đài*)
Bún riêu, (*Tâm Hoa*)
Lễ giỗ trong gia đình (*Tâm Hoa*)
Văn Ấp, làng tôi (*Nguyễn Xuân Lê*)
Cá rô mề kho tộ (*Phùng Nhân*)
Văn chiêu hồn Vu lan (*Ngô Mạnh Thu*)
Nơi dòng sông thơ mộng (*Nguyễn Anh Chương*)
Trường tôi (*Nguyễn Thi*)
Hồ Tây Hồ Gươm (*Tâm Hoa*)
Bún ốc Cẩm Phả (*Thanh An*)
Các lễ thức mùa Tết Nguyên Đán (*Tâm Hoa*)
Ngủ đò trên sông Hương

**V. Những mảnh đời tị nạn:**
Nhà văn Đặng Trần Huân
Nhà báo Đặng Hoàng Hà
Nhà văn Mai Thảo
Nghệ sĩ Thanh Hùng

**VI. Tưởng niệm:**
Nhạc sĩ Thẩm Oánh
Thi sĩ Đinh Hùng
Thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên

## PHIẾU ĐẶT BĂNG

Họ và tên: . . . . . .
Địa chỉ: . . . . . .
. . . . . .
Điện thoại: . . . . . .
Yêu cầu gửi cho tôi những băng có đánh dấu trên đây. . . . . .
Tôi xin gửi kèm ngân phiếu / lệnh phiếu (đề tên VNCR) mang số tiền: . . . . . .
Để tiện điều hành và giúp quý độc giả đỡ mất thì giờ, xin quý vị gửi tối thiểu US$50.00 — VNCR sẽ mở "trương mục báo nói" cho quý vị, và khi nào sắp hết tiền trong trương mục, chúng tôi sẽ thông báo để quý vị gửi tiếp. . . . . .

# NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
# NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

**14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643**

*(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)*

## (714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

## NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

**GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ◻ CHỦ NHẬT NGHỈ**

*CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải*

# Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

**Trung Tâm Nhãn Khoa**
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
**Tel: (714) 839-9996**

## Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

◻ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

◻ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

◻ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

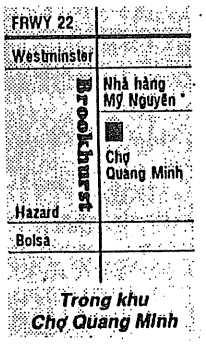


■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

**BÍ MẬT CỦA PHAN THIÊN ÂN NGƯỜI GIÀU NHẤT THẾ GIỚI**

Hơn tám ngàn cuốn sách đã được phân phối. MỘT KỶ LỤC. Muốn chia sẻ sự kỳ diệu của một hành trình đầy ý nghĩa, và tìm cho mình một thanh bình trong tự do và thịnh vượng, hãy thư về:

**PO Box 915**
**Los Alamitos, CA 90720, USA.**

Kèm $5.00/một cuốn, hay xin biếu không nếu không đủ tài chánh.

**VAALA**
(714) 537-8352

*Thi phẩm*

# MÂY BAY

## của TẠ TỴ

đã có mặt

Thi phẩm MÂY BAY không bán ở tiệm sách, chỉ dành cho những người yêu Thơ.
Số lượng ấn phẩm rất hạn chế vì được in trên giấy quý, không có bản thường.

Quý vị yêu thơ, xin gửi $10.00 (ngoài nước Mỹ $12.00) bằng check hoặc money order cho:

**Mr Linh Ta**
**11741 Old Fashion Way**
**Garden Grove CA 92640 USA**

XIN QUÝ VỊ MUA THƠ, ĐỀ TÊN VÀ ĐỊA CHỈ RÕ RÀNG, ĐỂ TRÁNH THẤT LẠC.

ĐÃ PHÁT HÀNH

# NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

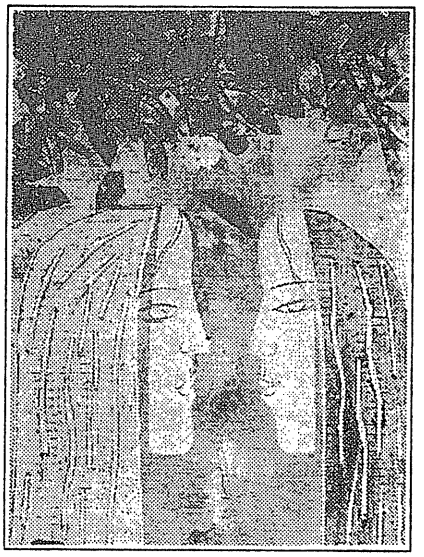

Tập thơ thứ nhì của

## TRẦN HỒNG CHÂU

- Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
- Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ
Nguyên Khai

160 trang - Giá $10
Nhà Xuất Bản Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove
CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

Tranh bìa: **Thái Tuấn** (xem bài trang 66 và 68)
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa**
Hí họa: **Babui Mamburao**
Ảnh: **Lý Kiến Trúc, Lê Tam Ca**

# MỤC LỤC

**Số 89 • Tháng Chín 1996**

## CHÍNH TRỊ - THỜI SỰ

**13.** Bản án Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà và Nguyễn Kiến Giang —**Ngô Nhân Dụng**
**15.** Một số thay đổi trên nền tảng chính trị tại Trung Hoa hiện nay —**Từ Mai**
**25.** Bao giờ Hoa Kỳ có nữ Tổng thống? —**Trần Quán Niệm**
**70.** Nhiều bàn tay đóng góp từ California— **Thế Kỷ 21**

## KHOA HỌC - DU LỊCH - NGÔN NGỮ

**32.** Tâm não và tâm— **Nguyễn Kết**
**39.** Có sự sống trên sao Hỏa— **Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh**
**49.** Miền Đông Sierra: Mỹ cảnh lộ III— **Ngô Thanh Tùng**
**52.** Sự khác biệt giữa các ngôn ngữ và cách phân loại —**Khương Bửu**

## NGHỆ THUẬT - VĂN HÓA - ÂM NHẠC

**21.** Từ sương mù đến mối tình Mị Châu —**Trần Công Sung**
**27.** Khi các bà mẹ đi làm— **Chân Văn**
**29.** Lê Công miếu bi— **Trần Vinh**
**58.** Âm nhạc truyền thống ở miền Bắc...— **Lê Tuấn Hùng**
**66.** Ghi chú thêm về Thái Tuấn— **Huỳnh Hữu Ủy**
**68.** Xem tranh Thái Tuấn —**Nguyễn Đồng**
**72.** Đại hội nhạc dân tộc tại Falun —**Trần Quang Hải**
**90.** Khách trong tháng: Võ Long Triều, Lê Mạnh Hùng, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Hồ Minh Dũng

## VĂN

**76.** Hai ngày và cả cuộc đời —**Nguyễn Quang Vinh**
**82.** Cây thông— **Trần Mộng Tú**
**84.** Ngày mai trời sáng —**Thanh Trúc**
**86.** Chuyện nhà —**Võ Doãn Nhẫn**
**91.** Người Được Bạc— **Phạm Nguyên Lương**

## THƠ

**79.** Làm thơ— **Minh Hân. 85.** Trần Thiết— **Trần Thiện Hiệp. 88.** Mượn hoa cúng Phật— **Đặng Hiền. 89.** Hiu hắt đuôi mắt của người— **Hồng Khắc Kim Mai. 92.** Hôn ca — **Thế Dũng.**

## MỤC THƯỜNG LỆ

**8.** Thư Tòa soạn —**Thế Kỷ 21**
**9.** Bạn đọc viết
**11.** Tòa soạn và Bạn đọc
**11.** Hộp thư trị sự —**Phan Mỹ Sương**
**44.** Sổ tay — **Thế Kỷ 21**
**96.** Vòng chân trời văn học nghệ thuật —**Lê Tam Ca**
**102.** Sách báo trong tháng —**Phạm Xuân Đài**
*Note:* English section is off this month.■

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
VĂN HÓA • NGHỆ THUẬT • KHOA HỌC

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

**11022 Acacia Pkwy #A**
**Garden Grove CA 92840 USA**
**Tel: (714) 638-9510**
**Fax: (714) 638-1944**
E-mail:
**75504.3510@compuserve.com**
hoặc **theky21@ix.netcom.com**
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

**Nhóm chủ trương:**
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô
**Chủ nhiệm:**
*Lê Đình Điểu*
**Chủ bút:**
*Vương Hữu Bột*
**Tổng Thư Ký Tòa Soạn:**
*Phạm Phú Minh*

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn.

**Trị sự:**
Văn phòng trưởng:
*Vũ Duy Tự*
Quảng cáo & phát hành:
*Phan Mỹ Sương*
Ngân phiếu đề: THE KY 21

**Đại diện phát hành:**
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
**Pháp:**
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
**Đức:** *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
**Canada:** *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
**Western Australia:** *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

**ISSN 1056-4640**



# CÂU CHUYỆN CỦA DÒNG SÔNG

Hình ảnh những đường phố Hà Nội ngập dưới nước trong mấy ngày tháng Tám khiến những người ở xa nhớ về quê hương, cả trong không gian lẫn thời gian. Năm, hay mười ngàn năm đã trôi qua, nhưng cuộc tranh chấp giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh vẫn còn diễn ra trên miền châu thổ sông Hồng, cái nôi của dân tộc Việt Nam, từ đó một tập thể đã thành hình. Sau mấy trăm thế hệ cha sinh con, con sinh cháu, tiếp nối nhau lớn lên từ cái nôi đó, đất nước và con người đã đổi thay, nhưng núi sông vẫn là núi sông của Chử Đồng Tử, của Tiên Dung hay Mỵ Nương, Thánh Gióng. Chúng ta có thể tưởng tượng các vua Hùng thời xưa cũng nhìn những dòng nước đục ngầu cuồn cuộn này, trong lúc tiếng trống ngũ liên thúc dục dân chúng đi vá đê, ngăn lụt.

Sử gia Lê Thành Khôi cho rằng nhu cầu chống lũ lụt hàng năm là một yếu tố đưa tới sự hình thành dân tộc Lạc Việt và quốc gia Việt Nam sau này. Chúng ta đang bước tới thế kỷ 21, tính dân tộc càng ngày càng nhẹ đi vì các biên giới đang mở rộng. Loài người càng ngày càng sống gần nhau hơn, và một thế giới đại đồng hy vọng sẽ xuất hiện không xa, chỉ trong vòng một, hai thế kỷ nữa. Thế giới đại đồng đó sẽ được xây dựng trên nền tảng của nhu cầu trao đổi kinh tế. Đó là điều Adam Smith đã nhìn thấy trước Karl Marx. Nhưng nhu cầu kinh tế không đủ để làm cho loài người khôn ra, nghĩa là biết cách tổ chức cuộc sống hòa hài trong đó hạnh phúc chung cũng như riêng được cân bằng.

Trong thế giới mà thế hệ con cháu của chúng ta sẽ sống, chắc hẳn Sơn Tinh và Thủy Tinh cũng chưa quên mối hận tình mà tổ tiên chúng ta đã ghi lại bằng các văn ảnh diễm lệ và hoành tráng. Và bởi vì thế giới trong thế kỷ sắp tới sẽ bắt các dân tộc phải sống gần nhau hơn, nên không những con cháu chúng ta phải sống với Sơn Tinh ở miền châu thổ Sông Hồng mà còn cũng phải chịu ảnh hưởng của cơn giận của Thủy Tinh ở miền thung lũng sông Cửu Long, kéo dài từ cao nguyên Tây Tạng xuống đến các cửa sông ở Nam Việt. Chúng ta đã chia sẻ con sông đó với năm nước láng giềng. Cũng như mấy hộ sống chung nhau một căn nhà, các vụ đụng chạm thế nào cũng xảy ra. Nếu con sông Hồng đã tạo nên tình đoàn kết, là căn bản tạo nên dân tộc Lạc Việt, liệu con sông Cửu Long có thể tạo nên tình đoàn kết của các quốc gia ở vùng Đông Nam Á hay không?

Sông Cửu Long xưa nay vẫn là một ân sủng của Trời Đất tặng cho các dân tộc sống dọc theo dòng nước đó. Nhưng trong thế kỷ tới có thể con sông sẽ là một mối chia rẽ các dân tộc này, nếu như họ không đủ khôn ngoan để hiểu biết quyền lợi khác biệt của họ, và giải quyết các khác biệt đó một cách hòa hài. Đây là một thử thách cho cả trình độ văn minh của các dân tộc này, lẫn trình độ hiểu biết của các người cầm quyền tại các quốc gia trong vùng. Họ đã hiểu rõ về thiên nhiên, về môi trường sống hay chưa, và họ hiểu biết về cách sống chung theo luật pháp quốc tế và tập tục văn minh hay chưa?

Trong tháng tới Thế Kỷ 21 sẽ tổ chức một cuộc gặp gỡ giữa các độc giả, thân hữu và các người quan tâm đến câu chuyện mà Phạm Phan Long đã nêu ra trong số 87, tháng Bẩy 1996. Tác giả Phạm Phan Long và các bạn cùng nghiên cứu về sông Mekong sẽ nói chuyện với chúng ta, với đầy đủ chi tiết hơn, về đề tài ông đã trình bầy trong số báo trên. Cuộc họp mặt sẽ tổ chức tại Phòng sinh hoạt Nhật báo Người Việt, 14901, đường Moran, Westminster, ngày 5 tháng Mười 1996.

## Bảo vệ đồng bằng sông Cửu Long

Sau khi đọc bài "Người Việt và kế hoạch khai thác sông Mê Kông của Liên Hiệp Quốc" của Phạm Phan Long đăng trên *Thế Kỷ 21* số 87, tôi có vài ý kiến sau đây:

Anh Phạm Phan Long và các bạn trẻ ưu tư về vấn đề này, và có đủ khả năng làm những gì hữu hiệu và hữu ích cho xứ sở, nên:

1. Lập một nhóm chuyên gia (nếu chưa có) để nghiên cứu đặc biệt và tường tận vấn đề xây đập, rút nước sông Cửu Long và ảnh hưởng về môi sinh và đời sống của hơn 10 triệu dân đồng bằng này. Không cần là chuyên gia ta cũng thấy rằng dân miền đồng bằng này sẽ đói nếu không còn đủ nước để trồng trọt, để có cá tôm trên sông ngòi và ven biển để bảo đảm đời sống của họ.

2. Liên lạc với tổ chức, trình bày vấn đề, cung cấp hồ sơ đầy đủ cho họ, và yêu cầu họ hô hoán trước dư luận quốc tế và các cơ quan bảo vệ môi sinh thế giới để chận đứng những phương án có khả năng dồn hơn 10 triệu dân miền Nam vào cảnh đói rách, bần cùng, bệnh tật.

3. Chuyền xin chữ ký của người Việt vào một tuyên cáo về vấn đề nói trên. Tuyên cáo này gồm một phần trình bày vấn đề, và một phần yêu cầu chính quyền Việt Nam hiện tại và các cơ quan liên hệ của Liên Hiệp Quốc không được cẩu thả về việc thực hành những phương án gây tai họa lớn cho nhân dân Việt Nam. Tất cả các phương án chỉ được chính phủ Việt Nam chấp nhận sau khi đã có những nghiên cứu tường tận về vấn đề tuyệt đối bảo vệ môi sinh và sinh sống của dân Việt Nam hiện nay và tương lai.

**Tôn Thất Thiện** *(Ottawa, Canada)*

## Lại có dịp nói cho rõ thêm hơn nữa

Năm ngoái trên mặt báo này, để tránh một cuộc khủng hoảng nội bộ có thể xảy ra cho Văn Bút VNHN, tôi đã đề ra một giải pháp ôn hòa cải tổ nó. Trước thái độ dửng dưng chung và tiếp theo một vài phản ứng mạnh từ những phía hữu quan, mục "Bạn Đọc Viết" đã cho tôi choáng ít chỗ để nói rõ về một vài điểm của giải pháp (nay không còn thích hợp nữa).

Cuộc khủng hoảng thấy trước nay thực sự đã diễn ra và oái oăm thay tôi lại phải lãnh việc điều giải!

Tôi có nhận được nhiều thư viết, nói qua điện thoại, thư điện, tán thành cũng có, chỉ trích cũng có (ít thôi), về giải pháp mới mà tôi đang cùng với ba cựu chủ tịch VBVNHN tìm kiếm.

Tôi tự thấy là thất lễ đã không thể trả lời riêng từng người, trước hết nói không thể hết lời, sau nữa chưa phải lúc để nói hết. Chỉ có thể nói rõ hơn thêm nữa. Có một điểm cần làm sáng tỏ là luồng dư luận cho rằng những điều tôi nói ra với tư cách một thành viên của Ủy Ban Đặc Cử VBQT có vẻ như không phân biệt thị phi. Tôi đã được chờ đợi như một Bao Công, một Zorro!

Xin cho tôi được nhấn mạnh rằng vụ tranh chấp trong nội bộ VBVNHN là một vụ tranh chấp có thực chất pháp lý.

Theo các nước văn minh — các nước đã từ lâu lên án lối xét đoán kiểu Tòa án Nhân dân của Cộng sản — thì muốn xét đoán các bên tranh chấp phải dựa vào suy đoán vô tội trước và trong khi tìm hiểu sự thật và khi kết luận nếu còn nghi vấn thì phải giải tội!

Trong hiện tình, chúng tôi đang tìm hiểu sự thật, mọi nghi ngờ chỉ "để trong lòng," không thể thổ lộ.

Xin để cho tôi đủ thời giờ đi đến kết luận. Dù sao trong mọi trường hợp, tôi không cho mình quyền định đoạt chế tài, vả lại tôi chỉ nhắm tương lai: làm lễ đăng quang cho một VBVNHN đã tái thống nhất tại Hội nghị VBQT năm 1997 tại Tô Cách Lan (Scotland). Tôi không có tham vọng lợi dụng tình thế, tìm cách "come back" để làm một "remake," nhòm ngó chức vụ "chủ tịch" mà tôi đã từ khước từ lâu.

**Trần Thanh Hiệp** *(Paris, Pháp quốc)*

## Tạp chí, tạp hóa

Tôi thấy *Thế Kỷ 21* vẫn xếp loại mình là TẠP CHÍ (theo nội dung?) bấy lâu nay.

Chữ *tạp chí* nghe có vẻ *tạp hóa*, có vẻ *lộn xộn*, có vẻ *jack of all trades*, nghề nào cũng biết mà không giỏi. Nghe không xứng với tư cách có thật của *Thế Kỷ 21*.

Dùng chữ *tạp chí* này cho *Văn Học, Hợp Lưu* (TK 21 số 88, trang 33, cột 2, dòng 17, 18) thì lại càng không ổn chút nào. Hay là ta cứ gọi NGUYỆT SAN (phân loại theo định kỳ) có phải là vô tư hơn không?

**Bùi Khanh** *(City of Industry, CA)*

*Xin cám ơn sự lưu ý của ông, đây cũng là một dịp để chúng ta nhìn lại chữ nghĩa chúng ta vẫn dùng lâu nay ra sao.*

*Đúng như ông nói, sách báo xuất bản vẫn được gọi tên theo nội dung hoặc theo định kỳ, chọn cách gọi nào là tùy theo người chủ trương. Theo nội dung thì có:*

*- Tạp Chí* (Tạp, *chữ Hán có nghĩa là lặt vặt, nhiều thứ lẫn lộn;* Chí *là sách vở ghi chép sự vật, như Địa phương chí, Địa dư chí...): là tập sách báo ra theo kỳ hạn, nói về nhiều vấn đề, có nhiều đề mục khác nhau.*

*- Chuyên San* (Chuyên*: riêng về việc gì;* San*: sách báo in ra, như Tuần san, Nguyệt san...): sách báo chuyên về một ngành nào.*

*- Tập san* (Tập*: nhiều bài văn thơ góp lại thành một cuốn, như Văn tập, Thi tập...). V.v...*

*Theo định kỳ thì thường thấy:*

*- Nhật báo, Tuần báo: báo ra hàng ngày, hàng tuần*

*- Tuần san, Nguyệt san: sách báo ra hàng tuần, hàng tháng, v.v...*

*Đúng như ông nghĩ, phân loại theo định kỳ thì có vẻ "vô tư" hơn, vì không ngụ ý giải thích nội dung, nhất là khi nội dung không rõ rệt. Nhưng thông thường chúng ta dùng chữ theo thói quen, và tên gọi* Tạp Chí *có lẽ thường được dùng để chỉ các tập báo ra định kỳ, bài vở có tính cách đào sâu, không hời hợt như "nhựt trình." Ngay cả những báo chuyên về một ngành cũng tự mình thích dùng cách gọi này. Hãy nhìn quanh: tờ Văn* Học *xuất bản tại Garden Grove, Hoa Kỳ, ghi ngoài bìa dòng chữ: tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ; tờ* Văn *của nhà văn Mai Thảo xuất bản tại Westminster, Hoa Kỳ, cũng tự gọi mình là tạp chí (đọc* Văn *giai phẩm xuân Bính Tý); tờ* Thơ *xuất bản tại Garden Grove, Hoa Kỳ, chuyên về thơ, cũng tự mệnh danh là* Tạp Chí Thơ*; và dĩ nhiên* Thế Kỷ 21, *"nói về nhiều vấn đề, có nhiều đề mục khác nhau," thì tự gọi mình là tạp chí cho đúng với nội dung của mình...*

*Theo chúng tôi, chữ nghĩa một khi đã được số đông quen dùng thì nó sẽ có một đời sống riêng và một nội dung riêng của nó, có khi không còn đúng với ý nghĩa nguyên thủy. Nhưng thiết nghĩ cũng chẳng hề gì, miễn là chúng ta có chữ để dùng và cùng hiểu với nhau như thế, như thế... là được. Nhưng thỉnh thoảng có người như ông, bỗng cảm thấy khó chịu vì một âm thanh nào đó, và đặt vấn đề ra, chúng tôi thấy cũng là điều hay, vì chúng ta lại có dịp cùng nhau truy tìm lại gốc gác của một ít sự việc, hoặc tự phản tỉnh xem cuộc sống đã đưa chúng ta đi xa tới bao nhiêu so với những nguồn gốc chân thật... Chúng tôi xin thành thật cám ơn ông.*

## Lời hưởng ứng

Perth, Western Australia
Ngày 19 tháng Bảy 1996
Kính gởi nhà văn Võ Phiến,
(Qua tạp chí Thế Kỷ 21)

Thưa ông, là bạn đọc của *Thế Kỷ 21*, tôi vô cùng cảm kích ý kiến "phải làm giỗ Khái Hưng" trên TK 21 số 87 vừa qua của ông.

Chúng ta không thể nào chấp nhận sự vô liêm sỉ này (LTS: Ý nói việc Cộng sản Hà Nội dự định làm lễ giỗ Khái Hưng, người mà họ đã ra tay thủ tiêu năm 1945). Thật ra chúng là bọn vô liêm sỉ từ gốc rồi. Do đó tôi hoàn toàn đồng ý với ông "phải làm giỗ Khái Hưng" vào năm 1997.

Tại Perth, thủ phủ tiểu bang Western Australia này chúng tôi sẽ vận động thân hữu để làm việc ý nghĩa trên trong năm 1997 (dân số Việt Nam ở đây khoảng 10 nghìn). Tuy nhiên chúng tôi không có đủ tài liệu, vậy kính mong ông giúp đỡ để chúng tôi có thể làm một lễ giỗ đầy ý nghĩa cho nhà văn Khái Hưng.

Theo thiển ý, chúng tôi cần
- Di ảnh của nhà văn Khái Hưng
- Tiểu sử và sự nghiệp của nhà văn
- Đặc biệt là những bài viết về cái chết của nhà văn Khái Hưng và thủ phạm.

Tôi tin tưởng là ý kiến của ông sẽ được các giới đồng bào ủng hộ. Riêng tôi, tôi sẽ quyết tâm vận động để ý kiến trên được thực hiện ở Perth khi có đủ tài liệu cần thiết.

Kính mong ông ghi nhận lòng biết ơn sâu xa của tôi.

**Trần Kim Thập** *(Girrawheen, Australia)*

Thế Kỷ 21 *khi đăng ý kiến nói trên của nhà văn Võ Phiến trong số 87, cũng rất tán đồng việc thực hiện lễ giỗ nhà văn Khái Hưng vào năm 1997. Vậy nhân bức thư của ông Trần Kim Thập, chúng tôi kêu gọi quý bạn đọc và thân hữu hưởng ứng việc đóng góp ý kiến và tài liệu cho công việc ý nghĩa này. Thư từ xin gửi về Tòa soạn báo* Thế Kỷ 21. *Xin đa tạ quý vị trước.*

## Đáng yêu

Tôi cư ngụ xa nơi có các tiệm bán sách báo tiếng Việt. Xin quý vị vui lòng gửi tiếp TK 21 cho tôi. Xin đính theo đây tiền báo cộng với cước phí tem (tôi tự ý) để mua tiếp sáu số cho sáu tháng tới. Nguyên do chỉ mua sáu tháng là vì cái hợp đồng thuê apartment của tôi sáu tháng một lần, xin quý vị hiểu cho, chứ không phải là tôi chỉ yêu TK 21 sáu tháng rồi thôi đâu. TK 21 đáng yêu thật đó mà!

**Hoang Nguyen Tran** *(Portland, OR)*

## Nỗi đau nhức của vết sẹo

California 2 tháng Tám 1996
Kính thưa bác sĩ và nhà văn Trần Long Hồ,

Tôi xin tự giới thiệu trước đây tôi là một sĩ quan cấp úy trong binh chủng Biệt Động Quân. Trong sáu năm ở mặt trận tôi bị thương hai lần và giải ngũ năm 1970.

Tôi có "may mắn" được ở lại với Cộng sản chín năm, tôi học được nhiều điều, một trong những điều đó là con người có khả năng thích ứng với sự khốn cùng trong chế độ cộng sản.

Nhưng đó là những người còn đủ tay chân và không có thương tật. Còn đối với phế binh của Nam Việt Nam thì quá đau thương không thể nào diễn tả được. Đến khi tôi được hân hạnh đọc truyện *Vết Sẹo 2* của ông trên *Thế Kỷ 21*, tôi đã khóc. Tôi nghĩ tôi khóc vì hai lý do:

1. Sự khốn cùng không lối thoát của một thương binh mà tôi nghĩ là tượng trưng cho cả một triệu thương binh như vậy còn ở Việt Nam.

2. Người y sĩ trong truyện quá đẹp, tôi nghĩ *chỉ có thể có trong xã hội Việt Nam vào thời điểm đó mà thôi.* Vào cái đêm mà người y sĩ đến ăn và ngủ tại nhà người phế binh, tôi nghĩ đó là cái đêm mà vị bác sĩ đó đã ngộ, xuất thần, ở thiên đường hay gì gì đó tôi không hiểu nhưng tôi nghĩ sẽ không có lần thứ hai như vậy. Trong sự khốn cùng điêu linh của kiếp người, tình thương thường xuất hiện như một bù đắp.

Xin thú thực cho đến bây giờ đã ngoài 50 và rất thích đọc sách, tôi chưa hề gởi thơ cho một tác giả nào để khen chê gì hết, cho đến khi đọc truyện của ông. Đọc xong tôi gọi lại Tòa soạn, nghĩ rằng ông ở quanh đây thì sẽ cố gắng gặp ông để chuyện trò. Nhưng khi được biết ông ở DC tôi rất thất vọng và nghĩ rằng có gọi điện thoại cũng không nói hết được cảm nghĩ, nên viết thư này để trước hết là cám ơn ông đã cho tôi và những đồng ngũ khác một cảm xúc mãnh liệt về cuộc chiến mà chúng tôi phải trải qua, thứ hai nữa là chúc ông và gia đình mọi sự an vui hạnh phúc để ông có sự bình tâm cho những tác phẩm rất giá trị (như *Vết Sẹo 2*) tiếp tục ra đời.

**Michael Pham** *(Reseda, CA)*

## Độc giả rất mới

Cháu mới từ Việt Nam qua Mỹ để du học, và vừa được đọc tờ *Thế Kỷ 21* số 88. Cháu rất thích truyện "Hoàng Hôn Trên Thung Lũng Ia Drang," cùng các bài khác. Nói chung, chỗ cháu ở, ai không có thì giờ đọc thì thôi, còn ai đã đọc cũng đều thích TK 21, nhất là những người lớn tuổi. Tờ báo hay quá!

Cháu cũng có một nhận xét, những thanh niên Việt Nam sinh ra và lớn lên tại Mỹ, hoặc sang Mỹ từ nhỏ đều xa lạ và thờ ơ với văn hóa và âm nhạc Việt Nam, nói chuyện với họ rất chán.

**Ph.Th. Giao** *(Philadelphia, PA)*

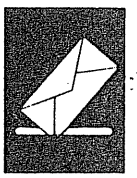

# TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của các tác giả sau: Bùi Ngọc Sách, Minh Hân, Nguyễn Tấn Hưng, Trần Quán Niệm, Hồng Khắc Kim Mai, Trần Gia Phụng, Phan Tài Phú, Phạm Anh Vũ, Huỳnh Hữu Ủy, Trần Lê Hoàng, Nguyễn Bá Phúc, Trần Quang Hải, Nguyễn Quý Nhơn, Nguyễn Thành Tâm, Đỗ Thị Kênh G, Gi Du, Thế Dũng, Nguyễn Gia Tiến, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Trần Doãn Nho.

Bài sẽ đăng: NĐB của Phạm Nguyên Lương (Tulsa, OK), TMM Singapore của Nhung Uyên (Singapore), MTN của Nguyễn Hữu Nhật (Oslo, Na Uy), MKTX của Hoài Cẩm Lê Văn Hưng (Westminster, CA), MS của Trần Công Sung (Paris, Pháp), LSNRAR của Trần Quang Hải (Paris, Pháp).

**Nguyễn Công Thuần** *(Vestal, NY)*: Hy vọng đến hôm nay ông đã nhận được các sách còn thiếu. Còn về quảng cáo của cuốn sách mà ông đề cập thì tác giả cậy đăng thế nào chúng tôi đăng nguyên như vậy, chứ Tòa soạn không chủ động việc đó. Tuy nhiên theo chỗ chúng tôi được biết thì vì sách đó được in ở Âu châu nên câu "ngoài Âu châu thêm cước phí 30% giá sách" là đúng.

**Trần Gia Phụng** *(Montreal, Canada)*: Đã nhận được bài sau của anh, đang đọc. Những điều anh muốn biết trước đây đã có nhắn trên số vừa rồi. Người mà anh hỏi sinh năm 1903 (tuổi Mão), mất năm 1987, và gọi ông Ph.Ph.Th. bằng ông nội. Các việc khác xin sẽ nói chuyện trực tiếp với nhau sau. Thân.

**Dương Như Nguyện** *(Singapore)*: Vật lộn với tập bản thảo không bỏ dấu thật là gay go, thành ra có sự chậm trễ, xin thông cảm. Thư nói về việc xuất bản gửi đã lâu, hy vọng đã nhận được rồi?

**Bà Xuân**: Xin bà tha lỗi, chúng tôi chỉ dựa vào chữ ký của bà mà đoán tên, chứ trong thư bà quên không ghi họ tên và địa chỉ, còn phong bì thì chúng tôi lại làm lạc mất. Điều bà nhắc nhở, đúng như bà viết, là "mối quan tâm hàng đầu" của chúng tôi. Nhưng thực tế thật là khó tránh việc đăng trùng như thế, nhất là khi tác giả đã cố ý gửi cho hai tờ báo khác nhau mà lại ra gần cùng ngày với nhau. Kính.

**Đỗ Thị Kênh G**: Bài "Thơ Bút Tre" rất đặc sắc. Sẽ đăng sau khi nhuận biên chút ít.

# Hộp thư tri sự

**Độc giả gia hạn và độc giả mới:**

Nguyễn Đức Chinh (GERMANY), Phan Hồng Diệu (Chicago IL), Dương Tấn Lai (Quebec CANADA), Minh Hà (Stockton CA), Trần Viết

Tịch (Santa Ana CA), Nguyễn Minh Hương (Portland OR), Lê Khắc Ngọc Túy (San Jose CA), Lữ Hồng Phượng (AUSTRALIA), Nguyễn Minh Nữu (Arlington VA), Huỳnh Xuân (Salem OR), Hoàng Châu (Houston TX), Vũ Thất (Gaithersburg MD), Phấn Nguyễn Barker (Kailua Kona HI), Huy Trần (Dove Canyon CA), Trần Văn Quang (Westminster CA), Trần Thanh Hải (GERMANY), Lê Thị Tường Loan (Houston TX), Diễn Đàn Dân Chủ (Pomona CA), Nguyễn Hữu Giàu (San Jose CA), Dan Nguyễn (Garden Grove CA), Ngô Medical Office (Everett WA), Tu Trần (Garden Grove CA), Lê Quang Vinh (AUSTRALIA), Mẫn Phạm (Garden Grove CA), Hải Omi (FRANCE), Dzung Senser (Reston VA), Chu Xuân Viên (McLean VA), Nguyễn Như Tiến (Antioche CA), Nguyễn Huy Thu (Las Vegas NV), Nguyễn Văn Lộc (Anaheim CA), Dương Đình Đối (San Jose CA), Trần Huỳnh Mính (Tustin CA), Phú Lê (Fairborn OH), Lê Doãn Kim (Rockville MD), Hoàng Trần Nguyễn (Portland OR), Orientation Center - Northrup School (Alhambra CA), Đặng Trung Chính (NSW AUSTRALIA), David Sang (WA AUSTRALIA), Nguyễn Thị Lài (WA AUSTRALIA), Nguyễn Anh Dũng (WA AUSTRALIA), Đinh Công Trứ (NSW AUSTRALIA), Phạm Công Hiến (LakeWood CA), Bình Thế Lâm (Bridgeport CT), Nguyễn Khắc Tiên Tùng (GERMANY), Võ Thị Tiềm (Fremont CA), Thanh Nguyễn (Glen Burnie MD), Trần Gia Phụng (Toronto-Ontario CANADA), Đinh Công Thành (Austin TX), Hien Van Phan (Gulfport MS), Nguyễn Văn Hiền (Goleta CA), Nguyễn Thế Huy (Montreal PQ CANADA), Trần Minh Hải (Gaithersburg MD), Trần Thu Thủy (Houston TX), Lý Tòng Cảnh (Garden Grove CA), Lê Thị Minh Đường (Irvine CA), Hà Thục Huấn (Lansing MI), Huỳnh Bá Cửu (Chicago IL), Nguyễn Văn Ngọc (Tustin CA), Dương Văn Thiều (San Jose CA), Võ Chí Mai (Anaheim CA), Trần Bá Kỳ (Santa Ana CA), Catholic Theological Union Library (Chicago IL)

**Bình Anson** *(Australia)*: Đã nhận được danh sách ba độc giả gia hạn, và một độc giả mới. Cám ơn anh. Mong tin luôn.

**Dinh Cong Tru** *(Australia)*: Ông cứ trả bằng tiền Úc cho anh Binh Anson. Bên này chúng tôi sẽ gửi báo thẳng tới ông. Đi Âu, Á và Úc châu chúng tôi chỉ gửi bằng máy bay, chứ tàu thủy có khi mất hai tháng mới tới nơi.

**Nguyễn Công Thuần***(Vestal, NY)*: Chúng tôi đã làm lại danh sách, sẽ đăng trên báo để quý độc giả tiện theo dõi và đặt mua. Ba cuốn sách ông nói trong thư đã được gửi đi ngày 14 tháng Tám. Hy vọng khi số báo này đến thì ông đã nhận được sách rồi. Kính chúc vạn an.

**Nguyễn Phi Hùng** *(Đức)*: Đã gửi băng "báo nói" đến ông NKTT. Khi nào có sách Thái Tuấn sẽ gửi ngay. Cám ơn anh. Mong tin luôn.

**Kim Liên** *(Montréal CND)*: Đã chuyển từ NHL sang LKT, và số cuối sẽ là 103. Cám ơn KL đã viết cho những dòng thăm hỏi dễ thương. Và cũng đã chuyển lời của KL tới các anh "từ hồi..."

**Ái Cầm** *(Rosemead CA)*: Cám ơn chị đã hỏi thăm. Đã nhận được check đặt mua sách Thái Tuấn. Chị lưu ý rất đúng: VAALA quên đề rõ trong khung quảng cáo nơi nhận Phiếu Đặt Mua. Thực ra, trong một quảng cáo khác, đã đăng trên [illegible] bằng tiền địa phương.

**Trần Minh** *(Louisiana)*: Chúng tôi đã gửi báo. Tuy nhiên, kèm theo báo có thư ngắn lưu ý ông về giá báo mới (gọi là mới vì ông vẫn dùng bảng giá cũ từ năm 1994!). Đúng ra, đó cũng do lỗi của tòa báo, khi đăng bảng giá đã không có thêm dòng chữ ghi rõ hiệu lực từ ngày nào đến ngày nào. Xin ông thông cảm cho sự phiền hà gây ra bởi sự chênh lệch giữa hai bảng giá. Kính chúc ông luôn vui.

**Nguyễn Thị Vy** *(Tampa FL)*: Chúng tôi không biết bên đó có tiệm sách báo Việt Nam nào hay không. Nếu có thể nhờ bà hỏi thăm dùm và cho chúng tôi biết — có thể là tiệm bán băng đĩa nhạc và cho thuê video, hay tiệm thuốc tây — chúng tôi sẽ liên lạc nhờ làm đại lý phát hành báo TK 21 và sách của nhà xuất bản TK luôn. Cám ơn bà đã góp ý về vấn đề phát hành. Chúng tôi hy vọng sẽ cố gắng thực hiện dần các đề nghị của bà. Kính.

**Nguyễn Thị Diệu Uyển** *(Boulder CO)*: Chúng tôi đã gửi ba cuốn sách bà đặt mua, trong đó có hai cuốn của NXB TK thôi, nhưng gửi chung một lần chúng tôi cũng trừ 10%, và dùng tiền đó làm cước phí. Bà không phải trả thêm khoản nào khác nữa. Trân trọng.

**Vương Nhân** *(Carollton TX)*: Xuất bản và phát hành là hai việc khác nhau, nhưng TK có thể giúp phát hành sách của các nhà XB khác. Ông có thể đặt mua bất cứ sách gì, của nhà xuất bản nào, chúng tôi sẽ tìm mua dùm. Riêng sách của TK, độc giả báo TK được bớt 10% trên giá đề. Chúng tôi cũng có đăng "thư mục," nhưng nhiều khi số trang bài lấn hết các quảng cáo "nhà". Chúng tôi sẽ lưu ý ban Biên tập về việc này, để độc giả tiện tìm mua sách. Cám ơn ông nhiều.

**Trương Ngọc** *(Cypress CA)*: Chúng tôi đã chuyển thư của ông cho các anh LDD và PPM để các anh ấy giải quyết, vì vấn đề ông nêu trong thư vượt ra ngoài khả năng và quyền hạn của trị sự tờ báo rồi. Kính chào.■

# BẢN ÁN HÀ SĨ PHU, LÊ HỒNG HÀ, VÀ NGUYỄN KIẾN GIANG

## NGÔ NHÂN DỤNG

Xưa nay chế độ Cộng Sản không cần đem người dân ra tòa, không cần xử án. Các đảng viên, như các ông Trần Thư, Đặng Kim Giang, Hoàng Minh Chính, Vũ đình Huỳnh v.v. thường bị giam cầm hàng chục năm, dưới danh nghĩa "xử lý nội bộ." Còn người dân thường khi bầy tỏ ý kiến về chính trị, dù chỉ bằng thơ ca như Nguyễn Chí Thiện, không bao giờ được biết đến tòa án và luật pháp là gì, vẫn bị tù đầy triền miên.

Nhờ các vận động của các tổ chức tranh đấu cho Nhân quyền, đảng Cộng Sản Việt Nam bắt buộc phải mang Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà và Nguyễn Kiến Giang ra xử: 1 năm, 2 năm tù ở, và 15 tháng tù treo. Bản án có vẻ kỳ lạ vì tội danh rất nặng nhưng án xử rất nhẹ. Trong thực tế, hai ông Lê Hồng Hà và Hà Sĩ Phu đã ngồi tù gần đủ số thời gian mà tòa phán quyết.

Nhưng phiên tòa đó sẽ làm trò cười cho cả thế giới, và để lại một dấu vết đáng xấu hổ, cho hậu thế biết đảng Cộng Sản Việt Nam đã làm gì trên đất nước chúng ta trong thế kỷ 20 này. Nền tư pháp hư vị của đảng sẽ làm hại cả sự phát triển kinh tế của nước ta.

Bộ mặt thật của nền tư pháp này được phơi bầy khi chúng ta lắng nghe các câu trả lời của ông Lê Minh Quốc, trong cuộc phỏng vấn với đài phát thanh BBC, và của bà Thanh Biên (vợ ông Hà Sĩ Phu) trong cuộc phỏng vấn của đài VNCR. Ông Quốc cho biết thân phụ ông, Lê Hồng Hà, bị tòa truy tố về tội "tiết lộ bí mật quốc gia." Lý do là ông Lê Hồng Hà đã trao cho ông Nguyễn Kiến Giang, và ông Giang đưa cho ông Hà Sĩ Phu, lá thư của Võ Văn Kiệt gửi cho Bộ chính trị, viết vào tháng Tám năm ngoái. (Ông Quốc đọc tên Nguyễn Kiên Giang, thay vì Nguyễn Kiến Giang). Bà Thanh Biên cho biết, trong phiên xử, bà và một ít người được vào nghe, nhưng không được đến gần, không được hỏi han, nói chuyện với chồng bà.

Ông Lê Hồng Hà đã bị bắt đầu năm ngoái khi ông viết thư ngỏ bênh vực ông Nguyễn Trung Thành, trong việc đòi minh oan cho các nạn nhân của "Vụ Án Xét Lại" phục hồi danh dự những người trong nhóm Hoàng Minh Chính. Ông Hà Sĩ Phu thì bị bắt sau khi đã viết các bài tham luận vạch rõ các sai lầm của chủ nghĩa Mác và việc áp dụng chủ nghĩa đó vào nước Việt Nam, đặc biệt sau khi Hà Sĩ Phu trả lời cuộc phỏng vấn đài phát thanh VNCR. Phải chờ đến sau Đại Hội Tám, hai ông mới được đem ra xét xử. Nếu tha bổng thì cũng kỳ cục, cho nên chỉ xử nhè nhẹ!

Khi được hỏi tòa án có trưng bằng cớ về tài liệu gọi là "bí mật quốc gia" mà thân phụ ông đã vi phạm hay chăng, câu trả lời của ông Quốc là không. Có luật sư hay nhân chứng nào được phép biết nội dung tài liệu bí mật đó là gì không, cũng không. Nếu không ai được phép biết nội dung của tài liệu dùng làm chứng cớ buộc tội, thì làm sao bị cáo, luật sư và công tố viện có thể tranh luận để bên bị cáo bác bỏ ý kiến của bên buộc tội? Nhưng phiên tòa này được lập ra chỉ để kết tội, chứ không phải để luận tội, việc biện hộ là thứ xa xỉ phẩm dưới chế độ này. Bản án đã ấn định trước khi xử. Đó là bộ mặt thật của nền tư pháp ở Hà Nội bây giờ. Cái tội của ba bị can, và các người phản kháng khác, là họ chống lại cái chế độ duy trì nền tư pháp của một đảng, dùng để thống trị toàn dân này.

Nhưng điều kỳ lạ hơn trong vụ phán xử là một lá thư riêng, lưu hành trong nội bộ một nhóm người trong đảng cầm quyền, lại được kể như là một bí mật về an ninh quốc gia. Trong thực tế, lá thư đó đã được hàng triệu người truyền tay nhau đọc, khắp từ Nam ra Bắc. Từ cuối năm 1995, những người Việt từ nước ngoài trở về đi từ Sài Gòn ra Hà Nội đều được hé cho coi lá thư đó, ở nhiều nơi khác nhau. Cái gọi là bí mật quốc gia đó cũng quí và hiếm như cái trinh tiết của bà Phó Đoan, nhân vật trong Số Đỏ.

Hàng trăm, hàng ngàn bản chụp lá thư của Võ Văn Kiệt được đồng bào trong nước và hải ngoại đọc trước khi nhà nước bắt giam ba bị cáo. Không phải vì lá thư đó là một tuyệt tác văn chương, nhưng vì nó làm thỏa mãn trí tò mò. Có những điều người dân ai cũng biết, nay có một ông lớn trong đảng dám nói thẳng những sự thật về các sai lầm, tệ hại, trong nội bộ đảng và trong chính sách cai trị của đảng. Cho đồng bào có dịp đọc để cười hả hê với nhau, đây cũng là một đóng góp lớn của ông Võ Văn Kiệt.

Nhưng trên nguyên tắc, đây là một lá thư riêng, của một người gửi một nhóm người, có thể

gọi là bí mật của 17 người, hay của một đảng, không phải bí mật của quốc gia. Nếu 17 người trong Bộ chính trị không bảo được nhau, để tiết lộ lá thư đó, thì đấy cũng là chuyện nội bộ của họ, quốc gia không dính dáng vào. Trong đảng có "tên phản bội" nào cố tình tiết lộ lá thư đó thì đáng lẽ đảng nên mang nó ra "xử lý nội bộ" cho đáng kiếp mới phải! Nếu có ai bị công an bắt quả tang ăn trộm lá thư riêng của một người gửi cho 16 người khác, thì có thể bị kết tội "xâm phạm đời tư" của mấy người đó, chứ không phải là xâm phạm vào an ninh của quốc gia. Nếu nay mai có người đi dạo phố, lỡ cầm lá thư của bà Đỗ Mười gửi cho ông Đỗ Mười, trong đó khuyên ông chồng nên uống sâm để bảo vệ sức khỏe chẳng hạn, thì liệu có bị buộc tội tiết lộ bí mật quốc gia hay không?

Mặt khác, nội dung "lá thư riêng" này, cũng không có điều gì khiến những "kẻ thù," như một chính phủ ngoại quốc nào đó, có thể dùng để xâm phạm nền an ninh của nước Việt Nam cả. Nếu trong thư ông Võ Văn Kiệt nói chế độ kinh tế chủ quản làm hại sự phát triển kinh tế quốc dân, hoặc nói cần chấm dứt cảnh quân đội dùng công xa đi buôn lậu, thì những điều này cả nước, nếu không nói là cả thế giới đều biết, không cần ai tiết lộ. Mà nếu có người biết thêm thì cũng vô hại. Khi ông tướng Tham Mưu Trưởng Quân đội Trung Quốc sang Hà Nội họp với tướng Phạm Văn Trà về chuyện chống buôn lậu ở biên giới, vị thượng khách này chắc không nhờ ông Hà Sĩ Phu tiết lộ mới biết chuyện buôn lậu nó kinh khủng như thế nào. Tóm lại, về hình thức cũng như nội dung, bản án là một trò hề tư pháp. Trò cười đó, người ngoại quốc thường gọi là **"Tòa án Kanguru."** Điển cố này không biết từ đâu mà ra, nhưng con Kanguru không phải là hình ảnh nghiêm trang, khả kính và đáng tin chút nào để đam làm biểu tượng cho Bao Công. Một xã hội văn minh cần có những tòa án đáng tin và đáng kính trọng. Những thứ tòa án Kanguru này không những phản dân chủ mà còn rất tai hại cho sự phát triển kinh tế. Đó là điều mà chúng ta cần biết rõ.

Một nền kinh tế thị trường dựa trên một nền tảng là sự an toàn pháp lý của các người tham dự. Mọi người phải cảm thấy có những "luật giao đấu" minh bạch và công khai, trước khi tham dự vào môn thể thao. Muốn có trao đổi kinh tế, người ta phải ký các hợp đồng, phải tuân theo các luật lệ - luật lệ là thứ hợp đồng ngầm được ký kết giữa tư nhân và nhà nước. Nhưng người kinh doanh phải được bảo đảm rằng các hợp đồng, các luật lệ sẽ được thi hành đúng.

Muốn người ta tín nhiệm, phải có một hệ thống thi hành luật pháp nghiêm chỉnh. Trong hệ thống thi hành luật có guồng máy công an, cảnh sát và các tòa án. Người ngoại quốc quen sống ở các nước văn minh họ càng cần thấy rõ để tin tưởng vào một hệ thống pháp luật một nước, khi họ tới làm ăn. Nếu không, họ không dám đầu tư vào nước đó.

Những cảnh đã và đang xẩy ra ở Việt Nam không giúp cho người ta tin vào hệ thống pháp luật. Một nhà ngân hàng ở Sài Gòn muốn đòi nợ thân chủ (cả hai là những cơ sở quốc doanh) đã mang một đoàn người võ trang súng máy đến bao vây, đe dọa thân chủ để đòi tiền lãi và tiền vốn. Đấy là lối hành động của bọn thảo khấu, mafia, không phải cách làm ăn trong vòng pháp luật của thị trường. Hình ảnh này cho thấy không ai tin và dùng hệ thống pháp luật nữa, kể cả một ngân hàng.

Gần đây có một công ty ngoại quốc chưa bị điều tra, chưa bị truy tố ra tòa, nhưng các tờ báo của đảng và nhà nước đã đồng loạt kết tội, lăng mạ ban giám đốc. Đấy là cách đánh đòn hội chợ, cả vú lấp miệng em, thường diễn ra ở các nước phát xít hay các nước cực kỳ chậm tiến. Ở các nước văn minh và có pháp luật, các điều đó không thể xẩy ra được. Vì luật pháp bảo đảm mọi người vô tội trước khi tòa án phán xử. Các tờ báo thuật tin phiên tòa xử phải gọi bị can là "người bị truy tố" chứ không gọi họ là "hung thủ," tên sát nhân, hay "tên bịp bợm." Dùng các tiếng đó là bị người ta kiện về tội mạ lị. Nhưng dư luận độc giả văn minh không chấp nhận việc sử dụng các từ ngữ gán tội trước khi có bản án, đó là điều khiến báo chí phải thận trọng. Có thể những công ty bị áp đảo bằng súng hay bị lăng mạ công khai trên đều đã phạm lỗi, đã bội ước sau khi ký hợp đồng. Nhưng các lỗi lầm đều phải do các tòa án độc lập phán quyết.

Bản án xử ba ông Nguyễn Kiến Giang, Lê Hồng Hà và Hà Sĩ Phu sẽ bị thế giới văn minh phản đối trong những tháng sắp tới đây. Những tổ chức nhân quyền khắp nơi đã buộc tội cả nền tư pháp của đảng Cộng Sản Việt Nam. Đây là một dịp quảng cáo cho đặc tính của chế độ: bất chấp pháp luật, khinh thường công lý. Những chiến dịch này cũng sẽ là lời cảnh cáo cho những người muốn đầu tư, bỏ vốn vào Việt Nam. Đó là một tin đáng lo cho nước Việt Nam đang cần mở mang kinh tế!

Phải chấm dứt các cảnh tòa án Kanguru. Không những đó là một hình thức đàn áp dân chúng, phản dân chủ, phản công lý, cần chấm dứt; mà những tòa án kanguru đó sẽ tạo ra những hình ảnh xấu xa, có hại cho sự phát triển kinh tế.■

> Khi ta bảo một người: "hãy tự biết mình," thì không phải để hạ lòng kiêu căng của kẻ ấy mà còn để họ biết giá trị của họ nữa.
>
> — *Cicéron*

# MỘT SỐ THAY ĐỔI TRÊN NỀN TẢNG CHÍNH TRỊ TẠI TRUNG HOA HIỆN NAY

TỪ MAI

Sau khi liên bang Xô viết bị phân hóa và các chế độ Cộng sản ở Đông Âu theo nhau đổ với nguyên nhân chính là kinh tế suy sụp, một số quan sát viên đã nêu ý kiến: rất có thể con đường những người Cộng sản Trung hoa đang theo (cải tổ về kinh tế nhưng giữ chặt quyền kiểm soát chính trị) thích hợp với những quốc gia Cộng sản còn sót lại trên thế giới. Những người cầm đầu đảng Cộng sản Việt Nam quay lại ca tụng Trung quốc và lại lục tục kéo sang Trung hoa xin hướng dẫn. Mặt khác, một số thay đổi trong các lãnh vực chính trị và xã hội xảy ra tại Trung hoa trong ít năm gần đây có tầm vóc khá quan trọng, rất đáng được lưu ý. Do những thay đổi ấy, một số người đã nêu câu hỏi: có nên coi Trung hoa là mẫu mực đáng hướng tới cho các quốc gia đang bị khánh tận vì đã một thời theo đường lối Cộng sản như Việt Nam hay không? Vì khuôn khổ giới hạn, bài này chỉ xin trình bày một số thay đổi đang xảy ra tại Trung hoa trong lãnh vực chính trị.

## I. SỰ BẤT MÃN CỦA NÔNG DÂN ĐỐI VỚI CHẾ ĐỘ

Trên nền tảng chính trị, điểm đáng lưu ý đầu tiên là dân Trung hoa tại nông thôn hiện nay (80% dân số) không còn là sức mạnh của chế độ Cộng sản như trước nữa.

Trong thời gian kháng chiến chống Nhật và nhất là trong cuộc nội chiến với chính quyền Quốc dân đảng trước 1949, sức mạnh của đảng Cộng sản Trung hoa ở chỗ được sự ủng hộ của đại đa số nông dân. Chiến lược căn bản của Mao Trạch Đông (và những người Cộng sản Việt Nam học theo) là lấy nông thôn bao vây thành thị ( dĩ nông thôn bao vi thành thị ). Trong những năm cuối của cuộc nội chiến, một trong những lý do khiến quân đội Quốc dân đảng dễ tan vỡ là: tuy sĩ quan là thanh niên trí thức thành thị hay từ các gia đình khá giả ở nông thôn nhưng đã đô thị hóa, hầu hết binh sĩ bị trưng tập bằng cách cưỡng bách từ hàng ngũ nông dân. Vì tin rằng Cộng sản Trung hoa tranh đấu cho quyền lợi nông dân, tức quyền lợi của họ, khi Cộng quân kéo đến (đa số trong trang phục dân quê), nhiều binh sĩ Quốc dân đảng đã buông súng không chiến đấu hoặc bỏ hàng ngũ chạy sang phía Cộng sản. Kết quả là quân đội tan rã và chính quyền Quốc dân đảng phải chạy ra Đài loan. Sau một nửa thế kỷ, lịch sử đã đi đủ chu kỳ: đảng Cộng sản Trung hoa hiện nay không còn là một đảng tranh đấu cho quyền lợi nông dân và do đó, không còn được dân quê ở Trung hoa ủng hộ như thời trước nữa.

### A. Nguyên nhân thứ nhất: mức chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn

Nhìn từ bên ngoài, kinh tế Trung hoa đang phát triển rất mạnh. Tuy nhiên khi xét kỹ, ta sẽ thấy đó là một loại phát triển thiếu thăng bằng. Sự chênh lệch giữa giàu và nghèo (với phần thiệt về phía nông thôn) hiện đã rất trầm trọng và khoảng cách càng ngày càng gia tăng.

Vì Trung hoa là một lục địa mênh mông, giao thông tại các tỉnh ở sâu trong nội địa vừa xa vừa không thuận tiện nên đa số doanh nhân ngoại quốc, kể cả doanh nhân người Hoa từ Hong kong, Đài loan và Singapore, khi đem vốn tới mong kiếm lợi chỉ thích đầu tư ở các tỉnh ven biển. Mặt khác, để khuyến khích sự đầu tư của họ, trong thập niên 1980, nhà cầm quyền Hoa lục thiết lập một số đặc khu kinh tế với nhiều dễ dãi về thủ tục và ưu đãi về thuế má cho người bỏ vốn. Tất cả các đặc khu ấy đều ở miền duyên hải đông nam. Kết quả là:

- Hầu hết doanh nhân Hồng Kông đầu tư ở Quảng Đông
- Hầu hết doanh nhân ở Đài loan Phúc kiến, đầu tư ở phía bắc Quảng đông và phía nam Giang tô
- Hầu hết doanh nhân Nam Hàn đầu tư ở Sơn đông

Ngoài ra, doanh nhân Nhật đầu tư ở Liêu Ninh (Mãn Châu), nơi Nhật có ảnh hưởng trước Thế chiến thứ hai. Các doanh nhân còn đầu tư ở những đô thị lớn (Bắc Kinh, Thiên Tân, Thượng Hải ...) và các vùng phụ cận.

Nhờ những hoạt động kinh doanh ấy, mức sống tại các đô thị, nhất là đô thị ở các tỉnh ven biển, đã lên khá cao trong khi mức sống của nông dân ở các tỉnh nằm sâu trong nội địa vẫn còn rất thấp. Công bình mà nói, lợi tức không đều cũng là tình trạng chung của nhiều quốc gia nhưng ở Trung hoa, khoảng chênh lệch ấy có phần thái quá và vẫn đang tiếp tục tăng thêm.

Theo nhà nghiên cứu Hồ An Cương (Hu An-gang), tốt nghiệp cao học Đại học Yale, hiện là một chuyên viên nghiên cứu của Hàn lâm viện

Khoa học Trung Hoa ở Bắc Kinh, trong năm 1991 lợi tức trung bình ở Thượng Hải bằng 7.4 lợi tức trung bình ở Quý Châu. Một năm sau, lợi tức ấy bằng 8.4 lợi tức của Quý Châu. Năm 1990, lợi tức trung bình tại Thượng Hải và Quý Châu chênh nhau khoảng 900 Mỹ kim. Qua năm 1993, khoảng chênh ấy tăng gấp đôi lên tới 1,800 Mỹ kim. Năm 1994, khi lợi tức trung bình ở Thượng Hải là 2,352 Mỹ kim và ở Vô tích (Wuxi), một thị trấn miền hạ lưu sông Dương tử (tương đối gần biển) là 1,717 Mỹ kim, thì tại Chu gia khẩu (Zhujiagou), một làng quê trong khu vực Diên An thuộc Thiểm Tây, gần chỗ Mao lập căn cứ 50 năm trước, lợi tức trung bình chỉ được 90 Mỹ kim một năm, chưa bằng 1/26 lợi tức ở Thượng Hải và 1/19 lợi tức ở Vô Tích (1).

Ký giả John Gittings của báo *The Guardian* (London) thuật lại nỗi bàng hoàng của một thanh niên Bắc Kinh trước những cảnh nghèo khổ anh ta chứng kiến trong một chuyến đi thăm miền tây bắc Trung Hoa. Ngoại trừ một gia đình duy nhất, nông dân tại một làng anh đến thăm không hề được ăn một miếng thịt trong suốt năm vừa qua. Trong khi ấy, quỹ giúp người nghèo được dùng để xây một trụ sở đồ sộ cho chính quyền địa phương. Một viên chức trung ương về tham quan được khoản đãi bằng một bữa tiệc thịnh soạn 12 món với những loại rượu đắt tiền. Với phương tiện truyền thông hiện nay, dân Trung hoa ở nông thôn cũng biết họ bị bạc đãi và mức sống của dân thành thị cao hơn của họ rất nhiều. Thái độ bất mãn có thể thấy phần nào qua việc họ nhại lời bài Đông Phương Hồng (dùng để ca tụng Mao hồi trước) để đặt ra bài Tây Phương Hồng với những lời như sau:

*Tây phương hồng*
*Mặt trời đang lặn*
*Trung quốc có Tiểu Bình họ Đặng*
*Chuyên phục vụ bọn giàu sang, quyền thế*
*Toàn dân khốn cùng mặc kệ* (2).

**B. Nguyên nhân thứ hai: các mối bất mãn khác**

Khi Đặng Tiểu Bình mới thực hiện cải tổ kinh tế trong mấy năm đầu của thập niên 1980, nông dân vui và nhiệt liệt ủng hộ: họ được ra khỏi các nông xã tập thể và được tự ý canh tác theo khế ước ký với chính phủ. Sau khi đóng thuế và bán một phần hoa lợi cho chính phủ theo giá nhà nước ấn định, họ được quyền tùy nghi sử dụng chỗ hoa lợi còn lại, kể cả việc bán trên thị trường tự do với giá cao hơn.

Trong những năm gần đây, giá nông cụ, thuốc diệt sâu bọ và phân bón càng ngày càng cao vì phải mua trên thị trường tự do. Trong khi ấy, nông phẩm vẫn phải bán cho nhà nước theo giá ấn định sẵn. Không muốn hỗn loạn xảy ra tại các đô thị, nhà cầm quyền Hoa lục tìm đủ cách kiểm soát để các nhu yếu phẩm chính như lúa gạo không bị tăng giá. Tuy mục đích ấy chỉ thành công một phần, giá ngũ cốc trả cho nông dân khi thu mua không được tăng trong khi giá phân bón tăng quá gấp đôi (100-120%) trong 3 năm từ 1988 đến 1991.

Phần do việc trung ương thiếu ngân sách, phần do chính quyền và các cán bộ địa phương chỉ lo kinh doanh kiếm lợi, các chương trình thủy lợi công cộng bị xao lãng. Nông dân, nhất là ở Hoa bắc, phải tự xoay xở, tốn thêm nhiều tiền bạc và công sức mới đem được nước vào ruộng. Một hiện tượng đáng lưu ý đang xảy ra ở Trung hoa hiện nay là miền nam, lưu vực sông Dương tử, thường xuyên bị lụt trong khi miền bắc, lưu vực Hoàng hà, luôn luôn bị hạn hán. Mức sống của nông dân xuống thấp và đời sống của họ khó khăn thêm nhiều. Đã thế, tại nhiều nơi cán bộ còn đặt thêm nhiều loại thuế địa phương, nhiều khoản phụ thu bất thường bắt nông dân đóng góp. Trong số ra ngày 19 tháng 1-1994, *Bắc Kinh Thanh Niên báo* xuất bản ở Bắc Kinh thuật chuyện một nông dân tại Khương gia trang, thuộc Yên Đài, tỉnh Sơn Đông, không trả nổi quá nhiều loại thuế tích lũy. Sau nhiều lần bị cán bộ gọi lên cảnh cáo và dọa dẫm, anh phẫn uất, gài 7 kg. chất nổ vào mình rồi tới trụ sở ôm chặt một viên chức cao cấp địa phương vẫn từng dọa nạt anh trước khi rút ngòi nổ. Cả anh ta lẫn viên chức kia đều tan xác trong khi ba nhân viên an ninh bị thương nặng (3).

Tệ nhất là từ khoảng 1992-1993, khi thu mua nông phẩm, nhiều địa phương đã không trả tiền ngay. Ở nhiều nơi, nông dân chỉ được nhận những tờ giấy ghi số tiền sẽ được trả nhưng không minh định kỳ hạn. Theo *Far Eastern Economic Review*, cán bộ lãnh đạo tại nhiều địa phương dùng tiền đáng lẽ trả nông dân để mua chứng khoán hay đầu tư. Mùa xuân năm 1993, 15,000 nông dân nổi loạn ở huyện Nhân thọ (Renshou)ỳ, tỉnh Tứ xuyên, phá trụ sở, đánh cán bộ, đốt nhà viên phó bí thư đảng ủy cùng đốt xe cảnh sát tới can thiệp. Vụ Nhân thọ chỉ là phần nổi trên mặt nước của một tảng băng lớn. Theo thống kê chính thức của nhà nước Hoa lục, từ đầu năm 1993 tới giữa năm 1994 có 1,200 vụ động loạn được coi là lớn (trên 500 người tham dự với phạm vi từ một làng trở lên), 100 vụ được phân loại rất lớn (trên 1,000 người tham dự)ầ, và 30 vụ rất trầm trọng (với trên 5,000 người)ầ. Số người chết và bị thương trong các vụ động loạn này lên tới 13,200. Theo ký giả Frederick Crook của *China Business Review*, trong năm 1993 có tất cả 560 vụ tấn công vào các trụ sở đảng và chính quyền cấp huyện, 340 vụ phải huy động cảnh sát võ trang mới dẹp nổi. Tình trạng trầm trọng đến nỗi Đệ nhất Phó chủ tịch Quốc hội Điền Kỷ Vân (Tian Jiyun) đã phải lên tiếng cảnh

cáo: Nếu có vấn đề xảy ra ở nông thôn thì không ai trong chính thể này có thể ngồi lại được nữa (4).

Để xoa dịu phần nào mối bất mãn tại nông thôn, tháng 5-1993, Bộ Canh nông tuyên bố xếp 43 loại phụ thu các địa phương đang bắt nông dân phải gánh chịu vào loại bất hợp pháp. Quốc hội lên tiếng cảnh cáo, giới hạn các sắc thuế địa phương trong vòng 5% lợi tức của dân quê, và ra chỉ thị yêu cầu cán bộ cùng viên chức thanh toán những giấy nhận nợ nông dân đang giữ. Chưa có tài liệu đầy đủ cho biết những chỉ thị ấy được tôn trọng tới mức nào. Qua năm 1996, vì ngân sách thiếu hụt, nhiều địa phương lại dùng tiền đáng lẽ trả nông dân vào việc trả lương cán bộ cùng phụ cấp gia đình binh sĩ, và phát cho nông dân một số giấy nhận nợ khác. Theo *Far Eastern Economic Review,* chỉ riêng tại hai huyện Kim Trại (Jinzhai) và Hoắc Sơn (Huoshan) thuộc tỉnh An Huy trong mấy tháng đầu năm 1996, số giấy ghi nợ đã lên tới 37 triệu Renminbi (khoảng 4.5 triệu Mỹ kim). Cũng theo tuần báo uy tín này, biến động đã bùng nổ trở lại ở Triết Giang, Giang Tô và Tứ Xuyên. Chủ tịch Tối cao Pháp viện Nhậm Kiến Tân (Ren Jianxin) lại báo động: Tình trạng nông thôn càng ngày càng bất an (5).

Dưới mắt các nhà cầm quyền ở Bắc Kinh, nông dân hiện nay chưa phải mối lo chính của chế độ. Thôn quê ở xa và dân sống thưa thớt, không có khả năng gây nguy ngập cho chính thể một cách nhanh và mạnh như công nhân các thành phố. Họ tìm đủ cách giới hạn số thợ thất nghiệp cùng làm nhẹ ảnh hưởng chuyện tăng vật giá ở các đô thị lớn, nhiều khi trên những thiệt thòi của dân quê. Trong phạm vi ngắn hạn, chính sách ấy có thể biện minh được phần nào. Nhưng xét dài hạn, đó là một loại chơi đùa với lửa. Ôn lại lịch sử ta sẽ thấy: tất cả các đám loạn lớn ở Trung hoa từ xưa, từ loạn Trần Thắng khởi đầu cho việc hào kiệt khắp nơi nổi lên chống lại nhà Tần, loạn Khăn Vàng làm suy sụp nhà Hán, loạn Hoàng Sào đánh đổ nhà Đường, loạn Lý Tự Thành làm mất nhà Minh, tới loạn Thái bình thiên quốc xé nửa giang sơn nhà Thanh ..., đều bắt nguồn từ đám nông dân đói khổ và bất mãn.

## II. TINH THẦN ĐỊA PHƯƠNG PHÁT KHỞI MẠNH MẼ, KHẢ NĂNG KIỂM SOÁT CỦA TRUNG ƯƠNG YẾU DẦN.

Cho tới cuối đời Chu, Trung hoa vẫn còn theo chế độ phong kiến. Toàn cõi gồm phần đất của thiên tử và một số nước chư hầu. Từ khi nhà Chu phải dời sang miền đông để tránh rợ Khuyển nhung, thế lực suy yếu, không còn khả năng kiềm chế chư hầu như trước, các chư hầu liền tranh giành, thôn tính lẫn nhau. Cuối cùng, chư hầu mạnh nhất nuốt 6 nước còn lại cùng chiếm luôn phần đất của thiên tử: Trung hoa thống nhất dưới nhà Tần.

Rút kinh nghiệm từ giai đoạn phong kiến phân hóa, Tần Thủy hoàng thu đất nước vào một mối. Tất cả quan lại đều do trung ương bổ nhiệm. Các địa phương trực tiếp nhận lệnh từ trung ương. Nhà Hán, nhất là từ Cảnh đế và Vũ đế, tiếp tục chính sách trung ương tập quyền ấy. Từ đó, khi nào trung ương mạnh thì Trung hoa là một mối. Khi nào trung ương yếu, Trung hoa lại chia năm xẻ bảy. Nhà Hán suy có tình trạng Tam quốc. Nhà Tấn suy có tình trạng Nam Bắc triều. Nhà Đường đổ, Trung hoa chia làm 10 mảnh (Thập quốc và Ngũ đại). Đầu thế kỷ 20, sau khi Viên Thế Khải xưng đế thất bại, Trung hoa lại bị chia xẻ, nhiều tỉnh tuyên bố độc lập và mỗi sứ quân hùng cứ một phương, mãi tới năm 1928 Tưởng Giới Thạch mới thống nhất được đất nước một cách tương đối. *Tam quốc chí diễn nghĩa*, bộ tiểu thuyết lịch sử phổ thông nhất của dân tộc Trung hoa mở đầu bằng câu: Đại thế thiên hạ hợp lâu ắt phải tan, tan lâu ắt phải hợp. Trị và loạn theo nhau từng chu kỳ là một quan niệm phổ biến của người Trung hoa mỗi khi nghĩ tới lịch sử phong phú và sôi động của dân tộc họ.

Nghiền ngẫm kinh nghiệm trong *Sử ký* của Tư Mã Thiên và *Tư trị thông giám* của Tư Mã Quang để trị nước, Mao Trạch Đông muốn chính quyền trung ương mạnh một cách tuyệt đối và nghi kỵ những lãnh tụ địa phương tỏ ra quá độc lập đối với trung ương. Năm 1954, khi thấy thế lực của Cao Cương (Kao Kang theo lối phiên âm Wade-Giles, Gao Gang theo lối Pinyin) quá

mạnh ở Mãn châu, Mao đã xếp đặt cho Cao bị thanh trừng và chết một cách mờ ám ( tự tử, theo lối giải thích của đảng Cộng sản Trung hoa lúc đó). Sau vụ Cao Cương, không cán bộ giữ nhiệm vụ lãnh đạo nào được ở lâu tại một địa phương. Tránh tình trạng gây lực lượng, kết phe phái, cán bộ lãnh đạo luôn luôn bị thuyên chuyển và không được nắm nhiệm vụ điều khiển ở quê mình. Trong quân đội, đơn vị trưởng cũng như chính ủy không được phép ở lâu tại một đơn vị. Trong lãnh vực tài chánh, chỉ trừ vài sắc thuế địa phương, hầu hết tiền thuế đều đưa về trung ương. Theo nguyên tắc tổng thu, tổng chi, chỉ trừ trong các giai đoạn Bước Tiến Nhảy Vọt (1958-1959) và Đại Cách Mạng Văn Hóa (1966-1969), hầu hết mọi chi khoản đều do trung ương quyết định hoặc phê chuẩn. Về đường lối, chính sách, các địa phương phải triệt để tuân phục mọi chỉ thị do trung ương đề ra (6).

Từ khi nhận thấy kinh tế phải cải tổ, để nhẹ bớt gánh nặng cho trung ương cũng như để khích lệ sáng kiến, Bắc kinh chia một số quyền hạn cho các địa phương. Trong những quyền được chia có quyền (cùng trách nhiệm) tự quản trị ngân sách, quyền đầu tư, cộng tác trong việc đầu tư, và cứu xét, chấp thuận một số trường hợp đầu tư tại địa phương, kể cả những đầu tư của doanh nhân nước ngoài. Ít năm sau cuộc cải tổ, việc tản quyền cùng chia xẻ trách nhiệm ấy đã đưa tới một số hiện tượng như sau:

**A. Tinh thần địa phương phát khởi mạnh mẽ, nhiều khi đi ngược quyền lợi quốc gia**

*1) Mâu thuẫn giữa các địa phương với trung ương*

Giữa năm 1994, hai tạp chí uy tín và có thẩm quyền về vấn đề Trung hoa cùng ra số đặc biệt về những mâu thuẫn Bắc kinh đang có với các địa phương. Chủ đề của *China News Analysis* trong số ra ngày 15 tháng 4-1994 là: The price of economic reforms: central-local tensions. Chủ đề của *Far Eastern Economic Review* trong số ra ngày 9 tháng 6-1994 là: Beijing losing control: China in transition. Trong một bài diễn văn 10,000 chữ do Tân Hoa xã phổ biến ngày 8 tháng 10-1995, Tổng Thư ký đảng Cộng sản kiêm Chủ tịch nhà nước Giang Trạch Dân kịch liệt chỉ trích một số lãnh tụ địa phương đã không làm theo ý Bắc Kinh: Một số địa phương chỉ nghĩ đến quyền lợi mình, không theo những nguyên tắc và chính sách do trung ương đề ra, có nơi còn không tuân lệnh cùng không đếm xỉa đến những điều ngăn cấm. Giang than phiền: Lợi tức quốc gia vào tay tư nhân nhiều hơn, phần chính phủ thu được quá ít, sự chênh lệch giữa giàu nghèo gia tăng, và lớn tiếng cảnh cáo: Chúng ta không chấp nhận những loại quyền lợi đi ngược quyền lợi chung của cả nước (7).

Sau một giai đoạn kinh tế phát triển mạnh, có những lúc Bắc kinh không muốn tăng số lượng tiền tệ lưu thông để tránh những hậu quả không hay của lạm phát. Trong khi trung ương chủ trương nâng cao lãi xuất, thắt chặt tín dụng thì nhiều địa phương, với khả năng tài chánh mạnh mẽ và áp lực dân số gia tăng, vẫn muốn tín dụng được cung cấp dễ dàng để tiếp tục phát triển. Nhiều lãnh tụ địa phương còn có quyền lợi riêng trong các chương trình đầu tư khiến tình trạng phức tạp thêm. Bắc kinh và các địa phương còn mâu thuẫn trong chuyện thu thuế. Từ 1980 trở đi, trung ương và địa phương cùng chia lợi tức do các sắc thuế đem lại, các địa phương được toàn quyền quản trị cùng sử dụng phần thuế của mình. Thuế được chia khác nhau tùy theo nguồn và loại dịch vụ chịu thuế. Vì ở gần, ảnh hưởng trực tiếp tới các cá nhân và xí nghiệp đóng thuế, các địa phương, nhất là địa phương kinh tế phát triển mạnh, đã dàn xếp, xoay xở để phần thuế về tay họ càng ngày càng cao thêm trong khi phần của trung ương ít đi. Trong thập niên 1970, mỗi năm một số thuế khoảng trên 30% Tổng Sản Lượng Quốc Nội (Gross Domestic Product, GDP) được đưa về trung ương. Theo *Far Eastern Economic Review,* trong mấy năm gần đây, tỉ lệ đó trồi sụt trong khoảng từ 12 đến 19%. Thiếu ngân sách, Bắc kinh không thực hiện được nhiều công tác quan trọng. Nạn tham nhũng với những chuyện ẩn lậu và thất thoát công quỹ càng khiến tình trạng tệ hại hơn. Trong khi ấy, theo *China News Analysis*, trong bốn năm từ 1987 tới 1991, số phụ thu trong ngân quỹ các tỉnh tăng 60% từ 202.88 tỉ Rmb lên tới 324.33 tỉ Rmb (24 tỉ 385 triệu lên 38 tỉ 982 triệu Mỹ kim). Năm 1994, Bắc kinh đưa ra một chương trình cải tổ thuế với hi vọng phần thu về trung ương sẽ cao hơn. Theo nhiều nhà nghiên cứu, do sự hỗ trợ thiếu thực tâm của các địa phương, tình trạng chưa hề được cải thiện (8).

Vì phải trợ cấp cho những vùng kém phát triển và bù đắp cho các cơ sở quốc doanh thua lỗ, từ khoảng giữa thập niên 1980, năm nào Bắc kinh cũng phải kêu gọi các địa phương tương đối thịnh vượng tiếp tay. Sự hỗ trợ sốt sắng trong ít năm đầu. Nhưng khi các tỉnh nghèo tiếp tục cần hỗ trợ và các cơ sở quốc doanh thua lỗ mãi từ năm này qua năm khác, lòng sốt sắng ấy nguội

* Một người đến văn phòng trễ và gặp ông chủ chỗ hành lang.

"Anh đến chậm hai tiếng đồng hồ! Anh có lý do nào không?"

"Vâng có ạ. Vợ tôi sắp có em bé."

"A! Hoan nghênh... Bà đã bắt đầu sinh rồi?"

"Ồ, chưa ạ. Chín tháng nữa kia!"

dần. Theo Willy Wo-Lap Lam, chủ biên phần Hoa lục của *South China Morning News*, trong một hội nghị về kinh tế tại Bắc kinh tháng 5-1994, tỉnh Quảng đông từ khước góp thêm tiền giúp các tỉnh nội địa theo yêu sách của trung ương. Đại diện Quảng đông tuyên bố: ưu tiên chính của Quảng đông là phải giúp một số huyện nghèo ở phía bắc tỉnh, nơi dân chúng chưa đủ ăn, đủ mặc. Thượng hải và Giang tô cũng tìm cách thoái thác, hứa sẽ di chuyển một số xí nghiệp vào nội địa để giúp tạo công việc cho dân tại đó chứ không đưa thêm tiền mặt. Cũng theo Willy Wo-Lap Lam, những xí nghiệp dự tính di chuyển là những xí nghiệp không sinh lợi nếu cứ tiếp tục ở lại Giang tô hay Thượng hải. Tháng 7-1994, khi được Đệ Nhất Phó Thủ tướng Chu Dung Cơ yêu cầu giúp thêm từ 16 tới 18 tỉ Rmb (1 tỉ 923 triệu tới 2 tỉ 163 triệu Mỹ kim) vào ngân quỹ trung ương, đại diện Quảng đông đã trả lời: Quảng đông đã góp 5 tỉ năm 1992 và 14 tỉ năm 1993. Năm nay, do các trận lụt mới, Quảng đông cần tu sửa các đập nước và xa lộ bị hư hại. Do đó, chuyện góp thêm ngoài khả năng chúng tôi (9). Ở thời Mao, những sự kiện và thái độ như thế chưa xảy ra bao giờ, đồng thời cũng khó lòng quan niệm nổi.

*2) Mâu thuẫn giữa các địa phương*

Theo tạp chí *The Economist* trong số ra ngày 20 tháng 4-1996, một phát ngôn viên của chính phủ Hoa lục vừa cho biết: trong ít năm gần đây, trên 1,000 vụ tranh chấp ranh giới giữa các tỉnh hoặc khu tự trị của Trung hoa đã xảy ra, đưa tới một số xung đột có đổ máu. Ngày 9 tháng 4-1996, các báo loan tin đại diện hai khu vực Tân cương và Tây tạng cùng tới một tỉnh trung gian (Tứ xuyên) để ký một thỏa ước minh định biên giới. Để tránh những tranh giành tài nguyên thiên nhiên (lâm sản, khoáng sản, nguồn cung cấp thủy điện ...) tại những nơi ranh giới chưa định rõ, có thể trầm trọng thêm thành những xung đột đẫm máu giữa các tỉnh hoặc khu tự trị tiếp cận, Bắc kinh không biết làm gì hơn là khuyến khích các địa phương thương thảo và ký những thoả ước tương tự với nhau (10).

Các tỉnh, khu của Trung hoa có diện tích rất lớn, trong đó dân chúng nhiều khi nói những thổ âm (hoặc ngôn ngữ) khác nhau. Từ ngày tự quản trị tài nguyên, ngân sách và chạy theo kinh tế thị trường, nhiều tỉnh, khu bắt đầu nhận thấy quyền lợi quốc gia không nhất thiết lúc nào cũng phù hợp với quyền lợi riêng của mình. Khoảng cách quá đáng về kinh tế giữa tỉnh giàu với tỉnh nghèo càng làm các giao tiếp khó khăn hơn.

Cũng theo *The Economist*, nhiều tỉnh, và cả một số huyện, thiết lập những trạm kiểm soát để bảo vệ sản vật cùng hàng hóa do họ chế tạo trước sự cạnh tranh của sản phẩm từ các tỉnh kế cận. Theo đặc san *Kinh tế nghiên cứu* ấn hành tại Bắc kinh, tỉnh Cát lâm (Kirin theo lối phiên âm thông dụng tại địa phương, Jilin theo phiên âm Pinyin) không cho bán rượu bia do hai tỉnh láng giềng Hắc long giang và Liêu ninh sản xuất. Quý châu cấm nhập nội xe đạp, tủ lạnh và máy truyền hình do các tỉnh khác chế tạo (hàng nhập cảng từ ngoại quốc không bị cấm). Tứ Xuyên ấn định 19 loại hàng hóa chỉ được mua từ các hãng sản xuất trong tỉnh. Tân Cương cấm nhập nội 48 loại hàng hóa từ các tỉnh khác với lý do các hàng ấy làm hại nền kinh tế địa phương. Thượng Hải đặt một số tiêu chuẩn cho xe hơi muốn dùng làm taxi. Tuy không nêu đích danh, những tiêu chuẩn ấy phù hợp với loại xe Volkswagen lắp ráp tại Thượng Hải. *Nhân dân nhật báo* cũng cho biết: Nhiều địa phương đã thiết lập những thị trường đóng kín, đặt rào cản, giới hạn việc mua bán, dùng những phương pháp không bình thường hoặc đôi khi vô lý nữa để gây trở ngại cho các hoạt động thương mại thông thường. Tờ báo cũng cho biết mỗi khi vượt biên giới hàng tỉnh, xe chở hàng hóa thường bị chặn lại để thu thuế. Nhiều khi không phải nộp thuế nhưng cũng bị chặn để kiểm soát phẩm chất, và phải đóng những khoản lệ phí xuyên qua tỉnh rất cao. Phóng viên *The Economist* nêu nhận xét: nhiều dấu hiệu cho thấy Trung hoa đang tiến đến tình trạng không còn là một nước (11).

**B. Các sức kéo từ bên ngoài**

Sau 15 năm mở cửa, nhiều tỉnh, vùng của Trung hoa đã có những liên hệ mật thiết với nhiều thế lực kinh tế bên ngoài. Theo giáo sư David S. G. Goodman, Giám đốc Viện Nghiên cứu Quốc tế, Đại học Kỹ thuật Sydney, 70% sản phẩm kỹ nghệ của Phúc kiến được chế tạo với vốn do Đài loan đầu tư. Theo thống kê chính thức, số công ty Đài loan hoạt động tại Hoa lục trong năm 1995 là 1,555; nhưng theo ký giả Seth Faison của nhật báo *Wall Street Journal*, cho tới tháng 3-1996, trên 30,000 xí nghiệp kinh doanh tại Hoa lục hoạt động với vốn do Đài loan cung cấp. Năm triệu người làm việc trực tiếp và năm triệu người làm việc gián tiếp cho các xí nghiệp này. Nếu kể thêm thân quyến của họ, số dân Hoa lục sống nhờ các hoạt động kinh doanh của Đài loan ở mức 30 triệu. Với gần 30 tỉ Mỹ kim đầu tư (25 tỉ trực tiếp, khoảng 4 tỉ gián tiếp qua

* Các bức tường của cái *apartment* tôi đang ở rất mỏng. Có lần tôi hỏi vợ tôi một câu và nhận được bốn câu trả lời khác nhau.

* "Anh thích làm việc trong một cái tàu ngầm không?"

"Không. Đóng hết cửa sổ thì tôi không ngủ được."

ngả Hong kong) và trên 100,000 đại diện các công ty tới thường trú ở Hoa lục, Đàợi loan đã đóng góp rất nhiều vào sựỳ phồn thịnh của các tỉnh Quảng đông, Phúc kiến, Giang tô... Cũng theo ký giả Seth Faison, đầu năm 1996, giữa lúc các tướng lãnh Bắc kinh hăm dọa một cách ồn ào, nhiều viên chức cao cấp trong chính quyền địa phương đã cam kết với doanh nhân Đài loan: quyền lợi của họ sẽ được bảo vệ (12).

Đối với ba tỉnh Liêu Ninh, Sơn Đông, Thanh Hải và khu tự trị Tân Cương, Nhật là khách hàng quan trọng nhất vì từ năm 1990, Nhật đứng đầu danh sách mua hàng hóa do họ chế tạo. Theo nhà nghiên cứu Gerald Segal, chuyên viên Á châu của Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế tại London, 1/2 số vốn ngoại quốc đầu tư tại Liêu ninh và 2/3 số vốn đầu tư tại hải cảng Đại liên (Dalian) là của Nhật. Tuy giao thương với Nam Hàn mới khởi sự từ 1992 ở mức 5 tỉ Mỹ kim, việc trao đổi tập trung vào ba tỉnh Sơn đông, Liêu ninh và Cát lâm. Do đó, ảnh hưởng kinh tế của Nam Hàn đang khởi sắc tại ba tỉnh ấy. Việc buôn bán với Nga mới ở mức 7 tỉ 700 triệu Mỹ kim trong năm 1993 nhưng tập trung vào hai khu vực Nội Mông cổ và Hắc long giang. Sau Nhật, khách hàng quan trọng nhất của khu tự trị Tân cương là các quốc gia Trung Á, nhất là Kazakhstan. Cả hai phía biên giới đều có đông người Hồi cư ngụ. Quốc gia đem lại cho Vân nam nhiều nguồn lợi tài chánh là Diến điện (Myanmar) và Thái lan, kể cả nguồn lợi do việc buôn súng đạn và ma túy (13).

Theo những dữ kiện do Ngân hàng Thế giới (World Bank) thu thập, trong những năm gần đây, giao thương giữa các tỉnh của Trung hoa với thế giới bên ngoài càng ngày càng gia tăng trong khi việc mua bán giữa các tỉnh kém đi một cách đáng ngạc nhiên. So với Tổng Sản Lượng Quốc Nội (GDP), tỉ lệ mua bán giữa các tỉnh, vùng của Trung hoa với nhau chỉ được 22.1%, không những thấp hơn giao thương giữa các nước trong Cộng đồng Âu châu (28.3%) mà còn thấp hơn cả giao thương giữa các nước phát xuất từ liên bang Xô viết cũ (27.2%). Theo Ngân hàng Thế giới, các tỉnh [của Trung hoa] có khuynh hướng hành xử như những quốc gia độc lập, phát triển mạnh việc buôn bán với bên ngoài trong khi cắt giảm chuyện trao đổi kinh tế trong nội bộ Trung hoa (14).

Các mâu thuẫn vừa kể đang khiến tính cách thống nhất của Trung hoa rạn nứt. Trong một cuốn sách do chính Viện Nghiên cứu Chiến lược Quốc tế xuất bản và với danh nghĩa chuyên viên Á châu của Viện, nhà nghiên cứu Gerald Segal mạnh dạn viết: Trung hoa đang thay hình đổi dạng. Các nước trên thế giới cần nhìn vào thực tế ấy để điều chỉnh chính sách cho hợp với mục đích của mình. Ông đề nghị chính phủ các nước hãy bắt đầu đối xử với các tỉnh, các vùng của Trung hoa như những cấp chính quyền độc lập hơn, vì hành động như thế chỉ là công nhận một thực tế mới. Ông cũng nhắc một điểm tế nhị: nếu công khai thành lập hay phát biểu ý kiến về những sách lược giao tiếp với một Trung hoa không thống nhất sẽ bị giới lãnh đạo Bắc kinh suy diễn là âm mưu chia rẽ Trung hoa. Theo ông, nhiều vấn đề trong lãnh vực đối ngoại chỉ nên thảo luận với chính quyền trung ương ở Bắc kinh, chẳng hạn thương thuyết giảm võ trang, hay lá phiếu của Trung hoa tại Hội đồngBảo an Liên Hiệp quốc (15).

*(Còn tiếp)*

## Chú thích

1. Rone Tempest, The Income Gap : Tale of Two Chinas, Los Angeles Times, 18 July 1995.
2. John Gittings, A Great Leap Backward, The Guardian (London), 3 June 1995. Frederick Crook, Rural Rumblings, China Business Review, Nov.-Dec. 1994, trang 22.
3. Bắc Kinh Thanh Niên Báo (Bắc kinh), 19 tháng 1-1994. Foreign Broadcast Information Service (FBIS), 31 Jan. 1994.
4. FBIS, 4 Apr. 1993, 29 Apr. 1993 & 1 June 1993. Inside China Mainland, 15:1 (Jan. 1993) & 16:10 (Oct. 1994) Frederick Crook, đã dẫn.
5. Far Eastern Economic Review (FEER), 14 March 1996, trang 28.
6. Jae Ho Chung, Beijing Confronting the Provinces, China Information, IX: 2 & 3 (Winter 1994-95), trang 1-8.
7. China President Tells Leaders of Provinces to Obey Beijing, Los Angeles Times, 9 Oct. 1995
8. The Price of Economic Reforms : Central-Local Tensions, China News Analysis 1508 (15 April 1994), trang 1-5. Lincoln Kaye, The Grip Slips, FEER, 11 May 1995, trang 18-19. Jae Ho Chung, đã dẫn. Willy Wo-Lap Lam, China After Deng Xiaoping (New York : J. Wiley, 1995), trang 415.
9. Willy Wo-Lap Lam, đã dẫn, trang 411-418.
10. China's Feuding Regions, The Economist (20 April 1996), trang 27-28.
11. China's Feuding Regions, đã dẫn. Kinh Tế Nghiên Cứu (Bắc kinh), số 3 (1990), trang 12, trích dẫn trong David S.G. Goodman, The Politics of Regionalism, China Deconstruct : Politics, Trade and Regionalism (New York : Routledge, 1994), trang 7.
12. David S.G. Goodman, đã dẫn, trang 4-7. Seth Faison, Executives from Taiwan Worry, But Stay in China, The Wall Street Journal, 20 March 1996. Ron Tempest, No Profit Seen from a Taiwan War, The Wall Street Journal, 13 March 1996.
13. Gerald Segan, China Changes Shapes : Regionalism and Foreign Policy (London : International Institute of Strategic Studies, 1994), trang 42-53.
14. Gerald Segan, đã dẫn, trang 15-17.
15. Gerald Segan, đã dẫn, trang 57-62.

# TỪ SƯƠNG MÙ ĐẾN MỐI TÌNH MỊ CHÂU

TRẦN CÔNG SUNG

Đầu năm 1970, đại sứ Albanie tại Pháp có dịp gặp đại sứ Guatamala, ông Miguel Asturias, trong một buổi tối tiếp tân ở Paris.

Asturias lôi ông đồng nghiệp ra một góc, hỏi chuyện về Albanie. Đại sứ Albanie là chính khách nhà nghề, đinh ninh thế nào câu chuyện cũng xung quanh những đề tài quen thuộc, như hiện trạng chính trị, kinh tế, ngoại giao ở Albanie, lúc bấy giờ là một trong những nước Cộng sản độc đoán nhất thế giới. Nhưng ông ta ngạc nhiên, thấy Asturias không đả động gì đến những chuyện ấy.

"Albanie," Asturias nói, "tôi có nghe nói đến xứ ông. Tôi tò mò muốn biết ở đó có nhiều sương mù không?"

Trước câu hỏi bất ngờ, kỳ cục như vậy, ông đại sứ Albania ngẩn người ra, đáp liều:

"Dạ, có chứ. Ở Albanie có nhiều sương mù."

Trước vẻ ngạc nhiên của ông đồng nghiệp, Asturias giải thích:

"Tôi hỏi như vậy không phải là vô cớ đâu. Nếu có sương mù, chắc là có thần thoại." (*S'il y a de brouillard, c'est qu'il y avoir aussi des légendes*).

Ismail Kadaré thuật lại câu chuyện trên trong một cuốn sách nói về thần thoại, mới xuất bản ở Paris, "La Légende des Légendes" (1). Nhân câu nói của Asturias, Kadaré viết một sách cả ngàn trang, nói về vai trò của sương mù trong truyện thần thoại các nước trên thế giới.

Kadaré nói ông nhiều lần tìm gặp Asturias, để tiếp tục câu chuyện về sương mù, nhưng không có cơ hội; và ông ta cứ tiếc hùi hụi. Độc giả cũng tiếc. Kadaré là nhà văn số một của Albanie, một trong những ngòi bút độc đáo nhất bên kia bức màn sắt. Cái biệt tài của ông ta là vừa viết vừa lách. Kadaré sống ở Albanie, xứ Cộng Sản Sta-lin-nít độc đoán đệ nhất; nhà văn, nhà báo nào không phải là gia nô, chỉ có cách đổi nghề, hay đi tù. Kadaré sống phây phây, viết phây phây. Tác phẩm của ông lại là những bản cáo trạng lên án chế độ, mỉa mai, châm biếm một cách sâu xa, thấm thía; mà nhà nước không làm gì được. Một phần vì uy tín ông ở ngoài nước rất lớn, một phần vì ông vừa viết vừa lách, cái ông muốn nói phải đọc giữa hai dòng chữ. Cái thâm của các cụ đồ ta ngày xưa.

Asturias và Kadaré gặp nhau, nói chuyện sương mù, thần thoại, chắc là thú vị. Cũng thú vị như hai cái ông nghiện trà tầu, ngồi đối ẩm, cười ha hả với nhau mà bàn về nghệ thuật uống trà trong "Vang Bóng Một Thời" của Nguyễn Tuân.

## Cái ngớ ngẩn của nhà văn

Là một nhà văn, Asturias biết rằng muốn hiểu một dân tộc, không có gì hơn là tìm hiểu văn hóa của họ. Những chế độ, dù độc đoán đến đâu rồi cũng sụp đổ, thể chế nào cũng biến đổi, chuyện chính trị, kinh tế chỉ là chuyện nhất thời.

Cái còn lại, mãi mãi, là văn hóa, là tâm hồn của một dân tộc. Và cái tâm hồn ấy, chắc chắn không thể tìm thấy ở những luận điệu tuyên truyền, nhai đi nhai lại, ở những con số thống kê, bịa đặt ra để hù bà con.

Cái tâm hồn ấy thể hiện trong văn chương, trong thi ca, trong thần thoại. Asturias hỏi "xứ ông có sương mù không," thay vì hỏi "xứ ông có bao nhiêu xe tăng, bao nhiêu sư đoàn, sản xuất bao nhiêu tấn thép, liên hệ với Trung Cộng và Nga Sô ra sao."

Đó là cái nhìn của nhà văn Asturias, không phải cái nhìn của ông Đại sứ Guatemala. Nhưng những người làm văn hóa, hay có kiến thức văn hóa, dù có làm chính trị, họ vẫn cứ có cái nhìn méo mó như vậy. Malraux nói hội kiến với Chu Ân Lai, với Nehru nó khác hẳn nói chuyện với những nhà chính khách nhà nghề, chỉ biết có chính trị.

Câu hỏi của Asturias có vẻ ngớ ngẩn. Nhưng cái ngớ ngẩn của nhà văn nó sâu xa hơn cái chín chắn của chính khách. Cái viển vông của nhà văn nó thực hơn cái thực tế của nhà ngoại giao. Cái lẩm cẩm của người viết văn, nó nghiêm túc hơn cái nghiêm trọng của người làm chính trị.

## Nước ta có sương mù không?

Ở Việt Nam ta có sương mù không? Nếu một ông Tây, bà Mỹ nào đặt câu hỏi đó, chắc nhiều người bối rối, vì không để ý đến chuyện ấy.

Điều chắc chắn là Việt Nam là xứ của thần thoại. Mỗi chuyện thần thoại nói lên một khía

cạnh, một ước mơ, một hoài bão của người dân. Về nguồn gốc của dân tộc mình, người Việt Nam đã cắt nghĩa một cách rất thơ mộng: cha là gốc Rồng, mẹ là gốc Tiên, 50 con theo cha lên núi, 50 con theo mẹ xuống biển để lập ra nước Việt.

Trong đầu óc đầy thi vị của người Việt Nam, một xứ mà người làm thơ nhiều hơn người biết chữ, vịnh Hạ Long là nơi rồng xuống, hòn núi trên bờ sông là thiếu phụ đứng chờ chồng chinh chiến miền xa. Truyện Thánh Gióng cưỡi ngựa sắt dẹp giặc rồi biến mất nêu cao cái tinh thần chống ngoại xâm của mọi tầng lớp dân gian, già trẻ, trai gái. Truyện Sơn Tinh Thủy Tinh nói lên cuộc vật lộn không ngừng chống thiên tai, bão lụt của dân quê Việt Nam. Nước dâng đến đâu, đắp đê tới đó. Truyện Trầu Cau đề cao cái tình nghĩa vợ chồng, anh em trong một xã hội mà gia đình là nền tảng.

## Từ chinh chiến đến tình yêu

Việt Nam là một xứ có nền văn học dân gian hết sức phong phú, phong phú hơn cả văn học trí thức. Điều đó cũng dễ hiểu: nó là tác phẩm, không phải của một người, mà của cả một dân tộc, từ thế hệ này qua thế hệ khác. Người dân Việt Nam gởi tâm tình, ghi lại kinh nghiệm sống và triết lý nhân sinh của mình qua những câu ca dao, tục ngữ và những chuyện thần thoại.

Nếu ca dao là hình thức văn chương độc đáo ít thấy ở những dân tộc khác, truyện thần thoại là hình thức diễn tả tìm thấy ở tất cả các nước. Cái độc đáo của thần thoại Việt Nam là tính chất thơ mộng, lãng mạn; cái lãng mạn lạ kỳ của những người dân quê lam lũ cùng cực nhưng vẫn không quên hò hát, của một dân tộc suốt đời chinh chiến nhưng trong văn chương truyền khẩu vẫn đầy dẫy tình yêu.

Nếu chữ Nôm là một hình thức bày tỏ tinh thần độc lập của giới trí thức, khoa bảng trước ảnh hưởng của văn hóa Tàu; chuyện cổ tích, thần thoại, từ trước đó rất lâu, đã chứng tỏ cái đặc thù của dân tộc.

Yves Lacoste, trong bài tựa cuốn "Anthologie de la Littérature Populaire du Vietnam" (2), lấy làm ngạc nhiên trước cái đặc thù ấy.

Lacoste viết văn minh Ấn Độ và Trung Hoa ảnh hưởng sâu đậm tại các nước Đông Nam Á, thí dụ ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ tại Cao Miên. Trái lại, không những ảnh hưởng Ấn Độ không mấy quan trọng tại Việt Nam, mà ngay cả văn minh Trung Quốc cũng không lớn như người ta tưởng, nếu ta nhớ rằng nước Trung Hoa khổng lồ đã cai trị cái xứ Việt Nam nhỏ bé gần chín thế kỷ, từ thế kỷ thứ nhất đến thế kỷ thứ mười và nhiều lần tìm cách đặt ách thống trị, thí dụ vào thế kỷ 15. Nếu trong văn chương bác học, khuôn mẫu Trung Hoa và Khổng Học đóng vai trò quan trọng rất lâu, văn chương bình dân trái lại luôn luôn diễn tả tính cách đặc thù của văn hóa Việt. Lacoste nói trong văn chương bình dân Việt Nam, trong những chuyện thần thoại Việt Nam, có những đề tài mà người ta vẫn coi là nguồn gốc Trung Hoa và Ấn Độ, sự thực chỉ là những đề tài có tính cách quốc tế có thể tìm thấy trong tất cả những chuyện thần thoại từ Âu Châu đến Phi Châu và Mỹ Châu. Chẳng hạn, qua công trình nghiên cứu của Aarne và Thomson, người ta thấy đề tài người hùng giết rồng (Héros Sauroctone), người ta tìm thấy trong hầu hết những truyện truyền kỳ của các dân tộc. Ở Việt Nam, đề tài ấy tìm thấy trong Thạch Sanh, Lý Thông.

Là một nhà địa chất học, Lacoste nói ít thấy ở các nước khác một truyện nói lên cái thực tế địa dư của một nước như Sơn Tinh Thủy Tinh. Đó là cuộc tranh đấu không ngừng của nước với núi, tại một xứ một nửa nước là núi non và rừng, một nửa là sông hồ biển cả, với những thiên tai lụt lội triền miên. Ông viết người Việt Nam đưa thực tế địa dư của nước mình vào văn chương truyền khẩu, vì họ là một dân tộc gắn liền với thiên nhiên. Trong ngôn ngữ Việt Nam, chữ "đất nước" là để chỉ "tổ quốc." Sơn Tinh, Thủy Tinh cũng nói lên cuộc tranh đấu không ngừng giữa người Kinh, ở đồng bằng, với các dân tộc thiểu số, ở trên núi.

## Mối tình Mị Châu

Một trong những chuyện thần thoại mà tôi cho là độc đáo nhất ở Việt Nam là Mị Châu-Trọng Thủy. An Dương Vương xây thành Cổ Loa để để phòng ngoại xâm. Xây mãi không xong, vì bị ma quỷ phá (3). Thần Kim Quy hiện lên, giúp vua xây thành; trước khi biến mất, trao cho vua một móng rùa, dùng làm lẫy nỏ. Nỏ thần bắn một mũi tên, giết ngàn quân địch. Triệu Đà muốn xâm chiếm Âu Lạc, mang quân sang lần nào cũng đại bại, cuối cùng bày kế xin gởi người con trai là Trọng Thủy (TT) sang cầu hòa. TT có dịp gặp Mị Châu (MC), con gái An Dương Vương, sắc nước hương trời. Trai tài, gái sắc yêu nhau vua thuận cho hai người thành hôn. TT lợi dụng tình yêu của vợ, dụ nàng cho xem nỏ thần, rồi xin phép An Dương Vương về thăm cha. Triệu Đà theo hình vẽ của TT, sai làm một cái

* Tình yêu lấy mất mọi sự khôn ngoan nơi những người đã có nó, và đem đến cho những kẻ không có.
*—Diderot*

* Tình cũ và củi cũ thường dễ bốc lửa bất cứ lúc nào.
*—Danh ngôn Pháp*

lẫy nỏ, giống như lẫy nỏ thần. TT trở về nhà vợ, tìm cách đánh tráo, lấy trộm chiếc nỏ thần mang về cho cha. Trước khi đi, chàng nói với vợ không hiểu tương lai sẽ sao vì thời buổi giặc giã, bất trắc. Mị Châu nói nàng có chiếc áo lông ngỗng, nếu loạn lạc phải "di tản," nàng sẽ rắc lông ngỗng trên đường chạy loạn để có dấu tìm nhau.

Có nỏ thần, Triệu Đà kéo quân đánh Âu Lạc. An Dương Vương thua, kéo tàn quân, leo lên ngựa... di tản chiến thuật. Chạy đến đâu, giặc theo đến đó. Vua tuyệt vọng, vái xin thần Kim Quy giúp. Thần hiện ra, nói: "Giặc ở sau lưng vua." An Dương Vương quay lại, thấy lông ngỗng đầy đường, hiểu chuyện, rút gươm chém đứa con gái quí. Trọng Thủy đến nơi, chôn cất cho vợ rồi nhảy xuống giếng tự tử. Chàng đã đền nợ nước, bây giờ đền nợ tình.

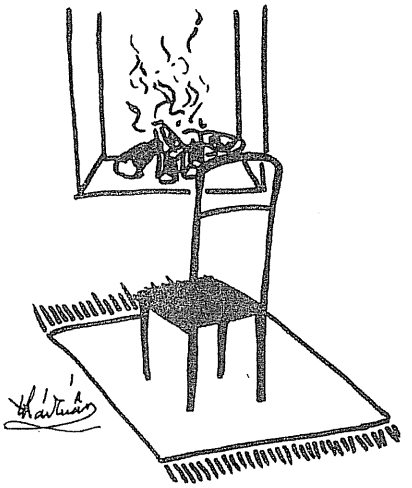

Đọc Mị Châu - Trọng Thủy người ta không khỏi nghẹn ngào. Ít có truyện nào đầy những tình tiết bi đát một cách lãng mạn, lãng mạn một cách bi thảm như vậy. Bi đát và hùng tráng hơn là cả Corneille và Shakespeare cộng lại. Ít có tác phẩm nào đi vào tâm hồn con người một cách sâu xa như thế. Người ta không khỏi ngạc nhiên thấy An Dương Vương chịu gả con cho giặc. Ngày xưa đem đàn bà, con gái cống hiến, làm lễ bang giao để cầu hòa là chuyện thường, từ Đông sang Tây. Lịch sử thế giới nhan nhản những chuyện ấy.

Nhưng An Dương Vương không ở thế yếu. Với nỏ thần, Vương đánh trăm trận trăm thắng, mỗi lần Triệu Đà mang quân sang lại phải ôm hận quay về. Thái độ của An Dương Vương chứng tỏ một quan niệm rất cởi mở, một thái độ rất độ lượng, ngay cả với kẻ thù. Ngày xưa, mỗi lần giết tướng giặc đến xâm lăng, người Việt Nam đều lập đền thờ các người đã tuẫn tiết. Bao nhiêu thù oán dẹp cả, họ cầu cho cái linh hồn người chết được siêu thăng.

Chiến đấu để bảo vệ bờ cõi, nhưng không thù hận, trọng cái can đảm của kẻ thù và tôn kính linh hồn của người chết, ít có dân tộc nào có được trình độ văn minh như thế, một thái độ sống vừa khiêm tốn, vừa quảng đại như vậy.

Chưa có dân tộc nào chiến đấu oai hùng như người Việt mà họ có bản anh hùng ca nào đâu. Văn chương Việt Nam không hề có sự bi thảm, tuyệt vọng; bởi vì dân tộc họ không thể bi thảm đến mức tuyệt vọng.

Như vậy, thái độ của An Dương Vương là thái độ rất quảng đại. Nó tiêu biểu cho cái quảng đại của người Việt Nam đối với người ngoại chủng. Ngày nay, tại hầu hết các nước, với sự khó khăn về kinh tế, tinh thần kỳ thị chủng tộc càng ngày càng mạnh. Phải nhìn nhận người Việt Nam không có sự kỳ thị đó với những người ngoại quốc sống trên đất nước mình. Sau hàng trăm năm chiến tranh Việt Pháp tàn khốc, khi chiến tranh chấm dứt, người Việt Nam đã đối xử với người Pháp một cách hết sức nồng hậu, khác hẳn dân Algérie đối với người Pháp. Những du khách Mỹ ngày nay thăm viếng Việt Nam, cả ngoài Bắc, nhìn nhận không có sự thù oán. Sau hàng ngàn năm đô hộ của Trung Quốc, người Tàu ở Việt Nam vẫn tự do, tự do đến độ nắm chủ quyền kinh tế, thao túng thị trường, hoành hành như chỗ không người trong cái cơ cực của dân địa phương mà ít gặp sự kỳ thị như người Mỹ kỳ thị người Mễ, người Pháp kỳ thị người Ả Rập, người Đức kỳ thị người Thổ Nhĩ Kỳ, người Nhật đối với người Cao Ly hay người Cao Miên đối với người Việt Nam. Nếu thỉnh thoảng có biện pháp mạnh đối với người Hoa, đó chỉ là biện pháp nhất thời của một chính phủ, không phải do áp lực của dân chúng. (Ở đây mở một dấu ngoặc: tại sao một dân tộc quảng đại với người ngoài như vậy, lại xâu xé nhau một cách tàn nhẫn như vậy? Nhưng đó là một vấn đề khác, có dịp sẽ xin bàn tới).

## Tấm lòng Mị Châu

Tâm lý của các nhân vật trong truyện Mị Châu - Trọng Thủy rất sâu sắc, rất người. Mị Châu tiêu biểu cho bất cứ người đàn bà nào, ở bất cứ thời nào.

Đối với người đàn bà, yêu là yêu trọn vẹn. Mị Châu chỉ biết có tình yêu. Nàng đem cả bí mật quốc gia cho người yêu, không hề đắn đo, nghi ngờ, phân vân, cân nhắc thua thiệt. Tình yêu của nàng nó mông mênh bát ngát. Những chiếc lông ngỗng trắng bay sau lưng ngựa tượng trưng cho cái lòng trinh bạch của một mối tình không có gì làm vẩn đục.

Trọng Thủy là hình ảnh của người đàn ông muôn thuở, yêu thì có yêu, nhưng vẫn nghĩ đến chuyện khác, đến công danh, đến sự nghiệp, đến nghĩa vụ. Với Trọng Thủy: nghĩa vụ trước tình yêu sau. Dù tình yêu của chàng nó khốc liệt không kém gì tình yêu của Mị Châu: bằng cớ là chàng đã tự tử.

An Dương Vương là hình ảnh của một đấng trượng phu, coi nợ nước nặng hơn tình riêng. Yêu con đến mấy nhưng vẫn ứa lệ, rút kiếm ra chém. Chém con để chạy trốn. Chạy trốn không phải để cứu thân, mà để có dịp phục quốc. Bạn hãy tìm trong khắp Corneille, Racine, Shakespeare, có cái hình nào nó hùng tráng, nó bi đát hơn cái cảnh một người cha giữa trận mạc, rút gươm chém con gái yêu để chạy giặc.

Và cái cảnh một người con gái ngồi sau lưng cha, rắc từng chiếc lông ngỗng trắng, giữa cái hỗn loạn của chiến trường, giữa tiếng reo hò của địch đuổi sau lưng, bạn làm ơn chỉ cho tôi, trong văn chương thế giới, có cái tác phẩm nào viết về tình yêu nó lãng mạn, nó thơ mộng, nó bi thảm hơn?

Từ nhỏ, đọc Mị Châu-Trọng Thủy, tôi vẫn lặng người, trước cái cảnh một người đàn bà tuyệt sắc, ngồi trên lưng ngựa, rắc lông ngỗng đánh dấu đường cho người yêu. Với một nhà đạo diễn có tài, như Kurozawa chẳng hạn, hình ảnh ấy đem lên mà bạc, chắc chắn sẽ là hình ảnh đẹp nhất nói về tình yêu. Tôi vẫn ngạc nhiên tại sao chưa có ai nghĩ đến việc quay một cuốn phim về mối tình Mị Châu-Trọng Thủy. *

Trong truyện cổ tích Tây phương, cũng có chuyện một chú bé bị cha mẹ bỏ rơi trong rừng, đã nghĩ ra cách rải những hòn sỏi sau lưng để đánh dấu đường về. Điều này xác nhận nhiều chi tiết trong truyện cổ tích có tính cách đại đồng, nước nào cũng có. Nhưng viên sỏi nói lên cái óc thiết thực của người Tây phương, lông ngỗng trắng của người Á Đông, nó thi vị hơn biết bao nhiêu. Nó giống như cái cảnh ông Mỹ tu một chai Coca, bên cạnh cái cảnh các cụ ta ngồi trang trọng thưởng hoa, nhấm nháp chén trà tàu vào một ngày tàn thu.

Trong các cuộc cách mạng có hai hạng người. Hạng làm cách mạng và hạng hưởng cách mạng.

*— Napoléon*

Chân lý của thần thánh tùy thuộc vẻ đẹp của đền thờ mà người ta dựng lên cho họ.

*— E. Renan*

Đúng là con người sinh ra trong bình đẳng, nhưng lại không biết sống trong bình đẳng.

*— Montesquieu*

Một người lạc quan là người nhìn đôi mắt bạn, còn người bi quan là người nhìn đôi chân bạn.

*— Chersterton*

## Tán gái...

Cái trữ tình đầy thi vị ấy, trong một cuộc sống khó khăn cùng cực, người ta tìm thấy trong ca dao Việt Nam, và sau này, trong nhạc Phạm Duy chẳng hạn, là một thứ nhạc rất gần với ca dao.

Cái trữ tình đầy thi vị ấy, người ta tìm thấy trong những tác phẩm cổ điển, và gần đây hơn, trong những tác giả gần gũi và hiểu rõ người dân quê Việt Nam ba miền như Tô Hoài, Bùi Hiển, Trần Tiêu, Võ Phiến, Sơn Nam...

Nếu phải nêu một thí dụ, hãy đọc cái cảnh trai gái ở làng Nghĩa Đô hẹn hò nhau trong "Quê Người" của Tô Hoài:

*"Móc túi, Hời lấy hai bông ngọc lan. Hai bông hoa trắng muốt, thon và nhỏ như ngón tay út của người con gái có bàn tay búp măng. Chàng nghiêng mình, giơ tay ném cả hai bông hoa cho lọt vào trong cửa sổ. Rồi Hời đứng yên, đợi.*

*"Muốn gặp, hai người vẫn báo tin cho nhau bằng cách ấy. Chàng ném ngọc lan vào cửa sổ nhà người yêu. Bao giờ Hời cũng ném hai đóa. Ý để cho khỏi sái. Những đóa ngọc lan ném vào, dù Ngây trông hay không trông thấy, dù chúng rơi xuống* lỗ đạp *hay rơi trên mặt cửi, chỉ một chốc đã gây lên một mùi thơm là lạ. Hương lan thoang thoảng khiến cho Ngây biết rằng có chàng Hời đã đứng đợi mình ngoài cửa sổ. Nàng bèn ngừng đưa thoi, lấy tay cắm một mũi* văng, *kêu đập một cái và khe khẽ hát lên một câu. Thế là, cách bức vách dày, Hời biết được người yêu đã nhận được tin của mình rồi. Hời chỉ việc đi xuôi xuống bờ ao. Để một lát sau, Ngây cũng khêu nhỏ ngọn đèn, đi men xuống đấy."*

Tán gái như vậy, có phải nó thần tình, nó văn minh, nó lãng mạn hơn là lái xe đưa cô nàng vào *drive-in*, mua cho nàng một bịch *pop-corn*, rồi "bề" nàng trên ghế xe?

*

Bạn tôi,

Có dịp về thăm nhà, ngoài chuyện đổi dollars giá chợ đen, ngoài chuyện buôn lậu vặt vãnh, ngoài chuyện đi uống bia ôm, đi kiếm vợ, một buổi chiều nào đó, ngồi ở bờ biển Nha Trang hay trên núi rừng Ban Mê Thuột, bạn hãy để ý xem xứ ta có ít hay rất nhiều sương mù?

*Paris 1 tháng Bảy 1996*

## Chú thích

(1)La Légende des Légendes. Ismail Kadaré. Nxb Flammarion. Paris 1996.

(2) Anthologie de la Littérature Populaire du Vietnam. Hữu Ngọc và Francoise Corrèze. Nxb L'Harmattan, Paris 1982.

(3) Theo Lĩnh Nam Chích Quái.

* Tác giả chưa biết cuốn phim "Hùng Vương" sản xuất ở California.

# BAO GIỜ HOA KỲ CÓ NỮ TỔNG THỐNG?

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong hai thập niên vừa qua, phụ nữ Hoa Kỳ đã tiến những bước dài trong chính giới. Con số nữ thị trưởng tăng gấp 10 lần, lên tới 175 bà, trong số 973 thị trưởng cai quản các thành phố có trên 30 ngàn dân cư. Trong ngành lập pháp tại khắp các tiểu bang, số phụ nữ tăng gấp bốn lần, lên tới 1,517 trong tổng số 7,424 vị. Trên quốc hội, số phụ nữ cũng gia tăng gấp đôi với con số 54 bà (47 dân biểu, 5 nghị sĩ). Năm 1992 được mệnh danh là năm của phụ nữ, Year Of The Woman. (Nghe tương tự con giáp, year of the mouse, năm Tý, nhưng đây không phải là một con giáp mới đâu, đừng lạng quạng hiểu lầm mà mang họa. Đang ở xứ Hoa Kỳ, âm thịnh dương suy, chớ nên dại mồm dại miệng các bà xé xác).

Thừa thắng xông lên, lại được tổng thống Clinton o bế, vì lỡ hứa hẹn để kiếm phiếu khi tranh cử (năm 1992), nội các của ông, nhan nhản các khuôn mặt phụ nữ. Nào tổng trưởng tư pháp, Bao Công mặt sắt Reno, nào tổng trưởng y tế Elders, phát ngôn viên tòa Bạch Cung Dye Dye Myers... (đã bị thay thế ít lâu sau). Gần đây nhất bà Christine Todd Whitman được bầu là thống đốc tiểu bang New Jersey. Ngoài ra trong các công tư sở, thương trường, giáo dục, đại học, phụ nữ càng ngày càng chiếm các chức vụ lãnh đạo quan trọng. Đó là chưa đề cập đến vị đệ nhất phu nhân, Hillary Rodham Clinton, quyền hành lệch đất nghiêng trời.

Trước trào lưu mãnh liệt của giới phụ nữ, người ta không khỏi tự hỏi: bao giờ thì dân chúng Mỹ bầu lên một vị nữ lưu nắm giữ chức vụ với uy quyền tuyệt đối: Chức vụ tổng thống Hoa Kỳ?

Nếu quý vị chưa quên thì năm 1984, bà Geraldine Ferraro đã tiến tới rất gần ngôi vị tổng thống, đó là bà đã ứng cử chức vụ phó tổng thống. Nhưng sau khi bà thất cử, từ đó đến nay, chưa có một phụ nữ nào nghĩ đến mộng tranh cử chức vụ số một cả. Xã hội Mỹ nổi tiếng thế giới về sự chiều chuộng và đề cao phái nữ, bắt nguồn từ truyền thống thời lập quốc. Thủa đó, để chống chọi với cái hoang vu của núi rừng, với điều kiện khí hậu khắc nghiệt cộng với đất đai chưa được thuần hóa, công việc khổ cực, nhọc nhằn của việc khai hoang, đoàn người phiêu lưu chinh phục miền đất mới Mỹ Châu, gồm phần lớn là thanh niên trai tráng khỏe mạnh, những tay lang bạt, tứ chiếng giang hồ, sẵn sàng gối đất, nằm sương, băng rừng vượt suối; người phụ nữ chân yếu tay mềm không có chỗ đứng ở đây. Trai thừa gái thiếu, thành thử thời đó phụ nữ quý như vàng ròng. Từ đó đến nay, phụ nữ được đề cao hết sức.

Trên đời này có nhiều thứ, tưởng vậy mà không phải vậy. Tại các công ty lớn, nói chung là tại các vị trí quyền lực quan trọng, người ta vẫn nghe nữ giới than phiền là bị kỳ thị, bị ngăn chận bởi một cái trần nhà vô hình (the glass ceiling) không cho ngoi lên cao. Cũng như dư luận Mỹ vẫn chưa sẵn sàng để chấp nhận một nguyên thủ quốc gia là phụ nữ.

Trớ trêu thay, một số lớn các quốc gia trên thế giới đã được đặt dưới sự lãnh đạo của phụ nữ, trong chức vị Tổng thống hay thủ tướng. Âu châu: Anh, Pháp, Ireland, Portugal, Iceland. Á châu: Phillipine, Ấn Độ. Châu Mỹ La Tinh: Argentina, Bolivia, Nicaragua. Đông Âu: Ba Lan. Trung Đông: Do Thái, Thổ Nhĩ Kỳ. Còn thêm các nước khác như: Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, Haiti, Dutch Antilles, Dominia. Đặc biệt tại Bangladesh, một quốc gia mà dân số theo đạo Muslim (Hồi giáo) đến 85%, một tôn giáo mà giá trị người đàn bà không được đề cao cho lắm, đã bầu bà Zia làm tổng thống năm 1991. Bà Zia cho hay: Thật sự, tín đồ Hồi giáo không bảo thủ hay cuồng tín như người Tây phương thường hiểu lầm. Chúng tôi trọng giá trị thực sự của cá nhân, không vì người nó là nam hay nữ. Người tranh cử cùng bà trong kỳ bầu cử này cũng là một vị phụ nữ.

Tại Thổ Nhĩ Kỳ (Turkey) bà Tansu Ciller, một phụ nữ được đào tạo tại Hoa Kỳ về ngành kinh tế, còn chơi bạo hơn nữa. Bà buộc chồng bà phải đổi sang họ bà, khi hai người thành hôn. Tháng Sáu năm 1993, bà đắc cử là người lãnh đạo của đảng cầm quyền. Kiến thức và học vị ngành kinh tế đã là động cơ đưa bà lên địa vị thủ tướng lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ, vì nền kinh tế nước này đang ở trong tình trạng lạm phát phi mã, và đang trên đường tư hữu hóa. Không hề mặc cảm về nữ tính của mình, bà tuyên bố với toàn dân: Tôi sẽ chăm sóc mọi người như một bà mẹ vậy. Năm nay đảng bà đã thất cử nhưng bà vẫn ở trong chính phủ. Tại một nước Hồi giáo khác, bà Bhutto là thủ tướng Pakistan.

Trở lại nước Mỹ, khuynh hướng chán ngấy những chính khách tại chức và muốn chính trị có một luồng sinh khí mới, đã khiến giới phụ nữ có

lợi trong hoạt động tranh cử vào những chức vụ trong chính giới. Ngoài ra một hàng rào quan trọng đã ngăn cản phụ nữ làm tổng thống Mỹ, đó là sự tin tưởng đàn bà thiếu cương quyết và không có kinh nghiệm trong quân ngũ để có thể kiêm chức vụ tổng tư lệnh quân đội, cũng đã yếu dần.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, thế giới tự do đối đầu với thế giới cộng sản, cường quốc Hoa Kỳ cần những tổng thống có kinh nghiệm quân ngũ, nhưng nay tình hình đã thay đổi, với sự sụp đổ của Nga Sô, kinh nghiệm quân ngũ không phải là điều kiện cần để đắc cử tổng thống nữa. Bằng chứng là Clinton đã được chọn làm tổng thống dù ông này đã tìm cách tránh khỏi đi quân dịch.

Tuy vậy, cựu thủ tướng của nước Anh, *Thiết bà bà* Thatcher (trận Faulklands), bà Golda Meir (trận chiến 1973 Yom Kippur) của Do Thái, bà Indira Ghandi, Ấn Độ (trận chiến 1971 thắng Pakistan), đã chứng tỏ cho thế giới thấy phụ nữ cũng có khả năng đưa đất nước vào vòng chiến và thắng lợi vẻ vang. (Ai cũng tin tưởng đàn ông cứng rắn, thế mà trong những năm qua, người ta chứng kiến Tổng thống Clinton rất mau nước mắt trong những trường hợp đau buồn của bàn dân thiên hạ).

Trong bất cứ ngành chuyên môn nào, giờ đây người ta cũng thấy bóng dáng người phụ nữ. Kể cả những nhiệm vụ nguy hiểm trong đời sống quân ngũ, như bộ binh tác chiến, phi công phản lực chiến đấu v.v... Với sự tham gia rộng rãi trong khắp các lãnh vực chính trị, quân sự, chuyên môn, thương mại, lại được dư luận quần chúng ủng hộ, người ta tưởng chừng phụ nữ đang gặt những thành công vượt bực, và ngày vào tòa nhà trắng cũng không xa.

Thế thì căn cứ vào đâu, để nói là phụ nữ khó có cơ hội trở thành vị nguyên thủ quốc gia? Dưới mắt các chuyên viên nhận định và phân tích thì trở lực chính là hệ thống quốc hội và chế độ bầu cử ở Hoa Kỳ.

Tại Thượng nghị viện Hoa Kỳ, phụ nữ còn quá kém thâm niên và khó lọt vào quỹ đạo quyền lực do phái đàn ông nắm giữ. Điển hình nữ dân biểu Patricia Shroeder thuộc đảng Dân Chủ với 21 năm thâm niên mà còn đứng sau 34 nam dân biểu thâm niên hơn. Tại Thượng viện cũng như Hạ viện chưa có phụ nữ nào nắm chức Trưởng ban. Hiện nay, nữ thượng nghị sĩ có uy tín nhất là bà Barbara Mikulski, cũng chỉ ở địa vị phụ tá (assistant floor leader). Trong số 50 thống đốc, chỉ có bốn là phụ nữ. Hội *Phụ nữ trong chính giới* cũng nhận thấy điểm này, và đã nêu cao khẩu hiệu năm 1994 là năm của nữ thống đốc, year of the woman governor.

Dù vậy, trong cuộc bầu cử năm nay, 1996, không ai đề cập tới một ứng cử viên phái nữ.

Chính trị luôn tiềm ẩn những xấu xa quỷ quyệt. Khi một cá nhân ứng cử một địa vị dân cử, tức khắc người này chịu sự moi móc, nhiều khi bôi bẩn của dư luận và ngành truyền thông. Biết bao ứng cử viên tổng thống đã tiêu ma sự nghiệp chính trị vì bị bới móc những tỳ vết trong đời tư về tình ái cũng như tiền bạc thuộc quá khứ. Bà Geraldine Ferraro từng đã khóc ròng, vì đời sống cá nhân, đời tư của chồng con bị phanh phui trên báo chí hàng ngày. Trong một phút mệt mỏi, tuyệt vọng trên đường tranh cử bà than: nếu biết búa rìu dư luận cay nghiệt, bẩn thỉu như vậy, bà đã không ứng cử. Do đó làm chính trị là phải lì lợm, mặt trơ trán bóng, dẫm lên dư luận mà đi. Đó chính là lý do khiến nhiều người không muốn dây dưa vào chính giới, kể cả nam lẫn nữ.

Tuy thế, *Hội phụ nữ trong chính giới,* vẫn mộng ước có một phụ nữ làm tổng thống Hoa Kỳ. Vài năm trước đây, bà Kathleen Brown, con của cựu thống đốc Brown và là chị một thống đốc khác, được coi là nhân vật sáng giá nhất. Người ta tiên đoán nếu kỳ tranh chức thống đốc vừa qua bà chiếm được chiếc ghế thống đốc tiểu bang California, một tiểu bang lớn nhất nước Mỹ về dân số cũng như tầm quan trọng trong ảnh hưởng chính trị, thay thế thống đốc đương nhiệm Pete Wilson, thì bà có hy vọng được đảng Dân Chủ chỉ định là ứng viên tổng thống năm 2000. Tiếc thay bà thất bại, thành thử tương lai của một tổng thống phụ nữ lại càng xa tầm tay với. Ngoài ra còn có thượng nghị sĩ Dianne Feinstein (cựu thị trưởng San Francisco), cũng thuộc Dân Chủ. Tuy nhiên giới thành thạo cho hay, với truyền thống bảo thủ của nam giới, một nữ ứng cử viên Cộng hòa có nhiều cơ may đắc cử hơn là một nữ ứng cử viên Dân chủ.

Xem thế đủ biết, viễn tượng quyền bính của phái nữ vẫn còn xa vời.

*(Dữ kiện về thành quả của nữ giới đề cập đến trong bài, căn cứ trên tài liệu của hai ký giả John Hardwood và Geraldine Brook trong Wall Street Journal)* ■

* Cũng có một số các bà không nói dối về tuổi của mình. Chỉ có điều họ không chịu nói ra là bao nhiêu thôi.

* Hai người đàn ông đi bách bộ trong phòng đợi của nhà hộ sinh. Người thứ nhất nói:

"Xui quá! Thế là đi đoong những ngày nghỉ của tôi!"

Người kia trả lời:

"Với tôi thì tệ hơn! Đúng boong vào chuyến du lịch tân hôn mới đau chớ!"

# KHI CÁC BÀ MẸ ĐI LÀM

CHÂN VĂN

Khi các bà mẹ đi làm thì các con bị ảnh hưởng ra sao? Câu hỏi đó đã được một số nhà nghiên cứu về quản lý cũng như về tâm lý giáo dục đặt ra để tìm hiểu.

Một tổ chức ở Los Angeles, Trung Tâm Nghiên Cứu Hoàn Thiện Dưỡng Nhi - CICC (Center for the Improvement of Child Caring) đã tổ chức các khóa hội thảo cho các người điều khiển công ty, về tầm quan trọng của nghệ thuật nuôi và dậy trẻ. Tổ chức này khuyến khích các công ty giúp nhân viên có con nhỏ học cách nuôi con, vì, sau cùng chính công ty sẽ hưởng lợi. Các lớp học làm cha mẹ được nhiều công ty bảo trợ, cho nhân viên của họ, và cho cả "bà con lối xóm" trong vùng mà công ty đặt cơ sở.

Tại sao giúp huấn luyện nhân viên nuôi con lại giúp cho lợi nhuận của xí nghiệp? Chắc hẳn khi các công ty lớn ở Mỹ mở khóa huấn luyện dưỡng nhi, họ có tính toán chi phí và năng suất của nhân viên.

Một công ty ở Chicago, Waste Management Inc. đã khám phá ra rằng sau khi mở các lớp dưỡng nhi cho nhân viên, thì nhân viên làm được nhiều việc hơn trước, vì không mất quá nhiều thời giờ nhỏ to bàn tán với nhau về các thắc mắc, khó khăn trong chuyện nuôi con nữa. Họ có thể bàn chuyện đó trong lớp học.

Ngoài ra, khi nhân viên tham dự các khóa dưỡng nhi đó, họ sẽ ít dùng đến ngân sách y tế của công ty, mỗi năm tiết kiệm được 1,500 mỹ kim về phí tổn y tế!

Nhưng tất cả câu chuyện trên là nói về quyền lợi của các xí nghiệp. Còn phụ huynh và các con của họ thì sao? Một số giáo sư ở Đại Học Wharton, Pennsylvania, và Drexel University sắp xuất bản một phúc trình cuộc khảo cứu về liên hệ giữa việc làm của cha mẹ và tính tình con trẻ.

Từ lâu, người ta đã nghiên cứu và thấy rằng sự phát triển của trẻ em không bị ảnh hưởng rõ rệt bởi việc các bà mẹ đi làm. Nghĩa là bà mẹ đi làm không khiến cho đứa trẻ chậm phát triển. Nhưng các nghiên cứu gần đây đã tìm ra một điều mới mẻ. Việc bà mẹ đi làm không ảnh hưởng đến trẻ, nhưng "cách bà mẹ làm việc như thế nào lại rất có ảnh hưởng."

Cuộc nghiên cứu của ba giáo sư ở đại học Wharton cho biết "các bà mẹ càng có nhiều quyền tự quyết định trong công việc thì các đứa con, từ 4 đến 17 tuổi trong cuộc khảo sát này, càng ít vấn đề trong tác phong. Để đo lường tác phong, các nhà nghiên cứu dùng 28 chỉ số để thẩm lượng về các tính tình bất thường của con trẻ, như tính nhút nhát, cô lập không muốn chơi với bạn, hay hung hăng, bạo động đối với người chung quanh.

Số lượng thời gian mà bà mẹ phải làm việc, té ra không ảnh hưởng đến tính tình con trẻ, các nhà nghiên cứu đã thấy như thế. Vậy cái gì có ảnh hưởng? Đó là "sức ép," sự căng thẳng trong công việc. Nếu sau khi từ sở về nhà, bà mẹ có thể thảnh thơi không nghĩ đến công việc nữa, có thể dành hết thì giờ cho gia đình, thì con trẻ sẽ hạnh phúc hơn, tính tình sẽ bình thường hơn. Nuôi con đòi hỏi tấm lòng, sự quan tâm của mẹ. Nếu mối quan tâm đó bị chi phối, chia sẻ bởi mối quan tâm khác, thì kết quả việc giáo dục sẽ bị thương tổn.

Câu chuyện về một bà mẹ ở New Jersey đáng gọi là tiêu biểu. Bà đang đi làm thì quyết định nghỉ việc, để tổ chức một công ty làm việc ngay ở nhà về quản lý nhà cửa. Bà phải cưỡng lại các đề nghị thăng thưởng và tăng lương của chủ cũ. Làm việc cho chính mình, bà vẫn làm nhiều giờ và khó nhọc, cần cù chăm chỉ như cũ. Nhưng sau một thời gian, bà thấy một ảnh hưởng không ngờ trên tác phong của đứa con gái năm tuổi.

Ngày xưa, mỗi buổi sáng đưa đứa bé đến trường là cả một nỗi khổ. Con bé đến lớp với bộ mặt thảm thương. Cô giáo kể rằng em bé này cứ ngồi thu vào một chỗ, cả mấy giờ không chơi với bạn.

Bây giờ tự nhiên con gái bà thay đổi. Nó đi

học vui vẻ, đến lớp là chạy lại chơi với bạn bè ngay, tham dự vào lớp học như các trẻ bình thường.

Cái gì tạo nên sự thay đổi đó? Bà mẹ này không thấy có yếu tố nào khác hơn, là chính bà mẹ đã thay đổi trong cách bà nghĩ và đối phó với công việc. Bà cảm thấy thoải mái hơn, yêu công việc của bà hơn. Không phải số lượng công việc hay số giờ bà mẹ phải làm việc gây ảnh hưởng, mà chính tính chất của công việc ảnh hưởng đến con nhỏ. Trước đây bà chịu áp lực nhiều hơn, bà mang áp lực đó về nhà sau giờ đi làm. Bây giờ bà có nhiều thời giờ quan sát và chú ý đến con hơn. Các cuộc nghiên cứu khoa học chỉ xác nhận cảm tưởng của bà mẹ này.

Một giáo sư khác ở đại học California ở Irvine tìm thấy rằng các bà mẹ mà công việc làm có nhiều thử thách, không buồn chán, thì về nhà đối với con cái cũng mang thái độ đầm ấm, dịu dàng hơn. Họ cũng có ý thức trách nhiệm cao hơn về việc dậy con hơn. Hai giáo sư khác ở đại học Ohio State còn tìm thấy rằng các bà mẹ đi làm mà công việc càng có nhiều thay đổi, không buồn chán, và mang nhiều trách nhiệm, thì cuộc sống gia đình của họ càng tốt đẹp hơn. Một hậu quả là các con nhỏ của họ tính khí bình thường hơn, giỏi hơn trong môn toán, trong khả năng đọc và nói. Trong cuộc nghiên cứu này, các tác giả đã chọn để so sánh các bà mẹ cùng trình độ học vấn và trí thông minh.

Trên đây là những cuộc nghiên cứu theo phương pháp khoa học. Những điều tìm ra giúp cho các bà mẹ tin tưởng hơn vào điều mà chúng ta có thể cảm thấy bằng trực giác. Đó là kết quả việc nuôi con và dậy con từ khi còn nhỏ tùy thuộc rất nhiều vào trạng thái tâm lý biểu hiện qua thái độ của chúng ta. Thái độ âu yếm, cởi mở bao giờ cũng tốt cho trẻ con hơn là không khí căng thẳng, hay tâm trạng mệt mỏi, chán nản.

Không phải chỉ các bà mẹ đi làm mới chịu ảnh hưởng của công việc. Các bà mẹ ở nhà cũng vậy. Nhiều người làm công việc ở nhà, trong đó có việc săn sóc chồng con, nhưng cũng sinh ra những hậu quả không khác các bà mẹ đi làm. Họ cũng để cho mình chịu các áp lực căng thẳng vì cứ muốn mọi chuyện phải hoàn hảo. Họ cũng tự nuôi cảm giác công việc mình làm là tẻ nhạt, buồn chán vì chồng con không biết đến. Hậu quả sẽ không khác gì khi họ đi làm vất vả ở sở.

Và các ông chồng của họ thường không thông cảm điều đó. Các ông có khi cũng xử sự như các ông chủ ở trong sở, làm cho bà nội trợ cảm thấy công việc và đời sống của họ trong gia đình căng thẳng và buồn chán hơn!■


**MỜI ĐỌC**

**THƠ, V.V...và V.V...**

**Nguyễn Hưng Quốc**

"Bình luận về thơ ở ngoài nước hiện giờ chúng ta có một tài viết thông minh và xuất sắc: đó là Nguyễn Hưng Quốc". (Mai Thảo)

"Nguyễn Hưng Quốc là người có khiếu thẩm thức đặc biệt về thơ. Ông đọc nhiều, và đọc thơ ai, ông cũng nắm bắt được cái thần của thơ từng người. Ông cảm thơ với một tâm hồn thơ, nhạy bén nhận ra đâu là thơ, đâu không là thơ. Sau đó, bằng một kiến thức quảng bác, Nguyễn Hưng Quốc tìm hiểu, giải thích đến ngọn ngành 'cái cảm được' của mình. Vẫn bằng một giọng rất đỗi thơ". (Nguyễn Mộng Giác)

"Người xứ An Nam ta chưa có nhà lý luận văn học nào mà viết đẹp như Nguyễn Hưng Quốc". (Võ Phiến)

"[Với Nguyễn Hưng Quốc - qua loạt bài chung quanh 'Thơ Con Cóc' in trong tập *Thơ, v.v... và v.v...* này] có thể nói lần đầu tiên trong lịch sử văn học Việt Nam có một lý thuyết mới về thơ mang tính sáng tạo, chứ không chỉ là việc lập lại ý kiến của người trước". (*Hợp Lưu*)

Sách dày 294 trang.
Giá bán 14 MK, ngoài nước Mỹ 16 MK.

**Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ**
**P.O. Box 2301**
**Westminster CA 92683**
**Tel. (714) 527-5761**

# LÊ CÔNG MIẾU BI

TRẦN VINH

## Lai lịch

Khách vãng cảnh Lăng Ông Bà Chiểu thường chú ý đến một ngôi điện nhỏ, vuông cạnh 3m80, không có cửa, nằm trước ngôi mộ ngài Lê Văn Duyệt và phu nhân, tiền diện đề bốn đại tự Lê Công Bi Đình (1). Gọi như thế là vì trong ngôi điện này có đặt một tấm bia mang tên Lê Công Miếu Bi.

Lê Công Miếu Bi là tấm bia dựng tại miếu thờ Lê Công do quan phụ chánh đại thần Hoàng Cao Khải cảm đề nhân dịp ông vào Gia Định để tiễn chân ông Toàn quyền Đông Dương De Lanessan về Pháp, năm 1894.

Tuy tấm bia dựng kế cận ngôi mộ ngài Lê Văn Duyệt nhưng nó không giống một ngôi mộ bia bình thường.

Mộ bia thường gồm ba hàng chữ: hàng chữ ở giữa bia, viết từ trên xuống dưới, nét chữ lớn, đề tên tự, hiệu, thụy của người quá cố; hàng chữ bên phải cũng viết từ trên xuống dưới, bằng chữ nhỏ, cao hơn hoặc bằng hàng chữ ở giữa, đề ngày tháng ra đời; và hàng chữ bên trái, viết từ trên xuống dưới, bằng chữ nhỏ, thấp hơn hai hàng chữ trước, đề tên người lập bia. Cũng có khi hàng chữ bên phải đề ngày sinh, hàng chữ bên trái đề ngày chết giống như cách viết bài vị. Ngày tháng trên bia là ngày lập bia, không nhất nhiết phải trùng với ngày lập mộ.

Theo sách Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Tổng trấn Lê Văn Duyệt chết bệnh già tại Gia Định ngày 30 tháng Bảy năm Nhâm Thìn (tức là ngày 25/8/1832) niên hiệu Minh Mạng 13, thọ 69 tuổi. (2)

Và theo sách Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu thì sau khi Lê Công qua đời, vua Minh Mạng tặng ngài tước Tá vạn Công thần đặc tấn Tráng võ Tướng quân Tả quân Đô thống phủ Chưởng Phủ sự Thái bảo Quận công, thụy là Oai Nghị, lại ban tứ tế một đàn, ngày an táng lại ban tế nữa (3). Lê Công được chôn cất tại Bình Hòa xã, nơi mà ngày nay gọi là Lăng Ông Bà Chiểu. Chắc hẳn mộ phần Lê Công cũng có mộ bia như thường lệ.

Chỉ một năm sau khi Lê Công qua đời, đã xảy ra cuộc khởi loạn của Lê Văn Khôi vốn là hàng binh được Lê Công thu phục và nhận làm con nuôi khi ngài đi kinh lược Thanh, Nghệ. Cuộc khởi loạn kéo dài ba năm, từ 1833 tới 1835 mới bị dẹp tan. Vua Minh Mạng truyền phá hủy thành Phiên An và xuống chiếu ra lệnh truy tội Lê Công. Mặc dù Lê Công đã qua đời, đình thần vẫn nghị một bản án rất nặng nề: một tội đáng phát quân, hai tội đáng xử giảo, bảy tội đáng xử trảm, một tội đáng lăng trì vì đã dung dưỡng Lê Văn Khôi và lính hồi lương khiến đã xảy ra cuộc khởi loạn. Bản án còn truy đoạt cáo sắc và bỏ quan quách hành tội xương thây, truy đoạt các tước phong tặng cho tằng, tổ, tổ phụ, mồ mả ông bà, cha mẹ, nếu có tiếm dụng trái phép thì hủy đi; con, cháu, vợ cả, vợ lẻ đều phân biệt nghị tội; tịch biên tài sản.

Án đệ lên, vua phê: "Những tội nguyên nghị trãm quyết đổi làm giam hậu; con cháu từ 15 tuổi trở xuống tạm hãy nghiêm cấm; trẻ thơ ấu chưa biết gì thì tha không bắt; ba họ phải phát nô cũng đều tha, nguyên nghị lục thì cũng thôi." Riêng về Lê Công, vua phê: "Song nghĩ hắn đã chết lâu và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mả không bõ gia hình. Vậy cho Tổng trấn Gia Định đến chỗ mả hắn, san bằng đất và khắc đá dựng bia, ở trên viết to những chữ "Chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp" (quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp xứ) (4).

Vậy trong thời kỳ thọ pháp, mộ bia chính là trụ đá hài tội.

Tới năm Tự Đức thứ hai (1849), vua mới sai quan địa phương bỏ trụ đá hài tội trên mộ phần Lê Công và cho phép con cháu sửa sang mộ phần. Không có tài liệu nào cho biết hậu duệ Lê Công có dựng mộ bia nhân dịp này hay không.

Năm Tự Đức thứ 21 (1868) vua truy phục chức tước cho Lê Công. Có thể lần này, con cháu Lê Công đã dựng lại mộ bia nơi phần mộ ngài.

Như đã dẫn, năm 1894 quan phụ chánh đại thần Hoàng Cao Khải đến viếng nơi đây và cho dựng miếu bia (Lê Công Miếu Bi). Thực ra khi đọc chính văn miếu bia của Hoàng Cao Khải ta thấy chẳng những đã ghi đầy đủ chi tiết cần có của một mộ bia mà còn ghi thêm nhiều ý kiến và cảm tình khác nữa của tác giả. Bài văn bia này không khác gì một tấm bia ghi công nghiệp các danh nhân dựng tại đền đài kỷ niệm ngày nay.

Xét về phương diện bảo tồn cổ tích, Lê Công Miếu Bi do Hoàng Cao Khải dựng tại Lăng Ông Bà Chiểu là một trong những cổ tích hiếm hoi

của đất Gia Định.

**Hình dáng và nội dung**

Hình dáng miếu bia: phần chính của miếu bia là một tấm đá màu đen, bề ngang 0m70, chiều cao 1m60, đỉnh bia vun tròn. Đế bia có bốn chân, bề ngang 0m88, chiều cao 0m40.

Quan sát mặt trước miếu bia thấy trên cùng được trang trí bằng hình lưỡng long triều nguyệt, chạm sâu vào đá, chung quanh có vẩn mây, chính giữa chạm nổi bốn đại tự *Lê Công Miếu Bi*. Ở phần đế của bia có chạm hai bông sen. Văn bia viết bằng chữ nho, khắc sâu trên mặt đá. Mặt phía sau của bia là hình con lân chạm sâu, chung quanh có mây.

Nội dung miếu bia: Hoàng Cao Khải thuật lại nguyên do lập bia, kể sơ lược tiểu sử ngài Lê Văn Duyệt, công nghiệp hiển hách khi còn sống, sự linh hiển lúc đã qua đời và lòng sùng bái của dân chúng. Xen kẽ trong bài văn có những đoạn ca ngợi người Pháp một cách lộ liễu. Cũng chính vì vậy, sau 1954 lúc mà phong trào "Đả thực" đang lên cao, đã có sự đe dọa phá hủy tấm bia này, Ban Quản Trị Hội Thượng Công Quý Tế phải cố gắng và hết sức khéo léo mới bảo toàn được tấm bia cho tới nay.

**Phần phiên âm**

Lê Công Miếu Bi

Sự hữu bất tương quan nhi tình vi chi chú viên giả, ý hảo chi tự nhiên giả, cảnh hữu bất cập tri nhi tuần vi chi cách viên giả. Chánh khí chi hạo nhiên giã, dư ư Tả Quân Lê Công, sự hữu cảm viên, tế Giáp Ngọ chi Xuân, Quí Đại Pháp Quốc, Tổng Thống Dông Dương Toàn Quyền Đại Thần, Đa la đại hiến phụng mạng hồi quốc, dư tống chi hành, tiết chú Gia Định vi.

Bản triều long hưng chi địa, tự thuộc. Quý Đại Pháp Quốc quản hạt, tam thập hữu du niên hĩ, châu xa sở chí, phong hội nhứt tân, nhai đồ quảng tịnh, truyền tứ nhựt lệ, dục tầm cựu tính, kỷ ư bất khả biện thức, nhi công chi miếu mạo huy nhiên, độc tồn đống võ sum nghiêm, hương tỏa bí uất, kỳ mộ tất thiết tứ châu, hành giả tị lộ, chất chi cư dân viết.

Quí Đại Pháp niệm công, Công nhi biểu chi giả, y vị tai Công chi quân danh bưu bỉnh, sự trạng hiển hích, giai tại lục châu, khai thác chi thủy, ngật kim tế nguyệt dĩ liêu, giang hà hữu vị, nhi phong thinh du tại, trở đậu bất khiêu du thử kiến. Quí đại quốc nhơn hậu chi ý, cố du kỳ hữu công giả, tuy cách thế dị sự, du tưởng mộ nhi sùng trọng chi giã, công nhi tự Văn Duyệt, kỳ tiên Quảng Nghĩa nhơn, tỉ Định Tường, niên thập thất, khái nhiên hữu kỳ cổ trước bạch chí, tùng ngã, Thế tổ Cao Hoàng Đế ư Gia Định chiến công thậm vĩ đại, định hậu ưng mao thổ tiết việt xử trí Xiêm Lạp, Kinh lược Thanh Nghệ, hưởng bình ác man, nhứt trụ tăng cừ, sở chí vô bất nhiếp phục, nhi tiền hậu phàm tái trấn Gia Định, thủy chung kỷ nhị thập niên, kỳ vi ái dưu thâm vĩ cửu, công ký mộc tinh anh chi sở bàn kiết, giang sơn giữ vị a hộ, mỗi thiên âm dạ tịnh, kỳ mộ thượng, hoặc văn nhơn mã thinh, nhơn giai kính nhi viếng chi, dị kỳ tự viết Công chi miếu, dị kỳ mộ nhứt Công chi lăng, tương dữ thi chúc nhi hưởng tự chi phất thế, cổ kim lai anh hùng hào kiệt, sanh dương lôi võ thảo muội chi tế, phấn kỳ trí dõng, lập đắc công nghiệp, tồn tắc vinh kỳ thân, một tắc thọ kỳ danh, tức thời sự biến thiên chi hậu, nhi lưu phong dư liệt, thượng hữu hích hích nhiên tại thử nhơn giã, cố như thử phù, dư cữu văn anh phong túc sở, khâm ngưỡng, kim nhựt thân đổ kỳ trạng, nhơn vĩ tri. Quí bảo hộ chi ư bổn quốc, bể tục biến tính nghĩa hữu phu, tương lai thăng bình đại cuộc, hữu khả xác nhiên cứu vi thiệt tích giã, thử tắc dư chi sở thâm hỉ giã nãi thỉnh ư.

Quí Toàn Quyền Đại Thần Sa đại hiến vĩ bia nhi chí chi. Đại thần hân nhiên tùng chi viên lặt chư thạch, dĩ thị bất sang, Công phu nhơn Đỗ Thị hậu Công nhi một, kiêm hiệp tự viên, Phan Công Lương Khê kinh lực Nam kỳ nhơn tư kỳ công, diệc dĩ phối hưởng du miếu dân.

Hoàng Triều Thành Thái lục niên thất ngoạt sơ nhứt nhựt.

Phụ chánh Đại Thần Thái Tử Thiếu Bảo Võ hiển điện Đại học sĩ Khâm Sai Bắc Kỳ Kinh lược Đại Sứ Diên mậu tử Thái Xuyên Hoàng Cao Khải cung đề.

**Phần dịch nghĩa**

BIA DỰNG TẠI MIẾU THỜ ĐỨC LÊ THƯỢNG CÔNG (5)

Việc đời man mác, nếu việc nào chẳng can thiệp gì đến ta thì cũng không nên nghĩ đến làm chi, song le, trong việc đó có một cảm tình làm cho ta phải chú ý đến đặng mà bày tỏ được tấm lòng tốt tự nhiên của ta, hay là một kiểng miễu nào xa xôi đối với ta không cần thiết đến làm chi, song trong đó, tựa hồ có một mãnh lực thiêng liêng gì khiến cho ta phải biết đến một vị thần mà tính linh Ngài phảng phất nơi không trung, cùng với chính khí trời đất cùng bao la, cùng tồn tại, thì ta nên ghi nhớ mà cảm cách cùng Ngài.

Ngay như việc ta (lời ông Hoàng Cao Khải) đối với Ngài Tả Quân Lê Công đây, là một sự có cảm tình sẽ thuật ra như sau này:

Mùa xuân năm Giáp Ngọ là năm ông Toàn Quyền Đông Dương De Lanessan (1891-1895) về Pháp, tôi tiễn chân ông ấy đến tỉnh Gia Định, nhân dịp được nghỉ chân ở Gia Định, tôi sực nhớ lại giải đất này là giải đất mà nhà Nguyễn đã

* Bà cụ ấy già quá đến nỗi mỗi khi bà đến chỗ trưng bày đồ cổ, có người gạ mua bà.

gây nên vương nghiệp rồng dậy từ đây (Rồng gặp mây thì có cơ hội để mà thăng đằng biến hóa, nhà Nguyễn có đất này tức là có chỗ dựa lưng đặng mà phò Lê diệt Trịnh phá Tây Sơn).

Sau khi nhường cho nước Pháp cai trị, trong khoảng hơn 30 năm, nước Pháp đã mở mang một cách mới mẻ, thủy bộ giao thông, mọi bề thuận tiện, đường sá thì rộng rãi khang trang, phố phường ngày thêm đẹp đẽ, ngựa xe tấp nập, chợ búa lịch sự dễ coi, bao nhiêu những hình tính hủ lậu ngày xưa, bây giờ không còn tồn tại nữa và cũng hầu như không thể nhận ra được nữa; vậy mà lạ thay!!! Chỉ có miếu của Ngài Thượng Công đây thì vẫn y nhiên tồn tại, trong miếu thì thờ phụng trang nghiêm, khói hương nghi ngút, ngoài mộ thì xây đắp đàng hoàng, lại thêm bao vây bốn phía, kẻ đi người lại đều tỏ ra một cách kính cẩn, cúi đầu và tránh lối.

Thấy vậy, tôi hỏi thăm những người bổn xứ ở đây, ai cũng đồng thanh nói rằng: Đây là nước Đại Pháp nhớ ơn Ngài nên tưởng niệm mà sửa sang và nêu danh hiệu Ngài lên cho mọi người được rõ. Ôi! Lạ lùng thay, công danh của Ngài còn ngời sáng và lẫy lừng, sự nghiệp của Ngài vẫn rõ ràng và hiển hách, bởi từ ngày mà Ngài mở mang và gầy dựng ra một khu vực Lục Tỉnh miền Nam đến nay, tháng ngày tuy đã trải qua, non sông từng đã thay đổi, song thanh danh của Ngài hãy còn lẫy lừng như xưa, chỗ thờ tự Ngài vẫn linh hương mãi mãi, xem như việc này thì đủ thấy những tấm lòng nhơn hậu của các quan Đại Pháp đối với người có công với nước như Ngài đây, dẫu đã qua đời đi rồi, công việc có khác nhau đi nữa nhưng người ta cũng tưởng mến mà tôn sùng đặng làm gương cho hậu thế.

"Ngài, họ Lê, tên chữ là Văn Duyệt, gốc ở Quảng Ngãi, dời vào ở tỉnh Định Tường; năm lên 17 tuổi, khẳng khái, có chí lớn, sau theo vua Thế Tổ Cao Hoàng Đế ở tỉnh Gia Định, lập được nhiều chiến công rất lớn, đến khi thiên hạ đại định rồi, chịu mạng nhà vua gói đất phân phong, mang cờ tiết việt, xử trí việc nước Xiêm, nước Lạp (Cao Miên), đi kinh lược tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ, hai lần bình được quân ác man, một lần giết được giặc Thày Sãi, quân của Ngài đi đến đâu thì người ta khiếp phục đến đó, thiệt là oai hùng.

"Tính cả trước sau, Ngài đã làm quan Tổng Trấn Gia Định hai lần, trong khoảng một thời gian gần 20 năm, cho nên những công ơn Ngài để lại càng nhiều, làm cho người ta ngưỡng mộ càng cao.

"Khi Ngài đã mãn phần rồi, anh hồn của Ngài vẫn còn bàn kết ở nơi đây, núi sông cũng vì Ngài mà ủng hộ cho anh hồn Ngài, thường khi đêm thanh vắng lặng, trên mộ Ngài nghe thấy có tiếng người ngựa hét, oai hùng lẫm liệt, như một vị thiên thần, làm cho người ta phải kiêng nể mà lánh xa, hơn nữa, người ta còn kính Ngài, kêu nhà thờ của Ngài là Miếu Ông, kêu mộ Ngài là Lăng Ông, rồi kéo nhau lại mà cúng kiến cầu nguyện, ngày nọ qua ngày kia không bao giờ ngớt.

"Ôi! Xưa nay những bậc anh hùng hào kiệt sanh ra ở đời, gặp cơ hội mây mưa loạn lạc, phấn khởi tinh thần, đem tài trí dõng, phò vua giúp nước, lập đợc công danh sự nghiệp lớn lao, khi còn sống thì thân mình vinh hiển, khi đã mất rồi thì để tiếng về sau, dầu rằng thời thế đổi dời, sông cạn đá mòn đi nữa thì cái tiếng anh hùng lẫm liệt cũng vẫn còn trơ trơ... lúc nào cũng còn sang sảng ở bên tai người ta như thế đó!

"Tôi đây (Hoàng Cao Khải) được nghe tiếng của Ngài đã lâu, vẫn có lòng ngưỡng mộ, bây giờ mới được mắt thấy tận nơi và cũng nhân dịp được biết thêm rằng: nước Pháp đối với nước ta, tuy là có quyền bảo hộ, nhưng đối với lễ tục của ta, không bao giờ thay đổi, vẫn giữ tín nghĩa thủy chung, tôi mong rằng sau này thời cuộc thái bình, ai coi tới mộ bia này, cũng cho tôi nói là sự thực, mong lắm thay và mừng lắm thay!

"Tôi có thương thuyết với Ông Toàn Quyền cái việc mà tôi muốn dựng bia này, thì Ngài vui lòng nhận lời liền và cho khắc chữ vào đá đặng cho người sau này không bao giờ thêm bớt hay là bỏ mất đi được.

"Còn Bà Phu Nhơn của Ngài là bà Đỗ Thị, mất sau Ngài, nay cũng được thờ chung với Ngài và ông Phan Công Lương Khê là quan Kinh Lược Nam Kỳ, người ta nhớ tưởng công ơn của Ngài, cũng để thờ phối - hưởng ở trong Miếu này."

Niên hiệu Thành thái thứ sáu, tháng Bảy ngày mồng một.

Quan Phụ Chánh Đại Thần, tước Thái Tử Thiếu Bảo Vũ Hiển Điện Đại Học Sĩ Khâm Sai Đại Thần Kinh Lược Đại Sứ Diên Mậu Tử Thái Xuyên tên là Hoàng Cao Khải kính đề.■

## Chú thích:

(1) Do ngài Lê Văn Duyệt được phong tước Quận Công mà có danh xưng là "Lê Công." Khi Lê Công làm Tổng trấn Gia Định thành đã thi thố ân uy nên dân chúng còn gọi là "Ông Thượng." Sau khi qua đời lại được xưng tụng là "Đức Thượng Công." Hội chăm lo việc thờ cúng ngài Lê Văn Duyệt tại Lăng Ông Bà Chiểu gọi là Hội Thượng Công Quí Tế.

(2) Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện. Sơ tập. Quyển 23. Mục Chư Thần liệt truyện 20. Lê Văn Duyệt (tập hạ). Trang 16A.

(3) Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu. Nhóm nghiên cứu sử địa Việt Nam, Sài Gòn, 1972. Trang 15.

(4) Trần Trọng Kim. Việt Nam Sử Lược. Quyển II. Trung tâm học liệu, Bộ Giáo Dục. Trang 215.

(5) Bản dịch này là tài liệu đánh máy chữ lưu giữ từ năm 1956 của cụ Nguyễn Văn Cứng, nguyên Hội trưởng Hội Thượng Công Quí Tế.

# TÂM NÃO VÀ TÂM

## Chuyện Bên lề Tâm học Thế kỷ 21

NGUYỄN KẾT

### 1. Bổ sung và Trung đạo

Khoa học và tông giáo thông thường đối nghịch nhau trong việc giải thích thực tại; trong khi khoa học muốn giải thích mọi sự bằng ngôn ngữ thuần lý *(rational)* thì tông giáo, theo một định nghĩa do hai nhà nhân học Hòa Lan Van Baal và Van Beek đưa ra (1985), "là hệ thống các ý niệm, ý tưởng được tin là chân lý nhưng nói về một thực tại không chứng minh được." Theo tiến bộ của khoa học, các hiện tượng từng được xem như dấu chỉ cho một Nguyên nhân hay Kế hoạch thần thiêng v.v... lần lượt được giải thích với các định luật tự nhiên lạnh lùng và trừu tượng mà khoa học khám phá.

Lãnh vực mà khoa học đang lấn chiếm là Tâm, thường được tin là nơi chứa đựng một cơ sở để khẳng định sự hiện hữu của một Đấng hoặc Nguyên lý Sáng tạo. Các khám phá của khoa học tự nhiên hiện nay giúp khẳng định rằng, các vấn đề tông giáo và luân lý quả thật liên hệ mật thiết đến tâm thức, nhưng mặt khác chúng cũng hỗ trợ mạnh mẽ hơn bao giờ hết cho thuyên giải khoa học duy vật. Tuy nhiên cũng chính tại lãnh vực này xảy ra một sự kiện trái lẽ thường: có thể nói đến lượt khoa học đang bị thách thức bởi một tông giáo với khái niệm về Tâm như một thực tại phi vật. Tông giáo này là đạo Phật, và tâm học phật giáo được một số khoa học gia thật sự quan tâm, như một khoa học.

Dù sao thì chính vì các kinh nghiệm phật giáo được xác nhận là chắc chắn có, và được thấy là có lợi cho hiểu biết khoa học về tâm, mà ngày nay một số các nhà khoa học *tự nhiên* cũng phải lưu tâm đến khung lý thuyết hàm chứa các kinh nghiệm đó. Trước đây sự kiện này chỉ giới hạn nơi các chuyên gia thuộc một lãnh vực mà phần không nhỏ của nó bị các nhà khoa học tự nhiên xem như chưa phải là khoa học đúng nghĩa, đó là tâm lý học. Sự kiện này hiển nhiên là có ý nghĩa quan trọng. Khoa học trong thực tế luôn luôn là một định chế bảo thủ. Các khoa học gia thường có xu hướng xem các hiện tượng lạ thường như nếu có thì trên nguyên tắc cũng không thể nằm ngoài khả năng giải thích của căn bản ngôn ngữ vật lý học.

Biểu hiện quan trọng nhất, chứ không phải duy nhất, của hiện tượng này là một hội nghị khoa học về Tâm mệnh danh là "Mind Science: An East-West Dialogue." Do một học viện danh tiếng, Harvard Medical School tổ chức (tháng ba năm 1991 tại Massachussettes Institute of Technology), hội nghị này nhằm mục đích khẳng định sự tiếp tục cộng tác của khoa học gia với các hành giả Phật giáo. Nó quy tụ đông đảo những chuyên gia hàng đầu trong các lãnh vực tâm bệnh học, tâm sinh học, não sinh học, y khoa, giáo dục và, bên cạnh đó, các học giả tiếng tăm trong tông giáo tỉ giảo và Phật giáo Đại thừa Ấn-Tạng. Đặc biệt nhất là, đây là hội nghị khoa học đầu tiên có một lãnh tụ tông giáo như diễn giả và khách danh dự, đó là Dalai Lama, người mà vị thế bậc thánh của trí tuệ và tình thương đã vượt khỏi giới hạn tín nhiệm phật giáo.

Điều tôi muốn phác họa trong bài này là một gợi ý của Dalai Lama trong hội nghị nêu trên, cũng như trong các dịp gặp gỡ khác với các khoa học gia tây phương. Đó là khoa học não hay thần kinh học tây phương và tâm học phật giáo có thể là hai mô tả bổ sung. Điều này có nghĩa là đạo Phật, dù đối lập, tương phản với khoa học tây phương trong xuất phát điểm và cách thế mô tả, nhưng hiểu biết về tâm thức của nó có thể là một phần quan trọng, bên cạnh hiểu biết của khoa học tây phương, trong một quan niệm đầy đủ về con người. Nếu đúng như thế thì đạo Phật quả thật làm được công việc bắc cầu, giữa khoa học và tông giáo (1).

Bổ sung là một nguyên lý nhận thức nền tảng của vật lý học do Niels Bohr đưa ra (1927) (2). Bohr thường nói nhận thức bổ sung là "minh triết của Á châu cổ thời," "của Phật, Lão," và đóng góp của ông chỉ là cho thấy sự hữu dụng của nó trong phạm vi vật lý học. Do đó ông luôn luôn có xu hướng áp dụng khái niệm này rộng rãi hơn là vật lý học cho phép. Ngoài một số áp dụng khá thông thường — đối với "văn hóa bổ sung" Á đông — các lý luận của Bohr về việc đưa khái niệm này vào các ngành khoa học khác cho đến nay vẫn chưa được thấy là khả dụng (3).

Đề nghị ở đây — tâm học phật giáo và thần kinh học tây phương là hai mô tả bổ sung — thì có lý do chính đáng hiển nhiên và có nội dung cụ thể hơn. Trước hết, đạo Phật cũng có ý niệm

(không phát triển thành lý thuyết thuần lý) về vật "chất" khá giống vật lý. Vật trong căn bản là các vi hạt tứ đại sinh ra từ cực vi hư không, và các thành phần vật lý này nhờ hoạt dụng của tâm mà gặp gỡ, chồng chất, phối hợp nhau lại thành một hình thể xác định có sự sống, tức thân xác. Và Tâm thì trái ngược lại với vật, không có vị trí cố định, như có như không trong mọi thành phần thân xác, và trong trạng thái thuần túy thì vô hạn, không lệ thuộc vào cả không gian lẫn thời gian — *hình ảnh* gần như khái niệm sóng của vật lý. Điều đáng lưu ý là, lý thuyết phật giáo về con người tuy được gọi là tâm học nhưng cũng chứa đựng sự mô tả hành xử của con người với ngôn ngữ có sắc thái vật lý. Người, do đó luôn luôn được đề cập như một phức hợp danh sắc (*nama-rupa:* tâm vật) hay một thân-tâm (để ý là thân đi trước tâm trong cách gọi sau).

Lý do thứ hai là Bổ sung có thể được xem như một hệ luận của Trung đạo. Trung đạo theo đạo Phật là nguyên lý tiếp cận thực tại vượt thoát được sự trói buộc trong khuôn khổ nhận thức sai lầm bẩm sinh. Sai lầm bẩm sinh trong nhận thức là sự khái niệm hóa, và khuôn khổ của nó là các phạm trù đối đãi có (P) và không (-P), theo đó thực tại *tùy thuộc trạng huống nhận thứcD mà bị xem như hoặc có hoặc không, hoặc thường hoặc đoạn, hoặc vui hoặc khổ, hoặc tâm hoặc vật v.v... Còn chân tính của thực tại là tính không phân biệt hay bình đẳng (Skr. samanta)*, vượt thoát mọi khái niệm, không *P* và cũng không không *P*. Sự nhận thức trung đạo — như hệ luận của sự *hoàn toàn* không thể buông bỏ được sự khái niệm hóa khi nó là bẩm sinh và có vai trò khuôn nắn nhận thức của chúng ta — do đó, như Nagarjuna (Long Thụ, thế kỷ II, sáng tổ của triết học Trung đạo khẳng định, là *không tuyệt đối chấp nhận mà cũng không tuyệt đối phủ nhận*, và xem các khái niệm và hiện tượng đối đãi như bổ sung (4).

Do đó mà trong đạo Phật có nhiều trường hợp "bổ sung" rất cụ thể (5). Nhưng có lý do chính đáng và nội dung cụ thể thì vẫn chưa đủ. Có nhiều vấn đề cần giải quyết khác, căn bản nhất là vấn đề ý niệm về một tâm thức phi vật có cần thiết hay không. Đó cũng là vấn đề mà David D. Potter, *Robert Winthrop Professor* của Harvard Medical School, đặt ra cho Dalai Lama trong hội nghị Mind Science.

## 2. Vài Khám phá Căn bản về Ý thức

Tự giới thiệu là một chuyên gia tế bào học và theo chủ trương duy vật cấp tiến, Potter hỏi "khoa học phật giáo" có gặp khó khăn hay không với những khám phá khoa học mới mẻ nhưng "có hệ luận rất khó chịu cho triết và thần học tây phương," "rất là khó chịu cho khoa học tây phương," đó là *các cơ chế ý thức không có vai trò như người tây phương vẫn tưởng trong hành xử của con người.* Sự kiện này được ông sử dụng để giải thích niềm tin "mà các khoa học gia hay chuyên gia thần kinh học khác sẽ chia sẻ," theo đó một tâm thức phi vật thì không cần thiết cho hiểu biết khoa học về não bộ hay hành xử của con người (*Mind Science*, tr. 27-30) (6).

Potter minh họa vấn đề bằng trường hợp mà theo ông là chứng bệnh tâm não trầm trọng nhất đang hành hạ nước Mỹ, bệnh nghiện nha phiến (cocaine), ở đây là các dạng nha phiến tinh chế. Như ông nói, các chuyên gia tin rằng chứng bệnh này thuần túy là vấn đề cơ chế óc não: cảm giác phiêu phưởng khi sử dụng bạch phiến là do một phân tử nha phiến đơn giản tạo ra, và cũng chính phân tử này khiến một cơ chế đặc biệt trong não cứ kêu gọi các phần khác của não bộ hãy lập lại những gì chúng vừa làm để chúng ta tiếp tục có cảm giác đó. Ở đây ý thức hoàn toàn bị khống chế, dù nó có thể không muốn nhưng người nghiện vẫn thò tay chụp lọ thuốc, hoặc chụp ví của người khác để có tiền mua thuốc — nói cách khác, các hành xử (quyết định v.v.) của người nghiện không do "ý thức" tạo ra, mà do óc não tự động.

Nhưng nếu như thế thì không có lý do gì để không nghĩ xa hơn: "Có một khuynh hướng là xem các hành xử xấu là do các tế bào thần kinh làm ra (và hài lòng với giả định này), nhưng đối với hành xử tốt thì chúng tôi không muốn nghĩ như thế. Điều này tất nhiên là ngây ngô. Khó mà tự nhiên trang bị cho chúng ta một hệ thống tế bào thần kinh cực kỳ phức tạp chỉ để nó làm những việc sai lệch và không lành mạnh như lạm dụng ma túy được. Chúng ta phải xem các tế bào này có vai trò thông thường, rằng chúng cũng kiểm soát, quy định luôn cả các hành xử bình thường."

Quả thật chúng ta có thể thấy là trong đời sống hàng ngày có nhiều hành vi, chẳng hạn vươn vai, sửa thế ngồi hay cử động "như một cái máy," không có vẻ gì được ý thức tạo ra hay điều động, kiểm soát cả. Khi được hỏi vì sao, chúng ta nói, chẳng hạn, vì ngồi lâu nên phải làm thế cho giãn gân cốt v.v..., nhưng đây có vẻ là một bịa đặt — rõ ràng là những cử động đó đã *có trước* sự nhận biết của ý thức. Thế nên chúng "... khiến phải tự hỏi các quyết định của chúng

> Bạn bực tức vì có những người vô ân. Bạn hãy hỏi lương tâm bạn coi những kẻ làm ơn cho bạn có thấy lòng biết ơn của bạn chưa.
>
> — *Sénèque*
>
> * Tập quán là bản tính thứ hai, nó tàn phá bản tính thứ nhất.
>
> —*Pascal*

ta có bao giờ được thực hiện nơi ý thức [hay bắt nguồn từ các cơ chế não bộ mà hoạt động của chúng ý thức không biết đến]. Cái ý thức mà chúng ta rất đỗi tự hào phải chăng chỉ đơn giản là một chức năng thông báo (*reporter function*) trong não mà thôi."

Để hiểu rõ hơn nhận định này, chúng ta cần nhắc qua một số kiến thức não học được biết từ các thập niên trước nhưng đến nay ý nghĩa của chúng mới được nhìn nhận rộng rãi. Thứ nhất là cái biết của chúng ta thì lớn lao hơn sự nhận biết của ý thức của mình — nói theo ngôn ngữ đo lường thì lượng thông tin đi ngang qua ý thức trong một giây chỉ vào khoảng 10-30 *bit*, trong khi lượng thông tin mà các giác quan (mắt, tai, mũi v.v...) thu nhận và thu vào trong não trong một giây thì được biết chính xác là trên 11 triệu *bit*. Khả năng của ý thức tính bằng số lượng thông tin là như thế, nghĩa là một kinh nghiệm hữu thức, kinh nghiệm mà chúng ta nhận biết, chỉ là một phần triệu của lượng thông tin mà giác quan thu nhận và đưa vào não trong một giây!

Thứ hai là một thí nghiệm có tầm quan trọng quyết định, được nhà thần kinh sinh học Benjamin Libet thực hiện vào tháng Ba và tháng Bảy năm 1979. Đó là một thí nghiệm đơn giản nhưng độc đáo, giúp biết chính xác thời điểm của cả ba sự kiện: *a/D những người bị thí nghiệm nẩy ra ý muốn* co ngón tay của mình, *b/D khi óc não của họ có những hoạt động chuẩn bị* cho cử động đó, và *c/* khi *cử động* đó được thực hiện.

Quyết định co ngón tay là một hành xử hữu thức, theo lẽ thường là mệnh lệnh mà ý thức đưa ra cho não bộ và do đó các hoạt động này phải có trước các hoạt động của não. Nhưng kết quả thí nghiệm là một trình tự thời gian kỳ dị: trước tiên là những dấu hiệu chuẩn bị nơi não, *sau đó* khoảng 0.3 giây mới đến ý muốn co ngón tay, rồi cuối cùng, 0.2 giây sau quyết định của ý thức là cử động co ngón tay. Khi ý thức muốn thực hiện một hành động thì hành động này đã bắt đầu chuẩn bị từ trước, nơi não!

Những thí nghiệm và các thảo luận dữ dội sau đó chỉ khẳng định kết quả của thí nghiệm Libet: không thể làm gì khác hơn là thừa nhận rằng, ngay một hành động đơn giản là co ngón tay nhưng những chuẩn bị thực hiện hành động nơi óc não luôn luôn có trước ý muốn thực hiện nó khoảng 0.3 giây!! Nhưng như thế thì giải thích làm sao cái cảm tưởng rằng chính ý thức của chúng ta, chứ không phải óc não hoặc một cái gì khác, là chủ thể của các hành xử (ý muốn, hành động v.v...)? Trong quan niệm quen thuộc của tây phương, chúng ta như thế đã bị đánh lừa.

Và tuy khoa học không thể, hay không có nhiệm vụ, trả lời *tại sao* ý thức lại tự lừa mình và lừa chúng ta, tạo cho chúng ta cảm tưởng như thế, nhưng hai nhà não học Michael Gazzaniga và Joseh LeDoux đã cho thấy (bằng thực nghiệm, tất nhiên) rằng, trong bán cầu não bên trái của chúng ta có một "chương trình diễn dịch" *interpreter* luôn luôn tìm câu trả lời hợp lý cho tất cả mọi hành xử mà ý thức thật ra không biết đến — vì thế chúng ta lúc nào cũng có thể đưa ra một lý do cho những hành xử như máy, vô lý nhất của mình — , và rằng "bịa đặt ra những chuyện như thế về cái tôi và thế giới của nó là

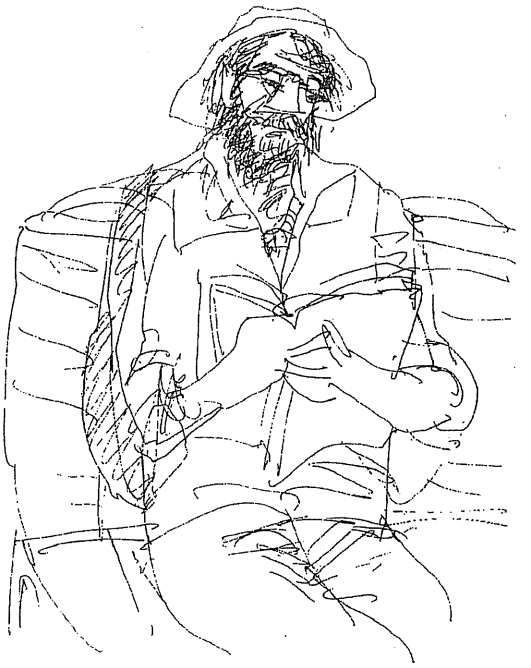

công việc chính của ý thức." (7).

Khám phá này cũng đồng thời cho thấy rằng ý thức không là một thực thể đơn nhất như người ta vẫn tưởng, vì các đặc trưng của nó không nằm ở một chỗ mà được thấy là xuất phát từ nhiều nơi trong não.

## 3. Và một số Thách đố

Kết luận hiển nhiên mà các khám phá kể trên dẫn tới là, "cái ý thức mà chúng ta rất đỗi tự hào" thật ra *không biết gì mấy về những gì xảy ra trong chúng ta và, tệ hại hơn, không có khả năng tạo tác, kiểm soát, điều động các hành xử của chúng ta; không phải là một người chỉ huy tối cao ban truyền các mệnh lệnh xuống óc não để nó thi hành; không có thực chất, giống như một ảo tưởng nhưng lại có khả năng bịa chuyện để tự lừa mình và lừa dối chúng ta.*

Nhưng có lý nào *tất cả* mọi hành xử? Trả lời một cách khoa học thì tất nhiên không thể dựa trên suy diễn thuần túy. Nhưng thử nghĩ đến tư

duy, "hoạt động tinh thần" có ý thức của chúng ta: nhiều khi chúng ta hoàn toàn chìm đắm hay quên mình trong dòng suy tưởng của mình. Ý thức chỉ tham dự vào trò chơi khi chúng ta tìm cách xếp đặt và tìm chữ, tìm lời để tỏ bày cái mình *đã biết* — như nhà tâm lý người Mỹ Julian Jaynes đã phát biểu, "Tiến trình thật sự của tư duy, cái thông thường được xem như chính là đời sống của ý thức, thì tuyệt đối không có ý thức. Chỉ sự chuẩn bị cho nó, chất liệu và kết quả cuối cùng của nó mới được thấy như có ý thức mà thôi." (8)

Một hoạt động như tư duy mà không bị ảnh hưởng nhiều lắm bởi ý thức, và nếu ý thức không có thực chất, nếu ảnh hưởng khiêm nhường của nó lại cũng chứa đựng mấy phần lừa đảo, thì tư duy tây phương đúng là đang đứng trước một thách thức chưa từng thấy; vì như Gazzaniga nói, "Tư duy tây phương trong suốt hai ngàn năm qua đã đề cao niềm tin rằng những hành động của chúng ta là kết quả của một hệ thống ý thức đơn nhất, độc lập. Tư duy này làm ra một loạt quan điểm khá phức tạp, và nhiều định chế cùng quan niệm khoa học đã xây dựng trên giả định đó." (9)

May là ngoài sự "gian giảo" ý thức ít ra cũng có một khả năng thật sự: cân nhắc và ngăn chặn, không để các hành động đã được khai mào từ não được thực hiện hoàn tất. Như đã đề cập ở trên, ý thức có đến 0.2 giây (!) để chứng tỏ là nó có khả năng mà Libet gọi là *"phủ quyết" (veto)D. Ý chí tự do như thế có thể nói vẫn còn, nhưng với một nội dung hạn hẹp hơn là người ta mong muốn. Tuy nhiên khả năng phủ quyết của ý thức lại đặt ra một vấn đề nghiêm trọng khác.*

Về hệ luận luân lý của nguyên lý *phủ quyết*, Libet viết, "Nhiều giới điều luân lý, chẳng hạn phần lớn của Mười Điều Răn, là sự ngăn không cho người ta hành động theo một cách thế nào đó." Và ông nói thêm rằng, sự kiểm soát một "hành vi của thân xác" là điều làm được do ý thức có đủ thì giờ để phủ quyết, trong khi ý muốn tạo ra hành vi đó thì không thể ngăn được, vì hiện tượng nội tâm này phát sinh một cách vô thức (10). Nghĩa là ngăn chặn *hành động* giết người hay chiếm của, đoạt vợ v.v... thì được — chúng ta có 0.2 giây để làm thế — nhưng tuyệt đối không thể kiểm soát chính *ý muốn* giết hại hay chiếm đoạt, vì chúng ta chỉ có ý thức về nó khi nó đã có sẵn!

Sự phân biệt *hành động* và *ý định thực hiện* hành động là điều gần như lúc nào cũng thấy trong văn hóa Do thái-Ky tô giáo. Trong thực tế chúng ta cũng tự cho phép, và khích lệ người khác giúp mình — chẳng hạn bằng việc mua sách báo, phim ảnh v.v... — hình dung, tưởng tượng đủ cách và về đủ chuyện. Cái ác, cái bất thiện trong nội tâm được biện hộ với lý do là, nó không làm hại đến ai bao lâu nó không trở thành hành động cụ thể. Luân lý ở đây là *chưa làm ác thì không phạm tội*, luân lý Do thái giáo như nó được định nghĩa trong Mười Điều Răn. Như Hillel, một giáo sĩ do thái sống trước (Giêsu) Kitô 50 mươi năm đã nói, luân lý này cũng có thể tóm tắt là, "Đừng làm những gì ngươi không muốn người khác làm cho mình." Nhưng Kitô không chấp nhận như thế. Không phải hành động giết người, gian dâm v.v..., mà chính là ý định giết người, gian dâm ("tức giận anh em mình," "nhìn người nữ để thỏa lòng dục") v.v... ngay cả khi chúng không trở thành hành động cụ thể, đã là tội lỗi. Ngài khẳng định, và, đảo ngược câu nói của Hillel, kết luận, "Hãy làm cho người khác những gì các ngươi muốn họ làm cho mình." (Phúc Âm Matthêu, 5:21-22, 27-28; 7:12)

Luân lý của Kitô hiển nhiên rất khó áp dụng, so với luân lý Do thái. Đúng là có nhiều điều nhiều người không muốn để người khác làm cho họ dù họ muốn làm cho người khác. Nhưng khó không có nghĩa là không thể. Người Kytô giáo đồng ý như thế, ít nhất kể từ Luther đến nay. Các triết gia nói gì đi nữa thì họ cũng tin rằng được cứu chuộc hay "sa chước cám dỗ" là vấn đề của từng cá nhân, của ý thức với khả năng tạo ra các quyết định và biết phân biệt lành dữ, đúng sai của nó — chỉ cần ý thức phấn đấu đúng mức để kiểm soát nội tâm là người ta được ơn phước.

Nhưng như đã nói, ý thức không tạo ra, mà chỉ biết đến các quyết định của chúng ta khi chúng đã có sẵn, và không biết tất cả mà chỉ một phần nào mà thôi. (Lưu ý rằng đây là một sự kiện tuyệt đối quái lạ đối với tư duy tây phương). Rồi Libet, như chúng ta thấy, cũng đem nguyên lý phủ quyết của mình xía vào câu chuyện. Ông nói loại "luân lý lề luật" như Mười Điều Răn mới khả thi, còn "luân lý tâm ý" của Kitô là phi lý và bất khả thi — nếu ý thức không tạo ra các tâm ý lành/dữ, làm sao nó có thể kiểm soát được những gì xảy ra trong nội tâm của chúng ta, và làm sao lại bắt nó chịu trách nhiệm về những điều không do nó tạo? Trớ trêu là, Benjamin Libet gốc Do thái.

Nhưng như Libet sau này cũng gián tiếp thú nhận khi thảo luận với một triết gia, vấn đề luân lý tâm ý hay lề luật không thể dễ giải quyết như trên. Trong đáy sâu của nội tâm chúng ta có rất nhiều giận hờn, lo âu, sợ hãi, thương yêu v.v... hình thành do giao tiếp xã hội. Và những cái chúng ta không biết cách giải tỏa, phát tiết, chúng vì thế có thể trở thành nguy hại (mà đạo Phật gọi là những nội kết). Khi ý thức không nhận biết tất cả và chỉ có thể kịp thời ngăn chặn một số rất giới hạn các ý-muốn-đang-trở-thành-hành-động, thì những nguy hại cho tâm lý chúng ta cũng dễ tác hại đến người khác. Chuyện như

giận-mất-khôn lúc nào cũng có thể xảy ra — đến khi biết rằng mình đang chịt cổ người đồng nghiệp vì gã cứ nói xấu để người khác bị sa thải, thì mọi sự đã trễ.

Nguyên lý phủ quyết của khoa học gia Benjamin Libet như thế đã dội ngược, đánh vào cả Do thái giáo. Nếu vấn đề của Kytô giáo là dựa trên ý thức mà đòi hỏi sự tốt lành tự nội vượt quá khả năng của ý thức, thì vấn đề của Do thái giáo là không biết đến và theo đó dung dưỡng những bất thiện trong vô thức.

Do đó chúng ta hiểu vì sao Potter nói cùng Dalai Lama rằng "... hệ luận của các sự kiện này [các hiểu biết thực nghiệm về vai trò và bản chất của ý thức] là điều rất khó chịu cho triết học và thần học tây phương. Tôi không biết có khoa học gia nào không cảm thấy như thế." Tất nhiên thách đố từ khoa học tây phương không dừng lại ở đây. Khổng tử trước Hillel 500 năm cũng đã chủ trương dùng lễ, nhạc như khuôn khổ luân lý, cũng tóm tắt luân lý lề luật của ngài hệt như Hillel ("Kỉ sở bất dục vật thi ư nhân"). Và Phật trước Kitô 5, 6 thế kỷ cũng đã chủ trương một luân lý tâm ý tương tự Kitô và cũng nói tương tự Kitô ("Không làm ác, làm thiện," "Lánh dữ, làm lành" v.v...).

Vấn đề đối với đạo Phật *nhìn từ ngoài* có vẻ còn trầm trọng hơn các tông giáo khác. Lý tưởng của nó là sự hoàn hảo trong hành xử luân lý và, căn bản hơn, trong hiểu biết hay nhận thức viên mãn về thể tính của thực tại đặt căn bản trên sự khảo sát tâm thức (11). Nhưng một khoa học gia khác đã ngụ ý (*Mind Science* tr. 20), với một ý thức bị quy định, có khả năng giới hạn, chủ quan, lừa gạt, chúng ta làm sao mà quan sát, nhận diện và hiểu được tâm thức để từ đó kiểm soát, làm chủ các hành xử của mình để thành Alahán, Bồ tát hay thành Phật?

## 4. Lợi thế của Duy vật Khoa học?

Dù các khoa học gia duy vật cũng cảm thấy hụt hẫng bởi những khám ph mới về vẻ hư ảo và hạn hẹp của ý thức cùng những ảnh hưởng mạnh mẽ của *thân* (gồm cả não bộ) trên *tâm* — như phát biểu ở trên của Gazzaniga cho thấy, các nhà duy vật cũng có sẵn trong vô thức một niềm tin rất "duy tâm" về khả năng của ý thức — như hiển nhiên đây là thắng lợi lớn cho lập trường của họ, đặc biệt là lập trường duy vật cấp tiến của số đông các khoa học gia.

> — Trong xe buýt, hai thanh niên ngồi đối diện nhau. Cậu thứ nhất chồm sang cậu thứ hai:
>
> "Anh không thi hành nghĩa vụ quân dịch ở Saint-Etienne à?"
>
> "Không. Tôi chưa bao giờ đặt chân đến Saint-Etienne."
>
> "Tôi cũng thế! Vậy thì có lẽ hai người nào khác đã gặp nhau ở đó chứ không phải chúng ta."

Duy vật cấp tiến giả định rằng thực tại không có gì hơn các cấu hình năng/chất, rằng tâm là tâm não, đại khái là không có gì khác hơn là tổng thể những tư tưởng, cảm thụ v.v... vốn là các dạng kích động điện đi ngang qua phần não bộ đang hoạt động theo cách khiến chúng ta có ý thức, và rằng mô tả thực tại khả dụng duy nhất là mô tả chủ phần (*reductionistic*) quy về ngôn ngữ vật lý học.

Giống nhiều giả định siêu hình khác, duy vật không thể chứng minh là nó đúng. Sự việc xác định được khá nhiều vị trí trong não có liên quan mật thiết đến một số sự kiện nhận thức và tình cảm hoàn toàn không có nghĩa là khẳng định được tương ứng một-một giữa các cấu hình năng/chất và sự kiện tâm thức. Và ngay cả khi điều này được thiết lập thì nó vẫn không có nghĩa là cái sau do cái trước mà có: các nhà duy vật cũng khá mạnh mẽ trong đức tin (!) rằng sự sống là kết quả của quá trình tiến hóa thuần vật chất, khi mà xác suất cho "sự kiện" này chỉ vào khoảng $1/10^{40000}$, nghĩa là trong thực tế không bao giờ có (12).

Cẩn thận nhất, người ta do đó chỉ có thể nói là thân và tâm có liên hệ hỗ tương rất mật thiết. Nhưng khi thân và tâm có tương quan mật thiết với nhau, thì sự kiện ý thức chậm trễ hơn và theo đó không thể chỉ huy, làm chủ các hành động có vẻ như phát sinh từ não là điều không có gì lạ lùng *nếu* ý thức là một phó sản hình thành từ các vận động vật lý của não bộ. Nói tổng quát thì tuy không thể chứng minh được chân lý của mình nhưng duy vật vẫn là một *giả thuyết* mạnh mẽ. Nó càng trở nên mạnh hơn do những người theo chủ trương nhị nguyên (rằng tâm và vật là hai chất thể, *substance*, khác biệt nhau) không có gì cụ thể để nói về khả năng và vị thế phi vật của ý thức, không thiết lập được một phản bác khoa học từ lập trường của họ.

Một trường hợp điển hình là nhà thần kinh học lão thành Sir John Eccles. Bảo vệ lập trường nhị nguyên của mình, ông đã giải thích các kết quả của Libet bằng cách nói rằng quyết định (co ngón tay) của ý thức không đi sau các vận động chuẩn bị nơi não, mà thật ra có trước, nhưng quyết định ở đây là chỉ để thực hiện hành động chứ không quy định lúc nào hành động được thực hiện. Giả thuyết này bị phê phán là bí hiểm với một loạt giả định khó kiểm chứng, đã thế nó còn có vẻ chao đảo hơn nữa khi chúng ta tính cả vẻ giả ảo của ý thức.

Một vài chuyên gia khác thì chỉ cố gắng lý luận rằng cái gọi là ý thức trong thí nghiệm Libet không phải là ý thức thật. Lý do căn bản là óc

não cần có 0.5 giây để bắt đầu làm công việc loan báo cho ý thức, từ khi có những kích động giác quan, nhưng — đây là một kết quả thực nghiệm quan trọng khác của Libet nhưng ở trên chỉ nói thoáng qua — chúng ta lại cảm biết ngay lập tức các kích động này chứ không chậm chạp như ý thức của mình. Vấn đề là họ không thể nói ý thức thật là gì. Dù sao thì công trình của họ cũng gợi ý rằng "ý thức thật" nếu có thì khó mà mô tả như một tiến trình cơ học như các chuyên gia duy vật hiện nay tin tưởng — như nhà toán lý lừng lẫy Roger Penrose khẳng định, nghiên cứu khoa học về ý thức hiện "... có lẽ đang vấp phải một sai lầm nghiêm trọng khi khảo sát ý thức bằng các quy luật vật lý cho thời gian."

Điều mà Penrose và một số người khác đề nghị là, ý thức như một hiện tượng vật lý lượng tử phát sinh trong các ống protein của các tế bào thần kinh. Giả thiết hấp dẫn này cho đến nay vẫn không có cơ sở thực nghiệm và, quan trọng nhất, không liên hệ được với các hiện tượng ý-thức-trong-thời-gian (13).

Đó là những đề nghị đáng lưu ý nhất trong các cố gắng giải thích những kết quả thực nghiệm mới. Nhìn chung, điều chúng muốn là *mở rộng khái niệm ý thức để cái vẫn gọi là ý thức chỉ còn là một phần của tương tác tâm-thân* mà thôi (14). Nhưng dù được xây dựng với lý luận toán học và có thể nhất quán cao độ thì chúng vẫn có vẻ như thần học chứ không phải khoa học. Một lý thuyết khoa học, ngoài khả năng xác minh (*verifiable*), tức khẳng định giá trị của mình trên căn bản thực nghiệm, còn phải có tính "nghiệm giả" (*falsifiable*). Nghĩa là nó phải có những phát biểu hay tiên đoán thực nghiệm xác định, chặt chẽ, để nếu sự kiểm chứng cho thấy là sai thì người ta không thể viện dẫn các lý lẽ tùy tiện để biện hộ, chối quanh, mà phải sửa đổi, hoặc phải từ bỏ nó.

Các lý thuyết nêu trên, trong dạng hiện tại của chúng, không có tính nghiệm giả và do đó có trường hợp đã giải thích thoát đi những kinh nghiệm được đồng thuận là có. Từ đó vướng vào thói tật mà chính các khoa học gia thường hay chê bai người khác: cứu vãn niềm tin của mình với sách lược là, hễ hiểu biết thực nghiệm tiến một bước thì các ý niệm về những thực tại phi vật lại được đẩy xa thêm một tí để chúng lúc nào cũng không hẳn quá xa cách với khoa học. Đó là lý do căn bản khiến chúng bị gạt qua một bên — các khoa học gia không kém kiến thức đến độ không biết đến hoặc không chịu tin những "giải thích nên tin hơn" của triết gia nào đó như một người viết, người Việt, có vẻ muốn nói! (15)

Thế nên thuyết duy vật một lần nữa lại thắng lớn trong sự giải thích thực tại. Tuy nhiên nhìn từ quan niệm Phật giáo — theo đó cái thấy hay kinh nghiệm về thực tại có liên hệ mật thiết với phương cách kinh nghiệm (hay "dạng thí nghiệm," trong quan niệm bổ sung của Bohr) vốn bị quy định bởi khung khái niệm được sử dụng — thì điều này không có gì lạ. Trong khuôn khổ của lăng kính khái niệm xây dựng trên căn bản vật lý thì khó mà đi xa hơn việc nhìn thấy khuyết điểm của các thuyên giải vật lý cho ý thức. Và việc thấy giới hạn của một thuyên giải vật lý nào đó và khả năng thay thế nó bằng một thuyên giải phi vật thì rõ ràng không có liên hệ luận lý thiết yếu như trường hợp một thuyên giải vật ly khác rộng hơn, tinh vi hơn. Việc thiết lập một thuyên giải phi vật như thế phải bắt đầu từ một khởi điểm khác, dựa trên phương cách khảo sát khác.

Biện minh chính cho nhận thức này là tâm học phật giáo. Như sẽ thấy, tâm học phật giáo có được những điều mà các đề nghị thay thế bất thành nêu trên mong muốn có. Nó đồng ý với, chứ không giải thích thoát đi, các hiểu biết của khoa học tây phương về ý thức, nhưng ý thức như đối tượng của sự khảo sát theo phạm trù vật lý thì chỉ là thứ lớp đầu tiên của ý thức chứ không phải là toàn thể ý thức. Và những gì nó nói về tâm nói chung thì có tính nghiệm giả.

*(Còn tiếp)*

* Có người đi đến đâu là đem nguồn vui đến đó. Có những người khác thì ngược lại, rời khỏi chỗ nào thì ở đó lập tức có nguồn vui.

* Tôi cầu hôn nàng và nàng từ chối. Và sau đó thì chúng tôi sống hạnh phúc mãi mãi.

## Chú thích:

1. Kết luận bài giảng của mình trong hội nghị Mind Science, Dalai Lama nói rằng "tâm và thân ... có thể là [hai hiện tượng] bổ sung." Ở đây, cũng như khi trao đổi quan điểm cùng các khoa học gia, ngài cũng đề cập đến các kinh nghiệm tâm linh mà từ quan điểm phật giáo không thể giải thích bằng ngôn ngữ vật lý - xem The Dalai Lama, "The Buddhist Concept of Mind," trong The Dalai Lama *et al, MindScience: An East-West Dialogue* (Wisdom, Boston 1991), tr. 11-8. Trước đó thì ngài, cũng như một số danh tăng Tây Tạng khác, thường hay nói với các khoa học gia rằng khoa học thần kinh rất xứng đáng đối thoại với tâm học phật giáo.

2. Theo Bohr, vấn đề lớn của vật lý thời bấy giờ — một hệ lượng tử (electron v.v.) có lúc thì có vẻ là hạt nhưng lúc khác lại phải được mô tả như sóng — không thể được giải quyết bằng cách tìm kiếm một khái niệm thay thế, có khả năng chụp bắt được thực tính của hệ thống. Chúng chỉ cho thấy rằng những gì các nhà vật

lý kinh nghiệm được (electron như sóng *hoặc* như hạt) là một phần bất khả phân của, hoặc bị quy định, khuôn nắn bởi, toàn thể trạng huống của thí nghiệm. Do đó cách giải thích là cặp khái niệm tương phản, mâu thuẫn này phải được sử dụng đúng trạng huống và xem chúng như bổ khuyết cho nhau để có được một hình ảnh đầy đủ về hệ thống. Quan hệ tương phản nhưng bổ khuyết của hai khái niệm, hai mô tả sóng và hạt (cụ thể là hai đại lượng vật lý như xung lượng và vị trí, năng lượng trong một tiến trình vật lý và thời gian tiến trình này xảy ra v.v.) được Bohr gọi là bổ sung.

3. Thuyết thứ nhất thì chủ quan và thuyết thứ hai thì vô lý. Những phản bác mà nhà vật lý lừng danh Steven Weinberg đưa ra trong *Den Store Teori* (Gylendal 1994; nt. *Dreams of a Final Theory*, 1992), chg. XI, là tiêu biểu cho thái độ của phần đông các khoa học gia.

Gần đây, một số khoa học gia và các nhà thần học còn đi xa hơn, cho rằng khoa học tây phương và huyền học đông phương, hoặc khoa học và thần học bằng cách này hay cách khác bổ sung cho nhau, nhưng phần lớn khoa học gia không thấy có lý do gì để chấp nhận như thế.

4. Có lẽ chỉ nơi trường hợp triết học Trung đạo (*madhyamika*) của Đại thừa Ấn-Tạng mới có sự lý giải rõ ràng nhất và sự nhấn mạnh đúng mức tầm quan trọng của sự không thể buông bỏ khái niệm. Đối với truyền thống này, sự giác ngộ thể tính tối hậu của thực tại là kết quả của tiến trình tu tập trong đó sự khảo sát, phân tích thuần lý có vai trò trọng yếu. Có thể nói, đây là lý do căn bản khiến Phật giáo Tây Tạng thời nào cũng đào tạo được rất nhiều những người vừa là khoa học gia vừa là triết gia theo đúng nghĩa của từ ngữ. (Các khoa học gia vẫn chưa quen với sự kiện các dữ kiện thực nghiệm không tự có ý nghĩa mà có phần bị khuôn nắn bởi những tiền đề, giả định triết học mà sự vững chắc là điều phải phân tích kỹ lưỡng, còn giới triết gia thì thường cho thấy là họ hụt hẫng và hiếm có người đi xuyên qua khu rừng rậm của lý luận khoa học để kịp hiểu những khám phá mới).

5. Khuôn mẫu của thái độ bổ sung tất nhiên là Phật. Như Nagarjuna đã giải thích (trong *Ratnavali,* chg. IV; theo Christian Lindtner (ed.), *Nagarjuna: Juvelkoeden og andre Skrifter,* Sankt Ansgars Forlag, Kbh. 1991, tr. 69-70), "... Phật tuyên thuyết Giáo pháp // cho các đệ tử tùy theo khả năng nhận thức của họ // Cho một số ngài dạy một giáo lý // để họ quay lưng với cái ác // cho kẻ khác là giáo lý gieo trồng phước đức // cho kẻ khác nữa một giáo lý dựa trên những mâu thuẫn đối đãi // ... // Và cho người khác nữa là một phương tiện Giác ngộ // sâu thẳm và làm khủng khiếp kẻ nhát gan // Và nó đặt căn bản trên tánh Không và từ bi." Thái độ như thế của Phật đã được trình bày và có khi chỉ trích kỹ lưỡng như bất nhất, bí hiểm trong một số sách nổi tiếng về Phật giáo mà Bohr, theo tôi, không có lý do gì để nói là không biết đến *trước khi* ông phát biểu quan niệm bổ sung.

6. Từ đây trở đi, những câu, từ trong ngoặc kép nhưng không ghi xuất xứ thì được hiểu ngầm là phát biểu của Potter trong sđd.

7. Joseph E. LeDoux, "Brain, Mind and Language," trong David A. Oakley (ed.), *Brain and Mind* (Methuen, London 1985), tr. 210.

8. Julian Jaynes, *The Origines of Consciousness in the Breakdown of the Bicameral Mind* (Houghton Mifflin, Boston 1982), tr. 41.

9. Michael S. Gazzaniga, *The Social Brain* (Basic Books, New York 1985), tr. 81.

10. Benjamin Libet, "Unconscious Celebrale Initiative and the Role of Conscious Wll in Voluntary Action," trong *The Behavioral and Brain Sciences, số 8, tr. 539.*

11. Các tổ sư của Đại thừa giáo (như Nagarjuna, Shantideva v.v.) nhắc đi nhắc lại rằng sự hoàn hảo luân lý chỉ có trong tương quan mật thiết với nhận thức viên mãn trong khảo sát về thể tính tối hậu của thực tại. Các hành vi luân lý tốt đẹp tự chúng không thể thay thế cho sự khảo sát như thế và chẳng những thế còn có thể làm tăng thêm sự chấp ngã, ngăn chặn bước tiến tâm linh. (Điều này không biết có xa lạ với người phật giáo đại thừa Á đông thuở xưa hay không mà vua Lương Vũ Đế không hiểu được Bồ Đề Đạt Ma, và Tuệ Trung Thượng sĩ đã phải mở lòng từ bi, phá giới, ăn mặn để dạy cho vua Trần Nhân Tông mà Vua cũng không hiểu, để rồi Tuệ Trung sau đó lại phải nói, "Chỉ trì giới và nhẫn nhục không thôi thì thêm tội mà chẳng được phúc!")

12. Xác xuất $10^{-40000}$ là do nhà vật lý thiên văn Fred Hoyle đưa ra để cho thấy sự sống không thể có do một biến trình ngẫu nhiên, thuần vật lý trên Địa cầu. Theo toán học, xác suất cho một điều gì đó mà nhỏ hơn $1/10^{50}$ - tức là 800 lần lớn hơn con số trên - thì điều này không thể nào có. Tuy nhiên cần khẳng định là, những người theo chủ thuyết Thần tạo (*creationism*) đã sai lầm một cách ấu trĩ khi dùng các kết quả tính toán như thế để nói rằng sự tiến hóa sinh học không có thật.

13. Phát biểu của Penrose được lấy từ *The Emperor's New Mind* (Vintage, New York 1990), tr. 574. Có thể xem *New Scientist* 20/8-94 số 1939 để có một trình bày phổ thông về đề nghị của Penrose và những người đồng quan điểm với ông.

14. Đa số các tranh luận *khoa học* có thể tìm thấy nơi bài viết đã dẫn của Benjamin Libet, ct.9. Về sự chống đối của các triết gia về những đề nghị mô tả ý thức bằng ngôn ngữ vật lý, xem *New Scientist* 4/5-96 số 2028.

15. Nói cho đúng thì lập luận đưa ra còn ly kỳ hơn nữa: giải thích duy vật cho các sự kiện tâm thức của các khoa học gia hiện nay không đáng tin so với giải thích của các triết gia như Bergson, vì *a/* "khoa học chỉ cung cấp dữ kiện để triết gia cố gắng giải thích khách quan, chính xác về sự vật, con người," và *b/* giải thích duy vật hiện nay đã cũ, và đã bị Bergson và những triết gia khác bác bỏ, từ lâu! Có nhiều quan điểm khác nhau về liên hệ triết học-khoa học nhưng như nó được nói trong điểm *a* thì có lẽ số người nghĩ như thế không hơn một. Điểm *b* là một lối nhìn tĩnh tại, hễ đúng/sai là đúng/sai ở mọi mặt và muôn đời.■

# CÓ SỰ SỐNG TRÊN SAO HỎA

*** Chúng ta không còn cô độc trong vũ trụ**

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Tôi đã phải bỏ dở một bài đang viết tiếp cho bài trước trong *Thế Kỷ* tháng Tám để viết bài này, bởi vì ông xếp của cơ quan NASA Dan Goldin đã mở một cuộc họp báo để nói lên một câu đầy kịch tính: "Hôm nay chúng ta đã mở cánh cửa"...ra các thế giới khác trong vũ trụ. Hôm nay đây là ngày thứ Tư 7 tháng Tám 1996.

Không ai ngạc nhiên. Từ hôm trước báo chí Mỹ đã rầm rộ loan tin một khám phá mới của các nhà khoa học: Người ta đã tìm thấy di tích của sự sống trên sao Hỏa. Thật ra đã từ lâu người ta đã đặt vấn đề trong vũ trụ mênh mông như vô tận này, không lẽ chỉ có một mình loài người chúng ta. Và với sự bùng nổ kiến thức khoa học kỹ thuật trong mấy năm qua, câu chuyện sự sống ngoài Trái Đất không còn là chuyện thần bí hoang đường nữa, chúng ta tin rằng sự sống trong vũ trụ chắc chắn là chuyện phải có, vấn dề chỉ là bao giờ khám phá thấy mà thôi.

Nhưng các nhà khoa học của cơ quan NASA và Đại học Stanford đã tìm thấy cái gì? Các bạn đừng vội tưởng lầm họ đã nhìn thấy những người "nhỏ và xanh" như trí tưởng tượng của chúng ta đã vẽ ra, và cũng không phải họ đã bắt liên lạc được với các loài thông minh đang sống trên Hỏa tinh. Tất cả chỉ là một cục đá trời giống như một củ khoai lớn nặng hơn 2 ký và trong cục đá đó có những di tích hóa thạch nhỏ đến nỗi phải có kính hiển vi mới nhìn thấy. Đó di tích của những vật đơn tế bào, khởi thủy của sự sống.

Chúng tôi xin phép các bạn không nhắc đến các vật đơn tế bào mà hồi năm ngoái, khi viết một loạt bài trên *Thế Kỷ 21* về sinh học và hóa học, chúng tôi đã trình bày về ông tổ thứ nhất của sự sống trên Trái Đất này. Chỉ xin tóm gọn là các di tích đơn tế bào đó giống hệt như các di tích đơn tế bào mà các nhà khảo cổ đã tìm thấy trong các lần vỏ của Trái Đất.

Chúng ta đã biết các đơn tế bào là nguồn gốc của sự sống. Cục đá trời rớt từ Hỏa tinh xuống cũng có di tích đơn tế bào, điều đó có nghĩa là sự sống cũng đã từng nẩy nở trên một hành tinh láng giềng của chúng ta là Hỏa Tinh.

Nhưng một cục đá của Hỏa tinh làm sao lại nằm trên mặt Trái đất để các nhà khoa học tìm thấy? Câu chuyện hơi dài, vì nó bắt đầu từ 15 triệu năm trước.

## Đi tìm thiên thạch ở Nam Cực

Mười hai năm trước đây khi tìm thấy cục đá trời giống như củ khoai nặng hơn hai ký trong một tảng băng ở Nam Cực, bà Roberta Score đã ngạc nhiên thấy nó có cái gì khác lạ hơn các thiên thạch khác. Bây giờ bà đã biết tại sao. Nó từ Hỏa tinh rớt xuống và nó đang mở ra một trang sử mới cho con người tìm bạn trong vũ trụ.

Năm 1984, Roberta Score thuộc một đoàn thám hiểm đến Nam Cực do cơ quan Khoa Học Quốc Gia bảo trợ để đi tìm đá trời. Tại sao phải đến Nam Cực để tìm đá trời? Giản dị là vì đá trời rớt xuống đất không phải là ít, nhưng nếu nó rớt xuống biển hay trên các lục địa núi non rừng rú làm sao mà biết, nó lẫn với mọi thứ đá của Địa cầu chúng ta, và từ bao ngàn năm nay nó đã bị chôn vùi trong các lớp bụi đất của thời gian. Chỉ đến các vùng băng tuyết tìm là ăn chắc nhất, đặc biệt là những nơi muôn đời tuyết phủ như hai đầu Trái đất là Nam Cực và Bắc Cực. Đá trời rớt xuống đây là đâu ở đó nằm nguyên, chỉ có các lớp tuyết phủ lên nó thôi. Bắc Cực là vùng biển đông thành đá, tình thế hiểm nghèo cho các nhà mạo hiểm. Nam Cực là một dải đất, một lục địa nhỏ vững chắc trên phủ đầy tuyết, đi tìm đá trời ở đây khá an toàn.

Nhưng làm sao biết là đá trời mà lượm? Cố nhiên nó không nằm chễnh ễnh ở trước mắt, nó nằm trong các đống băng tuyết phải đào ra mới thấy. Nếu có một cục đá nằm trong đống băng tuyết, chẳng lẽ nó từ dưới đất sâu hàng cây số tự dưng chui lên đó mà nằm? Nó chỉ có thể từ trên trời rớt xuống.

Nhưng làm thế nào biết cục đá củ khoai bà Roberta Score tìm thấy là từ Hỏa tinh rớt xuống? Lúc đầu cục đá chỉ xếp loại bình thường, như mọi thứ đá khác từ trên trời rớt xuống, thường được gọi là *thiên thạch* hay *vẫn thạch*. Nhưng hai năm trước đây một nhà khoa học của Phòng Thí nghiệm Thiên thạch Nam cực thuộc Trung tâm không gian Johnson đã xác định đó là đá của Hỏa tinh, nên mới đặt cho nó cái ký danh là Allan Hills 84001.

Với các tiến bộ của khoa học ngày nay, người

Khoa học gia David McKay trình bày cục đá Hỏa tinh, các phó nhòm xúm quanh chụp hình lia lịa.

ta đã có thể phân biệt các đá trời khác đá ở Trái đất như thế nào. Các vệ tinh nhân tạo đã từng thám hiểm Hỏa tinh mấy chục năm nay, các nhà khoa học đã biết những cấu trúc đặc biệt của các loại đá trên Hỏa tinh, và hiện nay ít nhất cũng đã tìm thấy được 12 thiên thạch biết chắc là của Hỏa tinh. Nhưng làm thế nào đá trên Hỏa tinh rớt xuống đây?

Hãy nói đến cục đá trời Allan Hills 84001 đang làm nôn náo các nhà khoa học.

Trước hết người ta được biết cục đá này đã thành hình trên Hỏa tinh từ 4 ngàn 500 triệu năm trước. Khoa học khảo cổ ngày nay có những phương pháp chính xác để đo tuổi các cục đá, chẳng hạn như phương pháp đo tuổi phóng xạ của đá. Người ta còn ước lượng được rằng khoảng 15 triệu năm trước đây, Hỏa tinh bị một thiên thạch khổng lồ đánh trúng, làm những mảnh của hành tinh này bị văng ra ngoài, bay trên quỹ đạo vòng quanh Mặt trời trong một thời gian khá lâu. Rồi sau, những mảnh đó bị sức hút của các hành tinh khác làm thay đổi quỹ đạo và tình cờ khoảng 13,000 năm trước đây, quỹ đạo của chúng đi vào quỹ đạo Trái đất nên có những mảnh đụng vào Địa cầu thành sao xẹt, rớt xuống đất. Một mảnh nhỏ nằm ở Nam Cực chờ bàn tay của bà Roberta Score lượm nó.

## Mầm mống của sự sống

Sự sống trên sao Hỏa có giống sự sống trên Trái đất hay không? Câu hỏi đó bắt buộc phải đưa đến một câu hỏi khác mênh mông hơn: Sự sống có nghĩa là gì? Chúng tôi đã đề cập đến vấn đề này trong một loạt bài hồi năm ngoái khi viết về sự sống trong vũ trụ, xin miễn nhắc lại vấn đề.

Ở đây chúng ta là những người dân thường, hoặc có chút khoa học... nghiệp dư nào khác, chỉ tò mò muốn biết các ông khoa học đã tìm thấy cái gì trên mảnh đá củ khoai rớt từ Hỏa tinh xuống để hô hoán lên rằng đã thấy mầm mống của sự sống bên ngoài Trái đất.

Nhiều phòng thí nghiệm cao cấp trên khắp nước Mỹ đã nghiên cứu hòn đá này từ hai năm qua. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy nằm nguyên ở giữa cục đá này — chứng tỏ nó là nguyên thủy chớ không dính với cái gì ở Trái đất — có những chỗ tụ lại của các phân tử calcium carbonate, một loại hóa chất xây dựng sự sống như chúng ta biết, chẳng hạn trong xương của chúng ta có chất này. Những mảnh phân tử đó tụ lại lớn chừng bao nhiêu trong ruột hòn đá? Xin thưa nó chỉ bằng 5 lần đường kính của sợi tóc.

Xung quanh các phân tử này, người ta còn thấy nhiều chất khác, chẳng hạn hợp chất của nguyên tử sắt. Sắt là nguyên tố cần thiết cho hồng huyết cầu trong máu của chúng ta. Cũng như can-xi (calcium carbonate), sắt là viên gạch góp phần vào việc tạo thành các chất hữu cơ. Ngoài ra người ta còn thấy hợp chất của nguyên tố carbon (than) và khinh khí và đây chính là những thứ tối cần thiết cho sự sống mà chúng ta biết trên Trái đất.

Nhưng khi dùng các loại kính hiển vi điện tử có độ phân giải cao, phóng đại đến độ lớn cả trăm ngàn lần, các nhà khoa học còn nhìn thấy những hình rất nhỏ mà họ gọi là "vi hóa thạch" (microfossils). Đó là những "sinh vật" ở dạng thủy tổ thứ nhất của sự sống, có nghĩa là những vật chỉ có một tế bào. Nó giống như những quả trứng li ti nối nhau thành một chuỗi... Các bạn đừng vội tưởng tượng. Các "vật" đơn tế bào (monocellular) kẹt vào đá từ bốn, năm tỷ năm trước hóa thành đá, chỉ lớn bằng 1 phần 100 đường kính của sợi tóc trên đầu các bạn.

Tất cả sự khám phá chỉ có thế. Nhưng chúng ta hãy bắt chước các nhà khoa học reo lên một tiếng mừng rỡ: Chúng ta không cô độc nữa rồi, quả đã có bằng chứng của sự sống bên ngoài Trái đất của chúng ta, dù Hỏa tinh chỉ là một

hành tinh trong Thái dương hệ này và ở sát nách chúng ta. Quỹ đạo của Hỏa tinh là quỹ đạo láng giềng của Địa cầu, do sự luân chuyển trên quỹ đạo có lúc Hỏa tinh chạy gần Địa cầu nhất, nhưng tính trung bình nó chỉ cách chúng ta khoảng 206 triệu dặm. Chúng ta hãy tạm ngừng sự tưởng tượng đến các khoảng cách ghê gớm xa hơn nữa, mà hãy đóng khung sự tìm hiểu trong vấn đề sự sống ở căn nhà láng giềng này.

Cộng chung tất cả những gì đã tìm thấy trên một cục đá trời nặng trên hai ký lô, người ta có thể chắc chắn đó là những mầm mống của sự sống. Nhưng hãy khoan... nó chỉ là những điều kiện cần thiết nhưng chưa đủ.

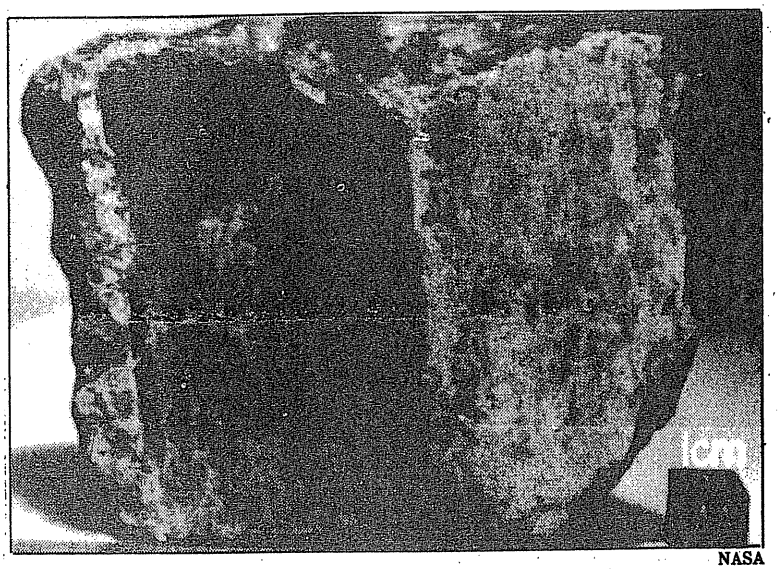

NASA

Khám phá gây chấn động: hòn đá Hỏa tinh có dấu tích sự sống.

Câu hỏi quan trọng nhất đặt ra là cái gọi là mầm mống của sự sống đó có tiếp tục phát triển hay không? Hay nó chỉ đến đó rồi tịt ngòi luôn? William Scopf, một khoa học gia của UCLA, nhìn nhận các vi hóa thạch đó quả thật cũng giống như những vi hóa thạch mà người ta đã thấy trên Trái đất, nhưng ông sẽ tin tưởng nhiều hơn nữa khi các nhà bác học của NASA và Standford tìm thấy hai yếu tố rất quan trọng: đó là cái màng của tế bào (Hỏa tinh) có những tính chất xác định, cho thấy các vật gọi là đơn tế bào đó quả là tế bào của sự sống không phải là những chất vô cơ như những chất vô cơ khác nằm trong hòn đá, nhất là những bằng chứng cho thấy các tế bào đó có thể tự sinh sản được.

Chúng ta hãy nhìn cho kỹ lập luận này. Trong loạt bài về sự sống trong vũ trụ hồi năm ngoái, chúng tôi đã định nghĩa thế nào là sự sống. Trên nguyên lý sơ đẳng nhất, một vật chỉ có thể coi là sống khi nó biết hấp thụ năng lượng và sinh sản. Theo ý thức thông thường (common sense), một vật không sinh con đẻ cái được, làm sao có thể gọi là sống. Vậy các tế bào sinh sản như thế nào?

Trước hết hãy trở lại vài hàng về nguyên tử luận (atomism). Mọi vật trên thế gian đều do nguyên tử tạo thành gọi là nguyên tố (element). Các nguyên tố kết hợp thành phân tử (molecule) để dưa đến các hợp chất hay hóa chất. Có những phân tử nòng cốt cho sự sống như phân tử DNA trong cơ thể chúng ta. Các phân tử có sự sống đó gọi là ông tổ nguyên thủy của sự sống, góp phần họp lại thành tế bào (cell) mà chúng tôi gọi là ông tổ đầu tiên của sự sống... như loài người chúng ta đã biết.

Cái ông tổ đầu tiên đó bắt buộc phải biết sinh ra con. Ông ta sinh ra bằng cách tự phân làm đôi, rồi thành bốn, thành tám, thành 16... cứ thế mãi, với một đặc điểm quan trong là mỗi mảnh tự phân chia ra đó phải giống hệt mảnh nguyên thủy. Hãy nhìn một tinh trùng của người đàn ông chui được vào cái trứng (noãn sào) trong tử cung người đàn bà. Cái tế bào đó tự nó tách ra thành hai, rồi thành bốn, thành tám, v.v...

## Đến tận nơi mà tìm

Muốn biết các tế bào vi hóa thạch tìm thấy trong một cục đá trời có sinh sản được hay không chỉ có cách lền thẳng Hỏa tinh mà tìm. Như một sự ngẫu nhiên kỳ diệu, NASA đang thiếu ngân quỹ thám hiểm không gian, tin vui tìm thấy sự sống trên Hỏa tinh loan ra vào lúc dân Mỹ đang mê *Alien*, khoái *Independence Day*, tự nhiên đem lại một luồng gió vô cùng hào hứng. Quốc hội Mỹ bỗng thấy nói đến đi tìm sự sống trong vũ trụ như một chân lý của cuộc đời và các chính khách trong mùa tranh cử năm nay cũng thấy hào hứng mà kê đơn. Tổng Thống Clinton lên tiếng ca ngợi khoa học vũ trụ và quả quyết NASA sẽ tiếp tục sứ mạng bằng bất cứ giá nào, kể cả việc đưa người lên Hỏa tinh. Còn phe tranh cử của đảng Cộng Hòa kê... tủ đứng. Tham vụ báo chí của ứng cử viên Cộng hòa Bob Dole nói: "Nếu có sự sống trên Hỏa tinh, nó có thể không khác sự sống ở trên Trái đất này bao nhiêu. Dù sao, chắc không thể tìm thấy ở trển một cử tri nào tín nhiệm Bill Clinton đâu."

Bớt khôi hài và trở lại vấn đề khoa học nghiêm chỉnh, người ta thấy NASA có hai chương trình thám hiểm Hỏa tinh bằng tầu vũ trụ không người lái nội trong năm nay. Vào tháng Mười Một 1996, một tầu vũ trụ tự động gọi là

Mars Global Surveyor (Thanh sát Tinh cầu sao Hỏa) sẽ được phóng đi, có nhiệm vụ quan sát và chụp hình toàn thể bộ mặt của hành tinh láng giềng. Nó có máy chụp hình với độ phân giải cao, thí dụ như trên Hỏa tinh có một chiếc xe hơi, nó cũng chụp hình được rất rõ.

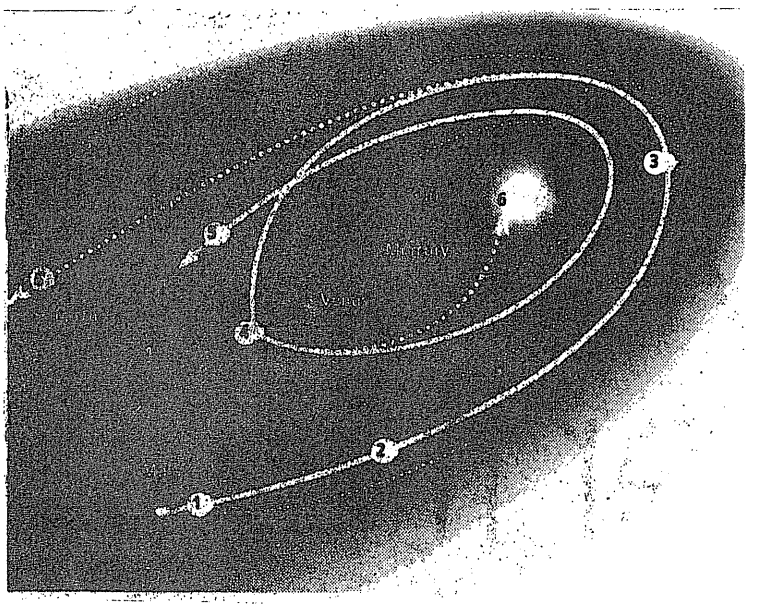


Câu chuyện bắt đầu từ 15 triệu năm trước, khi một đá trời đánh vào sao Hỏa, làm văng ra một mảnh. Hình một phần của Thái dương hệ từ Hỏa tinh (1) đến Trái đất (5). Mặt trời nằm giữa: một trái cầu sáng khổng lồ.

Đến tháng Mười Hai năm nay, tầu vũ trụ tự động gọi là Mars Pathfinder (Tìm đường trên Hỏa tinh) sẽ được phóng lên. Nó có nhiệm vụ thả xuống Hỏa tinh một chiếc xe tự động — có thể tạm đặt tên là Hỏa tinh xa (LTS: Tiếc là không gọi cho gọn là... Hỏa xa được!) — để bò đi khắp nơi, chụp hình và lấy những mẫu đất mảnh đá trên đó rồi tự động phân chất tại chỗ, gửi kết quả về Trái đất. Mars Pathfinder sẽ đến Hỏa tinh vào ngày... Independence Day năm 1997.

Kể từ khi các nhà thiên văn nhìn thấy những vệt mà họ tưởng là kênh đào trên Hỏa tinh từ hai thế kỷ trước đây, loài người đã có nhiều tưởng tượng về sự sống trên Hỏa tinh. Câu chuyện dân gian "người nhỏ và xanh" đã xuất phát từ những tưởng tượng về giống người trên Hỏa tinh. Nhưng khoa học hiện đại không có chỗ cho những phỏng đoán hay tưởng tượng hão huyền nữa. Cho đến nay đã có nhiều cuộc thám hiểm Hỏa tinh bằng các con tầu không người lái.

Năm 1962, Liên Sô phóng con tầu Mars 1 nhưng thất bại, khi gần đến Hỏa tinh, tầu mất liên lạc.

Năm 1965, Mỹ phóng tầu Mariner 4 bay sát Hỏa tinh, chỉ còn cách 6,118 dặm, để chụp hình. Các hình ảnh cho thất rõ những hố lớn do các thiên thạch đánh vào Hỏa tinh gây ra. Các viễn vọng kính Địa cầu không thể nhìn thấy các hố này.

Năm 1969, các tầu Mariner 6 và 7 của Mỹ bay sát Hỏa tinh chỉ còn cách 2,000 dặm.

Năm 1971-72, tầu Mariner 9 của Mỹ bay xung quanh Hỏa tinh trên quỹ đạo chỉ cách mặt sao Hỏa có 1,000 dặm.

Năm 1971, Liên Sô phóng Mars 2 và Mars 3 bay xung quanh Hỏa tinh. Mars 2 thả xuống sao Hỏa một thùng chứa dụng cụ nhưng thùng này rớt bể nát. Mars 3 thả xuống một thùng và nó đã từ từ hạ xuống Hỏa tinh nhờ có dù đỡ. Đây là lần đổ bộ dụng cụ đầu tiên của loài người lên Hỏa tinh, nhưng khốn thay, sau 20 giây truyền tin khi xuống tới nơi, máy đã im lặng.

Năm 1974, Liên Sô phóng Mars 4 nhưng trượt qua Hỏa tinh, không ghé lại được vì thắng của hỏa tiễn bị hư. Hai ngày sau Mars 5 vào quỹ đạo, nhưng chỉ chụp hình được có vài ngày là rồi máy liệt luôn. Mars 6 bay sát Hỏa tinh, phóng xuống một thùng dụng cụ, nhưng thùng này rớt bể tan nát. Mars 7 cũng bay sát Hỏa tinh để phóng một thùng dụng cụ, nhưng thùng này... trượt ra ngoài.

Năm 1976, tầu vũ trụ Viking 1 của Mỹ hạ cánh xuống một vùng như sa mạc ở gần đường xích đạo Hỏa tinh vào tháng Bảy. Đến tháng Chín tầu Viking 2 hạ xuống ở nơi cách đó xa hơn về phía Bắc. Cả hai tầu này đã truyền về Trái đất những hình ảnh rất rõ.

Năm 1988, Liên sô phóng lên Hỏa tinh hai tầu vũ trụ. Tầu thứ nhất bị lạc luôn vào không gian, còn tầu thứ hai mất liên lạc trước khi nó rớt vào Hỏa tinh và vỡ tan.

Lần này các nhà khoa học Mỹ hy vọng tìm thấy gì?

## Óc tưởng tượng của con người

Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng ta hãy tìm sự trả lời cho một câu hỏi khác có vẻ bình dân hơn: Nếu bảo đã tìm thấy mầm mống của sự sống trên Hỏa tinh, vậy tại sao các hình ảnh chụp được cho đến nay chỉ thấy Hỏa tinh là một trái cầu trần trụi, bề mặt hầu như cảnh sa mạc hoang vu, lỗ chỗ những hố "bom" đá trời khổng lồ, sự sống nếu đã bắt đầu thì nay nó ở đâu?

Có nhiều câu trả lời. Hỏa tinh là một trái cầu

nhỏ hơn Trái đất, đường kính của nó chỉ đo được 4,223 dặm (đường kính Trái đất 7,930 dặm và Mặt trăng 2,100 dặm). Hỏa tinh nhỏ nên hấp lực của nó nhỏ, nó chỉ có thể giữ được một bầu khí quyển mỏng mà các nhà khoa học đã phân tích gồm các thứ hơi như carbon dioxide, nitrogen, argon, carbon monoxide và oxigen (dưỡng khí). Phần dưỡng khí có ít và khinh khí càng hiếm. Có thể vì lý do đó nên sự sống chỉ phát triển trên Hỏa tinh đến một độ nào đó thôi rồi bị tiêu diệt.

Thế nhưng cũng không nên quên Hỏa tinh sinh ra trước Trái đất, ít nhất cũng 500 triệu năm và nhiều nhất có thể đến hàng tỷ năm. Hỏa tinh già hơn Trái đất, tạm coi như 500 triệu năm đi. Nếu sự sống trên Hỏa tinh phát triển như trên Trái đất, vậy các loài thông minh ở trên đó nay ở đâu?

Hãy đặt câu hỏi này vào chính loài người chúng ta. Chúng ta sinh sau Hỏa tinh 500 triệu năm, vậy câu hỏi nói trên cũng ứng dụng cho chúng ta ngày nay: Vào khoảng 500 triệu năm sau đây loài người chúng ta sẽ ra sao?

Thôi đừng nói đến hàng trăm triệu năm nữa cho mệt, hãy nói đến 100 năm, một thế kỷ, vì cụ Tiên Điền Nguyễn Du của chúng ta có câu "Trăm năm trong cõi người ta." Đừng nói đến 100 năm trong tương lai mà hãy đo lại 100 năm chúng ta vừa đi qua.

Một trăm năm trước chúng ta chưa biết gì về nguyên tử năng, vệ tinh nhân tạo, chưa có máy bay chở khách, vậy mà bây giờ chúng ta có phi thuyền con thoi lên quỹ đạo, chúng ta đổ bộ lên Mặt trăng... chưa kể đến *computer* và các bộ óc nhân tạo. Và cũng chỉ trong vòng có 100 năm qua loài người có hai lần đại chiến nóng trên thế giới và một lần chiến tranh lạnh với lưỡi gươm tử thần hạt nhân tận diệt lúc nào cũng lơ lửng trên đầu. Đặc biệt chỉ trong một trăm năm đó, những tiến bộ của loài người trong ba chục năm gần đây và vào những năm cuối thế kỷ 20 này đã nhanh gấp ngàn lần những tiến bộ của thế kỷ trước và còn tiếp tục nhanh hơn nữa trong thế kỷ tới... Vậy mà hỏi 500 triệu năm nữa ra sao, có lẽ chỉ có trời biết.

Có lẽ loài thông minh nào đó trên Hỏa tinh đã đạt được mức kỹ thuật tuyệt vời mà chui xuống dưới đất để sống hoặc di cư đi các hành tinh khác trước khi Hỏa tinh bị khô cằn. Có lẽ họ đã đạt đến mức độ thượng thừa nên đã hóa thành vô hình vô sắc... Và biết đâu họ đang sống chung với chúng ta mà chúng ta không biết, vì hành tinh đầu tiên mà họ di tản phải là hành tinh gần nhất...

Đến đây trí tưởng tượng của chúng ta không còn giới hạn nào nữa. Chúng tôi nghĩ chúng ta đã có thể trở lại với bài kỳ trước về UFOlogy, nó nằm trong loạt bài "Có ai ở ngoài đó không?" kể từ số báo *Thế Kỷ 21* tháng Năm 1996.■


# LỊCH SỬ THẾ GIỚI

**Nguyễn Hiến Lê**

- Bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** được xuất bản lần đầu năm 1955 là tổng hợp chọn lọc 20 tác phẩm Sử học của các tác giả chuyên về ngành Sử như A. Bossuet, Pierre Meille, Henri Arvon, Louis Renou, Will Durany, H. G. Wells, A. Nobet, Lam Mạnh Bác, Đào Duy Anh ...
- Công trình tổng hợp này kéo dài từ thời Tiền Sử của con người cho đến Thế Chiến Thứ Hai, mô tả những biến cố lớn của nhân loại, quá trình hình thành các cuộc cách mạng chính trị, tư tưởng, tôn giáo, kỹ nghệ, kinh tế ... cũng như sự hình thành và tàn lụi của các đế quốc.
- Vì tác phẩm này mà tác giả "bị mạt sát là đầu óc đầy rác rưởi" (vì nhắc đến thuyết Darwinism) và tác phẩm bị Bộ Giáo Dục dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa cấm dùng để giảng dạy (vì nhắc đến sự "bê bối của vài vị Giáo Hoàng thời Trung Cổ").
- Thể theo lời yêu cầu của một số độc giả muốn có bộ Sử quý giá này, cũng như muốn sưu tập toàn bộ tác phẩm của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho tái bản bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** này. Sách dày 775 trang, giá 25 Mỹ kim, có bán tại các hiệu sách hoặc có thể liên lạc thẳng với nhà xuất bản Văn Nghệ để mua trực tiếp.

**VĂN NGHỆ**
**P.O. Box 2301**
**Westminster, CA 92683 - USA**
**Phone: (714) 527-5761**

# NỀN KINH TẾ DƯỚI GẦM BÀN

Trong một bài báo ở Sài Gòn, tác giả Hải Châu đã viết về "Nền Kinh Tế Dưới Gầm Bàn." Ông loan tin Việt Nam vẫn được Ngân Hàng Thế Giới xếp vào hạng trong số 20 nước nghèo nhất thế giới. Nhắc lại một cuộc hội thảo của các doanh nghiệp có vốn nước ngoài đầu tư, cuối tháng Năm 1996, ông kể: "Hiếm có nhà đầu tư nào nói công khai trên các diễn đàn về tệ tham nhũng, song ở nơi 'hành lang' họ vẫn than phiền không không ít về cái gọi là 'nền kinh tế dưới gầm bàn.'" (*)

Nạn tham nhũng có ở khắp nơi trên thế giới, nhưng tham nhũng một cách có hệ thống, toàn diện, từ trên xuống dưới thì một số nước chiếm "đỉnh cao," trong đó có Việt Nam. Trong nước nhiều người đã kêu gọi chống tham nhũng. Chính phủ Hà Nội có cả một ông Bộ trưởng phụ trách Ban Chỉ đạo Chống Tham Nhũng và Chống Buôn Lậu. Vậy tại sao loay hoay chống tham nhũng hết năm này sang năm khác mà tham nhũng vẫn là quốc nạn?

Chuyện tham nhũng, xét cho cùng, là một vấn đề kinh tế. Người làm quan tham nhũng và người dân đi hối lộ trao tiền bạc (hay hiện vật,) đổi lấy dịch vụ, như trong bất cứ thị trường nào khác. Muốn trừ tham nhũng thì phải tìm hiểu thị trường tham nhũng nó vì đâu sinh ra.

Hãy lấy một thí dụ về Thị Trường Chứng Khoán. Một công ty ở Mỹ muốn ghi danh (đăng ký) trên thị trường chứng khoán ở New York (NYSE) chẳng hạn, phải hội đủ một số điều kiện. Họ phải có tài sản lớn cỡ nào đó, tỷ lệ nợ trên vốn nhỏ vừa phải thôi. Họ phải từng phát hành cổ phần, số cổ phần lưu hành đủ lớn, nếu ít quá thì cũng chả có dịp cho người mua kẻ bán, đăng ký làm gì vô ích. Vân vân.

Muốn đăng ký trên NYSE có phải hối lộ hay không? Không, chỉ cần hội đủ các điều kiện của NYSE. Họ quảng cáo cho mọi người ai cũng biết các điều kiện của họ. Mỗi thị trường đặt các thủ tục và điều kiện riêng. Thị trường AMEX, cũng ở New York, đòi các điều kiện dễ hơn NYSE để lấy khách. Họ cạnh tranh nhau cho người ta đăng ký. Thủ tục, điều kiện là để bảo đảm phẩm chất của xí nghiệp đăng ký, và bảo đảm tự do cạnh tranh khi mua bán, không ai bị lừa.

Nhưng ở Seoul, Đại Hàn thì khác. Mới tháng trước, Thống đốc Cơ quan kiểm soát Chứng khoán và Thị trường (SEC) ở Seoul và một giám đốc ở bộ Tài chánh đã bị bắt về tội nhận hối lộ trong việc giúp một số công ty đăng ký vào Thị trường Chứng khoán. Sáu công chức bộ Tài chánh phải từ chức.

Tại sao cái thị trường chứng khoan ở bờ sông Hudson thì không có hối lộ, mà mang đến trồng ở bên ông Hàn lại sinh ra "trái cây hối lộ?" Không phải vì phong thổ khác nhau, mà vì bên Mỹ vốn là xứ tự do, bên Đại Hàn theo chế độ độc tài - suốt từ khi lập thị trường chứng khoán cho đến nay nạn độc tài mới bớt.

Vì sao "nhân" độc tài sinh ra "quả" hối lộ và tham nhũng? Có hai lý do chính. Một là họ không có luật lệ rõ ràng, công khai minh bạch, mà quá trông mong vào "sự sáng suốt" cũng như "phẩm chất" của các viên chức, thay mặt dân quyết định cho dân. Hai là họ đặt ra quá nhiều thủ tục, luật lệ, giấy tờ để hạn chế quyền tự do kinh tế của người dân. Khi hạn chế tự do của dân thì đương nhiên tăng quyền hạn của các viên chức nhà nước. Bộ máy hành chánh nước nào cũng sinh sản ra các thủ tục rắc rối, vì họ sống nhờ thứ phân bón đó.

Thí dụ ở Đại Hàn. Từ năm 1990, bộ Tài chánh đặt "kô ta" (Quota) số công ty được đăng ký, mỗi ba tháng. Ở đó các viên chức SEC có thẩm quyền khá rộng rãi, quyết định cho công ty nào trong số những công ty đang chờ, được đăng ký. Hiện có 360 công ty đang xếp hàng chờ đợi.

Tự nhiên có một thị trường nẩy sinh: bên có quyền, bên có tiền và cần đăng ký, hai bên trao đổi theo luật cung cầu - ở dưới gầm bàn. Ai đã từng đăng ký xuất ngoại ở Việt Nam đều biết khi có cầu là có cung, thị trường tham nhũng mọc ra liền. Ngày 12 tháng Bẩy, chính phủ Đại Hàn, sau khi bắt giam hai quan to, đã thay đổi: họ bỏ luôn "kô ta," đặt ra thủ tục đăng ký minh bạch, theo lối Mỹ.

Trong bốn con rồng Á châu thì Hồng Kông được tiếng là xứ có một bợ máy hành chánh trong sạch và hữu hiệu nhất. Tại sao họ lại thanh liêm hơn người đồng chủng ở Đài Loan và Hoa Lục? Không phải tại họ theo một cái "chủ nghĩa Quân Tử Tầu" nào, hay là họ có nhiều nghị quyết chống tham nhũng hơn xứ khác. Lý do chính là công chức ở Hồng Kông, theo truyền thống Anh quốc, có rất ít quyền hành. Luật lệ giản dị và công khai hết cả rồi, không ai mua họ được, vì họ chẳng có nhiều thứ để bán!

Khi người ta đặt ra quá nhiều thủ tục, luật lệ rắc rối, để trao quá nhiều quyền quyết định cho các viên chức, là người ta gieo hạt giống tham nhũng. Các vị viên chức lại có tài đặt ra thêm thủ tục, giấy tờ, để cho dân bớt tự do, còn họ thì có thêm nhiều quyền định đoạt hơn. Cứ thế, tham nhũng bố đẻ ra tham nhũng con. Muốn chữa trị thì chỉ có một liều thuốc: tự do về kinh tế. Phải theo qui tắc này: "Những sinh hoạt kinh tế của người dân phải được tự do." Khi đặt ra thủ tục mới thì tự hỏi có cần thiết để bảo vệ tự do làm ăn của dân hay không? (như để bảo đảm sự cạnh tranh công bằng, tin tức kế toán trung thực, chống liên kết làm giá bóc lột người tiêu thụ, v.v.) Không nên đặt ra các thủ tục chỉ để giúp nhà nước thêm quyền kiểm soát. Các thủ tục giấy tờ cũ thì phải đem xét lại coi có cần thiết cho nền kinh tế không, theo qui tắc trên.

Tất nhiên muốn áp dụng qui tắc đó thì phải thay đổi cái đầu của nhà nước, còn gọi là đổi mới tư duy. Cái đầu còn cứ nghĩ mình có thiên mệnh trị dân thì không thể đổi mới được.

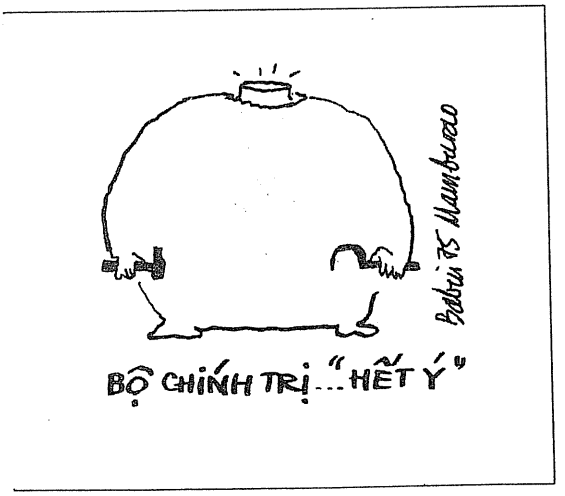


Trong bài báo của Hải Châu, ông bắt mạch đúng các triệu chứng của căn bệnh: " ...Các thủ tục hành chánh gây tốn kém thời giờ... giản tiện được khâu này lại phình ra phiền hà ở khâu khác... có cán bộ đã tự vẽ ra những thủ tục..." Nhưng căn bệnh ở đâu? Theo Hải Châu thì vì "sự sa sút phẩm chất của ... cán bộ được giao quyền hạn." Nói vậy cũng vẫn chỉ là xem bệnh ngoài da mà thôi. Mang một người có phẩm chất vào guồng máy đó coi, sáu tháng, một năm sẽ đổi, mà nếu còn phẩm chất thì sẽ bật ra ngoài.

Bệnh trong xương tủy là chế độ độc tài. Còn chế độ độc tài, độc quyền báo chí, độc quyền lập đảng, lập hội, thì còn dung túng một hệ thống cai trị "không cần pháp luật mà chỉ cần cán bộ trung thành." Cứ như vậy sẽ nuôi dưỡng "Nền kinh tế dưới gầm bàn" mãi mãi. Và các người đầu tư ngại quốc sẽ cúi chào quay đi nơi khác.

(*) *Bài báo đăng trên* Thanh Niên, *ngày 11 tháng 7 năm 1996.*

# NHÂN QUYỀN VÀ NHÂN PHẨM

Một phụ nữ người Nam Hàn mới bị tòa án ở Sài Gòn xử ba tháng tù treo. Bà Jang Mi Baek là một đốc công — được báo chí Sài Gòn gọi là "chuyên gia" mà không biết chuyên về cái gì — của công ty chế tạo giầy Sam Yang, tên Đại Hàn, vốn Đại Hàn. Bà Jang đã bắt 15 cai thợ người Việt xếp hàng, dùng những chiếc giầy may hư đánh vào đầu, vào mặt họ. Chuyện này xẩy ra vào tháng Ba vừa qua.

Bản án của phiên tòa ở Sài Gòn kết tội bà Jang đã "làm nhục người khác." Tội công khai làm nhục người khác, 15 người lao động bản xứ, chỉ bị phạt ba tháng tù, mà lại là án treo. Công lý cho người lao động ở Sài Gòn bây giờ đã nghiêng về phía chủ nhân, nhất là chủ nhân ngoại quốc. Nhưng khi bản án nêu tội danh là "Làm nhục người khác," quan tòa cũng cho thấy một cách nhìn vấn đề lao động khác với lối nhìn ở Tây phương.

Trong phiên họp giữa các nước ASEAN và nhiều nước Âu, Á, ở Jakarta tháng trước, ngoại trưởng Hoa Kỳ Christopher cũng nêu lên "vấn đề dân chủ và quyền lợi lao động" ở các nước Đông Nam Á. Ông nói "Vấn đề lao động sẽ gắn liền với vấn đề mậu dịch" trong cuộc thảo luận ở Tổ Chức Mậu Dịch Thế giới (WTO) vào tháng Mười Hai năm nay.

Khi nói đến vấn đề lao động, ông Christopher chú ý đến "Quyền." Người lao động có những quyền căn bản, ngoài quyền được trả lương. Thí dụ như quyền an toàn nơi làm việc, quyền được nghỉ khi ốm đau, quyền hưởng lương cao nếu

làm giờ phụ trội, hưởng bồi thường lao động khi bị tai nạn nghề nghiệp, v.v. Nhưng quan trọng nhất là quyền lập nghiệp đoàn để tự bảo vệ với tính cách một tập thể. Đây là những điều mà nước Mỹ cũng như các nước Âu châu đang đòi hỏi cho người lao động ở Á châu, như là một điều kiện cho việc mậu dịch tự do với vùng này. Đối với họ, việc bạc đãi các người lao động ở Việt Nam, Miến Điện hay Indonesia khiến cho các chủ nhân ở những nước này có lợi thế hơn các chủ nhân ở Âu Mỹ trong việc mua bán, là không công bằng khi trao đổi kinh tế. Các chủ nhân đó, phần lớn lại là nhà nước, người nước ngoài, hay phe đảng cầm quyền.

Các đòi hỏi tôn trọng quyền lao động như thế đều đáng hoan nghênh. Nhưng muốn nâng cao đời sống của người lao động ở Á châu thì phải kích thích chính họ đứng ra tự tranh đấu cho quyền lợi của họ. Mà muốn kích thích người dân Á châu tranh đấu, thì nói đến quyền lợi không chưa đủ. Điều làm cho người ta đứng dậy đấu tranh không phải chỉ là Quyền. Đối với nhiều người, Nhân Phẩm quan trọng hơn là Nhân Quyền. Con người muốn sống có tư cách, có phẩm giá, không chịu nhục.

Đó chính là một điều mà tòa án ở Sài Gòn xử bà Jang Mi Baek đã vô tình nhắc đến. Công ty Sam Yang có thể bồi thường tiền bạc cho các công nhân bị đánh. Điều đó cũng không bù lại được với nỗi nhục mà họ đã phải chịu khi bị đối xử như các con người không có phẩm giá. Bị đánh đập trước công chúng là nhục. Bị đánh bằng giầy và đánh vào đầu, đối với người Á Đông, lại càng nhục nhã hơn.

Người Tây phương hay chú ý đến *Nhân Quyền*, vì nguồn gốc văn hóa duy lý của họ. Từ trước cuộc Cách mạng Dân chủ, người dân Âu châu bị lệ thược vào các định chế phong kiến và tôn giáo hơn dân Á Đông nhiều lắm. Sau khi làm cách mạng, họ đòi hỏi quyền, vì đó là dấu hiệu của phẩm giá. Người có lý trí trọng công bằng, dựa trên sự tính toán, hay so sánh quyền lợi. Xã hội Tây phương xử với nhau bằng sự so sánh quyền lợi, nên coi đấu tranh, biện luận là nếp sống bình thường.

Văn hóa Đông phương coi *Nhân Phẩm* quan trọng không kém, có khi còn cao hơn quyền lợi. Vì trong truyền thống Á đông, vai trò của lý trí không được đề cao như ở Tây phương. Trong lịch sử, người dân Á Đông cũng không bị lớp lãnh đạo, chính trị hay văn hóa, đè nén như dân Tây phương. Thay vì đấu tranh, thái độ xã hội thông thường là hòa hoãn và hợp tác. Từ khi văn hóa Tây phương tràn sang, người Á Đông mới học được cách đối đãi với nhau dựa trên quyền lợi. Không thể nói chuyện dân chủ nếu không nói đến quyền của người dân.

Trong một cuốn sách mới xuất bản, *Xã Hội Sống Có Tư Cách - The Decent Society* , triết gia Avishai Margalit người Israel đã đưa tiêu chuẩn "Sống có tư cách" - thay thế cho tiêu chuẩn "Sống trong công lý," mà các nhà tư tưởng Âu Mỹ thường coi là giá trị quan trọng nhất trong tổ chức xã hội. Ông Margalit nói "một đời sống không nhục nhã, cho mọi người sống có tư cách," là điều mà các tổ chức xã hội phải đạt đến. Theo ông, một nhà nước không bảo vệ được

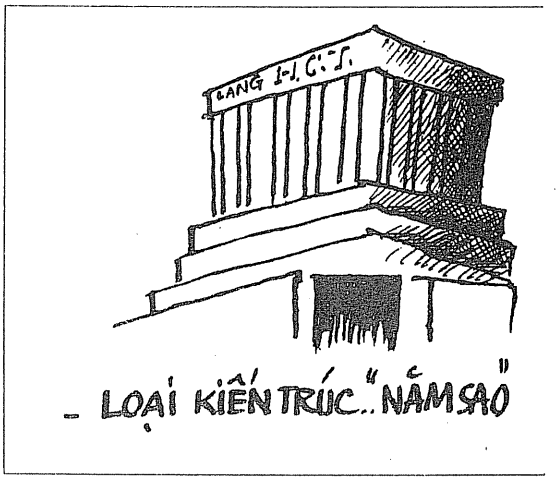


cuộc sống có nhân phẩm cho dân thì đó là một sự thất bại. Nhưng ông cũng đặt tiêu chuẩn Sống Có Tư Cách sau khi bảo đảm rằng xã hội không có áp bức và bóc lột, nghĩa là vấn đề quyền lợi đã giải quyết thỏa đáng.

Nhưng thế nào là gọi là mất nhân phẩm? Những hành động làm con người mất sự kính trọng của người khác đều làm mất nhân phẩm. Khi một người bị mất quyền tự làm chủ đời mình, bị đối xử như trẻ em chưa có trí khôn, hay tệ hơn, như thú vật, đó là bị sỉ nhục. Margalit cho là các triết gia Tây phương, nhất là Mỹ, bị ám ảnh quá đáng về "Công bằng," về "Quyền hiến định" mà không chú ý đến "Nhân phẩm." Nhưng quan niệm về Nhân phẩm tùy thuộc vào truyền thống văn hóa mà khác nhau.

Trong nền văn hóa Việt Nam, Nhân phẩm cũng quan trọng hơn cả Nhân Quyền. Chúng ta biết rằng phẩm giá con người không thể tồn tại nếu họ không có quyền sống tự do. Nhưng đối với người Á đông, Nhân quyền không phải là cứu cánh. Chúng ta đòi sống tự do vì đó là cách tổ chức đời sống duy nhất bảo đảm phẩm giá của chúng ta. Tước đoạt tự do của con người là đối xử với họ như loài hạ đẳng. Cho nên chúng ta vẫn tranh đấu cho quyền tự do của các dân tộc Đông Nam Á, trong đó có quyền của người lao động vẫn là ưu tiên.

Nhưng chúng ta cần hiểu rằng điều khích động nhất đối với các người dân Miến Điện, Việt Nam, Trung Quốc, chính là việc bảo vệ Nhân phẩm. Nói về việc bảo vệ Nhân phẩm là

nói đúng ngôn ngữ của họ. Người lao động ở Sài Gòn cần được tôn trọng phẩm giá. Lương bổng, điều kiện làm việc, nghiệp đoàn tự do, v.v. không phải là các đòi hỏi quyền lợi kinh tế, chính trị mà thôi. Đó chính là những điều kiện tối thiểu để bảo vệ phẩm giá của người lao động. Bản án ba tháng tù treo cho bà Jang Mi Baek liệu có giúp bảo vệ nhân phẩm của các công nhân Việt Nam hay không?

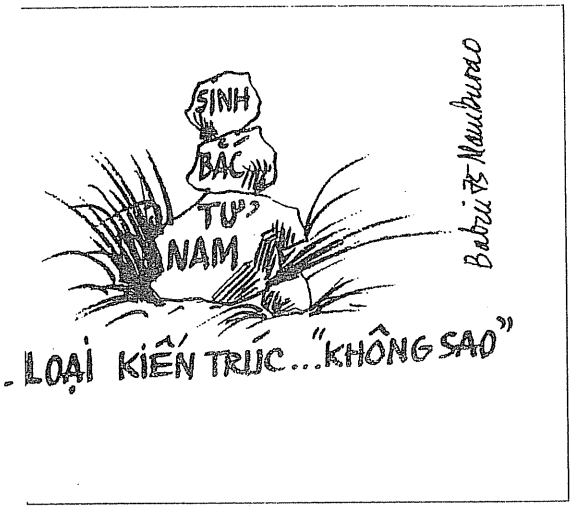


# TÂY PHƯƠNG VÀ KHỐI HỒI GIÁO

Nền ngoại giao Mỹ tháng trước phải đối phó với một thách đố: Thổ Nhĩ Kỳ ký kết với Iran một thỏa ước mua dầu khí trị giá 20 tỷ mỹ kim trong 23 năm. Chính phủ Mỹ vừa ra luật trừng phạt các công ty ngoại quốc đầu tư vào Iran và Lybia, sau khi đã có đạo luật tương tự đối với Cuba. Bộ ngoại giao Mỹ đã vận động chính phủ Thổ đừng giúp Iran xuất cảng dầu khí, nhưng vô hiệu. Chưa đầy một tuần, Thổ Nhĩ Kỳ lại chuẩn bị ký với Irak một hợp đồng, trị giá một tỷ, chở dầu khí của xứ này qua đất Thổ, đến một hải cảng trên Địa Trung Hải.

Nhưng các dự án với Iran và Irak, và việc chính phủ Thổ Nhĩ Kỳ làm ngơ các lời yêu cầu của Mỹ ngăn cản dự án đó, không thật sự quan trọng bằng ý nghĩa hàm chứa trong liên hệ thương mại giữa ba nước Hồi Giáo. Đằng sau đó, là sự thách thức tiềm ẩn của cả khối Hồi giáo đối với khối Tây phương. Không ai có thể quên lịch sử tranh hùng từ hơn ngàn năm qua giữa hai khối, và viễn tượng của một cuộc đối đầu trong thế kỷ sắp tới. Nhiều người đã nhìn xa thấy lịch sử thế kỷ 21 sẽ là lịch sử những vụ va chạm giữa các khối văn hóa lớn: Tây Phương, Hồi Giáo, Nga, và Á Đông.

Thổ Nhĩ Kỳ có 63 triệu dân, đa số theo Hồi giáo. Nhưng Thổ cũng là thành viên của khối Minh Ước Liên Phòng Bắc Đại Tây Dương (NATO), và là một đồng minh mật thiết của Hoa Kỳ trong suốt thời kỳ chiến tranh lạnh. Căn cứ không quân của NATO, hay của Mỹ, ở Thổ có vị trí chiến lược quan trọng, vì nước Thổ nằm giữa hai lục địa Âu, Á. Thổ nằm bên vùng Trung Đông đầy mâu thuẫn giữa khối Á Rập Hồi Giáo và Do Thái. Nhưng chính phủ Thổ hiện nay lại là chính phủ đầu tiên do một "Đảng Hồi giáo" lãnh đạo. Đảng Refah (Phúc Lợi) chiếm 158 trong số 550 ghế dân biểu trong cuộc bầu cử năm ngoái, gần đây đã liên hiệp với đảng Chân Đạo (135 ghế) của bà Tanzu Ciller, một cựu thủ tướng, để nắm quyền.

Thủ tướng Thổ hiện nay, ông Erbakan đã từng ca ngợi cuộc cách mạng Hồi giáo ở Iran năm 1979, lật đổ chế độ thân Mỹ. Ông vẫn nói nước ông cũng cần một cuộc cách mạng như vậy. Nhiều thành phố ở Thổ đã bầu thị trưởng thuộc đảng Refah. Ở vài nơi họ ra lệnh cấm các quán ăn bán rượu, theo lối Iran. Đảng Refah chuyên vận động và giúp đỡ, tổ chức đám dân nghèo ở các đô thị. Họ đang kiểm soát chính quyền ở thủ đô Ankara cũng như thành phố Istambul. Ông Necmettin Erbakan từng nêu khẩu hiệu "Một Trật Tự Thế Giới Hồi Giáo Mới." Ông cũng chủ trương phải thành lập một Liên Hiệp Hồi Giáo, như Liên hiệp Âu châu, và một khối Liên Phòng Hồi Giáo, giống kiểu NATO.

Ông Erbakan đã ký kết thỏa ước với Iran trong trạm dừng chân mở đầu chuyến viếng thăm chính thức bốn quốc gia Hồi giáo. Sau Iran, ông đi thăm các nước Pakistan, Mã Lai Á, rồi Indonesia. Indonesia là nước đông tín đồ Hồi Giáo nhất thế giới.

Trước khi lên cầm quyền hồi đầu tháng Bẩy, ông Erbakan đã chống lại việc triển hạn cho phép phi cơ của khối NATO cất cánh từ sân bay ở Thổ để kiểm soát phía bắc Irak nhằm bảo vệ người Kurd thiểu số. Vì áp lực của Mỹ và quân đội, ông đã nhượng bộ gần đây. Đầu tháng Tám, quốc hội Thổ biểu quyết cho phi cơ Mỹ tiếp tục bay thám thính. Đổi lại, Hoa Kỳ chấp nhận giảm bớt phong tỏa, cho Irak bán thêm dầu để mua thực phẩm và thuốc men, mà Thổ Nhĩ Kỳ cung cấp phần lớn. Từ khi có chính sách phong tỏa dầu Irak, Thổ Nhĩ Kỳ đã thiệt hại 20 tỷ mỹ kim.

Chiến lược ngoại giao Mỹ ở vùng Trung Đông và Cận Đông tùy thuộc vào đồng minh Thổ Nhĩ Kỳ. Thổ đã giúp Mỹ trong việc trang bị và huấn luyện quân Hồi giáo ở Bosnia. Những toán quân này lại được Iran tài trợ. Đối địch với họ là quân Serbe thân Nga, vì cùng giống Slave và cùng tôn giáo. Thổ bắc cầu liên lạc với các nước Hồi Giáo ở Trung Á, trước kia thuộc Liên Bang Xô Viết, nhiều nước đầy dự trữ dầu lửa, để giúp các xứ mới này hiện đại hóa, theo nghĩa là

gần Tây phương hơn. Thổ là nước Hồi giáo nhất định "Âu hóa" từ thời Mustafa Kemal. Một hậu quả là chế độ dân chủ thế tục thành hình, không để tôn giáo khống chế.

Một nước Thổ trở lại trong vòng ảnh hưởng của Thần quyền sẽ làm rạn nứt cả chiến lược đồng minh của Mỹ và Tây Âu. Mới đầu năm, Thổ và Hy Lạp đã gây đổ máu vì một hòn đảo nhỏ. Hai nước cựu thù này đều thuộc khối NATO. Erbakan cũng là một mối lo của cả Do Thái lẫn Ai Cập. Ông ta thường cổ võ du kích quân Hồi giáo Hamas vẫn khủng bố Do Thái, cũng như nhóm Huynh Đệ Hồi Giáo từng vận động lật đổ chính phủ Mubarak ở Ai Cập. Đảng Refah lại là đảng đang lên ở Thổ, sau khi dân chúng chán nản với các đảng cũ, vì nạn tham nhũng tràn lan trong giới chính trị. Lực lượng thân Tây phương mạnh nhất ở Thổ bây giờ là quân đội. Không ai muốn có một cuộc đảo chính, nếu trong kỳ bầu cử tới đảng Refah chiếm đa số. Hy vọng của Tây phương là sau hai năm, ông Erbakan sẽ phải nhường chức vụ thủ tướng cho bà Ciller, theo thỏa hiệp khi hai đảng liên hiệp. Hy vọng lớn hơn nữa là đa số dân chúng Thổ Nhĩ Kỳ (80%) vẫn muốn giữ thể chế dân chủ độc lập với tôn giáo.

# TRANH CỬ Ở MỸ

Mùa tranh cử ở Mỹ chỉ bắt đầu sau khi Thế Vận Hội Atlanta bế mạc. Điều đó dễ hiểu: Dân Mỹ không thể coi cả hai chương trình ti vi một lúc. Sau đại hội đảng Cộng Hòa ở San Diego, đến đại hội đảng Dân Chủ ở Chicago.

Trong tháng Tám, quốc hội Mỹ đã thông qua một số đạo luật kỷ lục mà hai năm qua hai đảng đã bàn cãi, công kích nhau, rồi thỏa hiệp để được tổng thống Clinton ban hành:

— Một đạo luật Cải tổ chương trình Xã hội (Welfare) trong đó người di dân hợp pháp bị thiệt thòi nhất. Người di dân bất hợp pháp không được cho con đi học miễn phí nữa.

— Một đạo luật Cải tổ Y tế cho phép người đổi việc có thể tiếp tục mang theo hợp đồng bảo hiểm y tế từ sở cũ sang sở mới, không bị xét lại từ đầu. Một đạo luật chấm dứt việc thừa nhận quốc tịch Mỹ của những đứa trẻ do cha mẹ sống bất hợp pháp ở Mỹ sinh ra.

— Một đạo luật nâng Lương tối thiểu của công nhân từ $4.25 lên $5.15 một giờ.

Các đại hội đảng được tổ chức như những chương trình Ti vi, nhắm làm cho khán giả thấy các hình ảnh và nghe những điều mà mỗi đảng muốn họ thấy. Đảng Cộng Hòa nhấn mạnh đến sự đoàn kết trong đảng, nhất là khi hai ứng cử viên Bob Dole, tổng thống, và Jack Kemp, phó tổng thống, có lập trường đối nghịch với nhau và không tiếc lời đả kích nhau. Như vậy, để có hình ảnh đoàn kết và hòa hợp, hai ông đều thay đổi lập trường, mỗi người một chút.

Chủ tịch đảng Cộng Hòa, ông Haley Barbour chế riễu tổng thống Clinton là "có tài như con chim Humming Bird," có thể vỗ cánh trên không rồi quay 180 độ. Ông Dole cũng tài không kém. Xưa nay ông vẫn chống đối việc cắt giảm thuế, sợ làm ngân sách khiếm hụt. Ngày nay điểm chính trong chương trình tranh cử của ông là cắt 15% đồng loạt các suất thuế. Ông Kemp xưa nay là một người tích cự bênh vực các di dân và các nhóm người thiểu số, nay thì ông cũng đồng ý với phe bảo thủ trong đảng bãi bỏ các quyền ưu tiên cho người thiểu số. Tiểu bang California là nơi mà ác cảm với di dân mạnh nhất, vì họ ở ngay biên giới Mễ Tây Cơ, nơi các di dân bất hợp pháp thường lẻn vào. Đảng Cộng Hòa cần chiếm lại tiểu bang này, vì số phiếu bầu của California là 54 phiếu. Theo lối bầu cử ở Mỹ, đảng nào thắng ở một tiểu bang sẽ chiếm tất cả các phiếu Cử Tri đoàn ở đó. Hai đảng đều tìm cách thắng ở các tiểu bang đông dân và nhiều phiếu, như New York, California, Michigan, Florida, v.v.

Đảng Dân Chủ tổ chức đại hội ở Chicago, trong tiểu bang Michigan, cũng để chiếm cảm tình của dân cư tại đây. Hiện tình đảng Dân Chủ thật sự đoàn kết hơn đảng Cộng Hòa. Hai vị đương nhiệm, tổng thống Clinton và phó tổng thống Gore không có ai là đối thủ trong đảng. Vào tuần cuối của tháng Tám, hai ông đang dẫn trước các ứng cử viên Cộng Hòa 10 điểm trong các cuộc thăm dò dư luận. Trước đại hội Cộng Hòa Clinton còn dẫn trước Dole hơn 20 điểm.

Nhưng tổ chức Đại hội đảng ở Chicago làm người ta nhớ đến đại hội đảng Dân Chủ ở đây năm 1968. Năm đó, phe phản chiến biểu tình bạo động đã bị cảnh sát giải tán bằng võ lực, gây đổ máu, tạo một hình ảnh xấu về sự chia rẽ trong đảng Dân Chủ. Năm nay, chính quyền thành phố Chicago đã ngăn ngừa trước các vụ đụng chạm. Họ dành sẵn hai khu cho các nhóm muốn đi biểu tình tha hồ tụ họp, hô khẩu hiệu và phát truyền đơn. Mỗi nhóm muốn tổ chức biểu tình phải ghi tên, rút thăm xem ai nói trước hay sau, ở khu nào. Mỗi nhóm có một giờ, biểu tình xong phải giải tán. Việc rút số được trao cho một công ty Kiểm tra Kế toán độc lập phụ trách. Có năm nhóm vẫn bất mãn, đang kiện thành phố về tội "xâm phạm quyền tự do ngôn luận" của họ.

Trong đại hội đảng Dân Chủ, nhiều người thuộc các nhóm phản chiến hồi 1968 cũng trở lại. Họ không đến để biểu tình mà để hồi tưởng và bầy tỏ tinh thần hòa giải với quá khứ. Ông Clinton cũng từng phản đối chiến tranh Việt Nam và đã tìm cách tránh nhập ngũ, một cách hợp pháp.■

# MIỀN ĐÔNG SIERRA: MỸ CẢNH LỘ CALI-III

NGÔ THANH TÙNG

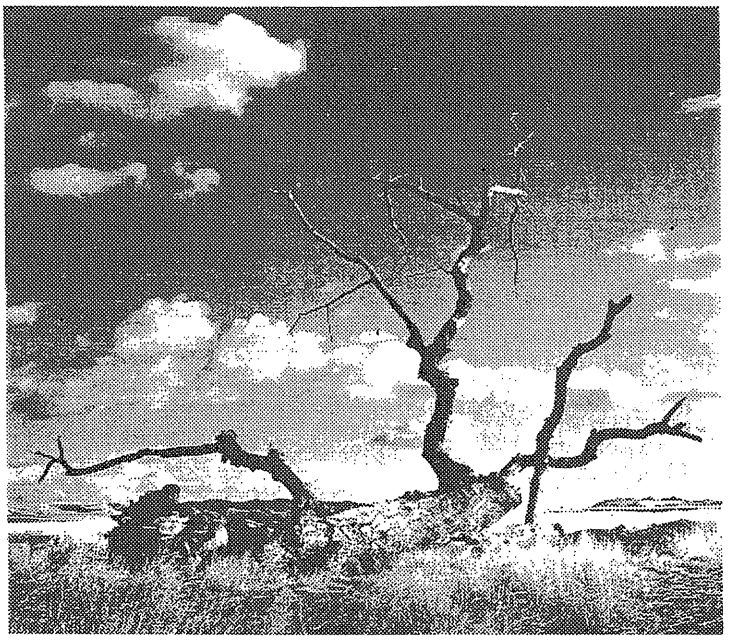

Mỹ cảnh lộ 41. (Ảnh Ngô Thanh Tùng)

*Mùa thu vàng tới, là mùa lá vàng rơi... Nghe chừng như đây màu tê tái.* Cung Tiến sáng tác nhạc phẩm Thu Vàng nghe tình tứ biết bao. Điệp đỏ ra đi, lá vàng trước ngõ. Hạ đến, thu sang. Có lẽ "Thu Vàng" là những cánh nhạc thu xa xưa của Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Trưng vương, Petrus Ký, Văn Khoa. Còn mùa thu Cali thì hơi khác. Tuy đây có nhiều rừng phong nhưng ở rất xa. Tại miền Cali, lá phong vàng quá lác đác. Điệp ở đây mầu tim tím, đã biến mất hai tháng rồi. Hoa cúc mắt vàng (marguerite) dọc hàng rào các công viên và nhiều lối đi, cũng không còn. Buổi chiều bắt đầu lành lạnh, báo hiệu sắp sang đông. *"Nghe chừng như đây nhiều tê nhức"* (tê thấp) thì khá đúng tình cảnh của tôi ngồi ghi chép bài du lịch mỹ cảnh lộ Cali thứ III này, cũng là bài chót của loạt bài Cali Mỹ Cảnh Lộ trên TK 21. Cách đây ít lâu, trong dịp tôi trở về Sài Gòn Nhỏ, chuẩn bị một cuộc triển lãm ảnh, vài độc giả có điện thoại đến TK 21 đòi nói chuyện với đích danh tôi, nhờ chỉ đường đi du lịch vùng núi Sierra. Bài này sẽ lan man trả lời chung cho các bạn cư dân nam, bắc Cali, với một trọng tâm: **du lịch 300 dặm mỹ cảnh lộ 395 miền đông Sierra.**

Cali có nhiều **"đường trong"** rất tình (không phải xa lộ, siêu lộ đâu; "đường trong" có hai tên chánh thức: backroads, byways). Bạn có thể lập hẳn một chương trình du lịch trên tay lái cho cả năm, với một bản đồ Cali $2. Dĩ nhiên, bạn cần một xe du lịch tốt và khỏe, một vài bạn đồng hành dễ tính. "Đường trong" Cali khá đẹp. Chẳng thế mà chương trình VTTH "Backroad" của Jerry Graham mỗi sáu giờ chiều Chúa Nhật vùng San Francisco (CH 4) được hâm mộ đến nỗi được duy trì trên 10 năm nay mà vẫn còn. Sau đây, tôi xin liệt kê, với tính cách hướng dẫn, một số "đường trong" mỹ cảnh lộ **cho các cuộc du lãm hai, hoặc ba ngày** đối với cư dân cả nam và bắc Cali. Tất cả các "đường trong" dưới đây đều dành cho những du khách hơi chọn lọc, không thích du lịch những vùng quá đông dân cư, không muốn xài nhiều tiền, không thích ở các khách sạn quá sang, ăn uống không cầu kỳ, chỉ

thích xem phong cảnh, chụp ảnh kỷ niệm. Vùng này, trừ Death Valley, không khí lạnh quanh năm. Cắm trại ngoài trời cũng được, nhưng phải mang phòng hờ nhiều quần áo ấm.

**1. Vùng Bắc Hỏa Diệm Sơn**

Khởi hành từ thị trấn Red Bluff, lấy tỉnh lộ 36 gần Redding. Chiều dài hành trình 300 dặm mỗi lượt, lấn sang tiểu bang Oregon chừng trên 100 dặm. Đặc điểm: vùng hồng mộc vỏ đỏ, thông xanh vạn niên lục, thăm toàn vùng núi lửa, ủ rượu, nuôi trừu. Bốn danh thắng trên lộ trình: 1. **Lava Beds** (tầm thường, bỏ qua chẳng mất gì). Ba nơi còn lại rất đáng viếng: 2. **Burney Falls,** thác đẹp. 3. Công viên **Lassen Volcanic,** không kém Yosemite bao nhiêu. 4. Công viên **Crater Lake** (Oregon, nhưng rất gần Cali) không viếng là một thiếu sót lớn.

Lộ trình: Từ Red Bluff, lấy đường 36 qua thị trấn Mineral, lấy 89 North, lấy 299 East, 139 North, 39 North, 97 North, 62 North, 138 West, đến thị trấn Roseburg (Oregon) là cuối đường.

**2. Vượt Bắc Sierra**

Đường dài khoảng 200 dặm khứ hồi. Khởi hành từ thị trấn Angels Camp, dứt ở thị trấn Sonora, gần thị trấn Stockton, bắc Cali. Dọc con sông Stanislaus River qua hai hồ **Lake Alpine** và **Pinecrest Lake.** Đặc điểm: mỹ cảnh lộ nhỏ, thị trấn xinh xắn dễ thương, phong cảnh hữu tình. Vắng xe. Qua vài đèo cao nhưng dễ lái: **Ebbetts Pass** và **Sonara Pass.** Muốn dừng xe bên đường bất cứ đâu có chỗ trống. Những điểm đáng viếng, ngoài hai hồ vừa kể, còn công viên **Calaveras Big Trees,** và vô số đoạn đường núi rất ngoạn mục.

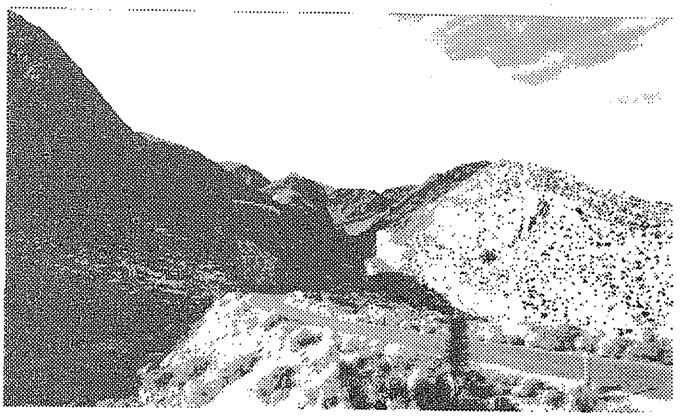

Đường 168 East lên Bạch sơn. (Ảnh Ngô Thanh Tùng)

Từ Angels Camp, lấy đường số 4 East, qua 89, 395 South, rồi 108 West, đến thị trấn Sonara thì dứt. Bạn đã về gần thị trấn Stockton rồi.

**3. Vùng Santa Barbara-Ventura**

Khu giàu sang, trồng nho ủ rượu, hơi đông xe, khách sạn đắt, dài non 280 dặm. Khởi hành từ Santa Barbara, lấy 154, dứt tại thị trấn đông đúc Ventura. Bạn sẽ thăm các thị trấn giàu có: **Solvang** (xây cất kiểu Bắc Âu), hồ **Cachuma Lake** (không có gì đặc biệt), các tiểu trấn: Olivos, Guadalupe, Santa Maria, New Cuyma, Ojai và điểm dứt của cuộc hành trình là Ventura. Đặc điểm: đường đèo ngoạn mục, đông dân, nhưng bạn có thể, nhân dịp này, thăm mục viện **Misson Santa Barbara** trong thị trấn cùng tên.

Bắt đầu khởi hành từ Santa Barbara, lấy 154 đi Solvang, qua 166, 33, và về Ventura.

**4. Thăm 300 Dặm Mỹ Cảnh Lộ 395 Miền Đông Sierra**

Đối với cư dân Nam Cali, Sài Gòn Nhỏ, hành trình này dài khoảng 280 dặm một chiều, đặc biệt dành cho các cặp nhân tình. Bạn sẽ bắt đầu từ Los Angeles, lấy 5 North, đến thị trấn Mojave, kể như điểm xuất phát. Thời gian thuận tiện nhất: tháng Ba-Tám, và tháng Tám-Chín. Mùa đông, đường này nhiều tuyết. Nhiều đoạn đường bị đóng. Đặc điểm: đường núi toàn vùng ngoạn mục nhất Cali, qua các danh thắng nổi tiếng: Công viên đá đỏ **Red Rock State Park,** vô số mỹ cảnh lộ nhỏ vắng xe, rừng cổ thụ già nhất địa cầu **Ancient Bristlecone Pine Forest,** chân núi **Whitney Portal,** hồ **Mono Lake** cột đá quí **Devils Postpile** (gần hồ Mamooth) và vô số hồ. Xin xem bản đồ đính kèm. Các đoạn đường nhỏ từ 10-20 dặm: J41, 168 và các con đường xuất phát từ các thị trấn Lone pine, Independence, Big Pine, và Bishop, tất cả đều được liệt kê dưới đây. Không viếng vùng này là một thiếu sót lớn, nhất là đối với cư dân nam Cali.

Từ thị trấn Mojave (Mô ha vê) đi 14 North, 20 dặm là đến công viên Đá Đỏ **Red Rock State Park.** Có nhiều ô vuông cắm trại, thuận tiện cho các cuộc họp tập thể. Đây là ảnh trường của các tay ảnh thích phim mầu và phải thu ảnh vào các giờ mặt trời mọc và lặn. Núi đá sa mạc, soi mòn qua niên đại, ửng đỏ, trắng hồng, cho đến đỏ rực muôn hình vạn trạng. Công viên này là một Valley of Fire (Neveda) nhỏ của Cali.

Cách công viên Đá Đỏ 60 dặm về phía bắc (14 rồi 395 North) bạn sẽ viếng **Fossil Falls** (không có nước, chỉ là thác bằng đá đen mun) nếu bạn theo bảng vào Cinder Road, quẹo trái trên 395. Lái chừng một dặm. Đậu xe, đi bộ một đoạn rất ngắn, bạn sẽ thăm một vùng phún thạch từ núi lửa già 20.000 năm.

Vẫn lái trên 395 bắc tiến, bạn sẽ qua tiểu trấn **Olancha,** đến thị trấn Lone Pine. Trước Olancha một dặm là Văn phòng Du lịch **Eastern Sierra Visitor Center.** Nhớ ghé lấy bản đồ và hỏi thêm

chi tiết các danh thắng trong vùng, nếu bạn thắc mắc.

Từ Lone Pine, lái 395 North, lấy **Whitney Portal Road,** lái về phía Tây (trái) khoảng 13 dặm, bạn sẽ đến chân núi Whitney, 14,495 bộ, cao nhất lục địa mỹ trừ Alaska. Mỗi năm có trên 10,000 người xin leo. Muốn leo, phải giữ chỗ từ tháng Ba, có khi phải vào danh sách chờ (Waiting list).

Tiếp tục trên 395, khỏi Lone Pine 20 dặm là thị trấn **Independence.** Quẹo **Market Street,** (Onion Valley Road) lái 15 dặm,bạn sẽ thăm rừng thông đuôi chồn (foxtail pine) ở cao độ 9,000 bộ. Đây là một ảnh trường cho máy bấm.

Cách Independence 25 dặm về bắc là thị trấn **Big Pine.** Từ 395, lấy **Crocker Street** (Glacier Lodge Road) lái 10 dặm, bạn sẽ đến một vùng hẻo lánh nhưng phong cảnh hữu tình. Có nhà hàng, Motel, một làng nhỏ, sống nhờ du khách, với cái tên **Glacier Lodge.** Đây là một vùng có rừng phong, lá vàng, dành cho người ảnh.

Vừa rời Big Pine, lấy 395 North, bạn sẽ thấy đường **168 East,** nằm bên phải. Ngay góc phải, bạn sẽ thấy bảng vẽ cây bành tổ Bristlecone Pine. Viếng rừng Bành Tổ, bạn cần xe hai cầu quay 4 bánh. Nếu không có loại xe này, chớ mạo hiểm. Vào 168 East, lái 13 dặm đường núi, đến White Mountain Road, quẹo trái, lái thêm 10 dặm dốc núi, đến rừng **Shulman Grove,** cao độ 10,000 bộ. Nếu xe chưa nóng máy, có thể leo thêm 1,000 bộ nữa là rừng **Patriarch Grove,** đây là đường mòn nhiều ổ gà. Bạn sẽ đến rừng cây cổ phong già nhất địa cầu, nghe nói là 7,000 năm. Tôi thăm Shulman Grove hai lần, gặp toàn du khách Pháp, Đức, Âu Châu. Tại đây có cây **Methuselah** 4,700 năm (Sở Kiểm lâm giấu, không cho biết cây này là cây nào, sợ nếu tiết lộ, mỗi du khách bẻ một cành thì cây phải thác.) Rừng cây Anceint Bristlecone Pine Forest chỉ mở cửa từ tháng Năm-Mười Một.

Trở ra 395, lái về bắc 15 dặm sẽ đến thị trấn **Bishop.** Nên rẽ trái vào **168 West,** (West Line street) dọc theo con suối có tên Bishop Creek vài dặm, bạn sẽ đến một khu rừng phong lá vàng, dành cho các nghệ sĩ nhiếp ảnh yêu Kodak, Fuji. Vùng này có nhiều hồ khá đẹp, bỏ qua rất uổng. Hồ nằm trên cao độ 9,000 bộ. Nước lạnh như đá, không tắm được, nhưng "buông câu bên suối, hạ trại bên hồ" thì không đâu bằng. Nếu bạn còn chán thì giờ, có thể tiếp tục bắc tiến, viếng nhiều danh thắng phía bắc hồ Mono Lake như: **Mosquito Flats,** cao điểm của rặng Sierra; **Crowley Lake,** hồ nước miệng núi lửa. **Convict Lake**. Cứ tiếp tục bắc tiến, vào **Mamooth Lake,** bạn sẽ đáp xe buýt vào viếng Cột Đá Quí **Devils Post Pile,** tọa lạc không xa đường 120 bao nhiêu (dẫn vào Yosemite). Đến **Mono Lake** là cuối lộ trình. Bạn có thể lấy 120 West, trả $5 lái qua Yosemite, về Los Angeles bằng đường 120 West, 41 South, 5 South, hoặc cứ thong thả theo 395 South, 14 South, mà về miền Nam.

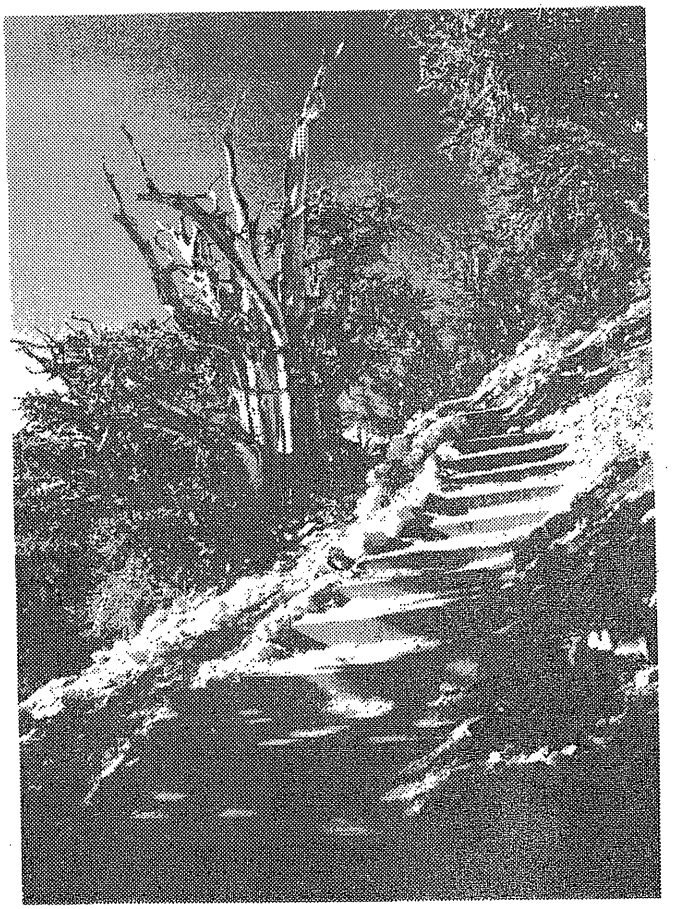

Rừng cây Bành Tổ *Ancient Bristlecone Pine Forest.* (Ảnh NTT)

Đối với cư dân bắc Cali, nên lấy 120 East, 395 South, và viếng các danh thắng vừa kể theo thứ tự ngược lại. Rừng phong lá vàng à, như đã kể, tháng Chín tháng Mười, sẽ không thiếu thu vàng trên lộ trình 280 dặm vừa liệt kê tản mạn bên trên, nhưng dĩ nhiên sẽ vắng các tà áo trắng Gia Long, Trưng Vương, Văn Khoa. Nơi đây, thiếu nữ, nam nhân, quần jean chẽn, áo polo Calvin Klein xanh đỏ rực rỡ, giầy nhẹ Nike, New Balance. "Xa trời lưu lạc hồn quê. Có phai xin để ngày về hãy phai" ĐH. Chúc các bạn thượng lộ bình an, và nhớ đem theo cuộc hành trình thật nhiều phim.■

# SỰ KHÁC BIỆT GIỮA CÁC NGÔN NGỮ VÀ CÁCH PHÂN LOẠI

KHƯƠNG BỬU

Ngày xưa có một bộ lạc hiền hòa sống trên một hòn đảo thơ mộng trong nhóm quần đảo Antilles (West Indies), họ đang sống trong hạnh phúc, hòa thuận giữa vợ chồng, con cái, xóm giềng thì đột nhiên một tai họa tày trời xảy đến. Một đám dân hung tợn từ đất liền chèo thuyền ra giữa đêm khuya, bắt hết đàn ông đem giết để ăn thịt, còn đàn bà và con gái thì bị buộc phải lấy chúng làm chồng.

Những bà góa phụ và những cô gái mồ côi, đau buồn thương nhớ, không học tiếng nói của những người chồng mới và vẫn tiếp tục giao thiệp cùng nhau bằng tiếng nói tràn đầy kỷ niệm mà họ đã nói từ lúc mới chào đời. Khi sinh con đẻ cái họ cũng âm thầm dạy cho những đứa bé thơ ngây tiếng nói của người chồng xưa chứ không để cho con nói tiếng của kẻ xâm lược tàn bạo. Bởi vậy những người Tây phương đầu tiên đổ bộ lên đảo họ vô cùng ngạc nhiên nhận thấy dân trên đảo, đàn ông nói một thứ tiếng và đàn bà nói một thứ tiếng khác.

Trên đây là một câu chuyện nhỏ về ngôn ngữ trước khi chúng ta đi vào khu rừng tiếng nói của nhân loại để xem thử có gì có thể gọi là hay lạ không.

Thường chúng ta phát âm bằng luồng hơi thở từ phổi ra ngoài nhưng có thứ ngôn ngữ của giống dân Hottentot ở Phi Châu lại không dùng không khí ở ngoài hít vào tạo ra một thứ âm gọi là "clicks" giống như tiếng chắt lưỡi của chúng ta khi mục kích một cảnh thương tâm, hay tiếng "tut, tut" của người Tây phương thúc ngựa. Tiếng "clicks" khó bắt chước và phải được tập quen từ lúc còn thơ ấu.

Những người Việt Nam trên 50 tuổi đã học tiếng Pháp chắc ai cũng đã bị lỗi về cái "giống" trong danh từ, không những có giống đực giống cái cho người và thú vật mà đến những vật vô tri vô giác cũng có đực cái như "la table" cái bàn, "le couteau" con dao v.v... và điều lạ là đôi khi một người đàn ông lại được coi là giống cái thí dụ "la sentinelle" là người lính gác. Trong tiếng Đức cũng có trường hợp như vậy khi chữ "madchen" là cô gái nhỏ lại không thuộc về giống cái mà thuộc về "giống trung" (neuter) tức là phải dùng mạo từ "das", das Madchen.

Tiếng nói Dravidian ở Nam Ấn Độ cũng có phân biệt "giống" nhưng không phải giống đực hay cái mà giống về đẳng cấp (caste), nữ thần cũng thuộc đẳng cấp dưới vì là đàn bà.

Sự kỳ thị nam nữ cũng được thấy ngay trong một ngôn ngữ Tây phương. Theo tiếng Tây Ban Nha, khi trên một chuyến xe đò có 19 người phụ nữ và chỉ một hành khách đàn ông, thì danh từ chỉ nhóm hành khách ấy theo đúng văn phạm phải để giống đực ("pasajeros" thay vì "pasajeras").

Không những danh từ, đại danh từ hay tĩnh từ phải điều hợp theo giống và số mà trong ngôn ngữ Do Thái (Hebrew) động từ cũng biến cách. Thí dụ "tôi yêu..." được chia sáu cách khác nhau tùy theo người nói câu ấy là đàn ông hay đàn bà, nói với một người đàn ông hay một người đàn bà hay nói với nhiều người đàn ông hay nhiều người đàn bà.

Trong một câu nói, động từ là thành phần quan trọng, vị trí của động từ có ngôn ngữ để đầu câu và có ngôn ngữ như tiếng Đức khi nào cũng để ở sau cùng, bởi vậy khi nghe một người Đức kể chuyện chúng ta chú tâm theo dõi từ lúc đầu nhưng phải đợi đến khi tiếng quan trọng nhất được thốt ra mới biết là chuyện gì. Thí dụ câu này: "Tôi rất vui mừng và hãnh diện vì anh hôm nay, mặc dầu trời mưa bão và công việc trong quý công ty bề bộn chưa giải quyết, nơi nhà tôi *đã đến.*"

Ngôn ngữ không phải là một phương tiện truyền thông riêng rẽ nhưng là một thành phần có liên hệ trực tiếp với một nền văn hóa. Số lượng và định nghĩa của từ ngữ trong mỗi tiếng nói thường phản ánh đặc tính của ngôn ngữ, tính tình, phong tục hay môi trường sinh sống của một cộng đồng. Trong ngôn ngữ của một bộ lạc thổ dân ở Nam Mỹ không có động từ nào có nghĩa là "đứng" (to stand) theo quan niệm của chúng ta mà chỉ có những động từ có nghĩa là "đứng ở phía Đông", "đứng ở phía Tây" v.v... vì quê hương của bộ lạc này hoàn toàn nằm trong vùng rừng rậm, vì thế đứng nếu không đi đôi với một phương hướng nào thì không có ý nghĩa hữu ích. Ngôn ngữ của dân Hopi ở Bắc Mỹ có hai danh từ có nghĩa là "nước," một cho nước đựng trong lu vại, một cho nước ở trạng thái thiên nhiên ở sông hồ. Người Đức, một dân tộc quý trọng thì giờ luôn luôn lo âu về sự qua mau của thời gian, khi hỏi giờ họ không hỏi như chúng ta

"bây giờ là mấy giờ rồi?" mà họ hỏi "Bây giờ đã trễ bao nhiêu rồi?" (Wie spat ist es?) Ngữ vựng biểu lộ mối lo âu, nguyện ước sở thích, của một nền văn hóa. Cái gì được coi là có giá trị nhất, quan trọng nhất trong một cộng đồng thường được chứng tỏ bằng số từ ngữ nhiều gấp bội các loại từ ngữ khác. Chúng ta đã biết số từ ngữ mà dân Ả Rập dành cho con lạc đà, cũng một lý do như vậy, con tuần nai (reindeer) mà dân Esquimo ở Siberia dùng để kéo xe trượt tuyết, cũng được nói đến bằng hàng chục từ khác nhau và màu lông của các thứ tuần nai được phân biệt bởi 26 tĩnh từ khác nhau. Không có con vật này thì dân Esquimo sống trong vùng tuyết bao la, quanh năm chỉ biết nằm yên một chỗ.

Trong tiếng Việt cũng vậy, chúng ta có một quan niệm rất giản dị và thực tế là việc gì trên đời cũng vì miếng ăn, ăn là thiết yếu quan trọng hơn cả, nên tiếng Việt có hàng chục nghĩa khác nhau cho động từ "ăn": ăn cắp, ăn trộm, ăn gian, ăn hoa hồng, ăn nhịp, ăn tiền, ăn vạ, ăn hiếp, ăn hỏi, ăn đêm, ăn mày, ăn giải v.v... và thực phẩm chính của chúng ta là gạo nên chúng ta có vô số danh từ chỉ có các loại gạo, gạo tám thơm, gạo hẻo rằng, gạo nàng Hương, gạo de, chiêm, câu, mô, bồ lô v.v... nhưng đối với dân Bolivia và Chile ở Trung và Nam Mỹ thì củ khoai lang lại quan trọng và do đó họ có hơn 200 danh từ để chỉ các thứ khoai. Bà con họ hàng trong nếp sống hàng ngày của người Việt là quan trọng hơn cả, bởi vậy chúng ta có nhiều danh từ để chỉ các người thân bên nội bên ngoại như chú bác, cô dì, cậu dượng, mợ thím trong khi tiếng Anh, một ngôn ngữ giàu từ ngữ nhất thế giới chỉ có hai từ "uncle" và "aunt."

Trong một bài báo ca tụng "những cái hay của tiếng Việt" cụ Hoàng Văn Chí có viết rằng trong khi tiếng Pháp thì chỉ có động từ "porter" và tiếng Anh chỉ có động từ "to carry" thì tiếng Việt có: mang, ôm, vác, gánh, khiêng, đội, bồng, bế, ẫm, cõng, bưng, xách để chỉ cái động tác đem một vật từ nơi này qua nơi khác, và cụ cho rằng tiếng Việt như vậy là giàu từ ngữ "chuyên môn" nhất thế giới. Nghĩ kỹ ra thì người Anh người Pháp họ nghèo về loại từ ngữ này thật vì họ biết lợi dụng cái bánh xe và thú vật như lừa ngựa để làm nhẹ bớt sự vất vả cho con người, còn về phần chúng ta, sinh sống trong vùng đồng lúa ngập nước, ít đường sá nên không tiện dùng xe cộ, ruộng đất phân tán, nhiều người nghèo nên nhân công rẻ, dùng sức người là tiện nhất bởi vậy mọi công tác di chuyển đều do sự vận động của thân thể nên chúng ta có nhiều từ cho các cách vận động ấy, như người xứ Cao Miên cũng có 15 từ cho những cử động như chúng ta.

Những sự khác biệt giữa các ngôn ngữ còn nhiều nhưng chúng ta phải chấm dứt để bàn về vấn đề các phương thức mà ngôn ngữ họ dùng để tách riêng ngàn vạn tiếng nói lộn xộn ấy thành từng nhóm có chung những đặc tính giống nhau.

Ngôn ngữ thế giới được phân loại theo ba cách:

1. Theo ngữ tộc
2. Theo hình thái của từ (bất biến hay biến đổi)
3. Theo vị trí của chủ từ, động từ, túc từ trong câu nói.

## Phân loại theo ngữ tộc

Vào đầu kỷ nguyên, Đế quốc La Mã thống trị một vùng bao la gồm Âu Châu, Bắc Phi và Cận Đông. Tiếng La Tinh của La Mã được dùng làm ngôn ngữ chính thức cho mọi sắc dân trong vùng. Đến thế kỷ thứ tư theo tây lịch , Đế quốc La Mã bị sụp đổ, các dân tộc ở Bắc Âu và Anh quốc trở lại nói ngôn ngữ xưa kia của họ nhưng vùng Pháp, Ý và Tây Ban Nha, tiếng La tinh vẫn tiếp tục được nói. Dần dần tiếng La Tinh biến đổi cho đến ngày nay thì đã thành ba ngôn ngữ Pháp, Ý và Tây Ban Nha là cùng một ngữ tộc, ngữ tộc Romance. Nhưng ngữ tộc Romance cũng chỉ là một nhánh nhỏ của một ngữ tộc lớn hơn được đặt tên là ngữ tộc Ấn Âu (Indo-European) phát nguyên tại vùng Trung Âu cách đây độ 25,000 năm. Các ngôn ngữ khác cũng vậy, ngôn ngữ nào cũng được thành hình do sự phân tán từ một gốc, một ngôn ngữ chung, và việc tìm ra nguồn gốc chung ấy khó dễ khác nhau tùy theo dấu tích để lại như những bản khắc trên đồng, sắt, gỗ đá cùng nhiều tài liệu bằng chữ viết Hy Lạp, La Mã, Ai Cập v.v... Trái lại tìm ra nguồn gốc của một ngôn ngữ Á Đông như tiếng Việt chẳng hạn là một công trình rất khó khăn, do đó mà nguồn gốc của tiếng Việt mãi đến ngày nay cũng còn trong vòng giả thuyết.

Ngành ngôn ngữ học trong thế kỷ 19 đã khai triển nguyên lý biến hóa của ngôn ngữ (language change) và tìm ra những dấu hiệu về sự liên hệ giữa ngôn ngữ này với ngôn ngữ khác và từ đó đặt ra phương pháp phân loại. Nhờ đó họ đã thành công trong việc sắp xếp hầu hết ngôn ngữ thế giới thành từng ngữ tộc. Theo Hàn lâm viện Pháp thì hiện nay trên thế giới có 12 ngữ tộc chính, 50 ngữ tộc phụ và khoảng bảy tám nghìn thổ ngữ. Theo các giới ngôn ngữ học Anh Mỹ thì hiện nay có khoảng 10 ngữ tộc chính, còn khoảng vài chục nhóm ngôn ngữ chưa được nghiên cứu trong ấy có nhóm ngôn ngữ của thổ dân Úc Châu.

Sự biến hóa của ngôn ngữ tuân theo một định luật tự nhiên. Bất cứ ngôn ngữ nào cũng biến đổi theo thời gian, một cách rất chậm chạp không nhận thấy nhưng một cách chắc chắn không ngôn ngữ nào tránh khỏi. Những cụ già chắc

phải nhận thấy rằng từ ngữ, cú pháp, giọng đọc trong tiếng nói hồi các cụ còn cắp sách đến trường so với tiếng nói bây giờ có nhiều khác biệt. Sở dĩ ngôn ngữ thay đổi vì ngôn ngữ được sử dụng thường xuyên, ngôn ngữ nói thay đổi nhanh hơn chữ viết vì sống động hơn.

Một thí dụ cụ thể về sự biến hóa của ngôn ngữ có bằng chứng là sự khác biệt của tiếng Anh cổ (Old English) cách đây 1000 năm và tiếng Anh bây giờ như dưới đây:

| Tiếng Anh cổ | Tiếng Anh bây giờ | Nghĩa tiếng Việt |
|---|---|---|
| Faeder | Father | Cha |
| etan | to eat | Ăn |
| Wyn | Joy | Sự vui |
| Hwaet sceal ic singan | What shall I sing? | Tôi sẽ hát gì? |
| ba ongon he singan | Then began he to sing | Rồi nó bắt đầu hát |

Tiếng Việt chưa tìm ra dấu tích gì còn lại như tiếng Anh nên chúng ta không biết thời Đinh Lê Lý tiếng Việt được nói thế nào nhưng chắc chắn là không phải tiếng Việt bây giờ chúng ta nói. Theo một tài liệu của nhà ngôn ngữ học người Pháp là A. Haudricourt thì nội cái thanh của tiếng Việt cũng đã thay đổi nhiều lần từ đầu kỷ nguyên Tây lịch đến bây giờ. Vào đầu kỷ nguyên tiếng Việt chưa có thanh (sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng) và còn dùng tiền tố (prefixe) và hậu tố (suffixe), (trong tiếng Anh "im" trong Import là tiền tố, "ly" trong really là hậu tố).

Đến thế kỷ thứ 6 sau Tây lịch thì tiếng Việt có ba thanh, đến thế kỷ 12 sau Tây lịch thì đủ sáu thanh. Tiếng Thái trước thể kỷ 15 sau Tây lịch cũng chỉ có ba thanh, sau thế kỷ 15, mỗi thanh chia làm hai nên có sáu thanh.

Một vài lý do của sự biến hóa ngôn ngữ là sự vay mượn và ảnh hưởng lẫn nhau giữa tiếng nói này và tiếng nói khác, trong tiếng Pháp có 2600 tiếng Anh được vay mượn, tiếng Anh thời bị dân Norman chiếm đóng dùng 45% tiếng Pháp, trong tiếng Nhật ngày nay 10,000 tiếng gốc ngoại ngữ, đa số là tiếng Anh (không kể danh từ khoa học kỹ thuật).

Từ nghìn xưa con người thường không ở yên một nơi mà hay di chuyển từ vùng này qua vùng khác, do đó tiếng nói thường bị pha trộn và ranh giới quốc gia thường không phải là ranh giới của ngôn ngữ. Có ngôn ngữ được nói ở nhiều quốc gia và lục địa khác nhau như tiếng Anh nói ở Mỹ, Gia Nã Đại, Úc Châu, Tân Tây Lan v.v..., tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha nói ở Nam và Trung Mỹ; có nhiều quốc gia chia ra nhiều vùng mỗi vùng nói một ngôn ngữ như dân Thụy Sĩ nói bốn thứ tiếng Pháp, Đức, Ý và Romansch (thổ ngữ Ý), nước Bỉ nói hai thứ tiếng là Pháp và Flemisch (một thứ thổ ngữ Hòa Lan), trên giấy bạc của Bỉ hai mặt in hai thứ ngôn ngữ. Nhưng không có thứ giấy bạc nào in nhiều thứ tiếng bằng tờ bạc Rupee của Ấn Độ, phải in đủ 13 thứ tiếng chính: Anh, Hindi, Urdu, Bengali, Tamil..., nếu thiếu một thứ là sinh chuyện. Ấn Độ có tất cả 1652 ngôn ngữ trong số ấy có 15 ngôn ngữ được coi là chính thức, sự tranh chấp về ngôn ngữ cũng hệ trọng như về tôn giáo, đất đai, đẳng cấp, những vấn đề gay cấn thường gây xáo trộn trong xã hội.

Có người cho rằng một trong những nguyên do khác của sự biến hóa của ngôn ngữ là do bản tánh tự nhiên của con người khi nào cũng muốn tiết kiệm tối đa sức lao động trong vấn đề phát âm. Bởi vậy ngôn ngữ càng được nhiều người nói thì càng được giản dị hóa lần lần. Tiếng Anh thời trung cổ có nhiều biến cách hơn trong từ ngữ về giống, số, cách (case) hơn bây giờ, tiếng Anh có khuynh hướng đơn âm tiết hóa dần dần như Omnibus thành bus, tramway thành tram, public house thành pub, moving picture thành movie v.v... Tiếng Trung Hoa cũng vậy, thời Thương Chu có nhiều âm vị hơn bây giờ, đến thế kỷ thứ sáu sau Tây lịch tiếng Trung Hoa được giản dị hóa, lần đầu không cho phép hai phụ âm đứng đầu một từ, và cuối từ chỉ cho phép sáu phụ âm P, T, C, M, N, NG. Tiếng Quan Thoại ngày nay lại bỏ thêm P, T không còn được đứng cuối từ. Hai âm M và N sát nhập làm một, *Nan* là khó và *nan* là phương Nam đều viết "NAN" giống nhau. Trước kia *Ka* là bài ca, *Kap* là con nhái, *Kat* là cắt, *Kak* là mỗi (each) đọc khác nhau như vậy mà nay đều giản dị hóa cả, cả bốn từ đều đọc là *Ka,* do đó nạn đồng âm dị nghĩa lại càng khó giải quyết thêm.

Mười hai ngữ tộc chính trên thế giới được nhiều giới ngôn ngữ học công nhận là:

1. Ấn Âu (Indo European), gồm ngôn ngữ các quốc gia Âu Châu, ngoại trừ ngôn ngữ Hung Gia Lợi, Basque ở biên giới Pháp - Tây Ban Nha, Phần Lan, và Estonia; ngữ tộc Ấn Âu cũng gồm cả tiếng Sanskrit và nhiều ngôn ngữ khác ở miền Bắc Ấn Độ. Do sự bành trướng của các cường quốc Âu Châu, nhiều ngôn ngữ trong ngữ tộc Ấn Âu ngày nay là tiếng nói chính thức ở Bắc và Nam Mỹ, Úc và Tân Tây Lan.

2. Hamito-semitic gồm các ngôn ngữ Ả Rập, Do Thái và các ngôn ngữ ở Tây Nam Châu Á và Bắc Phi châu.

3. Ural-Altaic, gồm các ngôn ngữ ở Đông Âu và Bắc Á Châu như Thổ Nhĩ Kỳ, Phần Lan, Mông Cổ, Mãn Châu.

4. Ngôn ngữ Nhật Bản và Cao Ly chung một

# VĂN PHÒNG LUẬT SƯ
# EDWARD REID

# CHUYÊN MÔN VỀ TAI NẠN

- BẤT CỨ TAI NẠN GÂY THƯƠNG TÍCH
- HỒ SƠ ĐƯỢC THEO DÕI THƯỜNG XUYÊN VÀ GIẢI QUYẾT NHANH CHÓNG
- CHỈ NHẬN THÙ LAO SAU KHI ĐƯỢC BỒI THƯỜNG

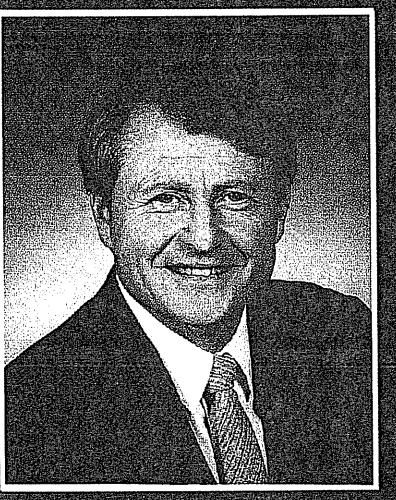

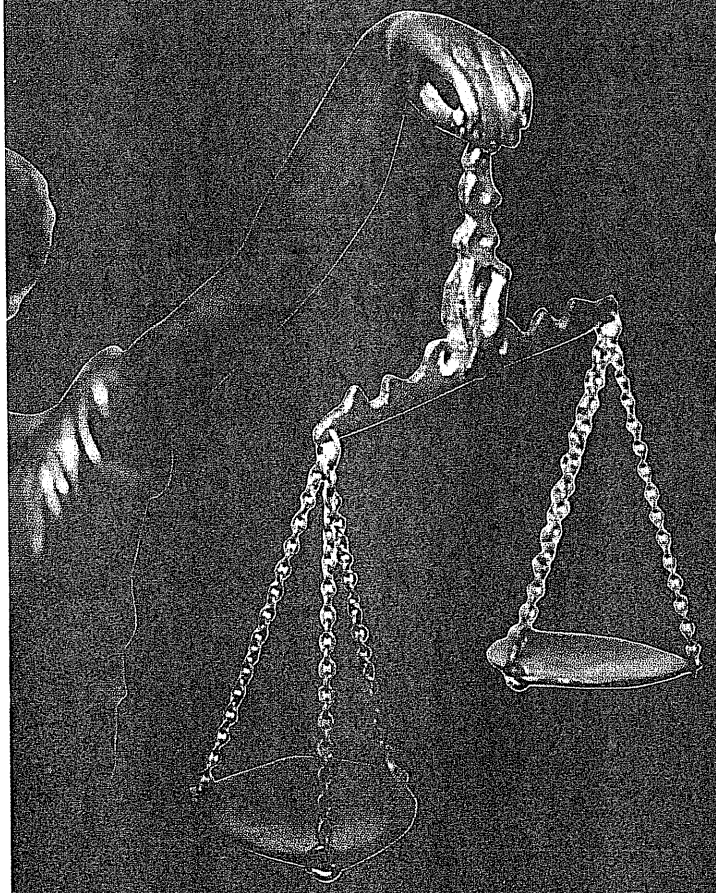

Quý vị cần có một luật sư tận tâm, uy tín. Với rất nhiều năm kinh nghiệm hùng biện trước tòa án, luật sư sẽ bảo vệ quyền lợi tối đa cho thân chủ.

Văn phòng có Cô NHƯ LAN sẽ hướng dẫn và giúp đỡ quý vị tham khảo trực tiếp với luật sư để giải quyết mọi thắc mắc và khó khăn thiệt hại đến đời sống hằng ngày của quý vị. Khi có tai nạn, xin quý vị trực tiếp liên lạc ngay với văn phòng để bảo đảm được lệ phí luật sư thấp và hợp lý.

ĐỊA ĐIỂM THUẬN LỢI

**ORANGE COUNTY** **(714) 379-8333**

**LOS ANGELES COUNTY** **(310) 434-4421**

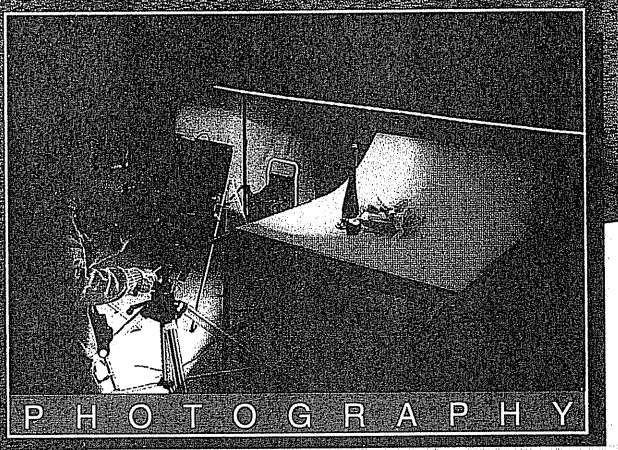

PHOTOGRAPHY

Dân ta có nhận xét: "nhà sạch thì mát".
Người ăn uống sành điệu còn khó tính hơ
Từ thành thị đến thôn quê, xuân hạ thu đ

COLOR SEPARATION

Chủ trương thương mại của chúng tôi là: i
cái gì cũng phải tinh tươm, được chừng nà
Vì vậy mới có người khách hàng âu yếm
Sẽ có quà tặng văn nghệ cho *các* câu đượ

*"Tại Precision, ấn loát đã đi ra khỏi phạn*
*bìa báo, bìa đĩa nhạc, flyers hay posters v*
*thường thấy, với sự tận tụy ít khi chúng ta*
*Ca sĩ Bích Liên.*

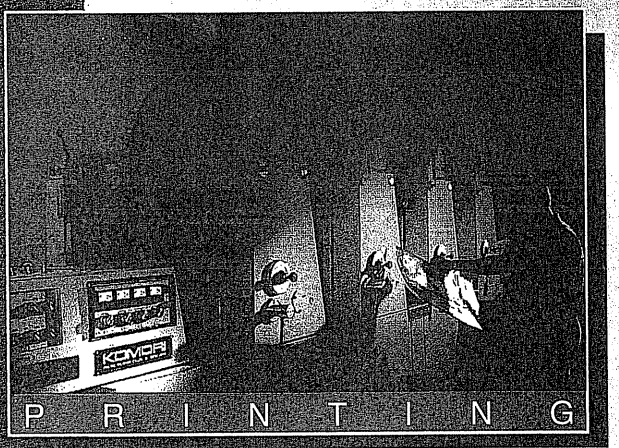

P R I N T I N G

*"Thẩm mỹ thì còn tùy thuộc vào mắt nhìn*
*máy móc khang trang sạch sẽ; nhân viên l*
*điều hành được chuyên nghiệp như Precisi*
*không những là niềm hãnh diện riêng tư cu*
*Phạm Long, nhà truyền thông.*

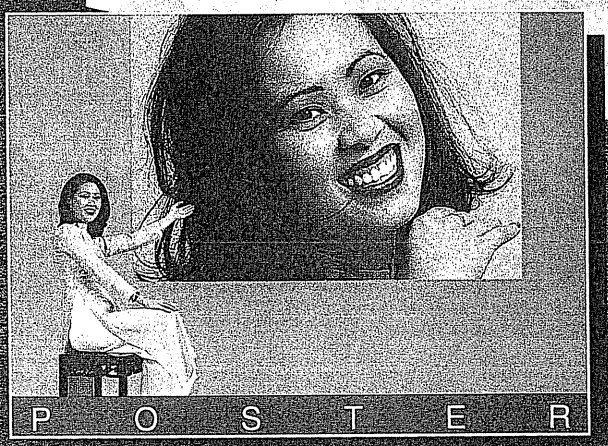

P O S T E R

*"Đúng hẹn, đúng mầu, đúng giá, đúng điệ*
*Tôi không biết còn phải đòi hỏi gì hơn nơ*
*Ước chi các hãng in của ta đều được như*
*Nguyễn Văn Thân.*

# *Nhà in đẹp, in đẹp.*

n một bậc, đặt điều kiện: "bát sạch mới ngon cơm".
ng tứ thời bát tiết, câu này nghe lúc nào cũng phải.

in đẹp không thôi chưa đủ, mọi thứ chung quanh món hàng in
o hay chừng ấy (từ tờ giấy tính tiền cho đến lọ mực).
tặng cho vế đối kể trên. Bạn nào rảnh rỗi, xin mời làm nốt vế sau cho vui.
c chọn.

*i vi một nghề nghiệp mà đã trở thành một nghệ thuật rõ nét. Nhân viên ở đây thực hiện*
*ới tấm lòng của những nghệ sĩ thực sự, với trình độ kỹ thuật cao hơn trình độ chúng ta*
*bắt gặp nơi những nhà in khác... Tôi rất bằng lòng khi đặt in ở đây."*

*của từng người. Nhưng sự tổ chức hợp lý, ngăn nắp trong công việc; phòng ốc*
*ễ độ lịch sự thì đâu cũng như nhau. Tổ chức được qui mô như Precision,*
*on quả là điều hiếm thấy trong ngành in. Nhìn từ góc cạnh này, thì Precision*
*ìa nhóm chủ trương, mà còn là niềm tự hào của cộng đồng".*

*u...*
*Precision.*
*thế này..."*

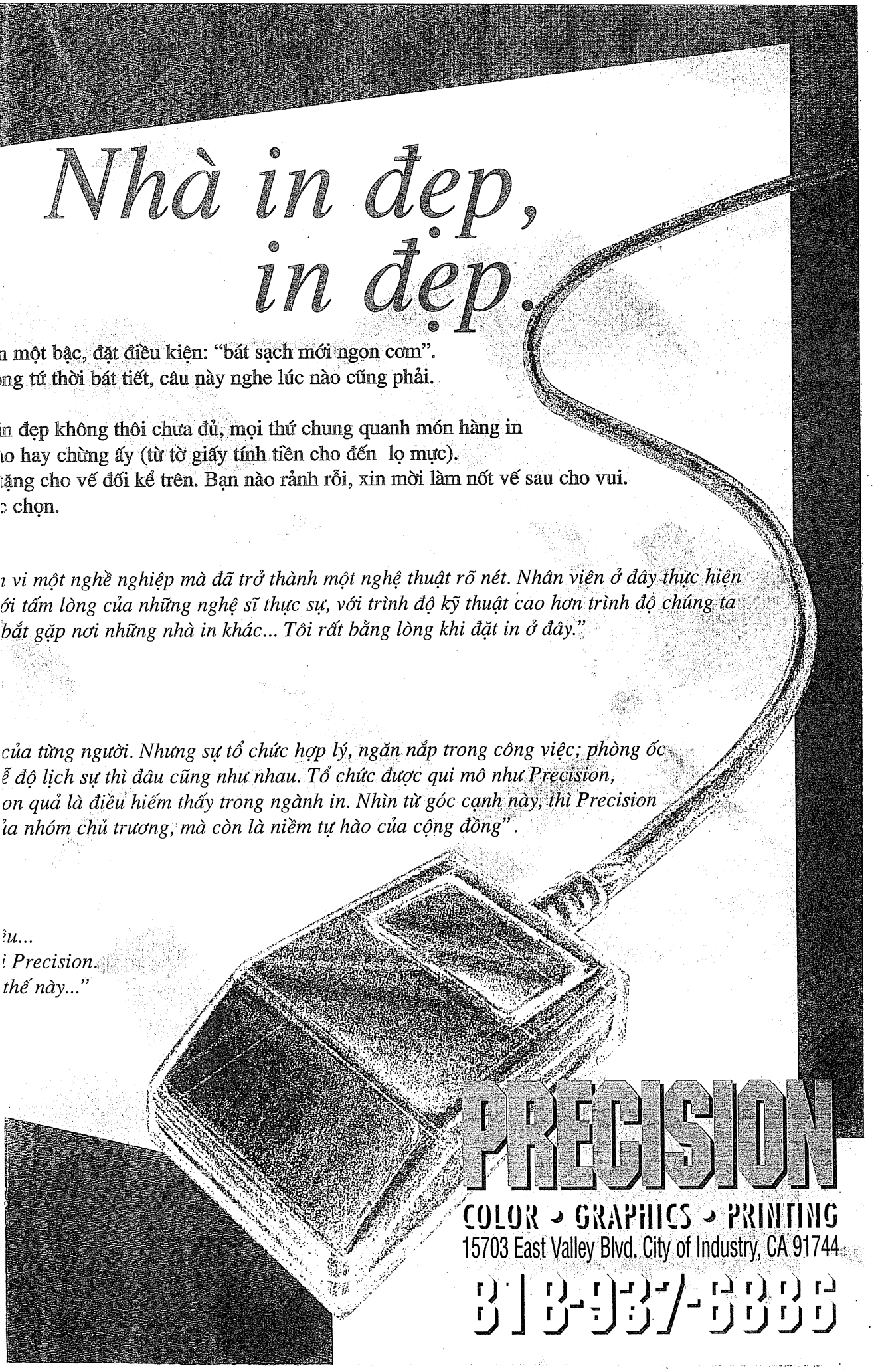

**PRECISION**

COLOR • GRAPHICS • PRINTING

15703 East Valley Blvd. City of Industry, CA 91744

**818-937-8888**

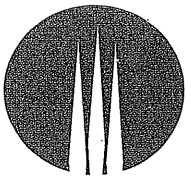


# VNCR
# VIETNAM CALIFORNIA RADIO
# 106.3 FM

**PHÁT THANH 7 NGÀY MỘT TUẦN:**

☐ **THỨ HAI, BA, TƯ, NĂM ,SÁU: từ 12 giờ trưa đến 4 giờ chiều**

☐ **THỨ BẢY: từ 6 giờ chiều đến 7 giờ tối**

☐ **CHỦ NHẬT: từ 1 giờ trưa đến 3 giờ chiều**

**Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE**

***TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ***

***VĂN NGHỆ CHỌN LỌC***

***GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH***

***HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC***

**QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU**

**VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432**
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

ngữ tộc.

5. Hoa-Tạng (Sino-Tibetan) gồm các ngôn ngữ Trung Hoa, Tây Tạng, Miến Điện...

6. Dravidian gồm các ngôn ngữ ở Trung và Nam Ấn Độ, Bắc Shri Lanka.

7. Austroasiatic, gồm nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer nói ở Cao Miên, Nam Miến Điện (Môn), Munda nói ở Trung và Đông Ấn Độ, Khasi nói ở tiểu quốc Assam (Ấn Độ), ngôn ngữ Nicobar, một hòn đảo trong vịnh Bengal cùng nhiều ngôn ngữ của các nhóm thiểu số sống rải rác từ Ấn Độ đến biển Nam Hải. Tiếng Việt cũng có giả thuyết cho là thuộc ngữ tộc Môn-Khmer.

8. Malai-Polynesian, ngữ tộc quan trọng nhất trong vùng Đông Nam Á gồm ngôn ngữ Mã Lai và Nam Dương, Phi Luật Tân, Chàm, và ngôn ngữ của dân các đảo từ lục địa Đông Nam Á đến tận Madagascar ở Phi Châu. Tiếng nói Hạ Uy Di và các đảo Thái Bình Dương nằm trong ngữ tộc này.

9. Sudanese-Guinean, gồm các ngữ nói ở nửa phía Nam của phần phình rộng phía Bắc bản đồ Phi châu.

10. Bantu, gồm các ngôn ngữ nói ở miền Trung và Tây Phi Châu (bao gồm gần hết hình tam giác ở dưới phần phình rộng) trong ấy quan trọng nhất là ngôn ngữ Swahili dần dần thay thế ngoại ngữ trong các quốc gia dọc theo bờ biển phía Tây Phi Châu.

11. Khoisan hay Hottentot, ngôn ngữ nói trong một khu vực nhỏ ở Tây Nam Phi Châu.

12. Amerindian, gồm nhiều ngôn ngữ của thổ dân ở Bắc, Trung và Nam Mỹ Châu, tất cả có 1254 thứ tiếng nói, có thứ chỉ vài ngàn người nói, trong số này có 30 ngữ tộc trên lãnh thổ Hợp Chủng Quốc đang được nghiên cứu.

## Phân loại theo hình thái của từ

Trong tiếng Hoa, tiếng Việt, tiếng Thái, từ không bao giờ thay đổi hình thái hay thêm bớt âm vị ở đầu hay cuối từ, bất cứ trong trường hợp nào, nhưng có nhiều ngôn ngữ trong ấy từ biến đổi rất nhiều để thích ứng với mọi trường hợp văn phạm. Thí dụ trong tiếng Pháp, "aller" là đi, thay đổi năm hình thái khác nhau: tôi đi "je *vais*", mày đi "tu *vas*", nó đi "il *va*", chúng ta đi "nous *allons*", các anh đi "vous *allez*", chúng nó đi "ils *vont*". Trong tiếng Anh "to do" là làm cũng có năm hình thái khác nhau: do, doing, does, did, done. Ngoài các ngôn ngữ trong ngữ tộc Ấn Âu, các ngữ tộc khác cũng có nhiều trường hợp hình thái của từ biến đổi, như trong tiếng nói Ả Rập, có sẵn 22 bộ ba phụ âm, mỗi bộ chỉ một ý niệm chính, nguyên âm được đặt xen kẽ giữa ba phụ âm để tạo ra danh từ, động từ. Thí dụ bộ ba phụ âm K-T-B có ý niệm về "viết," đặt nguyên âm vào giữa và sau ba phụ âm thành Kataba là "nó đã viết," Katibun là "văn sĩ" v.v...

Trong tiếng nói Swahili ngày nay rất thông dụng ở Phi Châu, một từ gồm bởi nhiều âm tiết, mỗi âm tiết có một ý nghĩa, các âm tiết ấy có thể lấy ra thay âm tiết khác vào, lắp ráp một cách rất tiện lợi. Thí dụ các âm tiết sau đây:

NI = tôi; KU = anh; A = nó; ONA = thấy; LI = đã; TA = sẽ.

Ráp vào nhau chúng ta tạo thành những từ, mỗi từ có nghĩa như một câu ngắn:

NI LI KU ONA = tôi đã anh thấy (tôi đã thấy anh).

NI TA KU ONA = tôi sẽ anh thấy (tôi sẽ thấy anh).

A LI NI ONA = nó đã tôi thấy (nó đã thấy tôi).

Sự kiện từ bất biến, giữ nguyên hình thái trong mọi trường hợp hay chuyển biến hình thái đã được dùng làm tiêu chuẩn để phân loại các ngôn ngữ trên thế giới. Nhà ngôn ngữ học Đức W.V.Humbold đã căn cứ theo sự kiện ấy để chia ngôn ngữ thế giới thành ba loại chính là:

1. Ngôn ngữ biến cách (inflecting),
2. Ngôn ngữ cách ly (isolating),
3. Ngôn ngữ chắp dính (agglutinating).

## Ngôn ngữ biến cách

Loại ngôn ngữ này có nhiều trong ngữ tộc Ấn Âu, được nói ở nhiều quốc gia tiến bộ ở Âu Châu, Liên Sô, Ấn Độ, v.v... hầu hết là đa âm tiết (polysyllabic), từ được chuyển biến để diễn đạt những trường hợp văn phạm như số nhiều số ít, giống đực giống cái, ngôi thứ nhất, nhì, hay ba (tôi, anh, nó), và sự biến đổi phức tạp nhất là về cách (case), cách là sự biến hóa của từ tùy theo nhiệm vụ trong câu nói, chủ từ, túc từ trực tiếp, túc từ gián tiếp, sở hữu cách v.v... Chúng ta khó tưởng tượng được về số lượng của những sự biến hóa ngày xưa như trong tiếng Sanskrit của Ấn Độ một động từ có thể biến hóa 700 cách khác nhau, tiếng cổ Hy lạp 250 cách, La Tinh trên 100 cách. Sự chuyển hóa giản dị lần lần theo thời gian, động từ "to rid" trong tiếng Anh ngày nay chỉ còn viết năm kiểu khác nhau, ride, rides, rode, riding, ridden. Động từ Đức "reiten" cũng có nghĩa là cỡi ngựa như "to ride" còn phải nói và viết khác nhau 16 cách, nhưng động từ "aimer" là yêu trong tiếng Pháp nếu chia đủ các thì, lối thì có những 40 hình thái: aime, aimes, aimez, aimons, aimasse, aimions, aimiez, aimât, aimassions, aimassiez v.v...

Thí dụ về sự thay đổi hình thái của từ trong tiếng Anh và Pháp đã có nhiều người biết nên khỏi bàn ở đây.

Sau đây là vài thí dụ về biến cách trong tiếng Đức: Der dùng cho danh từ đực số ít, phải đổi hình dáng bốn lần cho bốn cách (cases): chủ cách (nominative case), đối cách (accusative

case), tặng cách (dative case) và thuộc cách (genitive case).

Thí dụ 1:

*Der* Vater sah *den* Sohn - *The* father saw *the* son Người cha đã trông thấy người con

Vater thuộc Chủ cách nên dùng mạo từ *DER,* Sohn thuộc đối cách nên der phải đổi thành *DEN.*

Thí dụ 2:

Der Vater gab *dem* Sohn einen Wagen.

The father gave *the* son a car

Người cha cho người con một chiếc xe

Sohn thuộc tặng cách nên mạo từ Der đổi thành *DEM*

Thí dụ 3:

Der Wagen *des* Vaters - The car of *the* father - Chiếc xe của người cha.

Vater thuộc thuộc cách nên mạo từ Der đổi thành *DES.*

## Ngôn ngữ cách ly

Trong loại ngôn ngữ này, từ được coi như là những đơn vị riêng rẽ không bị biến đổi theo nhiệm vụ trong câu nói, thí dụ từ "người" trong trường hợp nào cũng y nguyên như vậy không thay đổi, một người hay nhiều người, "người" cũng không bao giờ thêm "S" ở cuối từ. Trước kia ngành ngôn ngữ học chưa biết có tiếng Việt nên tiếng Trung Hoa được coi là tiêu biểu cho loại ngôn ngữ này nhưng ngày nay nhiều nhà ngôn ngữ học cho rằng tiếng Việt tiêu biểu hơn.

Trong loại ngôn ngữ cách ly, các trường hợp văn phạm như số ít số nhiều, giống cái giống đực, thì hiện tại, quá khứ hay tương lai được diễn tả bằng cách thêm những từ phụ vào trước hoặc sau từ chính, thí dụ:

"Những" thêm trước danh từ để chỉ số nhiều, những từ "đực", "cái", "trống", "mái" được thêm sau danh từ để chỉ giống của thú vật; "đàn ông," "đàn bà," "con trai," "con gái," "nam," "nữ" được thêm sau danh từ chỉ về người. Về các thì của động từ thì thêm trước động từ chữ "sẽ" để chỉ thì vị lai, và thêm chữ "đã" để chỉ thì quá khứ. Nhưng những từ phụ thêm vào động từ thường chỉ được sử dụng một cách tiết kiệm, chỉ khi nào cần thiết cho câu nói được sáng tỏ, như ở đầu một câu chuyện hay một đoạn văn.

Thứ tự sắp đặt các thành phần của câu nói (chủ từ, động từ, túc từ) trong loại ngôn ngữ này luôn luôn cố định. Thứ tự ấy là chủ từ khi nào cũng đứng đầu câu, động từ ở giữa và túc từ ở sau. Thí dụ "người ăn cá" không thể đổi thành "cá ăn người" được. Trái lại, tiếng La Tinh tiêu biểu cho loại ngôn ngữ biến cách thì thứ tự của các thành phần câu nói hoàn toàn tự do muốn sắp đặt cách nào ý nghĩa câu nói cũng không thay đổi. Thí dụ câu "Catullus yêu Clodium" có thể thay đổi sáu cách vị trí các thành phần của câu nói mà nghĩa vẫn không thay đổi:

1. Catullus Clodium amabat
2. Catullus amabat Clodium
3. Clodium Catullus amabat
4. Clodium amabat Catullus
5. Amabat Catullus Clodium
6. Amabat Clodium Catullus

Vì vai trò của mỗi thành phần đã được chỉ định rõ ràng bởi sự biến cách của từ, thí dụ "Catullus" có "us" thêm vào cuối từ cho biết từ ấy ở ngôi thứ ba, số ít, chủ cách, như vậy chỉ có thể là chủ từ; "Clodium" có "um" ở cuối cho biết từ ấy ở ngôi thứ ba, số ít, đối cách, như vậy chỉ có thể là túc từ của câu nói, động từ "amabat" được chia ở ngôi thứ ba, số ít theo lối "trình bày" không thể sai với ý nghĩa câu nói.

## Ngôn ngữ chấp dính

Tiếng Nhật Bản, tiếng Cao Ly thuộc loại này nhưng tiếng Thổ Nhĩ Kỳ mới là tiếng tiêu biểu. Chấp dính tiếng Anh là "agglutinating" từ tiếng "glue" là keo dán vì mỗi danh từ hay động từ có thể có một hay nhiều hậu tố dính theo sau, mỗi hậu tố đóng góp một ý nghĩa văn phạm. Sau danh từ thường dính liền những hậu tố chỉ số nhiều, các cách (chủ cách, đối cách, tặng cách, thuộc cách v.v...) Sau động từ thường dính theo những hậu tố chỉ thời (tense), lối (mood) và ngôi thứ (person). Đó là cách chia động từ của tiếng Thổ Nhĩ Kỳ.

Sau đây là một vài thí dụ về ngôn ngữ chấp dính:

Từ gốc "EV" (ngôi nhà) dính theo hậu tố "LER" chỉ số nhiều, thành "EVLEP" là những ngôi nhà. Thêm hậu tố "I" (ngôi thứ ba thuộc cách: của nó) thành "EVLERI" nghĩa là những ngôi nhà của nó. Thêm hậu tố "DEN" (thuộc cách có nghĩa như tiếng Anh "FROM") thành EVLERIDEN có nghĩa là từ những ngôi nhà của nó. Hậu tố "DA" (trong, tại) thay cho hậu tố "DEN" thành EVLERIDA có nghĩa là trong những ngôi nhà của nó.

Động từ "VERMEK" nghĩa là cho - VER = gốc động từ, MEK = hậu tố chỉ vị biến cách (infinitive mood).

Muốn chia động từ thì phải bỏ hậu tố MEK và thay vào những hậu tố chỉ thời (tense), cách (mood) và ngôi thứ (person).

VERIYOPUM = tôi cho hay tôi đang cho (thì hiện tại trực thuyết cách).

VERECEGIM = tôi sẽ cho (thì vị lai, trực thuyết cách).

VERDIM = tôi đã cho (thì quá khứ, trực thuyết cách).

Ngôn ngữ Nhật Bản và Cao Ly, tuy cũng thuộc loại chấp dính nhưng có nhiều yếu tố khác hẳn với tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Ngoài ra, tiếng Swahili mà chúng ta đã biết cách lắp ráp từng âm

tiết, cũng thuộc loại ngôn ngữ chấp dính.

Việc chia ngôn ngữ thế giới thành ba loại như trình bày trên đây của nhà ngôn ngữ học Đức W.V.Humbold không được các giới ngôn ngữ học đồng ý vì suy ra không có ngôn ngữ nào có thể được coi là thuần túy thuộc loại nào, ngoài ra có nhiều ngôn ngữ không thể được xếp vào loại nào cho thích hợp. Chẳng hạn như tiếng Anh ngày nay tuy có thể được xếp vào loại biến cách (inflecting) nhưng cũng có thể được xếp vào loại ngôn ngữ phân tích (analytic) vì có nhiều đơn âm như: man (người), good (tốt), hot (nóng), book (sách) v.v... Ngoài ra tiếng Anh lại có những tiền trí từ (preposition) như at (tại), of (của), on (trên), from (từ) v.v... và những liên từ (conjunction) như and (và), but (nhưng), if (nếu) v.v... là những loại từ có đặc tính không biến đổi của loại ngôn ngữ cách ly (isolating).

Sau hết, tiếng Anh còn có thể được coi là ngôn ngữ chấp dính ở cách thêm chữ nối liền sau từ để chỉ trường hợp văn phạm, như boy (cậu bé) thêm chữ -s để chỉ số nhiều thành boys (những cậu bé). Nhiều từ phức tạp trong tiếng Anh như "unavoidably", "illegalities", "ungodliness" cũng do sự ghép liền nhau nhiều phần tử có ý nghĩa văn phạm để tạo thành cũng chẳng khác gì cách thêm một tràng hậu tố sau từ của ngôn ngữ chấp dính. Ngoài ba loại ngôn ngữ trên, có người còn thêm một loại thứ tư gọi là ngôn ngữ kết hợp (incorporating), cách cấu tạo từ trong ngôn ngữ này có thể coi như một sự phối hợp giữa hai loại biến cách và chấp dính. Tiêu biểu cho loại ngôn ngữ này là tiếng nói Nahuati của nền văn minh Aztec xưa ở Mexico.

## Phân loại theo thứ tự các thành phần câu nói

Sau cùng, nhiều giới ngôn ngữ học đồng ý cho rằng sự khác nhau rõ rệt hơn cả giữa các thứ ngôn ngữ là sự khác nhau trong cách sắp đặt vị trí các thành phần câu nói như chủ từ, động từ và túc từ. Có thứ ngôn ngữ thì chủ từ đứng đầu câu rồi đến động từ, có thứ thì động từ lại đứng trước chủ từ, có ngôn ngữ túc từ trước động từ và có ngôn ngữ túc từ đứng sau v.v... Thí dụ tiếng Việt nói: "Tôi ăn cơm" thì các ngôn ngữ khác trên địa cầu có thể nói: "Cơm ăn tôi", "Ăn tôi cơm", "Tôi cơm ăn" v.v... Người ta áp dụng sự khác biệt này để phân loại các thứ tiếng nói. Các câu nói dùng làm tiêu chuẩn để so sánh phải là những câu giản dị thông thường của mỗi ngôn ngữ, không phải là những câu khác lạ dùng trong thơ văn để nhấn mạnh một ý niệm hay trau chuốt lối hành văn cho hay lạ.

Với ba yếu tố *Chủ từ, động từ, túc từ,* chúng ta có thể có sáu cách phối hợp khác nhau:

1. Chủ từ - động từ - túc từ, viết tắt CĐT.
2. Chủ từ - túc từ - động từ, viết tắt CTĐ.
3. Động từ - chủ từ - túc từ, viết tắt ĐCT.
4. Động từ- tức từ - chủ từ, viết tắt ĐTC.
5. Túc từ - chủ từ - động từ, viết tắt TCĐ.
6. Túc từ - động từ - chủ từ, viết tắt TĐC.

Điều lạ là tất cả sáu cách đều được dùng tới trong các thứ ngôn ngữ. Cách nói để chủ từ đứng đầu câu được dùng nhiều nhất, tức là hai cách một và hai, được 75% ngôn ngữ thế giới áp dụng, hai cách số ba và bốn để động từ ở đầu câu ít được dùng hơn còn hai cách năm và sáu để túc từ trước động từ và chủ từ thì rất hiếm.

Thứ tự câu nói số một CĐT là thứ tự của các thứ ngôn ngữ Ấn Âu, như Anh, Pháp, Ý, Hòa Lan và cũng là thứ tự của câu tiếng Việt.

Thứ tự số hai CTĐ là thứ tự của tiếng Nhật Bản, Đại Hàn, Thổ Nhĩ Kỳ.

Thứ tự số ba ĐCT, động từ đứng đầu câu được áp dụng trong ngôn ngữ Á Rập cổ điển và tiếng nói của dân xứ Wales ở Tây Nam nước Anh.

Thứ tự số bốn ĐTC được dùng trong ngôn ngữ Malagasy ở đảo Madagascar (Phi Châu).

Thứ tự số năm TCĐ được dùng trong ngôn ngữ Apurina ở Nam Mỹ.

Thứ tự số sáu TĐC được dùng trong ngôn ngữ Hixkarayana cũng ở Nam Mỹ.

Loại ngôn ngữ Chủ từ - động từ - túc từ thường phải giữ vị trí cố định cho các thành phần câu nói, thí dụ trong câu "cọp ăn người" nếu đổi vị trí chủ từ ra sau và túc từ ra trước thì thành "người ăn cọp" nghĩa hoàn toàn bị thay đổi.

Ngoài ra có nhiều loại ngôn ngữ mà thành phần câu nói có thể sắp đặt theo một thứ tự linh động và tự do nên không thể ghép vào một loài nào trong sáu loại kể trên.

Giữa hai loại ngôn ngữ CĐT (Chủ từ - động từ - túc từ) như Anh, Pháp, Việt và CTĐ (Chủ từ - túc từ - động từ) như Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ là hai loại được nhiều ngôn ngữ áp dụng nhất, có nhiều sự tương phản mà sau đây là vài thí dụ:

Khi tiếng Anh nói "John saw the dog" (John trông thấy con chó) thì tiếng Nhật nói: "John-Ga Inu-O Mita" (John con chó thấy). Loại ngôn ngữ CTĐ như của Nhật thường để giới từ đứng sau danh từ trong khi ngôn ngữ CĐT như Anh, Pháp, Việt để giới từ đứng trước danh từ, thí dụ tiếng Anh nói "by bus" (bằng xe buýt) thì tiếng Nhật và Thổ Nhĩ Kỳ nói "bus by"; tiếng Anh nói: "John saw the dog from the window" thì tiếng Thổ Nhĩ Kỳ nói: "John window-from dog-saw" (John pencereden kopegi gordu). Thêm một thí dụ khác về tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Như chúng ta nói: "Hôm nay Hahmet nói với tôi một câu chuyện ngoài phố" thì người Thổ Nhĩ Kỳ nói: "Hahmet hôm nay phố-ngoài tôi-với một câu chuyện-nói". Chúng ta thường để chức tước trước tên họ nhưng người Nhật lại để chức tước sau tên họ, chúng ta nói: "Giáo sư Tanaka" thì người Nhật nói: "Tanaka sensei". ■

Âm Nhạc Truyền Thống Việt Nam Trong Hậu Bán Thế Kỷ Hai Mươi

# ÂM NHẠC TRUYỀN THỐNG Ở MIỀN BẮC TRONG NHỮNG NĂM 1954-1975

LÊ TUẤN HÙNG

## Dẫn nhập

Trong những thập niên đầu thế kỷ XX, các thể tài âm nhạc cổ truyền Việt Nam, từ nhạc dân gian đến nhạc trí thức, vẫn còn là những hình thái nghệ thuật tạo thanh chính yếu trong các sinh hoạt xã hội, văn hoá và tôn giáo khắp ba miền đất nước.

Trong gần một thế kỷ dưới ách đô hộ cuả thực dân Pháp, âm nhạc Tây phương hoàn toàn không có một tác động hay ảnh hưởng đáng kể nào đến phong cách cuả các dòng nhạc cổ truyền Việt Nam. Sự tiếp nhận hai nhạc khí Tây Phương là Tây Ban Cầm và Vĩ Cầm trong dòng nhạc tài tử và cải lương miền Nam là dấu ấn duy nhất cuả sự giao lưu văn hoá trong nền nhạc truyền thống Việt Nam trong tiền bán thế kỷ XX. Tuy nhiên, khi tiếp nhận hai nhạc khí này, các nhạc sĩ miền Nam đã Việt Nam hoá chúng bằng cách khoét lõm phím đàn Tây Ban Cầm và thay đổi kỹ thuật trình tấu để có thể tạo ra tiếng nhạc với những nét hoa mỹ luyến láy tiêu biểu cuả nhạc cổ truyền Việt Nam. Sự tiếp nhận hai nhạc khí Tây Phương này làm giàu thêm màu âm cuả nhạc Việt, nhưng không làm mất đi những nét đẹp cuả nhạc Việt. Điều này cho thấy các nhạc sĩ truyền thống Việt Nam trước đây rất cẩn trọng và ý thức rõ ràng về phương hướng thực hiện, cũng như đầy sáng tạo trong việc phát triển nhạc truyền thống: Họ đi tìm cái mới để làm thăng hoa nhạc truyền thống chứ không phải chạy theo cái mới mà bỏ rơi những tinh hoa cuả truyền thống dân tộc.

Từ cuối thập niên 1930, nhạc cải cách, với các ca khúc soạn theo nhạc ngữ Tây phương, ra đời và phát triển ở một số thành phố lớn. Cho đến năm 1945, nhạc cải cách vẫn chỉ là một trong nhiều dòng âm nhạc ở Việt Nam và được phổ biến trong giới trẻ Tây học ở thành thị là chính. Nhạc cải cách vẫn chưa có vị thế lấn át các dòng nhạc truyền thống như trong những thập niên sau đó.

Những biến động chính trị xã hội từ năm 1945 trở đi đã có những tác động sâu rộng và khốc liệt đến đời sống văn hoá và tinh thần Việt nói chung và nền âm nhạc truyền thống Việt nói riêng. Sinh hoạt âm nhạc truyền thống ở nhiều địa phương đã bị ngưng trệ trong chín năm chiến tranh Pháp Việt (1946-1954). Sau khi hoà bình lập lại năm 1954, đất nước bị tạm thời chia đôi. Sự khác biệt về thể chế chính trị, chính sách văn hoá, ý thức hệ cũng như quan hệ quốc tế cuả hai miền đã dẫn đến việc hình thành hai khuynh hướng khác nhau trong việc giữ gìn và phát huy âm nhạc truyền thống Việt ở hai miền. Sau khi miền Bắc đánh bại miền Nam và thống nhất đất nước năm 1975, hướng phát triển âm nhạc truyền thống cuả miền Bắc được triển khai trên phạm vi cả nước. Tuy nhiên, sự hiện diện cuả khối người Việt ở ngoài Việt Nam sau năm 1975 tiếp tục duy trì sự phân cực cuả nền âm nhạc truyền thống Việt Nam với sự phân chia địa dư mới là trong và ngoài nước. Từ năm 1987, chính sách đổi mới đã thay đổi hướng phát triển nhạc truyền thống trong nước. Đó đây ở hải ngoại đã thấy hiện tượng giao lưu với khuynh hướng nhạc truyền thống trong nước.

Nhìn chung, lịch sử âm nhạc truyền thống Việt Nam trong hậu bán thế kỷ XX có thể được phân làm các giai đoạn như sau:

* Giai đoạn I (1954-1975)
* Giai đoạn II (1975-1986)
* Giai đoạn III (Từ 1987 trở đi)

Trong loạt bài viết này, chúng tôi sẽ lần lượt điểm duyệt và phân tích các hướng phát triển cuả âm nhạc truyền thống Việt Nam trong hậu bán thế kỷ XX qua các thời kỳ dưới tác động cuả những nhân tố chính trị xã hội.

## Âm nhạc truyền thống ở miền Bắc trong những năm 1954-1975

Năm 1976, nhà nghiên cứu âm nhạc Trần Văn Khê đã nhận xét về nền âm nhạc Việt Nam, đặc biệt là âm nhạc miền Bắc, dưới chế độ xã hội chủ nghiã như sau: "Tôi đã chứng kiến một đời sống âm nhạc cực kỳ sinh động, các truyền thống âm nhạc được bảo tồn thật tốt đẹp bên cạnh nhiều sáng tạo mới, một nền giáo dục cân đối, và những công trình nghiên cứu rộng lớn... Sự thán phục cuả tôi đối với những thành tựu to lớn này còn tăng lên gấp bội khi tôi nhận thức được những khó khăn to lớn do điều kiện

thời tiết và nhất là các cuộc không tập hàng ngày cuả Mỹ trong bao nhiêu năm" (Vietnam Courier, no. 50, July 1976: 28-29). Những ai theo dõi kỹ lưỡng hướng phát triển cuả âm nhạc miền Bắc nói chùng và âm nhạc truyền thống nói riêng hay những ai đã có kinh nghiệm sống thực về hoạt động âm nhạc truyền thống ở miền Bắc đều nhận thấy các điểm không đúng sự thật cũng như tính cường điệu hoá và tô hồng thực tại cuả nhận định này. Tuy nhiên, ông Trần Văn Khê đã nêu được một đặc điểm xã hội cuả âm nhạc ở miền Bắc: tổ chức chặt chẽ và qui mô. Điều ông không nhắc đến trong nhận định này là sự tiếp nhận ồ ạt cuả nhiều yếu tố âm nhạc và tư tưởng ngoại lai làm biến dạng âm nhạc truyền thống ở miền Bắc giai đoạn này.

Thực vậy, trong nỗ lực xây dựng miền Bắc theo mô hình xã hội chủ nghiã, Đảng Cộng Sản Việt Nam (mang tên Đảng Lao Động trong thời kỳ này) và Nhà Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đã tiếp nhận và áp dụng nhiều tư tưởng và đường lối chính trị, kinh tế, và văn hoá ngoại lai từ Liên Xô và Trung Quốc. Tư tưởng, đường lối cải tạo xã hội và củng cố chính quyền cuả Lênin, Stalin và Mao Trạch Đông được xem như kim chỉ nam cho các chính sách, nghị quyết cuả Đảng và Nhà Nước. Trong lãnh vực văn hoá văn nghệ, tất cả hoạt động đều được đặt dưới sự chỉ đạo, tổ chức và quản lý chặt chẽ cuả Đảng và nhà nước. Do đó, các chính sách văn hoá văn nghệ cuả Đảng đã có những tác động lớn lao đến các hoạt động nghệ thuật trên toàn miền Bắc trong giai đoạn này.

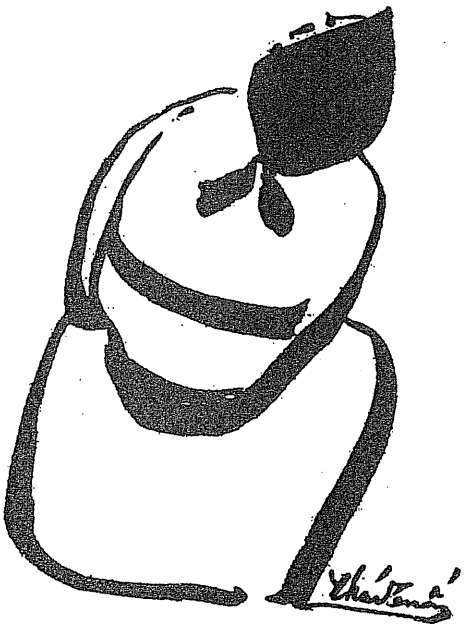

Từ năm 1943, Đảng Cộng Sản đã khẳng định trong Đề Cương Văn Hoá Việt Nam rằng: "Nền văn hoá mà cách mạng Việt Nam phải thực hiện sẽ là văn hoá xã hội chủ nghiã" (Hà Xuân Trường 1972: 38). Các văn kiện chính thức cuả Đảng trong những năm sau đó liên tục tái khẳng định chủ trương văn hoá văn nghệ này. Thư cuả Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng gửi Đại Hội Văn Nghệ Toàn Quốc lần II (1957) nêu rõ: "Nền văn nghệ mới ở miền Bắc chúng ta trong giai đoạn này phải là một nền văn nghệ xã hội chủ nghiã về nội dung và dân tộc về hình thức" (Lưu Hữu Phước 1961: 203). Nghị Quyết cuả Đại Hội Đảng lần III (1960) cũng khẳng định nhiệm vụ "phát triển nền văn nghệ mới với nội dung xã hội chủ nghiã và tính dân tộc, có tính Đảng và tính nhân dân sâu sắc" (Hà Huy Giáp 1972: 6). Các nhóm từ "Nội dung xã hội chủ nghiã", "tính Đảng" hay "tính nhân dân" trong các văn bản này nhấn mạnh chủ trương chính trị hoá văn nghệ, xem văn nghệ là công cụ tuyên truyền, là vũ khí chính trị. Chủ trương này mang nặng dấu ấn cuả tư tưởng Lênin về tính Đảng trong văn nghệ (Olkhovsky 1955: 13) và tư tưởng lấy chính trị làm thống soái cuả Mao Trạch Đông và Stalin. Các khái niệm về tính Đảng, tính dân tộc, tính nhân dân, tính hiện thực xã hội chủ nghiã v.v... cuả văn nghệ đều được du nhập từ Liên Xô (Olkhovsky 1955: 22-55). Ba đặc tính "dân tộc, khoa học và đại chúng" cuả văn hoá văn nghệ được Đảng đề xuất trong Đề Cương Văn Hoá Việt Nam (1943) thực sự là sự tiếp thu một cách nghiêm túc tư tưởng Mao Trạch Đông qua luận văn Về Nền Dân Chủ Mới (1940) cuả họ Mao (Mao 1965:380-382). Nhìn chung, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã tiếp nhận và áp đặt một mô hình văn hoá ngoại lai lên đời sống văn hoá Việt. Tính dân tộc được chú trọng khai thác chỉ nhằm mục đích tăng cường hiệu quả cuả công tác tuyên truyền. Theo lời Lưu Hữu Phước, "lý tưởng cuả giai cấp công nhân thế giới, khi thâm nhập vào một dân tộc nhất định phải được bọc trong một cái vỏ quen thuộc với dân tộc ấy" (1961: 211) và "mục đích chính cuả việc sử dụng hình thức dân tộc là phục vụ cách mạng một cách hiệu quả, chứ không phải sùng bái hình thức dân tộc chỉ vì hình thức dân tộc, sùng bái vốn cổ chỉ vì vốn cổ" (1961: 212). Thực hiện chủ trương này, Bộ Văn Hoá nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà đã đề ra cho toàn miền Bắc phương châm "khai thác vốn cổ" và "thể hiện đề tài mới" (Lưu Hữu Phước 1961: 201-202). Phương châm này nhấn mạnh việc khai thác vốn cổ chứ không chú trọng đến việc giữ gìn vốn cổ.

Chủ trương văn nghệ này đã có tác động sâu rộng đến các hoạt động âm nhạc cổ truyền ở miền Bắc. Sau năm 1954, việc phục hồi và phổ biến rộng rãi các thể tài ca nhạc cổ truyền nguyên dạng bị xem là "nguy hiểm", và bị

nghiêm khắc lên án là "không quan tâm gì đến nội dung chính trị cuả nghệ thuật" (Lưu Hữu Phước 1959: 192; 1961:201). Các hội hè truyền thống, các đám cúng thần, rước thần, lên đồng v.v... bị xem như là những hình thái sinh hoạt văn hoá lạc hậu, phong kiến và duy tâm cần "phải loại dần ra" (Hồ Chí Minh 1958: 50-54). Nhiều thể tài âm nhạc cổ truyền gắn bó với các sinh hoạt này đã dần dà mai một. Các cơ sở và thiết chế văn hoá truyền thống xây dựng đã bao đời ở nhiều địa phương như đình, chuà, miếu, đền cũng như nhiều thần tích lịch sử đã bị phá huỷ hoặc sử dụng cho những mục đích không văn hoá (Võ Văn Trực 1990: 733-740). Thay vào các hội hè đình đám truyền thống là những lễ hội mới mang màu sắc chính trị, như kỷ niệm ngày thành lập Đảng, Cách mạng tháng Tám, ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh, Cách mạng tháng Mười Nga, ngày sinh Lênin v.v... Gắn liền với các ngày lễ này là những phong trào thi đua rầm rộ và hội diễn văn nghệ trong đó ca khúc chính trị chiếm lĩnh hầu hết các sân khấu chuyên nghiệp cũng như không chuyên nghiệp.

Giai đoạn này cũng đánh dấu sự suy tàn cuả nghệ thuật Ca Trù (Hát Ả Đào, Hát Cô Đầu), thể tài nhạc thính phòng độc đáo đã phát triển ở thôn quê cũng như thành thị miền Bắc trong hơn năm thế kỷ. Có hai nguyên do chính dẫn đến việc Đảng và nhà nước loại bỏ thể tài nghệ thuật này. Nguyên do thứ nhất là "vướng về tư duy, về quan điểm" (Đỗ Nhuận 1972: 29), nghiã là nó không phục vụ được mục tiêu chính trị. Nguyên do thứ hai là nguyên do xã hội. Từ cuối thế kỷ XIX, một số ả đào ở các đô thị (như xóm Khâm Thiên, Ngã Tư Sở, Vạn Thái) cũng là người bán phấn buôn hương. Do đó sinh hoạt Ca Trù (đáng tiếc là cả sinh hoạt thuần nghệ thuật), bị xem là sinh hoạt không lành mạnh và trở thành đối tượng triệt hủy của cuộc cách mạng văn hoá và tư tưởng ở miền Bắc. Sau 1954, nghệ thuật Ca Trù im hơi lặng tiếng trong hơn hai mươi năm (Hoàng Quốc Hải 1995: 21).

Sự thiếu thống nhất giữa trung ương và địa phương trong việc thi hành các chỉ thị về văn hoá văn nghệ do nạn cường hào sứ quân cũng dẫn đến việc nhiều địa phương cấm đoán, triệt huỷ cả những thể tài âm nhạc được xem là "tích cực," "có tính nhân dân" như chèo, tuồng, cải lương v.v... Theo Lưu Hữu Phước, "có nơi đã cấm cả mọi thứ hoạt động văn nghệ quần chúng; ở nhiều tỉnh, cải lương bị cấm đoán, tuồng cổ bị bỏ lửng, chèo cổ bị thay thế bằng "chèo dân ca" (1961: 202), "hàng trăm vở tuồng cổ và chèo cổ, cả hệ thống muá hát và rất nhiều âm điệu ca nhạc bị để mai một, và thậm chí còn bị cấm đoán nữa là khác" (1961: 217). Mặc dù phê phán những hành động này là không nắm vững chính sách, nhưng Đảng và nhà nước đã không có hành động cụ thể nào để chấm dứt và ngăn ngừa các địa phương làm những việc quá khích như vậy. Thực tế cho thấy cho đến những năm 1975-1987, việc cấm đoán và triệt huỷ văn nghệ truyền thống vẫn còn xảy ra ngay trên miền Bắc. Năm 1987, Võ Văn Trực viết "trên 10 năm nay, làng tôi im bặt tiếng trống chèo, trống tuồng. Những bộ quần áo tuồng rất đẹp phải đem tập trung lên xã, rồi tùy tiện mỗi người xé về một mảnh. Tấm áo Triệu Tử Long lộng lẫy đến thế cũng biến thành giẻ lau nồi. Chiếc áo giáp cuả hiệp sĩ Thuý Văn óng ánh kim tuyến bị phá để làm rèm cưả sổ. Tấm áo bào Bà Trưng trở thành vải vụn và màn... Tại sao có tình trạng ấy? Dễ hiểu lắm! Đảng uỷ và Ủy ban xã ra lệnh cấm chèo tuồng, cho đó là thứ cổ hủ." (1990: 735)

Việc đoàn ngũ hoá và kiểm soát chặt chẽ sinh hoạt của tất cả các tầng lớp dân chúng từ thiếu nhi, thanh niên, phụ nữ, bô lão cho đến công nhân viên chức, cán bộ, bộ đội cũng như các chính sách cải tạo xã hội như cải cách ruộng đất, cải tạo công thương nghiệp và việc phát động chiến tranh Nam-Bắc không những làm đảo lộn nếp sống cũ mà còn tạo thêm nhiều tầng áp lực lên đời sống người dân khiến cho các sinh hoạt âm nhạc cổ truyền nếu có còn tồn tại một cách riêng lẻ trong gia đình cũng dần mai một. Tháng 11 năm 1969, khi Bộ Văn Hoá và Hội Nhạc Sĩ Việt Nam tổ chức Hội Nghị Lý Luận bàn về Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc Việt Nam, Hà Huy Giáp đã nhận định rằng: "Nhiều đồng chí tự kiểm điểm thấy mình rất ít biết nhạc dân tộc... Số người biết hát, ví, hò... cũng bớt dần đi. Rất nhiều người trong thế hệ chúng ta không được nghe hát ru khi còn bé, hầu như rất ít được xem tuồng, chèo, cải lương... và thỉnh thoảng mới nghe đàn bầu, đàn nguyệt, đàn tranh trên sân khấu." (1972: 13) Cũng trong năm này, trong bài "Vườn Xuân" trên báo Văn Hoá, Nguyễn Xuân Khoát bày tỏ ước mong xây dựng một "vườn nhạc" để trình bày những bản dân ca cổ nhạc nguyên chất để giúp khán thính giả "hiểu thế nào là một tiếng trống chèo, một bài hát ru, thấm thía thêm lòng yêu quê hương, đất nước mà ông cha ta đã dựng nên mấy nghìn năm." (Nguyễn Phúc 1972: 85). Tuy nhiên, lời đề nghị chính đáng cuả ông đã không được đáp ứng. Mọi nỗ lực hoạt động âm nhạc đều được tập trung cho công tác xây dựng và phát triển nền âm nhạc "dân tộc hiện đại" với chức năng chính là phục vụ kịp thời các mục tiêu chính trị.

Trước một hoàn cảnh như vậy, điều đáng ngạc nhiên là trong tiểu luận về Các Phương Thức Giữ Gìn và Truyền Bá Âm Nhạc Cổ Truyền ở Việt Nam [Means of Preservation and Diffusion of Traditional Music in Vietnam] trình bày tại một Hội Nghị Quốc Tế Âm Nhạc tại Berlin tháng Sáu năm 1967 (sau đó, tiểu luận này

được bổ sung và phổ biến trên chuyên san Asian Music năm 1972), ông Trần Văn Khê đã tường trình về hoạt động âm nhạc cổ truyền ở miền Bắc như sau:

"Ở Bắc Việt, các buổi biểu diễn nhạc và muá cổ truyền cho công chúng được tổ chức rất thường xuyên. Một đoàn ca nhạc quốc gia [ý nói Đoàn Ca Muá Nhân Dân Trung Ương] qui tụ những nam nữ ca sĩ, nhạc sĩ và vũ công tài giỏi nhất thường xuyên trình diễn nhạc và muá dân gian. Một dàn nhạc cổ truyền [sic.] với hơn bốn mươi nhạc sĩ sử dụng nhiều loại nhạc khí cổ truyền... Ở các trường học, nhà máy, hợp tác xã, các tốp nhạc trình diễn nhạc cổ truyền được thành lập... Thanh thiếu niên được huấn luyện để tham gia các cuộc thi dân ca ở các lễ hội [sic.]... Chỉ ở một tỉnh Hải Dương mà thôi, đã có hơn 700 đoàn chèo biểu diễn cho công chúng... Hoàn cảnh [cho nhạc cổ truyền] rất thuận lợi ở miền Bắc." (Trần Văn Khê 1972: 43-44)

Điểm sai lầm nặng nề nhất cuả bài tường trình này là việc sử dụng thuật ngữ "Nhạc Cổ Truyền" khi nói về các hoạt động ca muá nhạc do văn công biểu diễn. Trong thực tế, tuyệt đại đa số các hoạt động này là biểu diễn ca, muá, nhạc cải biên và sáng tác dân tộc hiện đại, vốn là một sự biến dạng cuả nhạc cổ truyền theo chiều hướng ngoại lai hoá. Dàn nhạc "cổ truyền" được nói đến ở đây là một dàn nhạc sử dụng các nhạc khí Việt Nam xây dựng theo qui cách dàn nhạc Tây phương và có qui cách trình diễn cũng như bài bản mang nặng dấu ấn nhạc Tây phương. Về nội dung, các tiết mục diễn không ít thì nhiều mang nội dung chính trị, tuyên truyền. Riêng tường trình về sự hiện diện cuả hơn 700 đoàn chèo ở tỉnh Hải Dương thì theo chúng tôi chỉ là một sự phóng đại thiếu thận trọng. Theo thống kê chính thức cuả nhà nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghiã Việt Nam, cho đến năm 1989 cả nước chỉ có 15 đoàn hát chèo, 11 đoàn hát tuồng, và 57 đoàn cải lương (Đức Thông 1989: 375).

Xem vậy, những lời tường trình trên chỉ cho ta thấy được những nỗ lực qui mô cuả Nhà Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà trong việc xây dựng nền âm nhạc dân tộc hiện đại nhằm phục vụ có hiệu quả những mục tiêu chính trị chiến lược mà thôi. Những hoạt động đó không thể xem là những nỗ lực giữ gìn và truyền bá âm nhạc cổ truyền được.

Trong thực tế, việc xây dựng nền âm nhạc dân tộc hiện đại ở miền Bắc đã được thực hiện một cách có tổ chức trong năm lãnh vực: (1) Sáng tác và cải biên, (2) Đào tạo, (3) Trình diễn, (4) Cải tiến nhạc khí cổ truyền, và (5) Sưu tầm và phân tích nhạc cổ truyền. Chủ trương cuả Đảng trong công tác qui mô này là: (1) khai thác vốn cổ, và và (2) tiếp thu văn hoá âm nhạc "tiến bộ" thế giới. Hai chủ trương này phải được kết hợp chặt chẽ. Lưu Hữu Phước đã vạch rõ "nếu quên đi một vế, thì sẽ lạc xuống rãnh lầy tư sản ngay" (1961: 226). Theo chỉ thị trong Thư cuả Trung Ương Đảng gửi Đại Hội Văn Nghệ lần II (1957), văn hoá nghệ thuật "tiến bộ" thế giới chính là nền văn nghệ cuả Liên Xô, Trung Quốc, và các nước xã hội chủ nghiã anh em (Lưu Hữu Phước 1961: 228). Điều đáng chú ý là đại đa số những người được giao phó trách nhiệm quan trọng trong cả năm lãnh vực trên đều có căn bản nhạc Tây phương vững vàng, nhưng lại thiếu hoặc hoàn toàn không có kiến thức và kinh nghiệm thực hành nhạc cổ truyền (nhiều người trong số này đã được đi du học ở Liên Xô, Trung Quốc và Đông Âu). Do đó, nhiều thành quả cuả nền âm nhạc dân tộc hiện đại được họ dầy công xây dựng đã mang tính ngoại lai nhiều hơn tính dân tộc.

*Sáng tác và cải biên*

Trong việc "khai thác" vốn âm nhạc truyền thống, các nhạc sĩ miền Bắc đã triệt để áp dụng ba phương pháp cơ bản do Trường Chinh đề ra. Đó là: (1) Dùng hình thức cũ để truyền bá nội dung mới, (2) Thay đổi, cải tiến hình thức cũ, và (3) Lấy tinh hoa cốt cách cuả nhạc dân tộc để sáng tạo ra những hình thức mới (Hà Huy Giáp 1972: 17).

Trong việc dùng hình thức cũ để truyền bá nội dung mới, các nhạc sĩ miền Bắc đã soạn lời mới cho rất nhiều bài ca cổ truyền, nhất là các bài dân ca. Các lời mới này mang nặng nội dung chính trị rất rõ ràng, như tôn vinh Hồ Chí Minh, ca ngợi Đảng, tuyên truyền chống "Mỹ Nguỵ", phổ biến chính sách, chủ trương cuả Đảng và nhà nước. Xem qua những tuyển tập dân ca hay nghe lại những tài liệu ghi âm dân ca trong giai đoạn này, ta thấy không ít những bài "dân ca" theo kiểu bình cũ rượu mới này.

Trong tập Dân Ca Thanh Nghệ Tĩnh (nxb. Âm Nhạc, Hà Nội, 1961: 18), ta thấy bài Nựng Con (dân ca Nghệ An) có lời mới cuả Trần Hữu Pháp như sau:

*Con hời con hỡi hời con*
*Thương con mẹ dặn cùng con điều này*
*Ơn ấy có ai đem*
*Nhớ ơn này là Bác*

---

* Ở vườn địa đàng, Eva nói chuyện với Adam.

"Tối nay ông về muộn. Ông đã đi với ai?"

"Trời đất ơi! Ở đây chỉ có hai chúng ta, bà nhắm tôi còn có thể đi với ai được?"

Eva vẫn nghi hoặc. Đợi đến đêm lúc Adam đã ngủ, bà liền đếm những xương sườn của ông...

*Là Đảng đem về tới*
*Được áo ấm đời vui*
*Ơn này con ghi nhớ*
*Nhớ lấy đó con hời*

Tập Dân Ca Xô Viết Nghệ Tĩnh (!) (nxb. Âm Nhạc, Hà Nội, 1961: 2) có bài Ví Ngắn (một loại trong Ví Phường Vải, dân ca Nghệ An) với lời như sau:

*Trận này là trận cuối cùng*
*Ầm ầm toàn lực đùng đùng Đảng cơ*
*In-téc-na-xi-on-nan-lờ*
*Ấy là nhân đạo ấy là tự do*

Tập Dân Ca Nùng (nxb. Âm Nhạc, Hà Nội, 1962: 15) có bài Lứn, một điệu hát phổ biến cuả dân tộc Nùng Dín ở Hà Giang, với lời như sau:

*Thấy chăng bạn ơi*
*Dạy chúng ta khôn, dạy chúng ta nên người*
*Chính phủ đã về đây*
*Đảng ta đến với ta hàng ngày*
*Ta nghe theo Bác Hồ khuyên*
*Nhắc nhau vào đổi công, hợp tác...*

Ngay cả những bài dân ca nguyên thuỷ đã khá phổ biến trên cả ba miền cũng có những lời mới. Bài Lý Ngựa Ô Bắc với lời mới như sau là một thí dụ điển hình (Đinh Lạn và Sỹ Tiến, 1971: 64-65):

*Giôn-xơn lầm tưởng mình giỏi giang*
*Giôn-xơn lầm tưởng mình khôn ngoan*
*Rõ ra quân xuẩn ngốc*
*Đã xuống dốc ở miền Nam*
*Lại ra Bắc leo thang*
*Hoang mang vô cùng tận*
*Lao vào lưới trận lăn quay*
*Hơn ba ngàn máy bay phản lực*
*Tan tành theo mây khói*
*Đạn vây lưả ngút trùng trùng*
*Thủ đô truyền thống anh hùng*
*Dưới lá cờ Hồng*
*Chung một lòng chống Mỹ tấn công...*

Việc đặt lời mới cho những bài ca cổ truyền không phải là không phổ biến trong nhiều truyền thống nhạc dân gian, cổ điển hay ca kịch Việt Nam. Tuy nhiên, nếu đặt những lời mới trơ như khẩu hiệu tuyên truyền, không có được cái ý nhị, duyên dáng hay thâm trầm cuả những lời cổ thì chỉ có tác dụng làm giảm giá trị đích thực cuả những bài ca cổ truyền. Việc đặt lời chính trị cho dân ca có lẽ đã được học tập từ Trung Quốc. Thực vậy, từ cuối thập niên 1920, Đảng Cộng Sản Trung Quốc đã cho tiến hành việc tạo tác các bài "dân ca cách mạng" (geming minge) cho mục đích tuyên truyền, trong đó việc đặt lời chính trị cho các bài ca dân gian là một công tác được thực hiện một cách qui mô và có hệ thống (Yang Mu 1994). Việc xác lập tư tưởng Mao Trạch Đông là tư tưởng chỉ đạo cuả Đảng Cộng Sản Việt Nam từ Đại Hội II (1951) cũng như việc học tập và làm theo những cung cách cải cách xã hội chính trị và văn hoá cuả Trung Quốc trong những năm sau đó chắn chắn là đã mở đường cho việc đặt lời chính trị cho dân ca theo gương Trung Quốc.

Ngoài việc thay lời cổ bằng lời mới, các nhạc sĩ miền Bắc cũng "chỉnh lý" nét nhạc cuả nhiều bài nhạc cổ truyền. Công tác "chỉnh lý" hay "nâng cao" những hình thức âm nhạc cổ được gọi chung là "cải biên". Việc cải biên đã làm biến dạng nhiều bài bản nhạc cổ truyền, và tạo nên một dòng nhạc truyền thống mới thay thế dòng nhạc cổ truyền. Đó là dòng nhạc cải biên. Nhạc cải biên là nhạc cổ truyền đã được "chỉnh lý" về âm nhạc. Nhiều lời ca cổ cũng được "chỉnh lý". Trong bài viết "Nhạc dân tộc cải biên Việt Nam" trên Thế Kỷ 21 số tháng Mười 1994, Miranda Arana đã theo đề nghị cuả Vũ Nhật Thăng và dùng thuật ngữ "nhạc cải biên" để chỉ chung những bản nhạc cổ truyền đã được "chỉnh lý" cũng như các sáng tác mới cho các nhạc khí truyền thống. Tuy nhiên, do sự khác biệt về một số đặc điểm âm nhạc cuả hai thể loại này, chúng tôi dùng từ "nhạc cải biên" để chỉ nhạc cổ truyền đã được "chỉnh lý" và "sáng tác mới" để chỉ các sáng tác dân tộc hiện đại.

Các bài dân ca, khí nhạc dân gian hay nhạc cổ điển được cải biên để làm tiết mục trình diễn hay đưa vào chương trình giảng dạy cuả các trường nhạc, trường văn hoá nghệ thuật có một số đặc điểm như sau:

1. Cao độ các âm thanh trong nhạc Việt, vốn khác các cao độ trong thang âm bình quân cuả nhạc Tây phương, đã bị bình quân hoá cho giống các cao độ trong thang âm bình quân Tây phương. Thêm vào đó các nét luyến láy hoa mỹ tiêu biểu cuả nhạc Việt cũng được giản lược hoá khá nhiều. Hơn nữa, sự thiếu hiểu biết về điệu thức nhạc cổ truyền đã dẫn đến việc "chỉnh lý" và trình diễn sai lạc điệu thức cuả nhiều bài bản cổ. Tất cả những điều này làm mất đi nét đặc trưng cơ bản nhất về âm thanh cuả nhạc Việt. Đối với người nghe quen nhạc cổ truyền, nhạc cải biên có giọng lơ lớ cuả một người ngoại quốc nói tiếng Việt không rành.

2. Tốc độ cuả đại đa số các bài nhạc cổ truyền đều được tăng nhanh lên, để tạo không khí phấn khởi trong âm nhạc. Đây là việc làm có chủ định rõ ràng, vì các nhà lãnh đạo văn nghệ đã nhiều lần lên án những nét nhạc chậm, trầm mặc hay buồn trong nhạc cổ truyền là "tiêu cực", là "lề mề", là "yếu đuối", cần phải loại trừ (Hà Huy Giáp 1972: 14; Đỗ Nhuận 1972: 31-32). Việc tăng tốc độ cuả bài nhạc để diễn đạt "tinh thần phấn khởi trong thời đại xã hội chủ nghiã" không những làm mất đi tinh thần nguyên thuỷ cuả từng bài nhạc mà còn làm cho nhạc truyền thống mất đi tính đa dạng trong việc diễn đạt tâm tư tình cảm đích thực cuả con người.

Con người đích thực không thể nào chỉ biết hồ hởi, phấn khởi, chứ không hề biết hoài niệm, nhớ thương, buồn nản hay thất vọng. Nhận xét về phong cách biểu diễn dân ca Quan Họ cải biên, cụ Xon ở Bắc Ninh cho rằng "Đài và Văn Công hát Quan Họ nhanh quá, vui quá, không hợp với nỗi lòng cuả liền anh liền chị" (Hồng Thao 1986:138).

Ngoài hai đặc điểm trên, một số bài nhạc cải biên, mà đa số là dân ca, còn được "chỉnh lý" thêm theo một hay nhiều cung cách sau đây. Cung cách thứ nhất là phối thêm phần đệm. Có khi là phần đệm với đàn piano, có khi là một tốp nhạc thính phòng Tây phương, cũng có khi là một tốp nhạc với các nhạc cụ truyền thống đã được "cải tiến". Sự thành công cuả việc soạn phần đệm này tuỳ thuộc vào người phối khí có hiểu biết về nhạc truyền thống và có sử dụng những màu âm đẹp cuả nhạc khí Việt hay không. Theo ý chúng tôi, việc sử dụng hoà âm trưởng thứ cuả nhạc Tây phương để đệm cho làn

điệu Việt Nam là không hợp cách, là đầu Ngô mình Sở. Cung cách thứ hai là cắt xén hay thêm thắt để biến bài nhạc nguyên thuỷ thành một bài nhạc khác. Bài "Người ơi người ở đừng về" là một thí dụ điển hình. Xuân Tứ đã lấy bài Quan Họ "Chuông vàng gác cưả tam quan", bỏ bớt khổ đầu, sưả chưã những khổ sau và đặt tên mới là "Người ơi người ở đừng về" (Hồng Thao 1986: 136). Có thể nói đây là một trong số ít bài nhạc cải biên vẫn còn mang phong cách truyền thống về nhạc lẫn về lời. Tuy được xem là Quan Họ "Đài" hay "Đoàn" (chỉ có Đoàn văn công hát, hay hát trên Đài, chứ ở đất Quan Họ không ai hát), nhưng bài hát này nghe ra vẫn có phong cách Quan Họ, chứ không bị lai Tây lai Tàu như nhiều bài nhạc cải biên khác. Một số nhạc sĩ miền Bắc khác có khuynh hướng cải biên dân ca, cổ nhạc thành ca khúc chính trị. Họ "lấy nguyên nét nhạc chính cuả dân ca vào sáng tác cuả mình... hoặc bớt một nốt, thêm một nốt, hoặc bớt cả một khổ nhạc hay thêm cả một đoạn nhạc mới vào" (Nguyễn Phúc 1972: 85), rồi đặt lời mới, tựa đề mới và xem đó là sáng tác cuả mình! Bài "A.B.C. Chúng Ta Cùng Hay" cuả Đỗ Nhuận (cải biên bài đồng dao Bắc Kim Thang) hay bài "Anh Ba Hưng" cuả Trần Kiết Tường (cải biên bài Con Chim Manh Manh) là những thí dụ điển hình.

Một điều đáng chú ý trong dòng nhạc cải biên ở miền Bắc là ngoài dân ca Việt, dân ca và nhạc cuả các dân tộc thiểu số cũng được cải biên, chỉnh lý, "nâng cao" và đặt lời Việt để đưa vào các tiết mục ca nhạc dân tộc trên sân khấu và được giới thiệu như là dân ca, dân nhạc cuả các dân tộc Tày, Thái, Nùng, Hmông v.v... Các bài nhạc này thường thường do nhạc sĩ người Việt trình diễn và việc cải biên đã làm cho chúng bị Việt hoá và nhất là Tây phương hoá rất rõ. Trong nhiều trường hợp, ngay cả người sắc tộc cũng khó có thể chấp nhận chúng là bài ca, bài nhạc cuả dân tộc mình.

Song song với việc đặt lời mới và cải biên nhạc cổ truyền, các nhạc sĩ miền Bắc cũng đã sáng tác nhiều tác phẩm được gọi là "dân tộc hiện đại" cho các nhạc khí cổ truyền Việt Nam. Các sáng tác này tuy là khí nhạc nhưng hầu hết đều mang tính chính trị rõ ràng với các tựa đề như Tình Quân Dân (bài đàn nguyệt cuả Xuân Ba), Vì Miền Nam (bài đàn bầu cuả Huy Thục), hoặc ngợi ca đất nước và lao động sản xuất với các tựa đề như Nước Về Đồng, Kể Chuyện Quê Hương (bài đàn tỳ bà cuả Mai Phương), Bình Minh Trên Rẻo Cao (bài đàn tranh cuả Phương Bảo), Kể Chuyện Ngày Mùa (bài đàn nhị cuả Thao Giang).

Xét về mặt âm nhạc, các sáng tác mới này có hai đặc điểm tương tự các bài nhạc cải biên. Đó là:

1. Tất cả đều được xây dựng trên thang âm ngũ cung. Tuy nhiên các cao độ đã được bình quân hoá theo cao độ trong thang âm bình quân Tây phương. Hiếm thấy tác phẩm nào vận dụng đúng và chính xác các thang âm điệu thức trong

nhạc cổ truyền Việt Nam. Đa số các tác phẩm vận dụng thang âm trong nhạc cổ truyền cuả người Việt đều không vận dụng đúng và đầy đủ các yếu tố hoa mỹ làn điệu như rung mổ luyến láy. So với nhạc cải biên vốn có gốc là một làn điệu cổ truyền thì làn điệu cuả đại đa số các sáng tác mới mang ít đặc tính làn điệu Việt Nam hơn.

2. Tuyệt đại đa số các sáng tác này đều có tốc độ từ trung bình đến nhanh và rất nhanh nhằm diễn đạt "không khí phấn khởi", "lạc quan" cuả "nếp sống mới".

Ngoài ra, các tác phẩm khí nhạc dân tộc hiện đại này còn có chung một số đặc điểm sau:

1. Tuyệt đại đa số các sáng tác này đều có giai điệu dễ nghe. Không ít thì nhiều tương tự làn điệu cuả một bài hát. Do đó, rất nhiều tác phẩm khí nhạc nghe rất giống như một bài hát được chuyển soạn, thêm bè cho một hay nhiều nhạc khí.

2. Cung cách phát triển giai điệu, các mẫu chạy chữ chuyền chữ nhạc cho các nhạc khí đều mang dấu ấn đậm nét cuả khí nhạc cổ điển Tây phương. Hiếm thấy tác phẩm nào vận dụng và làm thăng hoa cung cách chuyền chữ nhạc điển hình cuả từng nhạc khí Việt Nam.

3. Tuyệt đại đa số sáng tác này được xây dựng trên quan niệm bố cục nhạc Tây phương với: (a) lối phân đoạn tương phản ở tốc độ nhanh chậm và nhạc đề, (b) sự tái hiện cuả phân đoạn hay nhạc đề, (c) việc áp dụng quan niệm về "cao trào" với các cung cách tạo sức căng và giải quyết thường thấy trong nhạc cổ điển Tây phương. Bố cục A-B-A' là một trong những hình thức Tây phương được ưa chuộng.

4. Trong cung cách phối bè theo chiều dọc, các kỹ thuật phối bè cuả nhạc Tây phương thời Cổ Điển và Lãng Mạn đã được tiếp thu và vận dụng trong những sáng tác mới này.

Nhìn chung, những sáng tác mới này tiếp nhận khá nhiều yếu tố âm nhạc ngoại lai và ít khai thác cũng như phát triển các yếu tố đặc thù cuả nhạc truyền thống. Tiếp nhận và chuyển hoá các yếu tố âm nhạc cuả truyền thống khác để tạo tác những hình thức âm nhạc mới không phải là một việc làm tiêu cực. Lịch sử âm nhạc Việt cũng như âm nhạc thế giới đã ghi lại nhiều thành tựu trong việc tiếp nhận thành tố âm nhạc ngoại lai. Việc tiếp nhận quan niệm và qui cách tổ chức dàn nhạc cung đình từ Trung Hoa dưới triều Hậu Lê và triều Nguyễn, hay việc chuyển hoá những ý nhạc năm cung từ Đông Nam Á trong nhạc cuả Debussy là những thí dụ điển hình. Tiếp nhận mà không có nội lực để chuyển hoá sẽ dẫn đến việc rập khuôn, bắt chước và không vạch được một phong cách nghệ thuật mới thực sự cuả riêng mình. Tất cả những sáng tác mới cho nhạc khí truyền thống đều do những nhạc sĩ nắm vững các nguyên tắc cuả nhạc ngoại lai hơn là nhạc Việt Nam, cho nên ngoài nét giai điệu năm cung chung chung (hiếm thấy nét đặc trưng cuả làn điệu năm cung Việt Nam) và màu âm cuả những nhạc khí dân tộc, các bài nhạc này vay mượn rất nhiều quan niệm tạo thanh ngoại lai và thiếu hẳn những nét độc đáo riêng biệt thường thấy trong những tác phẩm cổ truyền cũng như hiện đại cuả những truyền thống âm nhạc lớn trên thế giới. Mấy lời tự phán sau đây cuả Nguyễn Xuân Khoát về những nỗ lực cải biên, sáng tác cuả ông cũng có thể áp dụng cho đại đa số thành quả cuả dòng nhạc cải biên và sáng tác dân tộc hiện đại:

"Nâng cao âm nhạc, đổi mới âm nhạc ư? Chính tôi chứ không phải ai khác đã viết nhạc dựa trên ngũ cung đem cộng vào chút ít hoà thanh phương Tây học được cuả Đuy-Boa... cải biên Tấm Cám thành vở Chị Tấm Anh Điền, xoa tay những tưởng là "mô-đéc" thật lực, "mới" thật lực... Kịp đến khi trên đầu đã gần trắng bông mái tóc, thật sự hiểu được cái hay cuả một tiếng trống cơm, một tiếng đàn bầu, mới hay rằng mình đã chẳng nâng cao mà chỉ có hạ thấp, đã chẳng phát triển âm nhạc dân tộc mà chỉ rình kéo lùi nó lại..." (Nguyễn Xuân Khoát, trong bài "Mới" báo Văn Hoá, tháng Ba, 1969, trích lại trong Nguyễn Phúc 1972:83-84). Đáng tiếc là những nhận định chân thành cuả ông không ai lắng nghe, ngay cả bài viết cuả Nguyễn Phúc trích dẫn lời ông trong tập Về Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc Việt Nam (1972) cũng bị loại bỏ khi sách này tái bản năm 1976.

Ngoài những nỗ lực xây dựng nền ca nhạc dân tộc hiện đại như đã nêu trên, Đảng và nhà nước miền Bắc cũng chú tâm đến việc cải biên và hiện đại hoá các bộ môn ca kịch truyền thống như chèo, tuồng và cải lương. Do yêu cầu chính trị, các vở tuồng phải thể hiện "nội dung tư tưởng mới". Trong giai đoạn 1954-1975, khá nhiều tuồng tích mới đã được soạn cho chèo, tuồng và cải lương. Trên sân khấu chèo, ngoài một số ít vở dựa theo truyện cổ tích hay lịch sử như Tấm Cám, Thạch Sanh, Lọ Nước Thần, An Tiêm, hơn năm mươi vở chèo mới với nội dung chính trị đã được dàn dựng và công diễn rộng rãi. Về đề tài cải cách ruộng đất và hợp tác hoá nông nghiệp có những vở như Chị Trâm, Con Trâu Hai Nhà; đề tài "chống Mỹ cứu nước" có những vở như Đường Về Trận Địa, Nguyễn Viết Xuân, Cô Giải Phóng; đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội có những vở như Sợi Tơ Vàng, Lấn Biển, Người Dao Xuống Núi v.v... (Đào Trọng Từ 1974:30).

Trong lãnh vực âm nhạc, các soạn giả chèo, tuồng, cải lương được phép giữ nguyên phong cách cổ nếu muốn, hoặc cải biên theo xu thế chung cuả âm nhạc ở miền Bắc. Trường Chinh

đã nêu rõ chủ trương này trong bài nói chuyện tại Đại Hội Văn Nghệ lần IV (1968) như sau: "Đồng chí nào muốn giữ nguyên, thì tuỳ ý đồng chí ấy, ta không nên đả kích, không nên can thiệp vào sở thích cuả đồng chí ấy... Nhưng đồng thời ta cũng yêu cầu đồng chí ấy đừng nên bài xích những người có đầu óc mới, có tư tưởng muốn cải biên" (Nguyễn Phúc 1972:86-87). Tuy nhiên, nhìn chung khuynh hướng cải biên nhạc chèo, tuồng phát triển mạnh hơn, vì theo lời Hồ Chí Minh thì "tuồng, chèo... là những vốn quí nhưng phải mạnh dạn cải tiến" (Hà Huy Giáp 1972:19). Việc cải biên nhạc chèo, tuồng, cải lương được thực hiện bằng cách: (1) Soạn thêm các làn điệu mới để "bổ sung" cho các làn điệu cổ, (2) Cải biên các làn điệu cổ, bị xem là "chậm chạp, trì trệ" (Bùi Đức Hạnh 1985:80), (3) Dùng thêm làn điệu dân ca, hay làn điệu cuả các bộ môn ca kịch khác (thí dụ như dùng làn điệu cải lương trong chèo); (4) Làm thêm nhạc nền, hoà thanh, phối khí, thêm nhạc cụ (Nguyễn Phúc 1972:86), vận dụng hợp ca có bè v.v... Tất cả những thành tố này khi vận dụng một cách tuỳ tiện và lấn át những thành tố âm nhạc cổ truyền, thì chèo, tuồng hay cải lương sẽ biến chất để trở thành một hình thức ca kịch mới, chứ không còn là chèo, tuồng, cải lương nữa. Viết về chèo cải biên trong giai đoạn này, Hoài Anh nhận xét rằng: "Trong lúc mò mẫm tìm đường, người ta đã phải vay mượn cả những yếu tố hình thức cuả các bộ môn sân khấu khác như kịch nói, kịch thơ, tuồng, cải lương, kịch dân ca... nên đi tới chỗ lẫn lộn về phong cách. Không những thế, những yếu tố được vay mượn ấy lại không nhuần nhuyễn với các yếu tố khác trong vở chèo, nên lại dẫn tới sự mâu thuẫn giữa các yếu tố hình thức với nhau hay mâu thuẫn giữa hình thức và nội dung. Người xem cảm thấy có một cái gì đó còn "sượng", còn "lai", chưa thật "ngọt", chưa thật ra chèo" (1976:101).

*(Còn tiếp)*

## TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:


Viết tắt: VTDTTÂNVN = Về Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc Việt Nam Bùi Đức Hạnh

1985 Tìm Hiểu Âm Nhạc Trong Chèo Cổ và Chèo Mới. Nghiên Cứu Nghệ Thuật 4 (63): 76-81. Đào Trọng Từ

1974 The Hat Cheo, Song of Oars (The People Are Telling Their Own Story). Vietnam Courier 26:23-27 & 30.

1982 The Hanoi Conservatory. Vietnam Courier 4:25-27. Đinh Lạn & Sỹ Tiến

1971 Hướng Dẫn Sử Dụng Một Số Nhạc Cụ Dân Tộc. [Hà Nội]: Vụ Văn Hoá Quần Chúng và Thư Viện. Đỗ Nhuận

1972 "Con Hơn Cha Là Nhà Có Phúc", trong VTDTTÂNVN, Hà Nội: Văn Hoá, tr. 26-34. Đức Thông

1989 "Các Đoàn Nghệ Thuật, Sân Khấu, Điện Ảnh Trong Cả Nước", trong Văn Hoá Việt Nam : Tổng Hợp, 1989-1995, tr. 375. Hà Huy Giáp

1972 "Nắm Vững Vốn Dân Tộc, Học Tập Tinh Hoa Thế Giới, Để Xây Dựng Một Nền Âm Nhạc Hiện Thực Xã Hội Chủ Nghiã Việt Nam" trong VTDTTÂNVN, Hà Nội: Văn Hoá, tr. 5-20. Hà Xuân Trường

1972 "Bàn Thêm Về Tính Dân Tộc Trong Nghệ Thuật Nhân Cuộc Thảo Luận Về Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc" trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 35-53. Hồ Chí Minh

1958 "Bài Nói Chuyện tại Hội Nghị Cán Bộ Văn Hoá". In lại trong Về Công Tác Văn Hoá Văn Nghệ. Hà Nội: Sự Thật, 1977: tr. 50-54. Hoài Anh

1976 Lại Bàn Về Chèo Thể Hiện Đề Tài Hiện Đại. Nghiên Cứu Nghệ Thuật 2 (11): 100-109. Hoàng Quốc Hải

1995 Xuân Về Nhớ Điệu Ca Trù. Sài Gòn Giải Phóng xuân Ất Hợi, tr. 21. Hồng Thao

1986 "Canh Hát Hội Lim", trong Tìm Hiểu Âm Nhạc Dân Tộc Cổ Truyền. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 109-140.

1991 Để Tiếng Hát Quan Họ Sống Mãi. Nghiên Cứu Văn Hoá Nghệ Thuật 101: 63-65. Lư Nhất Vũ, Nguyễn Văn Hoa, Lê Giang.

1985 Dân Ca Kiên Giang. Kiện Giang: Sở Văn Hoá Thông Tin Tỉnh Kiên Giang. Lưu Hữu Phước

1959 "Khai Thác Vốn Ca Nhạc Cổ Truyền Như Thế Nào" trong Tập San Văn Hoá số 5. In lại trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, 1972: 191-200.

1961 "Vấn Đề Tiếp Thu Di Sản Nghệ Thuật Dân Tộc". Bài giảng ở Trường Lý Luận và Nghiệp Vụ Bộ Văn Hoá. In lại trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, 1972: 201-231. Lý Trọng Hưng

1972 "Về Việc Cải Tiến Nhạc Cụ Dân Tộc", trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 154-165. Mao Tse-Tung

1965 Selected Works of Mao Tse-Tung, vol. 2. Peking: Foreign Language Press. Nguyễn Phúc

1972 "Tính Dân Tộc Trong Âm Nhạc Việt Nam" trong VTDTTÂNVN. Hà Nội: Văn Hoá, tr. 65-92. Olkhovsky, Andrey.

1955 Music under the Soviets: the Agony of an Art. London: Routledge & Kegan. Trần Bảng

1979 Chèo: Sân Khấu Tự Sự. Nghiên Cứu Nghệ Thuật 1(24): 39-49 & 82. Trần Văn Khê

1972 Means of Preservation and Diffusion of Traditional Music in Vietnam. Asian Music 3(1):40-44. Võ Văn Trực

1990 "Tiếng Kêu Cứu Cuả Một Vùng Văn Hoá", trong Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương : Cao Trào Văn Nghệ Phản Kháng tại Việt Nam, 1986-1989. Reseda, CA. : Lê Trần, tr. 733-740. Xuân Khải

1982 Training of Players of Traditional Musical Instruments in Vietnam. Vietnam Courier 7: 21. Yang Mu

1994 Academic Ignorance or Political Taboo? Some Issues in China's Study of Its Folk Song Culture. Ethnomusicology 38(2):303-320.

# GHI CHÚ THÊM VỀ THÁI TUẤN

HUỲNH HỮU ỦY

Những ai có lưu tâm về hội họa và yêu thích nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại có lẽ đều vui mừng khi dự án Thái Tuấn do hội VAALA và tạp chí *Thế Kỷ 21* tiến hành tổ chức đang bước tới những phút chót. Triển lãm tranh Thái Tuấn sẽ mở cửa ở Hoa Thịnh Đốn vào giữa tháng Chín, vào dịp đó tập album Thái Tuấn sẽ được giới thiệu, rồi những buổi ra mắt sách và gặp gỡ với Thái Tuấn sẽ được tiếp tục ở các địa điểm khác: Los Angeles, Montréal, Paris.

Là một người mê hội họa, đặc biệt quan tâm đến các sinh hoạt trong lĩnh vực này, thường xuyên để ý đến sự hình thành và phát triển của nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại, tôi chờ đợi những ngày sắp đến với nhiều niềm vui và hy vọng. Tôi đã có vài dịp ghi chú về Thái Tuấn hồi còn ở trong nước cũng như trên một ít tạp chí ở hải ngoại, nay nhân dịp này xin chú thích thêm vài dòng nữa về người họa sĩ mà tôi cho là có một vai trò khá đặc biệt giữa nền nghệ thuật mới của đất nước.

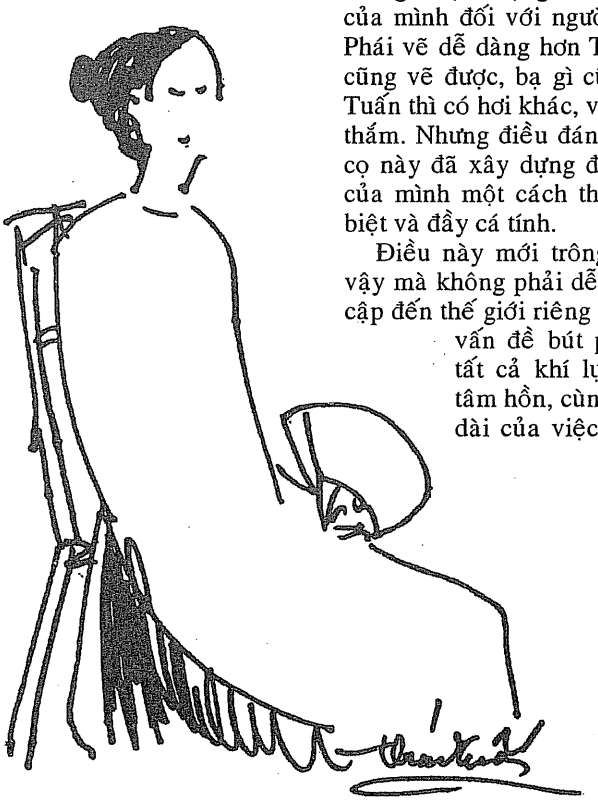

Khuôn mặt của Thái Tuấn nổi bật giữa nền nghệ thuật đương đại, giữa những chân dung khác như Nguyễn Tư Nghiêm, Bùi Xuân Phái, Nguyễn Trung, Nguyễn Phước, Trịnh Cương, Nguyễn Gia Trí... Đó là một điều hết sức rõ ràng rồi. Tôi chỉ muốn nói thêm: Thái Tuấn là một họa sĩ đam mê nghề vẽ của mình, đã hiến hết đời mình cho thế giới của cái đẹp một cách vô cùng trân trọng. Suốt hơn bốn mươi năm qua, Thái Tuấn chậm rãi bước đi giữa sơn, cọ, giá vẽ và bút mực một cách năng nổ nhưng giản phác, bình đạm. Cung cách ấy hẳn nhiên là đã phát lộ từ chiều sâu của một thế giới tinh thần đã được tinh lọc. Thái Tuấn ít nói, nhỏ nhẹ và khi cầm bút vẽ hay viết đều phát biểu rất khiêm tốn, tự nhiên và thanh tĩnh.

Nơi căn nhà nhỏ của anh trong một con hẻm ở khu đường Yên Đổ (xóm Tân Định) đi vào, tôi được dịp quen biết Bùi Xuân Phái, rồi sau đó được nói chuyện, gặp gỡ, trao đổi rất nhiều lần với anh Phái, và vào những ngày ấy tôi có một chút nhận xét về hai người nghệ sĩ này: họ khá giống nhau ở cung cách sống đơn giản, tử tế và khiêm cung, thường giúp đỡ những bạn văn nghệ khác, không chiếu trên chiếu dưới, không bao giờ lạm dụng tiếng tăm và cây bút của mình đối với người khác. Bùi Xuân Phái vẽ dễ dàng hơn Thái Tuấn, lúc nào cũng vẽ được, bạ gì cũng vẽ được; Thái Tuấn thì có hơi khác, vẽ cẩn thận và đằm thắm. Nhưng điều đáng kể là cả hai cây cọ này đã xây dựng được thế giới riêng của mình một cách thực độc đáo, riêng biệt và đầy cá tính.

Điều này mới trông có vẻ đơn giản, vậy mà không phải dễ đâu, bởi vì khi đề cập đến thế giới riêng của họa sĩ chính là vấn đề bút pháp. Bút pháp là tất cả khí lực từ đáy sâu của tâm hồn, cùng với sự đầu tư lâu dài của việc tìm kiếm, nghiên cứu, học hỏi của nghệ sĩ. Bút pháp là nét và màu, là bản lĩnh và sự độc đáo của riêng mình. Có người suốt đời đi tìm và chẳng bao giờ tìm được cái gì riêng cho mình. Bùi Xuân Phái và Thái Tuấn thì khác: khi đến với nghệ thuật, ngay từ những bước chập chững đầu tiên cách đây đã nửa thế kỷ, họ nhìn sự vật rồi nhìn vào chính lòng mình, và họ bắt gặp ngay con đường và tiếng nói của mình. Rồi cứ thế, họ tiếp tục đi. Cái tài tình của Phái và Thái Tuấn là nếu cũng như thế mà ở một người khác thì có thể rất đơn điệu, nhàm chán,

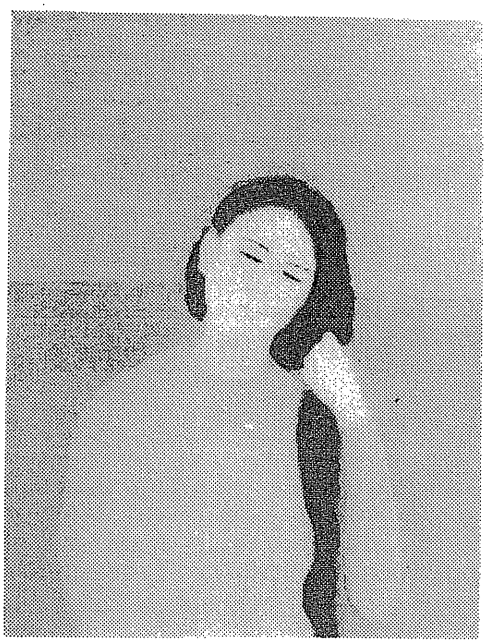

*Sợi vấn sợi dài.* Sơn dầu (trích đoạn)

nhưng ở họ lại tỏa ra cái sức mạnh thu phục và quyến rũ rất sâu thẳm. Có những bức tranh của Thái Tuấn và Bùi Xuân Phái, tôi nhìm ngắm mãi năm này qua năm khác và chẳng bao giờ thấy chán, quả là thực lạ lùng. Cái khéo tay đối với một người cầm bút vẽ là cần thiết, nhưng khéo tay chưa đủ để làm thành bút pháp. Đôi lúc, cái vụng về lại tỏa ra được ánh sáng của một bực thầy có nội lực thâm hậu. Tôi mê và khoái cái vụng và thô trong tranh của Phái và Thái Tuấn.

Cả mười năm nay, từ lúc Thái Tuấn di cư sang Pháp, tôi chưa được gặp lại. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua thư tín, một đôi lần nói chuyện bằng điện thoại viễn liên. Bức tranh nào mới vẽ của anh, tôi cũng được xem qua tấm hình chụp lại. Tôi rất mừng mà thấy anh có một sức làm việc bền bỉ tuyệt diệu: sắp bước vào tuổi tám mươi, anh vẫn chưa run tay, nét và màu luôn luôn sắc sảo, tỏa ra một khí độ đặc biệt. Năm trước, nhận được tấm hình chụp bức tranh vẽ một thiếu nữ của anh mà tôi rất thích, sau đó tôi thấy anh in lại trên tạp chí *Thế Kỷ 21*, số xuân Bính Tí. Hỏi thăm vài chi tiết chung quanh tấm tranh này, tôi được biết trong kỳ triển lãm ở vùng Loiret, có ba mươi họa sĩ các nơi gởi tranh đến, gồm cả chuyên nghiệp lẫn tài tử, bức này đã được hội đồng giám khảo tặng thưởng *Premier prix de la peinture* vì họ cho là mới lạ bởi tính cách đơn giản và sự tĩnh lặng của nó. Tôi cũng thấy như vậy, và càng thêm tin rằng người ta vẫn có thể đồng cảm trước cái đẹp: chính là cái nhìn có tính cách chia sẻ của tôi và hội đồng chấm giải kia trước bức tranh này.

Cái vụng về thanh nhã trong tranh Thái Tuấn từ bao nhiêu năm nay đã chinh phục tôi và biết bao nhiêu người yêu tranh của anh ở trong nước, thì nay cũng đã có dịp chinh phục một số người phương Tây nữa. Quả là, cái riêng, cái chung của con mắt và tấm lòng trước cái đẹp vẫn có quy luật của nó vậy.■

*Quận Cam, đầu tháng Tám 1996*


*Tìm đọc:*

**ĐỂ EM LÀM GIÓ**

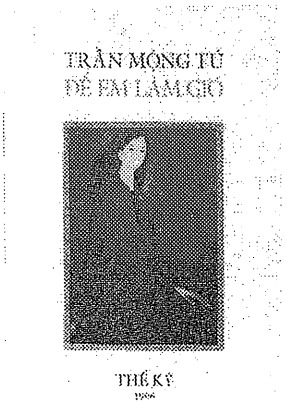


Thơ **Trần Mộng Tú**
Tựa: **Đỗ Quý Toàn**
Bìa và phụ bản: Tranh **Thái Tuấn.**

*Có một tác giả chỉ làm thơ về tình yêu, đó là Trần Mộng Tú. Đọc Trần Mộng Tú người ta thấy bài thơ nào cũng như để nói riêng với một người nào đó. Thơ kể chuyện tình yêu, nói với người yêu, nói về một người yêu. Một chiếc lá, một tách trà, một tảng đá, ly nước lạnh, viên sỏi, những cánh tuyết tung bay như bướm động mùa, hay những cơn sóng cuộn nhau ngoài biển, đều thúc dục nhà thơ nói chuyện với người yêu, kể chuyện tình yêu.*
(Trích *Tựa* của Đỗ Quý Toàn)

**Thế Kỷ** xuất bản và phát hành. Giá: $10.00.
Liên lạc: Thế Kỷ
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840
ĐT: (714) 638-9510. FAX: (714) 638-1944

# XEM TRANH THÁI TUẤN*

NGUYỄN ĐỒNG

Có hai điều vẫn thường gây chướng ngại cho chất nghệ thuật tạo hình: *cái trang trí* và *cái văn chương*.

Khuynh hướng trang trí đánh lạc vẻ đẹp tạo hình thành một thứ đẹp trang trí hình thức, bề ngoài, một thứ đẹp không thiếu ngon lành, nhưng thiếu sinh khí, một thứ đẹp trơ trẻn, mới đầu thì bắt mắt, nhưng rồi làm ngủ cảm thức thưởng ngoạn ngay sau đó.

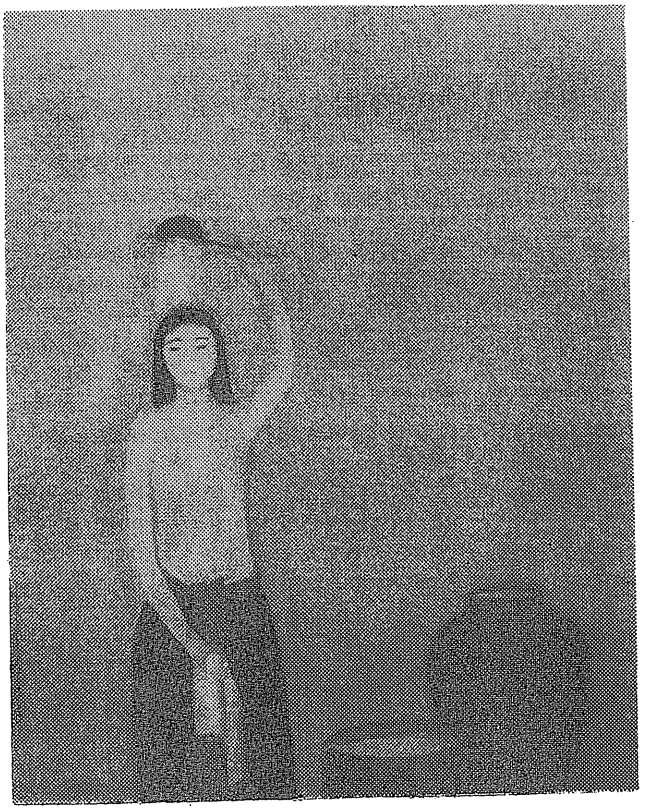

*Tấm*. Sơn dầu 92cm x 73cm. 1995

Khuynh hướng *văn học* chỉ nhằm đưa tác phẩm tạo hình ra ngoài cái biên giới ý nghĩa tạo hình của nó: vẻ đẹp lý tưởng, trong chiều hướng đó, được thay thế bằng những bóng dáng của một *thứ đề tài văn chương*, hay đúng hơn chỉ là một thứ *chữ nghĩa* làm bằng những hình ảnh thu nhặt ghi chép sao cho những đôi mắt đã quen và chỉ cần tri giác những gì xảy ra trong đời sống thường ngày có thể đọc được tác phẩm một cách dễ dàng. Những hình ảnh có thể đọc được ấy sẽ đưa người thưởng ngoạn vào câu chuyện bằng hình hơn là đưa vào sự thưởng thức trong tinh thần tạo hình. Những hình ảnh ấy làm tác phẩm trở nên một thứ minh họa. Với một đề tài lấy làm thí dụ như *Mùa Thu* chẳng hạn, cái nhìn văn học sẽ chỉ nhằm đọc qua những hình tượng cụ thể như là một bầu trời, hay những chiếc lá rụng, hay một loài hoa nào đó, hay một nhan sắc nào đó trong tình trạng tượng trưng cho mùa; trong khi nếu giả như thật sự những hình tượng như thế đó có mặt trên tác phẩm thì cũng chỉ có mặt như một cái cớ cụ thể — cái cớ giản dị và tầm thường như chính cái cụ thể tính của tác phẩm — , còn tất cả ý nghĩa tạo hình được mong mỏi đánh thức thì hoàn toàn nằm ở bên kia vòng rào cụ thể của cái cớ. Cái cớ chỉ để làm một cách bắt đầu lên đường, và đòi hỏi được quên đi.

Trong căn phòng ấm cúng với một số ít diện tích để treo tranh và một số đèn rọi nhiều lắm cũng chỉ vừa đủ sáng, khoảng hơn 10 tác phẩm của Thái Tuấn đã cho tôi cái thích thú đồng tình về một cố gắng nào đó để không ngớt chống chọi với cái cớ *cụ thể* nói trên, cái cớ chỉ được mượn tạm để bắt đầu tác phẩm. Vâng, để bắt đầu tác phẩm thôi, để khởi hành thôi. Vì, cho dù bức tranh đã được hoàn tất và được ký tên, đã hiện diện ra đó như một đồ vật, thì qua cái bức tranh — cái món đồ vật cụ thể đó — , tác phẩm thật sự vẫn không ngớt được tiếp tục làm việc trong tâm hồn người vẽ tranh, cũng như không ngớt được tiếp tục sống và chuyển biến trong tâm hồn người xem tranh. Và sức mạnh (khả năng gây xúc cảm) của tác phẩm còn tiếp tục toát ra mãi ngày nào nó còn đánh thức được ý niệm tạo hình ở mỗi cơ hội bắt gặp cuộc trao đổi đối thoại qua ngõ của những thị giác.

Những bức tranh đều có hình tượng cụ thể, đều có đề tài là thế này hay là thế nọ, nhưng cái sẽ đánh thức óc thưởng ngoạn không bao giờ được tìm thấy trong những đề tài ấy, mà trái lại chính là trong cái không khí đặc biệt toát lên từ những vùng mầu tối hay những khoảng sáng, như những hương thơm của bông hoa. Một vài bức — như bức phong cảnh có con đường phố treo ở góc trong, hay bức khỏa thân (độc nhất

*Chân dung.* Sơn dầu 92cm x 73cm. 1996

trong phòng) — hãy còn vướng cụ thể tính của đề tài và đồng thời hơi nặng những mầu sắc ngon mắt; nhưng đây là những bức ít chất Thái Tuấn nhất. Chỉ riêng ở những bức này, cái không khí đặc biệt nói trên rất ít khi được đánh thức.

Trong những bức còn lại, phần lớn những khoảng mầu rộng của Thái Tuấn đều thành công. Thật ra tôi không biết có nên gọi là những "khoảng mầu" hay không, vì mặc dầu ông đã làm việc đủ để có những mầu "đẹp," những khoảng rộng với sắc độ thay đổi tinh vi thường dẫn khởi một không khí, cái không khí mà người ta sẽ có thể có khuynh hướng gọi là một thứ *nostalgie*, nếu muốn dùng cái *ngôn ngữ văn học*, để có một cách chỉ định một thứ không khí tự tại, một thứ không khí dư đủ sức sống riêng để có thể làm người xem lãng quên mầu sắc cụ thể của nó. Trên những khoảng rộng *mầu sắc - không khí* ấy, những dấu nhấn sáng hiện ra như những dấu nhấn của một cảm thức lẻ loi.

Trong hội họa, bố cục vẫn là một thứ quan niệm bắt buộc cụ thể. Có lẽ chỉ trong phong trào nghệ thuật trừu tượng mới có một khuynh hướng tìm cách bỏ trốn bố cục, khuynh hướng mà người ta đã tạm gọi là *vô tiêu* (*afocal*), không có tiêu điểm, nghĩa là không có bố cục. Trong tất cả trường hợp khác, bố cục luôn luôn là một vấn đề, đòi hỏi giải pháp riêng của người sáng tạo. Những dấu nhấn đã để lộ một quan niệm của Thái Tuấn về bố cục, một cách sử dụng ánh sáng để chỉ nhằm gợi hơn là cho đọc thấy một sự diễn tả.

Cái nhìn *văn học* có thể mặc tình khám phá những dấu nhấn ấy như những dấu chỉ lẻ loi: một hình bóng quạnh quẽ, một cái cây đơn độc, một chiếc thuyền con, một bông hoa, một điểm sáng nhỏ nhoi khiêm tốn không đủ soi tỏ những nền rộng hoài hương. Nhưng tôi nghĩ nghệ thuật của Thái Tuấn được cảm thông bên ngoài những hình tượng cụ thể ấy. Cũng như vẻ đẹp của tranh Thái Tuấn sẽ được nhìn ngắm vượt ngoài những giải pháp kỹ thuật mà ông có khuynh hướng giản lược trong số ít mầu sắc và ánh sáng quen thuộc cùng với nét vẽ của riêng ông. Tôi bỗng nghĩ tới bức tranh *Hóa Thân***, cách đây đã lâu rồi, mà tôi đã rất thích hồi đó: ở phòng tranh của Thái Tuấn ngày nay, trong từng bức tranh, tôi cũng có cảm tưởng như bắt gặp được sự hóa thân hay nhập thể của cảm thức mỹ thuật, trong mỗi trường hợp riêng lẻ. ■

* *Tiền Tuyến*, số ra ngày 18 tháng Giêng 1970.

Nghệ thuật cũng như đời sống không bao giờ đứng dừng lại, về phía người sáng tác cũng như về phía người thưởng ngoạn. Nên một bài viết ngắn cũ về một sự việc cũ hơn 25 năm chỉ có tính cách tài liệu, hay là kỷ niệm. Nhưng là kỷ niệm rất trân trọng. Bây giờ, giữa khuya vắng lặng, đêm hè rất nóng và khô, trên vùng đất lạ, tôi vẫn còn nhớ như in phòng tranh này. Tôi đã đi xem vài ba lần. Có lần gặp anh Thái Tuấn, và trong khi trò chuyện, có nhà danh họa Nguyễn Gia Trí, cùng với một cậu con trai mười mấy tuổi, bước vào. Thời đó tôi có nhận mỗi tuần phải có một bài về sinh hoạt nghệ thuật hình thể cho trang Văn Học Nghệ Thuật của báo *Tiền Tuyến*. Nhà tôi mới từ bảo sanh viện về nhà chưa tới hai tuần, nên đã không cùng đi xem triển lãm. Tôi ngồi trong đêm vắng, cạnh chiếc nôi đứa con sơ sinh, rị mọ rặn từng chữ để sáng hôm sau ra quán La Pagode nộp bài cho anh Thanh Tâm Tuyền. Tôi ngồi hồi tưởng từng bức tranh, lòng rưng rưng xúc động; rút cục, tôi đã không làm việc xem tranh hay bình tranh, tôi đã chỉ cố gắng vắn tắt tìm cách mở một cánh cửa nhỏ để đi vào thế giới Thái Tuấn. Xét như một cố gắng để đi vào tranh Thái Tuấn ấy thì bài viết trên đây bây giờ có lẽ cũng còn có được đôi chút thời sự tính.

** Bức tranh *Hóa Thân* được bày trong một *Phòng Triển Lãm Mùa Xuân*, khoảng hơn 10 năm trước đó. Tôi đi xem *Phòng Triển Lãm Mùa Xuân* này cùng với Nguyễn Trung, thời đó chúng tôi cùng chưa rời khỏi ghế học đường, và cả hai đứa chúng tôi lúc bấy giờ đã gặp nhau ở điểm là cùng rất thích bức tranh ấy của anh Thái Tuấn. ■

# NHIỀU BÀN TAY ĐÓNG GÓP TỪ CALIFORNIA

Các vị lãnh đạo tôn giáo, đang cùng Đức Tổng Giám Mục Ramon Arguelles từ Phi Luật Tân sang, và hơn 10,000 người dự lễ chào cờ khai mạc cho Cuộc Đi Bộ Cho Người Tị Nạn, ở Mile Square Park, thị xã Fountain Valley, Nam California, sáng Chủ Nhật 25 tháng Tám 1996. (Ảnh của nhật báo *Người Việt*)

Sau khi chính phủ Phi Luật Tân đồng ý cho hai ngàn thuyền nhân Việt Nam ở lại trên đất Phi, với sự bảo lãnh của Giáo Hội Công Giáo, một phái đoàn các vị giáo phẩm người Phi và người Việt Nam đã đến Mỹ để kêu gọi sự hỗ trợ của cộng đồng người Việt tị nạn. Tại thành phố San Jose, các tổ chức của người Việt đã thâu góp được nửa triệu mỹ kim đóng góp vào công tác này. Tại Orange County, và Los Angeles ở Nam California, đêm nhạc hội **Góp Một Bàn Tay** và ngày **"Đi Bộ Cho Người Tị Nạn** làm phấn khởi lòng người Việt Nam, cả những người góp công tạo nên các biến cố đó, cũng như những người sẽ thụ hưởng các thành quả.

Đêm thứ sáu, 23 tháng Tám đại nhạc hội Góp Một Bàn Tay đã thu hút gần 15 ngàn khán giả, trong hội trường ngoài trời *Irvine Meadows Amphitheater*. Đồng bào thưởng thức các màn trình diễn của hàng trăm nghệ sĩ, chuyên nghiệp cũng như tài tử.

Sáng Chủ Nhật 24 tháng Tám, hơn chục ngàn người đã tham dự cuộc Đi Bộ Cho Người Tị Nạn ở công viên Mile Square, kéo dài hơn 7 cây số, với sự đóng góp về tổ chức của 23 đoàn thể trẻ, các tôn giáo lớn tiếp tay, và những đoàn thể thuộc sắc dân khác ở Mỹ, người gốc Phi, Đại Hàn, Trung Hoa, Cam Pu Chia, v.v. cùng đi bộ để ủng hộ thuyền nhân Việt Nam.

Số tiền thâu được, trên nửa triệu, góp với nửa triệu quyên được tại miền Bắc California, sẽ được gửi vào quỹ trợ giúp các thuyền nhân Việt Nam ở Phi Luật Tân, bớt gánh nặng tài chính cho Giáo hội Công Giáo và chính phủ Phi. So với số tiền mà Liên Hiệp Quốc sắp gửi sang giúp đồng bào Việt Nam nạn nhân bão lụt ở miền Bắc (dưới 400 triệu), thì sự đóng góp của người Việt ở Cali cho đồng bào tị nạn ở Phi là một tỉ lệ có ý nghĩa.

Kết quả về tài chính đó rất đáng kể, nhưng vẫn còn nhỏ nếu so với những thành quả gặt hái được về mặt tinh thần.

Thứ nhất, đây là một dịp biểu dương tinh thần đoàn kết giữa người Việt Nam với nhau, nhất là

giữa những người cùng tị nạn cộng sản. Từ nhiều năm nay, câu tục ngữ *lá lành đùm lá rách* vẫn được thể hiện trong việc cứu trợ các thuyền nhân. Đêm Thắp Nến cho Thuyền Nhân tổ chức vào tháng Bẩy đã gieo được tiếng vang về tận Việt Nam. Nhiều người bị cưỡng bách hồi hương đã lắng nghe đài phát thanh *Diễn Đàn Dân Chủ* loan tin về trong nước. Có thính giả của đài phát thanh này đã viết thư bầy tỏ nỗi an ủi và cảm kích của họ.

Thứ hai, đây là một thông điệp gửi cho chính phủ Phi và khích lệ các chính phủ khác ở vùng Đông Nam Á hãy đối xử nhân đạo với các đồng bào tị nạn của chúng ta. Việc bầy tỏ lòng tri ân dân tộc Phi Luật Tân là một cử chỉ rất cao đẹp của hai cuộc họp mặt đông đảo này. Đức Tổng Giám Mục Phi Ramon Arguelles đã hiện diện tại đây để tiếp nhận lời tri ân này.

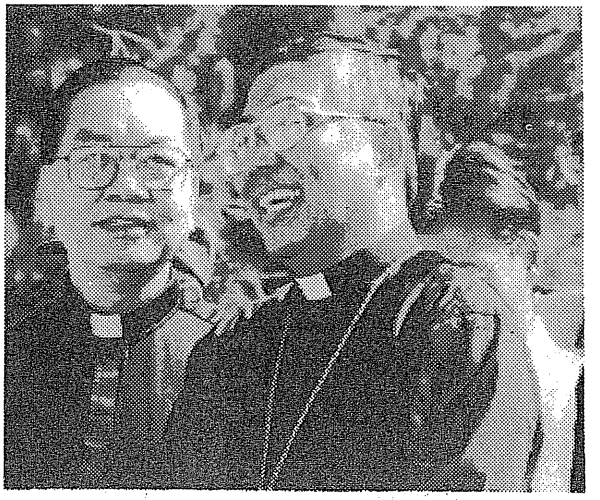

Đức Ông Nguyễn Đức Tiến và Đức Tổng Giám Mục Ramon Arguelles, trong Ngày Đi Bộ Cho Người Tị Nạn

Sự kiện này xẩy ra một tháng sau khi người Việt ở Nam Cali đã biểu tình trước tòa lãnh sự Thái ở Los Angeles, đòi chính phủ Thái Lan tôn trọng nhân phẩm và quyền tự do của đồng bào Việt Nam tị nạn ở Thái. Cuộc biểu tình xẩy ra sau bản tin cho biết cảnh sát Thái đã hành hung người tị nạn khi cưỡng bách họ hồi hương, khiến một người chết. Do đó, với hành động bầy tỏ lòng tri ân Phi Luật Tân, ta có thể gây tiếng vang đối với cả chính quyền Thái Lan và các nước khác.

Đối với người Việt Nam ở Cali, hai chiến dịch quyên góp tại miền Bắc và Nam tiểu bang này cũng là một cơ hội tạo thêm tình đoàn kết ở trong cộng đồng. Xưa nay nhiều người than phiền về tình trạng chia rẽ trong nội bộ người Việt tị nạn. Nhưng khi đứng trước một công tác cụ thể, hợp lòng người và có ý nghĩa thì đồng bào đã đoàn kết chặt chẽ. Ca sĩ Khánh Ly đã cùng một đoàn nghệ sĩ trẻ đi tới các cơ sở kinh doanh và truyền thông yêu cầu ủng hộ Đêm Góp Một Bàn Tay. Nghệ sĩ Nam Lộc và nữ nhạc sĩ Lê Tín Hương góp phần điều khiển chương trình đại nhạc hội. Tình trạng đoàn kết của đồng bào đã thể hiện được nhờ khả năng quy tụ và cách làm việc hòa hợp của những người trẻ trong hai ban tổ chức, mà chúng ta trân trọng ghi công. Việc tổ chức tạo ra được sự hòa hợp nhờ tinh thần hợp tác vượt trên các tiểu tiết về danh nghĩa riêng của từng tổ chức, từng đoàn thể tham dự. Chính các tiểu tiết mang tính cạnh tranh về danh vọng đã gây chia rẽ trong nhiều sinh hoạt từ trước đến nay. Phải chăng, hơn hai chục đoàn thể trẻ đã nêu một tấm gương sáng cho các tổ chức của thế hệ đàn em sau này? Tinh thần đoàn kết và hòa hợp được nâng đỡ nhờ vào sự hiện diện của các nhà lãnh đạo nhiều tôn giáo. Sự đóng góp nhiệt tình, vô vị lợi của các nghệ sĩ chuyên nghiệp nổi danh cũng là điều khích lệ cho tất cả các đồng bào khác.

Nhưng cuộc tuần hành Đi Bộ Cho Người Tị Nạn cũng có thể tạo một tiếng vang trong giới chính trị Mỹ ở địa phương, nếu người Việt biết khai triển, rút kinh nghiệm. Chính trị gia người Mỹ chỉ để ý đến các nhóm cử tri biểu lộ được sức mạnh đoàn kết. Chúng ta chỉ có thể ảnh hưởng đến chính sách của chính phủ Mỹ, ở cấp tiểu bang hay liên bang, nếu chứng tỏ được sự kết hợp rộng rãi của các cử tri người Mỹ gốc Việt. Hình ảnh đoàn kết vì sự có mặt của hàng chục ngàn đồng bào chúng ta trong hai biến cố mới xẩy ra cần phải triển khai để chứng tỏ cho người làm chính trị ở nước Mỹ biết đến và lắng nghe tiếng nói của cử tri gốc Việt Nam. Điều này rất quan trọng trong năm bầu cử này, nhất là khi có các vấn đề như cải tổ an sinh xã hội, cải tổ luật di dân, v.v..., có liên hệ trực tiếp đối đến quyền lợi cộng đồng Việt Nam.

Sau cùng, chúng ta cũng đã gửi một thông điệp về cho đồng bào trong nước. Hàng trăm ngàn đồng bào ta đang sống cảnh màn trời chiếu đất vì bão lụt. Ngày xưa, ở miền Nam Việt Nam mỗi lần có thiên tai như vậy thì các đoàn thể thanh niên, xã hội, tôn giáo đều xuống đường cổ động đồng bào đóng góp để cứu trợ. Những công tác từ thiện đó chỉ thực hiện được khi người dân có tự do hội họp; họ được tự do thành lập, gia nhập và sinh hoạt trong những đoàn thể tự nguyện của dân, do dân, vì dân. Đó là nền tảng của một Xã Hội Công Dân, độc lập và đối trọng với chính quyền. Ngày nay xã hội công dân không được phép phát triển vì đảng Cộng Sản Việt Nam độc quyền cai trị. Người Việt ở hải ngoại cho thấy chúng ta có khả năng tổ chức các công tác cứu trợ đồng bào trong nước, nếu chính quyền ở Việt Nam là một chính quyền dân chủ, tôn trọng tự do và phẩm giá con người.■

# ĐẠI HỘI NHẠC DÂN TỘC TẠI FALUN

## (FALUN FOLKMUSIK FESTIVAL)

TRẦN QUANG HẢI

Âu Châu là lục địa có nhiều đại nhạc hội nhứt vào mùa hè. Chỉ có xứ Pháp không mà thôi trong ba tháng hè có trên 600 đại nhạc hội cổ điển, jazz, rock, pop, rap. Riêng về nhạc cổ truyền chỉ có vài đại nhạc hội.

Vùng Bắc Âu có một số đại nhạc hội nhạc dân tộc như ở tỉnh Lillehammer (Na Uy), tỉnh Kaustinen (Phần Lan) là có đại hội nhạc cổ truyền có tiếng từ lâu. Tại xứ Thụy Điển, nơi tỉnh Falun (200km về phía Tây Bắc của thủ đô Stockholm, thuộc địa phương Dalarna) từ năm 1986 một đại hội âm nhạc lấy tên là *Falun Festival* bắt đầu thành hình và trưởng thành với số khán giả ngày càng nhiều, số nhạc sĩ ngày càng đông, và càng ngày càng được nhiều người biết tới.

Năm nay tôi có mặt tại đại hội âm nhạc này và tôi có dịp miêu tả một xứ thuộc Bắc Âu mà tôi đã tới nhiều lần và lần chót cùng vào năm 1981, cách đây 15 năm.

### Một vài khía cạnh về xứ Thụy Điển

Xứ Thụy Điển, với một diện tích 450.000 Km2, đứng hàng thứ năm về diện tích ở Âu châu sau xứ Nga, Ukraine, Tây Ban Nha và Pháp. Xứ Thụy Điển có diện tích ngang ngửa với xứ Nhựt hay tiểu bang California. Dân số chỉ có tám triệu tám, phần đông ở tại thủ đô Stockholm và miền Nam. Đa số dân Thụy Điển sống ở vùng thành thị, Thủ đô là Stockholm (1.300.000 dân) và hai thành phố lớn nhứt của Thụy Điển là Goteborg (700.000 dân) và Malmo (250.000 dân). Vua tên là Carl Gustaf XVI. Miền Bắc chỉ toàn núi rừng ít người ở. Xứ Thụy Điển có lối 100.000 hồ. Kỹ nghệ xe hơi được nổi tiếng nhiều về hai hiệu xe SAAB và Volvo. Siêu thị nổi tiếng thế giới là IKEA chuyên bán bàn ghế bằng cây và vật liệu dùng hàng ngày với giá phải chăng. Xứ Thụy Điển là xứ duy nhứt ở Âu Châu được hưởng hòa bình gần 200 năm nay không bị liên hệ trong hai trận thế chiến vừa qua. Từ tháng giêng 1995, xứ Thụy Điển trở thành hội viên của liên hiệp Âu Châu (European Union). Tất cả giải thưởng Nobel đều được tổ chức tại Stockholm dưới quyền chủ tọa của vua xứ Thụy Điển. Chỉ có giải thưởng Nobel Hòa bình thì được tổ chức tại thủ đô Oslo của xứ Na Uy. Về điện ảnh thì có các minh tinh màn ảnhn nổi tiếng như Greta Garbo, Ingrid Bergman, Max Von Sydow, đạo diễn có Ingmar Bergman, danh thủ quần vợt với Bjorn Borg, Stefan Edberg. Thụy Điển đứng hàng thứ bảy về dân số các nước Âu Châu cư ngụ ở Hoa kỳ. Họ định cư nhiều nhứt ở Minnesota (29%). Ngoài ra họ ở rải rác ở Washington, Illinois, Montana, Idaho, Wyoming, Colorado, Utah, Oregon, Wisconsin, North Dakota, South Dakota và Nebraska. Tất cả đại hội nhạc dân tộc đều được tổ chức trong tháng bảy (mùa hè): Falun Folkmusic Festival (10-13 tháng 7, 1996), Bingsjo Folk Musicians' Congress (3 tháng 7, 1996), Lapland Festival (nhạc thính phòng lớn nhứt Thụy Điển từ 28 tháng 7 tới 7 tháng 7, 1996), Gotland Chamber Music Festival (Visby từ 25 tháng 7 tới 3 tháng 8, 1996), Internaitonal Jazz Festival (tại Kristianstad 5-14 tháng 7, 1996), Skansen Jazz and Blues Festival (Stockholm, 5-8 tháng 7, 1996), v.v...

Về thức ăn đặc biệt nhứt là *Smorgasbord,* để chỉ các món ăn bày trên một bàn ăn với mấy chục thức ăn khác nhau, đặc biệt là món cá mòi ngâm dấm, các món thịt nguội, phó mách, súc sích, trứng quậy, trứng *la coque,* trái cây, nhiều loại bánh mì, sữa tươi, mứt, trà, cà phê, v.v... Mỗi thứ năm, người Thụy Điển ăn đậu chẻ hai nấu trong súp ăn với thịt heo mặn, xúc xích và uống bia lạnh. Các món cổ truyền có lối 20 món.

### Quá trình diễn tiến của đại hội nhạc dân tộc tỉnh Falun

Đại hội nhạc dân tộc tỉnh Falun là một đại hội do nhạc sĩ dân tộc tạo ra cho nhạc sĩ dân tộc, một đại hội cho tất cả ý nghĩa của nó, một đại hội của cuộc sống *(Falun Folkmusik Festival - en festival av spelman for spelman, en sinnenas festvial, en livets festival - a festival by folk musicians for folk musicians, a festival for all the senses, a festival of life!)*

Từ 1986, đại hội nhạc truyền thống ở Falun

được tổ chức vào giữa tháng bảy trong vòng bảy ngày. Đại hội này tổng hợp các loại nhạc cổ truyền, hay có liên hệ với nhạc dân tộc. Định nghĩa về nhạc dân tộc của đại hội này là các loại nhạc dân tộc, cổ truyền, nhạc thế giới của hoàn cầu. Chủ trương của đại hội âm nhạc này gồm có ba phần quan trọng: 1. chương trình chánh thức đại hội với nhiều buổi trình diễn; 2. chương trình các lớp học; 3. khán giả và âm nhạc phối hợp lại trong bầu không khí liên hoan âm nhạc (carnival).

Đây không phải là đại hội âm nhạc như chúng ta thường thấy với những chương trình cố định. Mục đích ở đây là làm sao phối hợp các loại nhạc tùy hứng. Chúng ta có thể nghe nhạc trên sân khấu, ngoài đường lộ, trong một góc công viên, trong nhà hàng, cà phê, bất cứ giờ giấc nào, miễn là những người chơi nhạc thích lúc nào thì lúc đó là thời điểm đúng nhứt.

Ban tổ chức gồm có một giám đốc và một ban điều hành với với 10 người hoạt động tích cực suốt cả năm. Ngoài ra còn có 300 người làm việc thiện nguyện, 30% khán giả thuộc dân địa phương. Số còn lại đến từ các thành phố lớn của vùng Bắc Âu, Đức, Hòa Lan, Anh Quốc, và Hoa Kỳ.

Từ 1990 trở đi, ngoài chương trình giới thiệu nhạc truyền thống thế giới, ban tổ chức còn thực hiện một chương trình tạo sự gặp gỡ giữa những trẻ em của nhiều lục địa để chúng có thể hiểu nhau qua âm nhạc. Chương trình này gọi là ETHNO do nhiều cơ quan quốc tế yểm trợ. Số trẻ em được gởi đến từ cả chục quốc gia thuộc năm châu.

Năm 1996, Ethno 96 có mặt của phái đoàn Việt Nam từ Việt Nam đưa sang gồm có năm nhạc sĩ trẻ và hai người lớn hướng dẫn. Ngoài ra còn có quốc gia Phi châu là Nam Phi và nhiều xứ khác như Nga, Croatia, Anh Quốc, Bỉ, Thụy Điển, Na Uy, Đức, Hòa Lan.

Nhạc sĩ vĩ cầm dân gian nổi tiếng nhứt của tỉnh Falun là ông Jhort Anders Olsson (1865-1952). Ông được chọn làm hình ảnh tiêu biểu của đại hội nhạc dân tộc tỉnh Falun.

## Falun Folkmusik Festival 1996

Tổng số nhạc sĩ tham dự gần 1.500 người từ 40 quốc gia thuộc năm châu. Ông Magnus Backstrom, một nhạc sĩ đàn vĩ cầm nhạc dân tộc, là người thành lập đại hội âm nhạc từ năm 1986 cho tới nay. Tính ra đã được 10 năm. Số người tham gia càng ngày càng đông. Danh sách những nhạc sĩ tham dự từ 10 năm nay gồm những tên tuổi trong làng âm nhạc quốc tế. Trong số những đoàn nghệ thuật các xứ tôi thấy có tên đoàn Phong Lan của Việt Nam được mời sang tham dự vào đầu thập niên 90 và hãng dĩa Thụy Điển CAPRICE có thu ba dĩa CD về nhạc Việt Nam được phát hành tại các xứ Bắc Âu.

Những đoàn hát được gọi là nòng cốt gồm có đoàn hát đồng song thanh xứ Tuva (Nga), đoàn hát đa âm Bảo Gia Lợi, đoàn người Inuit (Eskimo) của xứ Canada, đoàn ca vũ nhạc truyền thống của xứ Tanzania (Phi Châu), đoàn nhạc cổ truyền của xứ Uganda (Phi châu), anh Gary Thomas thổi kèn Didjeridu (Úc châu), nhóm Njava của Mã đảo, nhóm Kamkars của xứ Kurdistan, và nhóm ca vũ nhạc Rajasthan của Ấn độ, cùng với các nhạc sĩ nổi tiếng của Na Uy, Thụy Điển mà tôi không được biết tới vì không nhằm địa hạt. Ngoài ra còn có chương trình đặc biệt về đàn môi với Joha Wright (Anh quốc), Anon Egeland (Na Uy) và tôi đại diện cho Việt Nam và Á châu nói chung với các loại đàn môi bằng tre, sắt, thép, thau, v.v...

Các nghệ sĩ có tiếng thì được ở tại ba khách sạn lớn nhứt của thành phố Falun. Đó là các khách sạn Grand Hotel, Bergamastaren, và Scandic thuộc loại 4 sao. Các nghệ sĩ ít nổi tiếng hơn thì ở trong một số trường học tạm biến thành các phòng ngủ không mấy tiện nghi cho lắm.

Khi tôi từ Pháp sang tới thủ đô Stockholm vào ngày 10 tháng 7 thì có một chiếc xe hơi của ban tổ chức chờ đợi sẵn với tài xế và hướng dẫn viên để chở tôi từ Stockholm tới Falun (200km về phía tây bắc của Stockholm). Xe chạy gần 3 tiếng đồng hồ thì tới tỉnh Falun. Được đưa vào phòng thư ký, gặp người đại diện của ban tổ chức tiếp đón và đưa cho tôi một hồ sơ với tên họ, một dây đeo màu vàng vào cườm tay dành cho nhạc sĩ để có thể tự do di chuyển trong vòng thành đại hội mà không phải trả tiền. Tất cả nhạc sĩ đều có thẻ ăn tại một nhà ngay trung tâm thành phố. Nhà hàng mở cửa từ 10 giờ sáng tới 15 giờ cho ăn trưa, và từ 17 giờ tới 21 giờ cho ăn tối. Thức ăn không ngon lắm nhưng đầy đủ chất bổ cho cơ thể.

## Chương trình đại hội

Trong vòng bốn ngày đại hội, mỗi ngày có tới 16 tiếng đồng hồ âm nhạc. Cùng một lúc có tới cả chục ban nhạc trình diễn. Phòng lớn ngoài trời cho cả chục ngàn người xem. Phòng nhỏ trong khách sạn cho 200 người, hay tại một viện bảo tàng cho 150 người, hay trong một tiệm ăn cho 60 người, hay trong một công viên, bên lề đường, v.v... Tất cả mọi nơi trong thành phố đều có thể biến thành một nơi trình diễn. Đó là mục đích của ban tổ chức.

Chương trình của tôi trình diễn tại ba nơi. Ngày 11 tháng 7 diễn tại nhà hát thành phố (Stadtstheater) vào lúc 21 giờ, ngày 12 tháng 7 tại viện bảo tàng Dalarnas Museum vào lúc 15 giờ, vào ngày 13 tháng 7 tại hội trường thể thao (Palace of Sport) với 3.000 chỗ ngồi vào lúc 19 giờ.

Các chương trình của các đoàn Phi châu thì rần rần rộ rộ với trống đủ loại, với các điệu múa đầy động tác. Chương trình của Bảo Gia Lợi với loại hát đa âm do 20 nữ ca sĩ. Các chương trình khác nhạc khiêu vũ dân tộc của Mỹ với loại country music, blue grass music hay của Argentina với loại tango. Hầu hết đều chú trọng vào tiết tấu vì giới trẻ nhiều lúc thích múa máy, la hét, ít khi chịu ngồi yên để nghe nhạc.

## Một vài thành quả cho đàn môi

Tôi được hai đài phát thanh Na Uy (Norsk Radio Korporation) và Thụy Điển (Sveriges Radio) phỏng vấn. Họ đã thu tôi giới thiệu năm loại đàn môi: đàn môi tre của Phi Luật Tân, đàn môi tre với sợi dây giựt của xứ Nam Dương, đàn môi bằng thau của người Mông thuộc xứ Việt Nam, đàn môi xứ Bachkiria thuộc Tây Bá Lợi Á, và đàn môi thép của xứ Yakutia (thuộc xứ Nga). Mỗi cây đàn môi tôi đánh một kiểu, tạo một loại âm thanh khác nhau. Chính nhờ sự phong phú và đa diện lúc trình diễn mà màn đàn môi của tôi đã thu hút người nghe. Tôi vừa đàn giai điệu và đồng thời tạo một tiết tấu nhộn nhịp giựt gân theo bài bản khiến người nghe có cảm giác như đứng trước một dàn nhạc kích động.

Chính ông Magnus Backstrom, giám đốc đại nhạc hội đã tuyên bố với tác giả rằng tôi là một điểm son của đại nhạc hội năm nay *(You are the highlight of the festival this year)*. Tôi nghĩ rằng sở dĩ ông Bakstrom nói như vậy là vì tôi chỉ có một mình mà tạo một bầu không khí sôi bỏng khi trình diễn không thua gì những đoàn hát với hai ba chục người. Nếu kể trình độ, thì chắn chắc là tôi làm sao bì với những nhạc sĩ tài danh khác của các quốc gia có mặt tại đại hội lần này.

## Tinh thần kỷ luật và đúng giờ của người Thụy Điển

Không biết người Thụy Điển có chịu ảnh hưởng của dân Nhựt hay không, tôi nhận thấy người Thụy Điển rất tôn trọng giờ khắc khi hẹn. Mỗi lần tôi gọi điện thoại cho ban tổ chức để họ đến rước tôi đi tập dượt, hay đưa đón tôi đi bất cứ nơi nào, khi họ hẹn 10 giờ là đúng 10 giờ họ tới trước cửa khách sạn để chờ tôi rồi. Khi tôi chưa xuống thì họ vào trong khách sạn gọi tôi ngay. Khi họ cho giờ để thử âm thanh và ánh sáng thì đúng giờ đó các kỹ thuật viên đã có mặt và chờ làm việc. Chương trình hát cũng vậy. Ban tổ chức định cho mỗi nhóm hát bao nhiêu phút là phải tôn trọng vì chương trình không thể kéo dài hơn. Nếu kéo dài thì họ cắt chương trình ngay. Nhờ vậy mà chương trình bao giờ cũng bắt đầu đúng giờ in trên giấy và phải chấm dứt như giờ ấn định. Tôi thấy đó là một điểm rất đáng học nơi người Thụy Điển. Dân chúng Thụy Điển đã được giáo dục như thế từ nhiều thế hệ. Cho nên việc tôn trọng giờ giấc không phải là việc khó khăn không làm được.

## Kỷ niệm gặp một nhóm nhạc sĩ trẻ Việt Nam.

Một chuyện vui khác là tôi được nhóm ETHNO 96 mời nói chuyện về giáo dục âm nhạc cổ truyền. Với tư cách một nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học, tôi đã thuyết trình về vai trò của âm nhạc dân tộc trong việc giáo dục âm nhạc. Tôi đã dẫn chứng qua tài nhái các loại giọng từ hát cổ điển, hát theo kiểu Nga, hát theo hát bội Bắc Kinh, giọng hát trong múa rối Nhựt, giọng tụng kinh các thiền sư Tây Tạng, giọng đồng song thanh, giọng óc o, cho thấy giọng hát trên thế giới rất giàu. Khi tôi biểu diễn màn độc tấu muỗng, tất cả học trò vỗ tay hoan nghinh nhiệt liệt. Suốt cả một tiếng đồng hồ, tôi cho các trẻ em thuộc 10 quốc gia trong đó có năm em nhạc sĩ người Việt từ Việt Nam gửi sang đều thán phục. Sau mà trình diễn, các em người Việt lên chào tôi và ngỏ lời khâm phục và nói với tôi rằng việc tôi trình bày làm cho họ vô cùng hãnh diện. Tôi có tặng cho em Lương Hùng Việt trong nhóm người Việt một cây đàn môi tre vì thấy em thích quá. Em đó tặng lại tôi một cây đàn môi Mông làm cho tôi cảm động. Qua âm nhạc và tình đồng hương, tôi với em đó như người thân trong gia đình. Trong thời gian này tôi có dịp nói chuyện với các em khoảng 20 tuổi (em Minh Nguyệt chuyên về cải lương miền Nam, em Kiều Duyên chuyên đàn t'rưng, pa-pung, tranh, thuộc nhạc viện Hà Nội, em Bùi Thùy Quỳnh thuộc đoàn cải lương Nam Hà, em Lương Hùng Việt thuộc đoàn múa Lào Cai chuyên về nhạc khí sắc tộc nhứt là sáo Mèo, em Trung Kiên chuyên về vũ dân tộc) nhưng đều có học tại nhạc viện hay trường đào tạo nghệ sĩ chuyên nghiệp. Mặc dù tài nghệ chưa đạt tới mức nhạc sĩ tài giỏi nhưng các em có rất nhiều triển vọng trong tương lai. Trong những cuộc tranh tài quốc tế, điều quan trọng là làm vang danh văn hóa, âm nhạc Việt, khiến cho thế giới nể phục. Tôi thấy hàng trăm cây đàn vĩ cầm của các em Âu châu, các loại trống của các em Phi châu, các giọng hát ngoại quốc cùng đàn và hát bài Lý Cây Đa trước hàng ngàn người xem. Giây phút đó làm lòng tôi vừa sung sướng vừa xúc động. Trước mắt tôi là Việt Nam, là dân tộc Lạc Hồng, là nghệ thuật tổ tiên. Các em người Việt này tôi chưa hề quên biết, chưa hề gặp bao giờ. Chỉ trong một thời gian ngắn tại Falun nhỏ bé này đã tạo sợi dây thân tình giữa người phụng sự âm nhạc Việt Nam, giữa người đồng hương, cùng văn hóa, cùng giòng máu Việt. Thời gian quen nhau tuy ngắn ngủi nhưng đã lưu lại trong lòng tôi một hình ảnh của những mầm non của nền âm nhạc Việt tương lai. Rồi tôi trở về Pháp, các

em quay về Việt Nam. Không biết rồi có còn cơ hội nào khác gặp nhau lại nữa hay không? Sứ mạng của tôi là quảng bá âm nhạc Việt tại các đại hội quốc tế. Tôi chỉ mơ truyền lại điều tôi biết, những kinh nghiệm tôi có cho người Việt Nam. Cho tới ngày hôm nay, người nhạc sĩ Việt mà tôi tìm vẫn chưa thấy đến. Một vài học trò người ngoại quốc đã đạt một phần nào lĩnh vực nghệ thuật của tôi chứ chưa nắm hết.

Nhìn tất cả nhạc sĩ từ 40 quốc gia ngồi chung lại với nhau, ăn uống chung một nơi, hàn huyên, trao đổi quà kỷ niệm, chụp chung hình kỷ niệm, không một ai nghĩ tới xu hướng chính trị, hay thù hằn ghen ghét. Ngược lại họ rất mến nhau qua tiếng đàn, giọng hát. Tôi thấy hình ảnh này rất đẹp. Âm nhạc đã xóa bỏ hận thù, xóa bỏ ranh giới, xóa bỏ chính kiến. Mọi người cầm tay nhau hát. Người xứ này học bài hát của người xứ khác.

## Tiếp xúc với ca nhạc sĩ ngoại quốc

Tôi có dịp gặp bốn nữ ca sĩ người Inuit trong đó cô trẻ nhứt (20 tuổi) tên là Phoebe Atagotaaluk là người nói tiếng Anh thông thạo nhứt và hồn nhiên nhứt. Phái đoàn người Inuit có đến nghe tôi trình diễn thích quá, sau khi tôi diễn xong đã đến chào tôi, chụp hình kỷ niệm và hỏi tôi cách hát đồng song thanh ra sao và muốn coi các cây đàn môi của tôi. Chỉ trong vòng vài phút là mấy người Inuit đều hát phát âm ra hai giọng cùng một lúc, vì trong kỹ thuật hát của họ rất gần với kỹ thuật giọng hầu trong loại hát đồng song thanh. Tôi học cách hát của họ cũng khá mau, gọi là trao đổi văn hóa.

Trong dịp này tôi gặp lại bốn ca sĩ ngoại hạng của xứ Tuva mà tôi đã gặp tại xứ Tuva hồi tháng Sáu 1995. Bốn ca sĩ này thành lập nhóm Huun Huur Tu, chuyên về hát đồng song thanh. Họ gặp lại tôi chạy lại ôm tôi và gọi tôi là thầy (maestro) tỏ lòng kính trọng. Một anh trong nhóm tên là Anatoly biết chơi đàn môi, đã tham dự buổi sinh hoạt về đàn môi ngày 12 tháng 7. Anh ta đàn môi Tuva, biểu diễn hát đồng song thanh nhiều kiểu. Tôi có biểu diễn cách đàn môi Á châu và hát một bài hát cổ truyền của xứ Tuva bằng cách hát đồng song thanh do tôi sáng chế và đàn bài đó với đàn môi, khiến anh ta phục quá, nhìn tôi với cặp mắt kính trọng.

Tôi gặp lại một nhà nghiên cứu dân tộc nhạc học Thụy Điển, Owe Ronstrom. Anh này đã xem tôi đánh muỗng cách đây 25 năm khi tôi sang biểu diễn ở Stockholm năm 1972. Sau đó tôi gặp anh ta ở Canberra (Úc Châu) tháng giêng 1995 nhân kỳ đại hội đồng quốc tế nhạc dân tộc nhóm tại Úc. Lần này tình cờ tôi gặp lại anh ở giữa chợ trời lúc anh ta đang đàn vĩ cầm chơi nhạc dân tộc Thụy Điển với một ông già đánh nhịp với hai cặp cây. Anh ta thấy tôi mừng quá, hỏi tôi có mang theo muỗng không. Tôi trả lời là có. Anh ta mời tôi hòa chung với anh trong một nhạc khúc dân tộc. Tôi biểu diễn nghệ thuật đánh muỗng làm cho khán giả vỗ tay từng hồi. Ông già gõ nhịp hăng chí, rút cặp muỗng bằng nhựa trong túi ra đánh chung với tôi. Ông ta cho tôi địa chỉ và hứa sẽ tặng cho tôi một cặp cây gõ nhịp khi tôi trở về Pháp và gởi hình chụp kỷ niệm với ông ta. Tôi về Pháp rửa hình ngay gởi cho ông và hiện tôi chờ ông gởi nhạc cụ qua cho tôi.

Trên chiếc xe buýt chở tôi và một số ca nhạc sĩ Phi châu (xứ Tanzania) và các nhạc sĩ Na Uy, Ái Nhĩ Lan, Phần Lan trên đường đi tới phi trường Arlando của Stockholm, tôi đã chỉ cho những người đi cùng xe buýt với tôi kỹ thuật phát đồng song thanh. Họ là người làm nhạc chuyên nghiệp nên chỉ trong chốc lát là hát được được và lại hát hay. Họ chỉ cho tôi một vài giai điệu cổ truyền của xứ họ. Tôi hát lại bằng kỹ thuật đồng song thanh. Chính nhờ vậy mà tình thân hữu càng thêm thắm thiết.

Qua hai thí dụ trên, tôi đã tạo một nét mới lạ trong cách trình diễn của người Inuit và người Phi châu xứ Tanania: họ sẽ hát đồng song thanh trong các chương trình của họ. Tôi gieo hạt giống hát đồng song thanh nhiều nơi. Có nơi mọc thành cây, có trái cây tốt. Có nơi mới mọc thì cây đã chết. Có một em nhạc sĩ người Việt tên là Lương Hùng Việt chuyên về nhạc sắc tộc rất khiếu. Tôi có chỉ dạy em vài phút bài học căn bản mà em đã hát được hai giọng. Có thể trong tương lai, em sẽ là người thừa kế tôi trong việc quảng bá kỹ thuật hát đồng song thanh ở Việt Nam. Biết đâu kỹ thuật hát này có thể trở thành một truyền thống Việt Nam không chừng!

Mỗi một chuyến đi mang lại cho tôi một vài kỷ niệm êm đẹp, khó quên. Tôi khám phá phong tục dân bản xứ, tôi gặp gỡ một số bạn bè mới, bành trướng việc làm của tôi, phổ biến những điều tôi biết đến với một số người. Việc làm này đòi hỏi rất nhiều nhẫn nại, trì chí, không thể một sớm một nhiều là xong việc được. Lần này tôi khám phá tài điều khiển thật giỏi của ông giám đốc, sáng khiến cho đeo dây xung quanh cổ tay để phân biệt ai là nghệ sĩ, ai là người đến tu nghiệp, hay ai là người của ban tổ chức. Cái hay khác là mỗi một nghệ sĩ ngoại quốc đến với xứ Thụy Điển đều được tặng một cây kèn bằng sừng bò đặc biệt của vùng Bắc Âu. Tôi đã mua một số quà lưu niệm như con ngựa sơn màu đỏ của vùng Dalarna (con ngựa này tượng trưng cho xứ Thụy Điển), một số đĩa CD nhạc cổ truyền mà tôi không tìm thấy ở bên Pháp. Và theo cái tật cố hữu của tôi, tôi đã lượm một viên đá của xứ Thụy Điển, cạnh một di tích lịch sử, đem về làm kỷ niệm.■

*Mùa hè 1996*

# HAI NGÀY VÀ CẢ CUỘC ĐỜI

NGUYỄN QUANG VINH

Văn ngả người, nằm dài trên ghế. Người lái xe huýt sáo một bài hát vui, ngón tay trỏ gõ nhịp trên vô lăng. Anh nhìn người tài xế và cảm thấy thèm sự vô tư đó. Giá như mình cũng được thanh thản vậy nhỉ? Anh nghĩ. Nhưng có ai bắt anh không được thanh thản đâu. Thì cứ việc vô tư, cứ việc thanh thản, cái đó tùy ở anh chứ. Không. Chẳng tùy được. Ngày xưa, đã có lần anh nghĩ như vậy. Nhưng bây giờ thì... không. Chẳng tùy được. Anh là một chủ tịch tỉnh, vai trò của anh là thế. Nếu lúc nào anh cũng huýt sáo, hát hò, nói năng tùy hứng như người lái xe kia — mặc dù anh rất muốn vậy, cũng không được. Thế thì phải thế nào? Anh lục vấn mình vậy thôi chứ chẳng tìm được câu trả lời. Cũng không ai giúp anh trả lời cả. Thì cứ việc sống theo ý mình chứ, có gì xấu đâu, cũng là đời sống của một người thường dân mà. Nhưng không được. Thực là không thể được. Vì đã có ai coi anh là người thường dân đâu, người ta đều coi anh là chủ tịch tỉnh, ngay trong ngày làm việc — dĩ nhiên, trong bữa ăn, giấc ngủ, câu nói đùa, dáng vẻ đi lại, quan hệ...

Anh gác tay qua mắt, quyết ngủ. Anh sợ phải nghĩ linh tinh. Chiếc xe băng qua những ổ gà nhỏ làm người anh giật nảy lên bần bật. Bộ lò xo dưới ghế kêu cót két. Nó tỏ vẻ khó chịu khi tấm thân bảy mươi kí lô của anh đè nặng xuống. Mưa không một chút thuyên giảm. Lại nghe có tiếng gió quạt mạnh vào cửa xe nữa. Có thể bão đã vào huyện Quảng rồi. Cán bộ huyện sẽ rất mừng khi bão lụt vào đến đã có mặt chủ tịch tỉnh để chỉ đạo — hẳn thế rồi. Và lúc đó mình sẽ quyết định thế nào? Không biết trước được. Nhưng nhất định là người ta sẽ trông đợi vào mình rất nhiều — trông đợi ở thái độ, bản lĩnh và sự thông cảm của chủ tịch tỉnh.

Bỗng dưng anh mỉm cười. Nhưng sau đó mắt anh nhíu lại. Tại sao mỉm cười? Mình đang khổ tâm vì điều đó cơ mà. Cán bộ cơ sở đều trân trọng những câu nói, quyết định của anh nhưng họ không hiểu được rằng, đôi khi trước một công việc nào đó của cơ sở, anh liền nói ra một vài câu, sai đúng không biết, rồi đi. Còn khi anh đi rồi, họ có nghe hay không thì tùy nhưng chắc họ phấn khởi vì ít ra chủ tịch tỉnh đã quan tâm đến họ (và anh biết, có lúc họ còn lẩm bẩm chửi anh trong bụng). Về rồi, nằm nghĩ lại, anh buồn quá. Lẽ nào lại có thể lừa dối họ như thế? Anh cũng trách họ. Chẳng lẽ người ta đều coi chủ tịch tỉnh biết rõ mọi việc sao. Việc gì người ta cũng hỏi anh, dồn thúc anh, trông ngóng lời phát biểu của anh. Còn anh thì vì đã nói ra những lời suông sẻ nhưng chắc chắn không phải điều gì anh cũng

đều nói đúng. Ngay cả việc anh hứng lên nói đùa thôi, họ cũng lấy đó làm điểm tựa, coi lời nói đùa của chủ tịch tỉnh cũng ngang với một quyết định. Vừa rồi, khi về làm việc với huyện Thanh Hương, đồng chí chủ tịch mời anh về dự khánh thành chợ Hôm mới xây. Trong không khí vui vẻ, anh nhìn cổng chợ đã xây khá đẹp và tốn kém, nói vui "Chà. Nếu cổng chợ xây theo hình Parabôn thì đẹp tuyệt. Cổng chợ Lai Xích người ta cũng xây theo hình Parabôn." Nói vậy cho vui rồi đi. Ai ngờ hai tháng sau, cổng chợ Hôm bị đập tan tành, xây lại theo hình Parabôn, chi phí hai lần: gần mười triệu đồng. Anh nghe tin, bàng hoàng. Lần sau ra lại huyện Thanh Hương, nghe anh em khoe cổng chợ Hôm đã xây lại theo "ý kiến xác đáng của chủ tịch tỉnh," anh ngậm bồ hòn, gắng cười và gật đầu. Thế đấy. Mình đã làm được nhiều việc xứng đáng nhưng cũng gây ra lắm chuyện thật phiền lòng. Anh thở dài.

"Nhưng mà thôi. Ngủ đi, đã bao nhiêu lần mình dằn vặt không yên với ý nghĩ đó rồi." Anh thầm kêu lên như vậy rồi lật người nằm nghiêng, nhắm mắt.

"Ngủ đi, cũng tại Thành cả. Tại vì anh nhắc đến cô ấy và cháu. Anh đeo đẳng ý kiến ấy để làm gì. Anh làm sao hiểu mọi chuyện bằng tôi được. Ngủ đi. Mình đã quyết định không nghĩ gì về cô ấy nữa cơ mà. Coi như cô ấy là bạn bè, người làng. Thế thôi. Chẳng việc gì cả." Anh nằm nghiêng, một tai áp chặt vào mặt ghế đệm, và hình như anh đang nghe từ trong ruột ghế, một âm thanh gì đó động vào, ù ù như gió thổi nhưng vẫn nghe được "Anh chưa yên lòng nổi đâu. Anh vẫn còn áy náy chán chê chuyện mình li dị vợ. Hoặc là sự thèm khát tình cảm của mình về vợ con. Một người đàn ông mạnh mẽ như anh, chỉ một mình, một mình, một mình."

Có lẽ đã nửa tiếng trôi qua, anh không nghĩ ngợi thêm gì nữa, mơ màng trôi vào giấc ngủ. Người lái xe tên là Thành quay lại nhìn anh, mỉm cười. Thành nhả dần ga cho xe chạy chậm hơn, đồng thời anh thận trọng đánh tay lái cho xe lách nhẹ qua các ổ gà để chủ tịch nằm được yên giấc. Nhưng bất chợt, chủ tịch Văn choàng dậy, hai cánh tay chới với, hốt hoảng. Suýt nữa anh kêu thét lên. Đang mơ màng ngủ, có một bọng nước ở trần xe giọt đúng vào cổ anh, buốt giá. Văn giật mình kinh hãi. Lúc đầu, anh không hiểu cái đã xảy ra với mình, cứ như có ai đang cứa một lưỡi dao sắc ngọt qua cổ anh. Định thần, anh mới biết đó là nước. Anh đưa bàn tay lau giọt nước ở cổ và đột nhiên nhớ lại cách đây tám năm rồi, cũng đã một lần anh giật mình kinh hãi vì một giọt nước nhỏ vào người như thế. "Thật kỳ cục. Tại sao bỗng dưng mình lại liên tưởng đến giọt nước hồi ấy nhỉ. Tại Thành hết. Nhắc cô ấy ra làm gì kia chứ." Anh bực mình lẩm bẩm. Rồi anh cố gạt sự liên tưởng ấy đi nhưng thất bại. Một sự liên tưởng chẳng đúng lúc chút nào. "Mà tại sao cái giọt nước quái quỷ này lại giọt đúng vào cổ mình?" Hay là lúc này, mọi thứ đang cố lôi anh về quá khứ chẳng lấy gì làm vui vẻ ấy. "Không phải. Chỉ vì mình đang thực sự ra với cô ấy. Nguyên nhân là thế. Đừng quanh co nữa." Anh lật người nằm nghiêng. "Thì đã sao. Cứ nhớ lại xem nào... Cái giọt nước rơi vào mình cách đây tám năm ấy."

Như lúc này, anh nằm ngửa, nhưng không phải ở trong xe mà lại ngôi nhà tranh ọp ẹp ở làng Hà Thanh quê mình. Anh nằm ngửa, chán nản. Ngoài trời mưa tầm tã và gió lạnh thổi hun hút, những ngọn gió thổi ngược từ bờ sông vào, tê tái. Trong nhà chẳng có ai, ngoài anh. Bộ quân phục anh mang đã bạc màu, vấy bẩn. Suốt ba ngày ngồi trên xe từ Sài Gòn về nhà, đến lúc này anh vẫn chưa tắm rửa. Chiếc ba lô căng phồng của anh vẫn để nguyên trên nóc tủ. Chiếc xe đạp còn nguyên giấy bọc đang vứt ở góc nhà. Nghĩa là nhiều ngày rồi, anh về nhà mà như mới ghé lại một bến xe nào đó, tiếp tục mua vé để tiếp tục đi. Lòng anh ngổn ngang bao ý nghĩ: giận dỗi, bực tức, chán chường xen với nỗi cay đắng, thất vọng, ghen tuông... những điều đó xoáy lốc trong anh, day dứt. Mười năm xa vợ đi chiến trường, đáng lẽ giải phóng anh về, sự đền bù tình cảm vợ chồng lớn lao biết bao nhiêu! Nhưng không. Chị ra đón anh ở cổng nhà với một đứa bé bế trên tay. Chỉ nhìn vào mắt chị ngay lúc ấy thôi, anh đã đoán được sự tình. Chị chờ đợi, chị chung thủy với anh như vậy đấy. Nếu lúc đó, anh không ý thức được rằng mình đã là một trung tá thì có lẽ... không chừng. Bởi vì cái thằng đàn ông trong anh suýt nữa đã đánh vào mặt chị một bạt tai, nhưng anh kìm được. Thay vì việc ôm chị vào lòng, anh xốc đứa con gái bé bỏng ấy trên tay, thơm vào má nó rồi bế vào nhà. Anh bước thình thịch, mạnh bạo nhưng rõ ràng anh biết, hai đầu gối đã nhũn xuống, ngỡ như không cách gì có thể tiến thêm một bước nào nữa. Chỉ đợi anh ngồi xuống, kịp đưa cho anh bát nước chè xanh, chị đã giằng lấy cháu bé, rồi vừa khóc vừa kể. Anh ngồi thẫn thờ, bàng hoàng trước vợ. Còn chị thì cứ kể, tấm tức kể cho anh nghe vì sao mình lại có đứa con này. Anh biết chị không hề thanh minh, cũng chẳng mong anh tha thứ nhưng nghe chị thú nhận, anh không thể nào chịu nổi. "Thôi. Đủ rồi. Thế là đủ rồi. Em đừng kể nữa" — Anh thốt lên như vậy. "Cho em nói, một lần này thôi. Em van anh. Một lần này thôi mà, rồi anh sẽ định đoạt." Anh kéo đứa bé ra khỏi vòng tay chị, ôm lấy nó, dúi vào tay nó một chồng bánh kẹo và con búp bê có đôi mắt biết ngủ. Anh cố ý không nghe chị nói gì nữa, cố ý quên lãng chị đang ngồi trước mặt mình. Anh chơi với con bé, ve vuốt, hôn hít nó. Rồi khi chị ngừng khóc, ngừng nói, anh buông

một câu hỏi: "Bố nó là ai?" Chị cúi đầu im lặng. "Em nghe anh hỏi chứ. Bố nó là ai thế?" Chị vẫn cúi đầu im lặng. Đến mức này thì anh không chịu nổi nữa. Hai cánh tay anh run lên. Anh ghì chặt con bé đến độ nó khóc thét. Chị nhào tới ôm lấy nó. Anh đặt chiếc ba lô ra giữa nhà, nằm vật lên giường. "Im!" Anh hét lên. Chị im bặt. Anh nghe rõ tiếng chóp chép của đứa bé đang ngậm vú mẹ. Nước mắt anh ứa ra, chảy thành dòng trên má. Anh vùng dậy, nhảy xuống đất, bước lại một cách dè dặt về phía chị rồi đột nhiên cánh tay lực lưỡng, rắn rỏi của anh ôm ghì lấy hai mẹ con. Chị òa lên khóc. Lúc này chị mới thực sự khóc, và anh cũng thế. Vai anh run bần bật, tiếng khóc của anh dồn cứng trong lồng ngực. Anh đau đớn kêu lên: "Đáng lẽ em ráng chờ anh thêm một năm nữa chứ mấy... Sao em vội vàng quá thế... Đáng lẽ." Chị bịt bàn tay mình lên miệng anh. Câu nói của anh đã làm chị khiếp sợ. Câu nói đó đã làm chị kinh hãi hơn cả một cái bạt tai.

"Bố nó là ai?" Anh đâu muốn tra khảo chị, làm tình làm tội chị. Nhưng câu hỏi ấy thỉnh thoảng tách khỏi người anh, vụt bay ra khiến chị giật mình xây xẩm mặt mày. Anh ý thức được rằng, thôi thì sự đã rồi, có lấy chị nữa hay không là tùy anh, đừng gặng hỏi điều đó làm gì khi chị cố tình giấu kín: "Bố nó là ai chứ? Em nói đi, nhanh lên." Anh đã buột miệng hỏi đến lần thứ bao nhiêu anh cũng không chớ rõ. Cái thằng đàn ông trong anh nó ép anh phải hỏi dù câu hỏi ấy chẳng những đã làm khổ chị, dồn ép chị đến lúc nghẹt thở, nó còn làm anh không một phút yên lòng. "Là ai... là ai... là ai..." Đôi khi giữa giấc ngủ mỏi mệt, anh bàng hoàng vùng dậy, treo lên trong ngôi nhà tranh ọp ẹp câu hỏi khốc liệt đó. Có đêm, cả nhà yên ắng, anh mệt quá đã thiêm thiếp ngủ, bất chợt con bé chìa cánh tay bé nhỏ của nó bấu lấy cổ anh, khóc và thét lên: "Ba! Ba!" Anh vùng dậy, nhảy xuống đất, hối hả mang áo quần, đội mũ, đeo dép. Khi đã định thần, anh lặng lẽ ngồi xuống bên giường. Tiếng khóc đột ngột của đứa bé vang lên giữa đêm thanh vắng làm anh như nghe thấy một tín hiệu báo động chiến đấu. Vì sao thế? Chị vẫn vằm yên, vờ ngủ say, nhưng anh đã nhìn thấy ở khóe mắt chị ướt nhòe. "Chúng ta không thể sống với nhau được nữa." Anh kêu lên một mình. Không ai đáp lời anh. Chị úp mặt vào gối, vai rung rung. Không ai đáp lời anh cả. Chỉ nghe tiếng loạc roạc của mấy con chuột chạy qua kèo nhà. Tiếng con mèo ngái ngủ kêu lên buồn thảm ở xó bếp. Và tiếng con bé đang ngậm miệng vào bầu vú căng mọng của chị, chóp chép bú.

"Trời ơi! Nếu anh ấy đừng cứu em. Cứ để em chìm nghỉm dưới dòng sông cho hết một kiếp người thì bây giờ chúng ta đâu đến nỗi làm khổ nhau như thế này." Xen giữa những giấc ngủ mỏi mệt, giữa những lần khóc, chị thốt lên bên tai anh câu nói ấy. Mãi sau này, anh mới biết chị nói dối. Lúc đó thì đã muộn. Nếu ngay lập tức, khi chị vừa thốt lên câu nói kia, anh đã biết ngay rằng chị nói dối thì có lẽ anh đã không li dị. Nhưng anh làm sao nghĩ khác lời thú nhận ấy của chị. Các câu hỏi về người bố của đứa bé khiến anh mụ mẫm, cố đeo đuổi mục tiêu này lại bỏ qua mục tiêu khác. Mãi sau này, khi không còn là chồng của chị nữa, anh mới đau đớn hiểu rằng, việc anh cố gắng hỏi cho ra bố đứa bé là ai thật không cần thiết chút nào. Chỉ có một thằng ngu mới cố sức tìm ra đáp số câu hỏi ấy. Suốt những năm sau này, một mình trơ trọi trong căn phòng đầy đủ tiện nghi dành cho chủ tịch tỉnh, sau những khoảng thời gian lăn lộn với tít mù công việc, đêm về nằm một mình, vọng nghe tiếng phụ nữ đùa giỡn nhau ở khu nhà bên cạnh; có những đêm thức trắng không vì bất cứ lý do gì cả, người nóng ran, bức bách, khao khát cái gì đó thật khó nói ra bằng lời, anh mới nhận thấy rằng, vợ anh là một người đàn bà tốt đến nhường nào. Rồi anh cũng bàng hoàng nghĩ rằng, chẳng có ai cứu chị thoát chết đuối để chị mang ơn cả — cô ấy nói dối, nói dối vì anh biết vợ mình không thể nào nói thật được. Cũng như anh, tám năm qua, hôm nào cũng thế, một mình, một giường, một gối chống chọi với một đêm trường, anh cũng không thể nói ra cho bất cứ ai biết được sự đòi hỏi cháy bỏng, quá ư cụ thể và rất thật của mình.

"Mình đã sống với cô ấy ít ngày quá..."

Chỉ có năm ngày sau khi cưới, anh đã đi, đi biền biệt suốt mười năm trời... Sau này, khi chỉ còn một thân một mình, trăn trở bao đêm trắng, anh càng cảm thấy thấm thía nỗi cô đơn, xa vắng hơi hám vợ con đến thế nào. Nhưng dù có ân hận thì đã muộn. Muộn rồi. Anh đã ký vào lá đơn ly dị trước chị. "Nhưng mình có hắt hủi, làm tình, làm tội cô ấy đâu. Mình chỉ có một yêu cầu thôi, yêu cầu nào có to tát gì..." Lúc đó thì anh nghĩ yêu cầu đó chẳng to tát. Nhưng sau tám năm, anh thấy hổ thẹn quá, thấy con người mình nhỏ bé biết nhường nào. "Bố nó là ai? Em chỉ cần nói tên người ấy ra thôi. Chúng ta vẫn là vợ chồng. Anh lấy danh dự một con người thề với em như vậy." "Nếu anh tha thứ cho em, tại sao lại bắt em khai tên người đàn ông ấy ra?" Anh

* Vợ tôi rất lo lắng đến sức khỏe của tôi, thường khuyên tôi nên bỏ hoặc bớt hút thuốc. Tính nàng cũng rất tiết kiệm, không bao giờ chịu được sự phí phạm. Mỗi lần thấy tôi dụi tắt điếu thuốc chưa hút được một nửa, nàng gắt:

"Phí thế, sao anh không hút cho hết điếu đi!"

không làm gì anh ta cả nhưng anh cần phải biết điều đó.'' ''Nhưng nếu em cứ khăng khăng không nói. Mà em sẽ không nói. Thì anh sẽ làm gì?'' ''Trời ơi. Chẳng lẽ cô lại bắt tôi quỳ xuống van lạy cô ư? Cô hỏi xem trên đất nước này có thằng đàn ông nào dễ tính như tôi không? Có thằng chồng nào vị tha như tôi không?'' ''Không. Đất nước này không có ai ngoài anh cả. Anh thật vị tha nhưng thật ích kỷ. Tên người đàn ông kia sẽ giúp được gì cho anh cơ chứ.'' ''Cô đừng loanh quanh. Tôi là chồng cô. Cô đã ngoại tình. Cô đã phản bội hạnh phúc của tôi. Tôi cần phải biết kẻ phá hoại gia đình tôi. Cô phải nói. Cô phải nói bây giờ.'' ''Em không nói. Em không nói. Em không nói. Anh bỏ em đi. Anh ly dị em đi.'' Lần đầu tiên trong đời, anh đã bạt tai một người, lại là vợ anh. Chị xô người tới bàn, đè toàn thân lên lá đơn ly dị anh đã ký sẵn. Chị nắm chặt lấy cái bút bíc, vừa khóc vừa dằn mạnh dấu bút lên giấy. Mũi bút cày một đường trên giấy. Chị ký lại lần nữa. Mũi bút vẫn cày khan trên giấy, nét lõm xuống, hằn sâu vào tờ giấy nhưng tên chị vẫn không chịu hiện ra. Mực trong bút bíc tắt cứng. Hai bàn tay chị vặn xoắn với nhau, bẻ vụn quản bút rồi quẳng nó vào góc nhà. Chị ôm lấy mặt òa khóc. Anh kéo chị về phía mình nhưng chị vùng ra. ''Anh đi đi... cút đi... đi đi... đi đi...'' Ít ngày sau, vào cái buổi sáng mưa dầm dề, anh quàng ni lông, lấy xe chở chị đến tòa án. Giằng co mãi chị vẫn không ký. Chị cũng không chịu thỏa mãn yêu cầu của anh, rằng, tên người đàn ông đã hủ hóa với chị là ai. Anh kêu gọi chị, dùng hết mọi lý lẽ kêu gọi chị. Còn chị im lặng ngồi. Vừa khóc, chị vừa len lén xem đồng hồ. Anh phát uất lên khi thấy chị cứ xem đồng hồ. Mà thực sự anh cũng không hiểu vì sao việc chị xem đồng hồ lại làm anh khó chịu đến thế. ''Thưa tòa, tôi vẫn yêu anh Văn. Tôi vẫn tha thiết sống với anh Văn. Tôi chỉ yêu cầu, nếu anh Văn còn yêu tôi, thương tôi như anh vừa nói, tôi cầu khẩn anh đừng bắt tôi phải làm việc hèn hạ là nói tên người đàn ông ấy ra.'' ''Thưa tòa. Tôi là một trung tá quân đội. Tôi có tư cách. Tôi cần biết tên người đàn ông đó theo yêu cầu của một người đàn ông, một người chồng bị phản bội. Tôi không làm gì anh ta cả. Nhưng tôi không thể không biết tên anh ta được.'' '' ''Tòa nghĩ rằng, chị Yến nên thỏa mãn yêu cầu của chồng. Không cần nói ở đây, chị có thể nói riêng với anh.'' ''Vâng. Tôi chỉ cần thế, tôi chỉ cần cô ấy nói một lần thôi.'' ''Nếu chị Yến thực sự ân hận với chồng mình, tòa nghĩ rằng, yêu cầu anh ấy đưa ra là hợp lý. Tòa nghĩ rằng, anh chị vẫn tình nguyện yêu nhau, tình nguyện sống với nhau, chị không nên tránh né yêu cầu của chồng. Tòa yêu cầu chị tĩnh tâm, suy nghĩ lại, nếu như thực sự ân hận.'' ''Tôi không ân hận. Tôi không có gì phải ân hận cả. Anh ấy ngoại tình với tôi đấy nhưng vì tôi tự nguyện... tôi... tôi yêu cầu... Thưa tòa, anh ấy chưa có lỗi gì cả. Anh ấy không can hệ gì vào hạnh phúc gia đình tôi. Anh ấy cũng không liên đới chịu trách nhiệm gì cả. Tôi không nói tên anh ấy ra là

vì thế. Tôi... tôi... còn mang ơn anh ấy nữa... anh ấy đã giúp tôi sống... giúp tôi sống thực sự... thưa tòa đúng vậy. Nếu không có anh ấy, có lẽ tôi đã thành một người đàn bà điên khùng từ lâu rồi.'' ''Cô im đi! Thưa tòa, có người đàn bà nào đáng sợ như cô ấy nữa không chứ.'' ''Chị Yến. Thế trách nhiệm công dân của chị đối với chồng đâu? Chị có trách nhiệm đối với tình yêu của mình, đối với chồng mình như thế sao?'' ''Thế... thế... Nhà nước có trách nhiệm gì với tôi? Nhà nước không chịu hiểu gì về sự chờ đợi của người đàn bà. Có ai ở đây đã chờ chồng như tôi không? Có ai không? Tại sao với sự chờ đợi của tôi quyết liệt như thế, khốn khổ như thế, dai dẳng như thế, Nhà nước không thèm nói với tôi rằng, ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm là giải phóng, là anh ấy trở về? Nếu tôi biết chắc vậy, tôi sẽ chờ, sẽ chờ... anh Văn của tôi. Chắc chắn là tôi sẽ chờ được. Nhưng không ai nói với tôi điều đó. Ai cũng khen tôi chung thủy, nghiêng đầu kính trọng tôi đã dám vứt bỏ tuổi thanh xuân của mình để chờ chồng. Tôi không cần ai khen. Tôi chờ đợi là chờ đợi, tôi không cần ai kính trọng vì điều đó. Tại sao cuộc họp phụ nữ nào người ta cũng đưa tôi ra biểu dương. Người ta ca

MINH HÂN

# LÀM THƠ

**Ba năm làm hai câu thơ,**
**Người xưa đã vậy, bây giờ tới ta!**

**Người bạc tóc, thơ nào già?**
**Thơ trong như ngọc, thơ lòa như gương.**

**Người đi chín hướng mười phương,**
**Thơ về chỉ một nẻo đường hư vô...**

ngợi sự chung thủy của tôi mà người ta không hề biết rằng, tôi đã phát điên phát cuồng vì sự chờ đợi dai dẳng ấy như thế nào. Tôi là một người đàn bà cơ mà, một người đàn bà thật chứ không phải bằng gỗ. Trong xã này anh ấy hiểu tôi hơn cả, anh ấy nhìn thấy rõ tôi hơn cả, anh ấy biết tôi đang khao khát điều gì và vì sao mà khao khát. Tôi mang ơn anh ấy. Thật thế. Thưa tòa, tôi chẳng thể nào sống lành lặn, bình yên đến bây giờ, tôi sẽ điên mất, tòa hiểu không, tôi sẽ điên mất." Chị thở hổn hển. Hình như chị đã làm một công việc quá sức mình. Ngay cả khi chị nói những lời ấy, thỉnh thoảng anh vẫn thấy chị len lén xem đồng hồ. Trong khi tòa đang chờ ý kiến cuối cùng của anh, trong khi anh đang bàng hoàng trước những câu nói đầy nước mắt của chị thì lần nữa chị xem đồng hồ rồi chị đứng vụt dậy. "Thưa tòa, cho tôi ký. Tôi xin ly dị..." "Nghĩa là chị không yêu anh Văn nữa, chị tự nguyện ly dị?" "Vâng. Tôi tự nguyện. Tôi không xứng đáng làm vợ. Tôi không yêu anh ấy. Tôi... tôi..." Chị sấn sổ bước lại bàn, cầm lấy bút ký. Anh muốn đứng lên theo, giằng tay chị, không cho chị viết tên vào lá đơn ly dị ấy nhưng bàn chân anh nặng trĩu, kéo anh xuống. Vừa đặt bút xuống bàn: chị đã vội vã đứng dậy, lao ra cửa. Anh vẫn kịp nghe vọng lại tiếng nấc đau đớn của chị. Anh ngơ ngác nhìn chị chạy tơi tả giữa trời mưa nặng hạt và gió lạnh hun hút thổi táp vào mặt.

Anh chạy về nhà, không thấy chị. Mỏi mệt và chán chường, anh nằm vật ra giường, giang rộng chân tay, thở dốc. Anh mở mắt trừng trừng nhìn lên nóc nhà. "Thế là hết. Thế là hết." Đầu óc anh căng ra, nhức buốt. "Chẳng lẽ lại có thể như thế?" Mười năm, thời gian ấy như một chiếc cầu. Ở mé cầu bên này anh gặp chị, tập xe đạp cho chị, rồi yêu nhau, cưới nhau. Bước vội và hấp tấp sang mé cầu bên kia đã phải ký đơn ly dị. "Lẽ nào cuộc đời chỉ có như thế?" Bài hát của lũ trẻ lúc này anh nghe rõ quá, chói quá nhưng không phải là lời hát mà sự chế diễu, là lưỡi dao cứa vào ruột gan anh. "Hoan hô chú bộ đội... bắn... bắn... tài ghê... tài ghê... a... a... a..." Anh đập mạnh tay xuống giường. "Người ta cử mình làm tiểu đoàn trưởng huấn luyện ở miền Bắc, mình đã từ chối. Mình đã viết đơn bằng máu để xin đi chiến trường. Mình đã tình nguyện..." Lần nữa, anh đập tay xuống giường. "Mình tình nguyện vì đất nước... ở nhà, có đứa lại tình nguyện hớp tay trên, ăn nằm với vợ mình..." Hắn là ai? Cái thằng đàn ông khốn kiếp đó là ai? Mắt anh vẫn mở trừng trừng nhìn lên mái nhà còn lồng ngực anh nóng rực bởi câu hỏi ấy.

Một bọng nước từ nóc nhà rơi đúng vào cổ anh, lạnh nhói như mũi dao đâm. Anh hốt hoảng chồm người dậy, ngơ ngác một giây mới hiểu cái

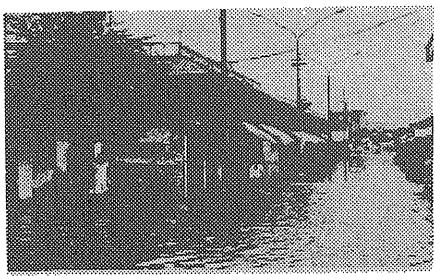

*Đường phố Hà Nội trở thành sông!*

## Bão lụt ở quê nhà

Trận bão Niki và nước lũ tràn xuống theo sông Hồng trong tuần qua mang lại những thiệt hại nặng nề nhất ở miền Bắc Việt Nam kể từ 25 năm nay. Khi theo dõi các bản tin về bão lụt, người Việt Nam ở ngoài nước cùng chia sẻ những đau buồn của người dân trong nước. Nhưng sau đó, chúng ta cần phải bàn về các chương trình cứu giúp và tương trợ.

Bản tin AP ngày thứ Hai 26 tháng Tám 1996 cho biết ở tỉnh Thanh Hóa đã có gần 400 ngư phủ chết hoặc mất tích. Mặc dù đã có tin dự báo bão Niki sắp đến, 2000 ngư phủ vẫn ra khơi, vì sinh kế bó buộc, để làm mồi cho sóng. Cũng tại Thanh Hóa, 80 ngàn người phải sống màn trời chiếu đất.

Các tỉnh bị thiệt hại nhiều nhất là miền duyên hải từ Quảng Ninh xuống Hà Tĩnh. Nhưng chung quanh Hà Nội và Vĩnh Phú, cả đến Lai Châu, Sơn La cũng bị bão, lụt tàn phá. Trong tỉnh Lai Châu có 10 ngàn người sống không nhà vì lũ lụt và đất trượt. Cũng tin AP cho biết các tỉnh phía bắc có gần 200 người mất tích và 200 ngàn người mất hết nhà cửa. Tổng số ruộng đất trồng lúa bị ngập lụt là 100 ngàn mẫu tây, số thiệt hại khoảng 68,7 triệu. Cơ quan cứu trợ của Liên Hiệp Quốc đã nhận giúp quỹ cứu trợ 400 đến 750 ngàn mỹ kim.

Một tuần lễ sau khi có tin bão lụt, một nhóm người trẻ ở khu vực Tiểu Sài Gòn đã họp nhau bàn về các phương thức cứu trợ đồng bào nạn nhân bão lụt. Nỗ lực này chắc chắn sẽ được nhiều đồng bào hưởng ứng, nhưng cũng sẽ có nhiều cuộc thảo luận về phương pháp thực hiện việc cứu trợ.

Từ lâu nay chính quyền ở Việt Nam vẫn không cho phép các đoàn thể dân chúng tự nguyện làm việc cứu trợ lẫn nhau. Kinh nghiệm cho thấy một nhóm tăng ni và Phật tử đi cứu trợ nạn nhân bão lụt ở miền Nam đã bị đưa ra tòa và kết án, chỉ vì họ không thuộc đoàn thể Phật giáo được nhà nước công nhận. Những nỗ lực của người Việt ở hải ngoại càng dễ bị nghi ngờ, quy chụp, và gây trở ngại. Tuy nhiên các đoàn thể thanh niên ở miền Nam California vẫn tiến hành công việc cứu trợ. Họ đã liên lạc với đại diện chính phủ Hà Nội ở Mỹ, và sẽ chính thức làm việc để người ở nước ngoài có thể giúp đỡ đồng bào trong nước, với điều kiện là các phẩm vật và người về nước cứu trợ sẽ tiếp xúc trực tiếp với các nạn nhân, không phải qua tay các cơ quan của nhà nước. ■

gì đã làm mình giật thót như vậy. Và cái giọt nước lạnh buốt bất chợt ấy lôi ra từ trong anh một câu hỏi mới, gay gắt: "Cô ấy chạy đi đâu?" Cũng ngay lúc đó, anh nhớ rằng, chín giờ sáng này tại bến sông xưa làng diễn ra cuộc tiễn đưa thanh niên địa phương lên đường nhập ngũ. "Đúng rồi." Anh kêu to rồi vùng dậy, chạy lao ra ngõ, quên cả mang ni lông, anh trần trụi trong cơn mưa lớn, mịt mùng trời đất.

Anh thấy chị bịn rịn đứng trước mặt người đàn ông mắt chị đỏ hoe, còn người đàn ông thì lén nhìn mọi người rồi đặt vào bàn tay chị một gói nhỏ. "Chính là hắn. Thằng Tám, đội trưởng đội một." Anh thầm kêu lên. Mặt anh tái dần. Bàn tay anh đã nắm lại thành quả đấm. Người đội trưởng sản xuất ấy và chị nhìn vào mắt nhau lưu luyến. Họ quên hết mọi người quanh mình. Họ quên cả việc giấu giếm mối tình vụng trộm của họ. Thậm chí họ cũng chẳng thèm ngó ngàng gì đến anh. Hình như họ không thấy anh tồn tại trên mặt đất này nữa. Suýt nữa thì anh đã nhảy chồm tới nếu không vì cái đập tay khá mạnh của ông bí thư Đảng ủy xã. "Hay quá, có anh Văn đây rồi." Ông bí thư đảng ủy xã nói với anh vậy rồi quay về phía anh em tân binh. "Các đồng chí. Trước khi lên đường, tôi xin giới thiệu Trung tá Trần Văn lên dặn dò các đồng chí." Thật trớ trêu cho anh. Không lẽ từ chối. Ba mươi thanh niên đang đứng trước mặt anh kia — dĩ nhiên trong số đó có cả hắn. Anh lắp bắp dặn dò, những lời phát biểu mà ngay sau đó anh không còn nhớ được câu nào. Anh đã phát biểu bao nhiêu lần? Tất cả im lặng nghe. Anh nhìn thấy chị đứng cách đấy một quãng. Anh nhìn rất rõ đôi mắt của chị. Đôi mắt ấy nhìn anh đắm đuối, vừa như khuyến khích anh, vừa như kiêu hãnh vì anh. Trước kia cũng vậy, thời anh mới yêu chị, chị cũng nhìn anh với đôi mắt ấy, tha thiết, tin cậy và hãnh diện. Có một cái gì đó làm lòng anh dịu lại. Có một tia hy vọng lóe lên làm mắt anh long lanh. Chị vẫn thế, chị chưa xa rời anh được, chị vẫn nhìn anh bằng ánh mắt nồng nàn, ánh mắt của người vợ, chứa chan hạnh phúc. Đôi mắt của chị làm anh hăng hái. Anh nói say sưa, tâm huyết. Cảm giác chán chường, uể oải, gượng gạo lúc đầu tan biến. Anh nói rất hay và chân thành. Tiếng vỗ tay rền vang cả bến sông. "Xin giới thiệu đồng chí Trần Thanh Tám, thay mặt anh em lên đường tòng quân phát biểu cảm tưởng." "Thưa các đồng chí lãnh đạo ở xã... Thưa đồng chí trung tá Trần Văn... Tôi thay mặt cho anh em, xin hứa...". Anh đứng không vững nữa. "Làm cái trò gì thế này. Mình dặn dò hắn để hắn đứng ra hứa với mình à?" Anh giận run. "Anh Văn này, thằng Tám đi bộ đội, cả xã tiếc lắm. Thằng ấy sống rất tốt, lại lao động giỏi, ai cũng yêu mến, cảm phục. Nó cứ nằng nặc đòi đi bộ đội..." Đồng chí bí thưa đảng ủy nói chuyện với anh. Còn anh thì bước giật lùi, không dám nghe. Suýt nữa anh đã hét lên. "Tốt à? Hắn hủ hóa. Hắn phá hoại hạnh phúc gia đình bộ đội mà tốt à?" Nhưng tiếng nói của Tám như một gáo nước lạnh dội vào đầu anh: "Ra đi, chúng tôi mong muốn xã nhà thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội..." Tai anh ù đặc, không còn nghe gì nữa. Anh không nhớ rõ mọi người ra về vào lúc nào. Con thuyền chở anh em tân binh đã rời bến. Trong anh dâng đầy một cảm giác trống trải. Chỉ còn một mình anh ở bến sông. Chỉ còn một mình anh thôi với bến sông hoang dại, và mưa và gió rét. Anh định quay về nhưng vừa bước được một quãng bỗng anh nhìn thấy chị đứng xa xa phía mép nước. Bốn chung quanh chị mưa giăng mù mịt. Mái tóc dài, đen óng của chị đã đẫm nước, dính bết lưng. Chiếc nón chị cầm trong tay rung rung. Những con sóng ùa vào xô tới chân chị. Mắt chị ngóng mãi phía con thuyền chở tân binh đã tít tắp gần bờ bên kia. "Thế là hết." Anh cúi đầu, nặng nề bước. "Thế là hết." Chút hy vọng cuối cùng ở trong anh đã mất. Anh định nhấc chân bỏ chạy nhưng mắt anh cứ vương vướng vào cái gì đó hằn sâu trong đất. Anh nhận ra đó là dấu chân của chị và người đàn ông kia. Hai dấu chân ấy gần quá... gần quá... hình như đang bện chặt lấy nhau, quấn quít lấy nhau. Anh co chân đá văng dấu chân ấy. Bùn đất bắn tung tóe, bay lên cao, dính bết vào mặt anh. Anh vùng chạy về làng. Người anh ướt sũng. Thân thể anh nổi da gà. Và tiếng hát. Cái tiếng hát quái quỷ, ác nghiệt kia

cứ ráo riết đuổi theo anh: "Hoan hô chú bộ đội... bắn... bắn... tài ghê... tài ghê..."

*(Trích báo Cửa Việt)*

Nghe chương trình phát thanh VNCR trên lưới:

http://kicon.com/VNCR

DALAT LANDSCAPING

Design & Maintenance

Lic. # 699783

P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683

Call: Mr PHƯƠNG

(714) 5539-1603 * (800) 200-9848

# CÂY THÔNG

## TRẦN MỘNG TÚ

Cây thông ở trước nhà Rơm, bỗng nhiên một buổi chiều nó chết. Nó làm Rơm thảng thốt, đau lòng. Tại sao nó chết? Cây thông cao 20 bộ Anh, chết từ trên ngọn chết xuống, nên mỗi ngày Rơm loay hoay ở dưới gốc mà cô nào hay nó chết, khi Rơm nhìn lên những tán lá, từng lớp vẫn xanh um, tươi tốt. Một buổi chiều khi ở trên gác nhìn ra ngoài cửa sổ, xiên về hướng Tây-Nam, Rơm mới thấy ngọn thông đã xơ xác ngả màu nâu bạc, mấy tán lá kế tiếp đã hết màu xanh, rụng hết những kim lá chỉ còn trơ lại những cành khô, như những cái xương sống cá, đã rữa hết thịt. Rơm nhìn cây thông mà lòng quặn thắt. Rơm nhớ đến hình ảnh trong cuốn phim Ngư Ông và Biển Cả, phỏng theo tiểu thuyết của Hemmingway. Cái bộ xương cá ngư ông kéo được vào bờ cũng tang thương đến thế là cùng. Chao ôi! Tại sao mà cây thông của Rơm chết? Có phải tại nó cô đơn?

Từ buổi chiều hôm ấy đến nay, Rơm gặp ai cũng hỏi — Có phải tại nó cô đơn mà nó chết không?

Có người bảo:

"Không phải thế đâu, đến lúc nó chết là nó chết."

Có người bảo:

"Không phải thế đâu, từ nhiều năm nay nó quen với cô đơn rồi."

Rơm nghe buồn bã lắm, cô gọi điện thoại đi khắp nơi, mong tìm cách cứu cây thông của mình. Từ những nhà trồng tỉa chuyên nghiệp, cho đến Sở Nông Lâm. Rơm được cắt nghĩa rõ ràng là nó khó có thể cứu được. Vì cây thông đó không phải loại thường, nó là giống quý (noble fur) nó chỉ sống thích hợp trên 2,000 bộ Anh chứ không thể sống lâu ở dưới đồng bằng hay chỗ ngang mặt nước như chỗ Rơm đang ở. Người ta chỉ nên trồng nó ở trên cao mà thôi, nếu yêu thích nó kéo nó xuống trồng ngang cùng với những loại thông mọc ở dưới thấp là đặt sai chỗ rồi. Rơm bâng khuâng tự hỏi. Hóa ra cây cỏ cũng có ngôi thứ, chiếu trên chiếu dưới hay sao?

Khi mới dọn về đây ở, Rơm thấy cây thông đẹp quá, cô đã nhìn ra cái cô đơn của nó khi phải đứng một mình. Thông thì phải mọc ở rừng, mọc thành hàng, thành nhóm, ở chung với nhau. Khi gió đến thì trò chuyện, ca hát với nhau, khi bão đến thì che chở cho nhau, khi trời quang, mây tạnh thì trầm lặng cùng nhau, mà ngay cả khi đổ ngã, khi chết thì cũng nằm lên nhau. Có thế mới hạnh phúc, mới sống lâu được.

Cây thông ở trước nhà Rơm nó ở đấy trơ trọi một mình, Rơm không biết nó được bao nhiêu tuổi. Khi Rơm về đây thì nó đã đứng đấy (đón cô) tự bao giờ. Ai đến nhà cũng khen là cây thông đẹp, nó có cái hình dáng của một cây thông Giáng Sinh, hình kim tự tháp với những lớp lá cách quãng nhau. Mỗi năm vào dịp lễ

Rơm vẫn chăng đèn màu lên vai, lên cổ nó, và nó lại được những người đi qua chân nó khen ngợi, nên cô cứ nghĩ là nó có hạnh phúc, Rơm có ngờ đâu nó chỉ làm cái công việc mang hạnh phúc đến cho người khác chứ không phải cho chính nó. Chắc lúc nó bị chăng đèn kết hoa lại là lúc nó cô đơn nhất. Chao ôi! Nghĩ đến vì cô đơn mà nó chết làm cô quặn lòng. Rơm cứ nghĩ một cách giản dị là ở hai bên gốc nó có cây Sơn Lựu, bụi Dạ Lý Hương là nó có bạn rồi, lại còn hoa Hồng, hoa Thược Dược, hoa Dương Tú Cầu, hoa Mẫu Đơn nở theo mùa ở ngay mảnh vườn nhỏ bên cạnh, mà sao nó không nghiêng mình xuống làm thân. Có phải nó nhớ cái màu xanh thuần nhất, cái tiếng reo êm ả, thanh tịnh của cả khu rừng mà đem lòng dửng dưng với những màu vàng, màu đỏ xa xỉ bên dưới chân nó không? Hay là nó tự biết mình là một loại thông đặc biệt phải sống ở trên cao nên nó đã từ chối đời sống ở một nơi quá thấp? Hay nó đã cố gắng bằng tất cả khả năng của nó để hòa đồng vào đám cỏ nội, hoa vườn đến giọt nhựa tinh túy cuối cùng nhưng cái nhãn hiệu nó mang trên mình đã kéo nó vào một cõi cô đơn?

*— Mặt trời cũng cô đơn, trừ khi ở trong hồ nước đọng, lúc đó mặt trời mới có hai, nhưng một cái thực sự chỉ là cái quầng của mặt trời. Thượng Đế cũng cô đơn, chỉ có quỷ sứ thì không, vì lúc nào nó cũng kiếm được người đồng hội đồng thuyền, quỷ thì hằng hà sa số. Tôi cô đơn nào có hơn gì một đóa Bồ Công Anh mọc lẻ loi trên cánh đồng cỏ dành cho trâu bò, một vì sao Bắc Đẩu mọc một mình, một ngọn gió Nam, một cơn mưa rào tháng Tư, như con nhện đầu tiên trong ngôi nhà mới. (1)*

Cây thông của Rơm có phải là thi sĩ không? Trước khi chết nó có làm thơ như Rơm hay viết văn, như Henry Thoreau không? Nó có kêu lên thảng thốt

*Tôi vào rừng, bởi vì tôi muốn tự chọn một đời sống thật, chỉ đối diện với những thực chất cần thiết của đời sống. (2)*

Khi Rơm đi qua một cánh rừng, có những hàng thông bị đốn xuống để lấy gỗ, hồn cô bao giờ cũng bị bào ra từng sợi nhỏ, cô biết trên cánh rừng đó mặt đất lúc nào cũng ẩm ướt vì nước mắt của thông, và tiếng reo u tịch như tiếng ngân của những hồi chuông báo tử đó thì râm ran trong lồng ngực của cô năm này sang tháng khác. Vậy thì rừng cũng đâu có nhất thiết là nơi an toàn cho cây thông cô đơn của cô. Nhưng đã là thông thì phải sống, phải chết ở rừng. Nó cần được con sóc tin cẩn đến ngủ dưới chân, con chim tha những cọng thời gian rắc trên cánh tay, nó phải được chia sẻ tiếng suối róc rách, tiếng gió nghẹn ngào. Và nếu bị đốn cây, cháy rừng thì nó phải được cùng đau đớn cùng hỏa táng, những tro bụi của đồng chủng nó phải được trộn lẫn trong nhau.

Cây thông trước nhà Rơm tội nghiệp quá, chung quanh nó là những ngôi nhà được giữ gìn đẹp đẽ một cách khô khan. Màu sơn không được tróc, cỏ phải cắt tỉa gọn gàng, những chiếc lá rơi trên lối đi phải được thu dọn ngay, những con vịt ngoài hồ có tìm đến mon men dưới chân nó thì Rơm cũng không được tự do (Rơm có đem lén) đem đồ ăn ra cho chúng để giữ bạn cho thông, vì hàng xóm không muốn cô khuyến khích chúng lang thang tìm ăn sang cả khu vườn của họ. Ngay cả đến chút bụi phấn vàng thông muốn gửi gấm trên mái nhà thì vào mùa Hè cũng bị rửa sạch để bảo vệ cho cái mái khỏi bị hư. Rồi mấy lúc sau này thị trấn được mở mang, phố chợ mọc ra như nấm, ngựa xe náo nhiệt hẳn lên. Tiếng máy xe từ ngoài xa lộ đưa vào trong xóm át cả tiếng thì thầm của thông mỗi khi gió thoảng. Thông ngơ ngác nhìn quanh, lắng nghe bằng cả trái tim mình cũng không nghe được vọng âm nào đáp lại.

Như vậy thì cây thông đó có lạc lõng ngay tại chỗ nó đang sống, đang thở, trách gì mà nó chẳng cô đơn — *Thông đã sống cái đời của một thi sĩ.* Khi Rơm chăng đèn, kết hoa lên cổ, lên vai nó là lúc nó cô đơn nhất, có khác gì thi sĩ được người ta khen ngợi trong ngày ra mắt tác phẩm. Những lời khen lấp lánh trên vai áo người làm thơ là cho độc giả ngắm nghía, độc giả hạnh phúc, còn tác giả thì giữ riêng cho mình những ngậm ngùi lắng xuống ở đáy bài thơ. *Khi thi sĩ khóc bằng thơ sẽ được độc giả vỗ tay cho những giọt lệ.* Ngay cả lúc gặp gỡ riêng với bạn thân, thi sĩ cũng tự hỏi — liệu những lời thơ như bụi phấn thông vàng kia bạn mình sẽ giữ hộ được bao lâu hay là đến một lúc nào đó cũng phải phủi xuống để duy trì cái mái? Chao ôi là tội nghiệp!

*Thi sĩ à? Choàng cho hắn một vòng nguyệt quế, rồi đuổi ra ngoài thành phố.* (3)

Cây thông trước cửa nhà Rơm trước khi chết nó có kiêu hãnh với nỗi cô đơn của nó? Và người làm thơ có kiêu hãnh với những vết thương của mình không? Thôi, Rơm không muốn nghĩ nữa.

Khi Rơm đi làm về thì cây thông đã được đốn mang đi cả gốc lẫn ngọn, mặt đất đã được lấp lại, ngay chỗ gốc thông đứng cũ, đất hơi lõm xuống một chút. Rơm đứng nhìn cái vòng tròn buồn bã đó một lúc, rồi lặng lẽ đi vào trong nhà tìm chai rượu nếp than, cô rót một chung nhỏ đem ra, Rơm cầm chung rượu ngang mày như một lời mời, cô ghé môi nhấp một chút, rồi rót cả chung rượu còn lại xuống cái vòng tròn.■

*Issaquah, tháng Bảy 1996*

(1) Solitude — Henry Thoreau
(2) Where I lived — Henry Thoreau
(3) Ngạn ngữ Ý

# NGÀY MAI TRỜI SÁNG

## THANH TRÚC

"Trời đất ơi! Con với cái!"

Tiếng gào la của má ở ngoài phòng khách làm cho Hương chợt lo, không hiểu chuyện gì sẽ xảy đến cho mình?

"Hương, ra biểu coi."

Hương lo sợ vội chạy ra:

"Dạ, má gọi con?"

"Đồ con gái hư thúi! Mới bây lớn mà bày đặt trai gái, thư từ."

Vừa nói Má vừa cầm thư của Nghĩa, bạn trai mà Hương mới quen, dí vào mặt Hương. Ánh mắt của Má tóe lửa, miệng không ngớt tuôn ra những từ xỉ vả tồi tệ nhất. Hương im lặng nhìn má, cô không nghĩ đây là mẹ của mình, vì giữa Hương và má luôn luôn có một hố sâu thăm thẳm. Có đôi lúc cô nghĩ có lẽ mình là con riêng của ba vì Hương rất giống ba, má là "mẹ ghẻ," hay có lúc Hương nghĩ mình là "con nuôi" vì Hương không thể hiểu trên cõi đời này lại có những người mẹ không thương đứa con mà mình mang nặng đẻ đau, chín tháng cưu mang. Vô lý thật!

Hơn nữa Hương đã học ở trường bao nhiêu hình ảnh mẹ hiền, mẹ hy sinh, bảo bọc cho con. Chung quanh, bạn bè cô có những người mẹ hiền lành, dịu dàng làm cho Hương thèm thuồng mơ ước. Bên cạnh đó ba giữ vẻ mặt thản nhiên, không tham gia, dửng dưng như Hương là người xa lạ.

"Nè con kia. Cái mặt cứ lầm lầm lì lì. Mày có nghe tao không? Trả lời cho tao biết coi thằng này là ai? Và mày phải chấm dứt liên lạc với nó ngay tức khắc không thì đừng trách tao."

Năm nay Hương đã hai mươi tuổi, đã vào Đại học. Nghĩa chỉ là một người bạn trai mà Hương quen trong thời gian đi làm hè. Thế thôi. Hương không hiểu sao hễ có bạn trai là hư thúi. Lời mắng chửi tồi tệ của má kèm theo vẻ mặt đằng đằng sát khí làm cho Hương có cảm tưởng như má khám phá ra mình làm "đĩ" không bằng. Hương hoàn toàn không hiểu nổi suy nghĩ của má.

"Điếc hả con?"

Một cái tát tai nảy lửa của má giáng mạnh vào mặt Hương làm cho Hương choáng váng mặt mày, đưa cô trở về với thực tại. Trời đất ơi, người đàn bà với vẻ mặt hung dữ kia, người đàn ông ngồi im lặng, cầu an một cách hèn nhát kia, là cha mẹ của mình đây sao?

"Cầm rồi hả? Mày có bằng lòng chấm dứt liên lạc với thằng này không? Phải lo học lấy cho xong cái bằng Dược sĩ cho tao."

"Dạ, má để cho con từ từ. Vả lại con nghĩ ở tuổi con, có bạn trai không phải là một cái tội."

"Đồ lì lợm. Đồ con gái hư."

Tiếp theo là những lần roi quất túi bụi vào người Hương kèm theo những lời mắng chửi tồi tệ nhất. Những trận đòn đôi khi vô cớ rất thường xảy đến cho Hương ngay khi cô còn bé, cho nên cô đã quen và không còn cảm giác đau đớn về thể xác, mà nỗi đau trong tâm hồn lớn dần theo thời gian. Là con gái duy nhất của ba má, tại sao má cứ coi Hương như kẻ thù. Ba thì vì "nể" má và vì muốn được yên thân nên gần như bất lực. Cái đau thể xác Hương đã quen nên cô đứng im không tránh né, không một giọt nước mắt. Có đôi lúc Hương nghĩ nếu má đánh cho mình chết đi thì có lẽ đó là sự "giải thoát" cho má và Hương. Mỗi lần Hương im lặng chịu đựng như thế lại càng làm cho má tức điên người, tay má run bần bật, mặt xanh lè, má nằm xuống thở mệt nhọc vì đã phí sức để "tra tấn" con mình.

Lúc đó Hương hiểu là màn "tra tấn" đã chấm dứt, Hương bắt gặp ánh mắt của ba thật buồn bã nhìn len lén Hương như người tội phạm. Hương trở về phòng, nhìn màn đêm dần buông xuống, mệt mỏi vì vẫn không tìm ra được động cơ nào đã làm cho má ghét bỏ đứa con gái duy nhất. Theo lời ngoại kể: Hương là "đứa con không chờ đợi" của ba má! Cũng theo lời ngoại, má có thai Hương lúc còn là sinh viên trường Dược, do đó má phải gián đoạn chuyện học. Để má tiếp tục cuộc đời sinh viên và thực hiện giấc mơ trở thành dược sĩ, ngoại đã lãnh nuôi Hương ngay

khi cô chỉ vừa được đầy tháng. Hương được ngoại nuôi dưỡng chăm lo, Hương lớn lên trên đất nước còn chiến tranh và nghèo khổ. Ngoại thì ngày một già yếu. Lúc nhỏ Hương tưởng ngoại là mẹ của Hương, tình thương ngoại cho Hương thật đầy đủ, bao la, Hương từ chối gọi ngoại bằng ngoại, thỉnh thoảng không hiểu vì quên hay vì cố tình Hương cứ gọi ngoại bằng má.

Trong thời gian đó, ở lại Pháp, má được rảnh rang tiếp tục đi học, ba đi làm việc nuôi má, tuy nhiên má cứ bịnh liên miên và mộng má không bao giờ thành, má bị xuống tinh thần, có thời gian thật dài phải nằm nhà thương, do đó có lẽ trong tiềm thức, sự thất bại của má, má nghĩ Hương là "thủ phạm" mà không chịu nhận thức sự thiếu khả năng của mình. Cuối cùng, khi Hương được mười hai tuổi, cô phải lìa ngoại để lên máy bay sang Pháp ở lại với ba má.

Sau thời gian dài xa cách, gặp lại ba má mà Hương tưởng chừng là hai người lạ. Hương từ chối gọi má bằng má vì không quen, lại nữa tình cảm má dành cho Hương không phải là thứ tình mẫu tử. Do đó giữa Hương và ba má luôn luôn có một khoảng cách. Khi gặp lại thì trước mắt Hương má là một người đàn bà không công rỗi việc, má đã không thể tiếp tục học, lại không muốn đi làm việc vì má chỉ muốn mình là Dược sĩ. Đối với ba, má không có chút cố gắng nào của người đàn bà có chồng, nhà cửa không dọn dẹp, bếp núc thì bữa mặn bữa lạt; trước mặt ba, má luôn luôn đóng vai của một người bịnh dù má ăn rất khỏe, ngày càng phì nộn. Từ đó lại đâm ra mặc cảm, tất cả sự tức tối gần như má đổ dồn vào Hương vì càng lớn Hương càng đẹp, lại học thật giỏi.

Hương là hình ảnh, là giấc mơ của má, có lẽ vì vậy mà Hương trở thành "kẻ thù" là "thủ phạm " cho sự thất bại của má chăng? Còn ba thì vẫn đóng vai trò người chồng mẫu mực, lo làm việc kiếm tiền lo cho má cuộc sống sung túc, chịu đựng và đôi lúc "nể" má quá độ. Hương nghĩ có lẽ là ba cũng thương mình nhưng tình thương có vẻ lén lút, giấu giếm, như thỉnh thoảng ba lén mua quà cho Hương và bảo đừng cho má biết. Hương nghĩ sở dĩ mình sống được cho đến ngày có bằng Tú tài cũng một phần chịu ảnh hưởng tánh của ba, là quen chịu đựng. Sau khi vào Đại học, Hương bắt đầu đi làm việc vào những tháng Hè để có chút tiền riêng và chi phí cho nhu cầu cá nhân và cũng từ đó cô gặp và quen với Nghĩa.

Nghĩa là một thanh niên hiền lành, dễ mến, giản dị dù không phải là mẫu người mà Hương mơ ước. Tuy nhiên Nghĩa đến đúng lúc và lấp đầy khoảng trống trong tâm hồn của Hương, đang khao khát sự thương yêu, chia sẻ. Nghĩa không là loại thanh niên lý tưởng trong ước mơ của các cô gái, vì Nghĩa rất chơn chất, có đôi lúc thiếu những lời nói tình tứ, hay chăm sóc, thăm hỏi. Dù vậy, Hương như một người lạc trong sa mạc, chỉ một giọt nước mát cũng giúp cho cô hồi sinh.

*

Ánh sáng lọt qua khe cửa, tiếng động bên ngoài làm cho Hương giật mình tỉnh giấc. Một đêm dài đã qua, mặt trời lại trở về với vạn vật. Mỗi ngày nhìn mặt trời lên cao, Hương cứ mơ và thầm nghĩ: "Ngày mai trời lại sáng" và biết chừng đâu ngày nào đó Hương sẽ tìm lại được tình thương của Má, là tình thương mà bất cứ ai trên thế gian này cũng cần làm điểm tựa để sống. Hương vẫn mơ và nhờ những giấc mơ đó mà Hương đã lớn lên trong sự hụt hẫng tình thương.■

*Paris 1990*

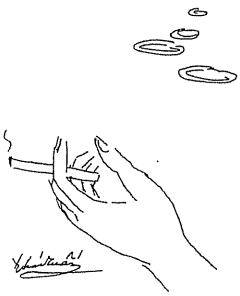

TRẦN THIỆN HIỆP

# TRẦN THIẾT

**Vách đời trần thiết bóng tôi**
**Tim em trần thiết luân hồi bóng ai**
**Canh năm trời nở sao mai**
**Tôi và nhật nguyệt nối dài bước chung**
**Hoang mang bờ bãi thất tung**
**Mà sao rõ tiếng sóng trùng dương rơi**
**Vòng quay nửa trục đã đời**
**Tôi còn nửa trục máng đời với thơ**
**Và em, tôi giấc hoang sơ**
**Và tôi, em ngủ mộng bờ liễu dương**
**Hồ yên trần thiết cành sương**
**Tim tôi trần thiết hoang đường bóng em.**

# CHUYỆN NHÀ

*Đêm nghe tiếng ếch kêu tai*
*Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi đò*
***Trần Tế Xương***

## VÕ DOÃN NHẪN

Vậy mà đã năm năm trôi qua. Năm năm trên đất Mỹ, miền nam Cali. Năm năm, kể từ ngày gia đình ông Nhã lìa bỏ quê hương để làm công việc tái định cư trên vùng đất rất tự do này. Thời gian ấy đủ để những người trong gia đình, trừ ông Nhã, thực hiện ước mơ trở thành công dân Hiệp Chủng Quốc. Đầu tiên là những đứa con, chúng "âm thầm" nộp đơn, sau đó đi thi, rồi được phỏng vấn và giờ đây chờ ngày tuyên thệ. Thực tình ông Nhã không biết khi tuyên thệ, những công dân mới có phải giơ tay tuyên thệ trung thành với nước Mỹ hay không. Nói là "âm thầm" vì mấy người con không báo trước cho cha mẹ chúng biết. Có lẽ chúng nghĩ không cần thông báo, lại càng không cần xin phép. Thường người ta đổi tên khi xin nhập quốc tịch mới. Nam thì Robert, John, David, Edward, nữ thì Theresa, Lisa, Rosa, Jacqueline... Nếu được thì người ta đổi sang một tên đọc và viết na ná tên cũ. Tôn thành Tony, Dân thành Dan, Dung thành June, Trung thành Jung, vân vân. Mấy con ông Nhã cũng đổi tên; tên gì, ông biết hơi muộn. Vì vậy có lần khi điện thoại reo, ông Nhã nhấc ống nghe, đầu dây đàng kia một giọng Mỹ lơ lớ:

"Is Tom there?"

Ông Nhã đã trả lời:

"I'm sorry but I don't know who Tom is."

Sau khi gác máy, ông Nhã thắc mắc: Tom là ai nhỉ? Ờ, biết đâu chẳng phải tên mới của con trai ông, Du. Chiều, trong bữa cơm gia đình, ông Nhã kể lại sự việc và vỡ lẽ: Tom là tên mới của con ông thực. Nhân đó ông cũng biết thêm tên mới của hai cô con gái là Martha và Irene. Ông hơi buồn khi hồi tưởng mấy mươi năm trước, mỗi lần bà Cầm, vợ ông, sinh cho ông một đứa con, ông đã cẩn thận lựa chọn, nhiều lúc phải tra cứu ý nghĩa của chữ trong sách vở. Ông không chọn tên xấu, mặc dù ông từng nghe các cụ quả quyết rằng những đứa bé có được một cái tên xấu — như tên các bộ phận sinh dục hoặc tên những chất bài tiết — sẽ dễ nuôi, ăn chơi chóng lớn; được vậy là vì ma quỷ chê, không phá, không "bắt." Ma quỷ đã chê thì ông Nhã không thể khen được. Ông cũng không chọn cho con ông những cái tên nghe thường quá, như là Tý, Sửu, Dần, Mẹo. "Thường" là "thường" theo ông, một người rất tối tăm về ý nghĩa của chữ Hán, ông vẫn thành thực công nhận như vậy. Hơn nữa ông chưa quên được câu chuyện xảy ra trong lớp khi ông còn học tiểu học.

Cách nay khoảng năm mươi năm, thằng bé Nhã cùng với một tên bạn được chuyển từ trường làng lên trường tỉnh để học nốt các lớp cuối bậc tiểu học. Buổi học đầu tiên, thầy giáo chỉ vào bạn của Nhã:

"Trò tên là gì?"

Bạn đứng dậy, khoanh tay lễ phép thưa:

"Dạ, con tên là Wuần."

Thầy hơi cau mặt:

"Wuần? Wuần là cái gì? Đánh vần ra coi!"

"Dạ, Q... u... ă... n... huyền."

"À, Quần. Nhưng Quần không có nghĩa gì cả."

Thầy đi tới đi lui, cây thước bảng trên tay, nét mặt đăm chiêu, suy nghĩ. Quần tiếp tục đứng khoanh tay, cả lớp im lặng, ruồi bay cũng nghe. Sau một phút, thầy quyết định:

"Quần, trò về thưa lại với cha trò là tôi đổi tên trò là Quảng. Quảng là rộng, còn Quần không có nghĩa gì cả."

"Thưa thầy, ông nội con chớ không phải cha con đặt tên cho con."

"Thì về thưa với ông và cả cha trò luôn. Ngồi xuống đi."

Ngày hôm sau, trước khi thầy giáo giảng bài, Quần trình lên thầy một phong bì làm bằng giấy vở học trò, dán kín, nói là thư ông nội gửi thầy. Thầy bóc ra xem ngay thì thấy một tờ giấy toàn chữ Hán. Thầy trở đầu lá thư, nghiêng qua, lật lại mà không đọc. Đoạn, thầy xếp tờ thư, bỏ lại vào phong bì, không nói một lời.

Hai ngày sau, trước giờ tan trường, thầy trao Quần một phong thư, bảo về trao cho ông nội. Rồi thầy... tâm sự với lớp:

"Thực ra 'Woằn' không phải là 'Quần' mà là 'Hoằng.' 'Hoằng' có một ý nghĩa rất tốt, rất hay. Ông nội của trò Hoằng cho biết chính ông cụ đã chọn tên đó cho Hoằng, chính ông cụ thân hành đến nhà ông hương hộ làm khai sinh cho thằng

cháu đích tôn. Tiếc rằng ông hương bộ không rành chữ Hán nên viết ra chữ quốc ngữ là 'Quần' và cũng tiếc rằng ông nội của Hoằng không đọc được chữ quốc ngữ nên không biết ông hương bộ viết cái gì trong tờ khai sinh."

Thầy cho biết thầy đã viết thư xin lỗi ông cụ, nhìn nhận thầy dốt Hán văn lắm. (Nhưng thầy không tâm sự với đám môn sinh hỉ mũi chưa sạch là thầy có đọc được bức thư ông nội của Hoằng gửi thầy không, hay là thầy phải tìm người phiên dịch giùm).

Nhưng ông Nhã cũng không dám chọn cho các con những cái tên "kêu" quá. Làm sao ông có đủ can đảm chọn những tên Quốc Sắc, Thiên Hương, Thiên Tài, Ái Quốc, Thành Danh: ông sợ các con ông không xứng đáng mang những tên ấy. Rốt cuộc, ông Nhã chỉ chọn cho con những cái tên khá đẹp và... nhã! Ông đưa những tên đó ra trưng cầu ý kiến vợ trước khi ông đi làm giấy khai sinh. Bây giờ thì các con ông tự động thay tên — may là không đổi họ — mà không hề thưa với ông một lời. Ông nói điều ấy với ba đứa. Một đứa nói:

"Con thấy thực ra cái tên có quan trọng gì đâu? Kiến thức, bằng cấp, nghề nghiệp, địa vị xã hội mới đáng kể chớ."

Ông Nhã dạy con:

"Sao lại không quan trọng? Ngay cả đối với sự vật, tên của nó cũng có một ý nghĩa. Nó gợi lên trong ta những tâm tình, cảm xúc, dù rất chủ quan. Vì vậy việc đổi tên một sự vật, như tên một con đường, tên một thành phố có thể làm ta đau đớn, bàng hoàng. Con không có cảm giác buồn vui gì khi thấy con đường Duy Tân, con đường rất đẹp lượn quanh bờ biển Nha Trang 'được' người ta đổi tên là đường Trần Phú? Con có biết người miền nam xúc động biết bao khi nghe tin thủ đô Sài Gòn 'được' đổi tên không? Đổi tên, trong nhiều trường hợp đồng nghĩa với mất tên. Một nhạc sĩ đã nói lên điều ấy khi ông viết: 'Sài Gòn ơi! Ta mất người như người đã mất tên'.

"Tên một người còn quan trọng và ý nghĩa hơn nữa. Nếu nói như chúng mày thì giả dụ ba mẹ đặt tên chúng mày thằng Cu, cái Hĩm, thằng Cứt, con Ỉa, liệu chúng mày có oán hận ba mẹ và xin 'điều chỉnh' lại mấy cái tên đó không? Ba chưa nói đến trường hợp cái tên là một sự mỉa mai, chỉ làm khổ người mang nó. Con đen đủi như than mà đặt tên Tuyết, người thấp lè tè được gọi là ông Cao; một thiếu nữ có nhan sắc Chung Vô Diệm mang tên là Đẹp."

Nhận định của người cha làm mấy đứa con lắm mồm im tiếng, chỉ biết cười trừ.

Còn vợ ông Nhã thì sao? Hai ông bà cũng có những... trao đổi quan điểm về vấn đề nhập tịch, tuy không ồn ào sôi nổi gay cấn. Bà Cầm, vợ ông Nhã, bận bịu suốt ngày. Bà vừa đi may, có khi may ở nhà, có khi may ở tiệm, vừa đi học, vừa làm bếp. Vốn ham việc nên từ ngày qua Mỹ, bà càng ít khi rỗi rảnh. Những lúc ngồi may ở nhà, bà lẩm nhẩm học bài ở lớp hoặc bài luyện thi nhập quốc tịch. Thấy chồng không quan tâm chuyện nhập tịch, một chuyện rất ư là quan trọng dưới mắt nhiều người Việt hải ngoại, bà Cầm hỏi:

"Người ta nộp đơn xin vô quốc tịch Mỹ rầm rầm kia. Bộ ông không xin vô sao?"

Người chồng điềm đạm một cách rất thờ ơ:

"Chắc không quá!"

"Ông không dứt khoát gì cả. Hoặc là có, hoặc là không, sao lại 'chắc không'? Lúc nào ông cũng làm ra vẻ hoài nghi, hoài nghi cả chính ông."

Ông Nhã vẫn từ tốn một cách hờ hững:

"Tôi không thể dứt khoát vì tôi đâu biết ngày mai cuộc đời tôi sẽ ra sao. Tôi phải chừa cho tôi một lối thoát chớ. Còn hiện giờ thì tôi không muốn nhập quốc tịch Mỹ một chút nào. Bà muốn vô thì cứ việc xin."

Bà Cầm giải thích quan điểm của mình:

"Sở dĩ tôi phải xin nhập tịch Mỹ vì tôi muốn bảo lãnh con mình, thằng Lý, biết đến bao giờ con nó mới được đoàn tụ gia đình đây?"

Rồi bà trầm giọng, như thể đang trở về quá khứ, như thể đang nói với đứa con ở xa, "khúc ruột ngoài ngàn dặm":

"Ngày trước con nó còn nông nổi, suy không sâu, nghĩ không tới, cãi lời cha mẹ, khăng khăng nhất quyết ở lại Việt Nam. Ông cũng thấy tôi đã khuyên bảo, năn nỉ, khẩn cầu, van xin nó như thế nào. Tôi đã hết nước mắt vì nó. Nhưng mà ai cũng có ít nhất một lần lầm lẫn trong đời. Bây giờ con đã đổi ý, chịu qua đây, mình cũng nên mừng."

"Tôi mừng lắm chớ. Tôi cũng đâu cấm cản

bà bảo lãnh con qua đây. Nhưng bà không nhớ là thằng Lý đã lại thay đổi ý định của nó một lần nữa sao? Nó đã chẳng viết thư cho mình biết nó không còn muốn qua Mỹ nữa và muốn có vợ bên đó là gì? Ôi, cái thằng! Thay đổi ý định như thay áo! Vả theo tôi, thằng Lý quyết định sống ở Việt Nam mà lại hay. Nó có lý do chủ quan để từ khước cuộc sống ở Mỹ, một cuộc sống cam go, xô bồ, siêu tốc độ. Không chắc nó qua đây sẽ sung sướng hạnh phúc đâu."

Im lặng trong chốc lát để mặc nhiên công nhận lời chồng là đúng, bà vợ tiếp tục trần tình:

"Tôi già và cũng yếu lắm rồi! Rồi không biết tôi còn đi làm kiếm tiền được bao lâu nữa. Tôi xin nhập tịch Mỹ để đến tuổi sáu mươi lăm được hưởng tiền già, khỏi nhờ vả con cái, phiền chúng nó. Nhiều người cho tôi biết chỉ trong vài năm nữa, hạng di dân thường trú như mình hiện nay sẽ không nằm trong diện được hưởng tiền già. Phải là những người đã có quốc tịch Mỹ kia. Tôi nghĩ ông nên nộp đơn xin vô bây giờ là vừa. Mà việc nhập tịch Mỹ có làm mình mất gốc Việt đâu. Mình vẫn là người Việt trăm phần trăm mà. Mất gốc hay không tùy thái độ sống của mình. Ông không thấy đồng bào mình qua đây sao? Nhiều người qua trước mình hai mươi, ba mươi năm, hoặc hơn nữa nhưng vẫn giữ được truyền thống. Khối người vào quốc tịch Mỹ từ khuya nhưng không có vẻ gì mất gốc. Hằng năm họ vẫn tổ chức hội chợ Tết, ngày Xuân dân tộc, giỗ tổ Hùng Vương, kỷ niệm ngày quốc hận, mở lớp dạy tiếng Việt để bảo tồn văn hóa, dạy Việt sử để con em tự hào nguồn gốc tổ tiên Hồng Lạc. Những ngày lễ dân tộc, tôi thấy nhiều người vẫn còn vận quốc phục. Các ông vẫn khăn đóng, áo dài xanh, dài đen, chân đi giày hạ... Ấy là chưa kể bao nhiêu sinh hoạt văn nghệ đầy màu sắc dân tộc khác nữa..."

Ông Nhã buột miệng:

"Đầy màu sắc dân tộc khác?"

Bà Cầm cau mày, lộ vẻ bất bình:

"Ông đừng xuyên tạc câu tôi nói. Hay là ông muốn đem chữ nghĩa ra bắt bẻ tôi?"

Ông Nhã chưa kịp thanh minh, bà Cầm đã phản công:

"Nhưng tại sao ông không chịu nhập tịch Mỹ? Bộ ông muốn ôm cái Việt tịch của ông để làm người yêu nước chân chính?"

Ông Nhã nhìn người bạn trăm năm, người bạn đời đã chung sống hơn ba mươi năm, cô láng giềng của ông những ngày thơ ấu. Ông cảm thấy thấm thía một nỗi cô đơn, buồn bã. Lời bà Cầm tuy mỉa mai chua chát nhưng không phải không có phần đúng. Có lẽ ông đã lập dị như vợ ông nhận định về ông, khi ông không chịu hành xử theo đa số trong vài trường hợp. Khôn ngoan thì hãy làm như mọi người. Il faut faire comme tout le monde. Đã nhiều lần ông không tỏ ra khôn ngoan. Ông nhìn nhận vợ ông có cái nhìn thực tế hơn ông. Bà cho biết sau khi nhập tịch Mỹ, quyền lợi hình như không ít. Trước mắt là mỗi lần về Việt Nam, khỏi phải xin giấy phép tái nhập cảnh, vừa khỏi tốn tiền vừa đỡ mất thì giờ. Rồi về Việt Nam mà mang quốc tịch Mỹ thì yên tâm hơn vì nghĩ rằng nếu có gì phiền hà rắc rối, tòa đại sứ Mỹ ở Hà Nội sẽ tích cực can thiệp. Về lâu về dài là có được tiền già. Tự thâm tâm, ông Nhã cũng tin được vài điều.

Về cái chuyện nhập tịch Mỹ để ngày sau được trợ cấp tiền già, ông Nhã lẩn thẩn nói với bà Cầm rằng:

"Tại sao mình là người Việt trăm phần trăm lại bắt chính phủ Mỹ phải nuôi mình nhỉ? Khi khăn gói qua đây, mình đã mang theo một gánh nặng vào đất nước này. Bao nhiêu gia đình là

ĐẶNG HIỀN

# MƯỢN HOA CÚNG PHẬT

**Hãy bỏ đi những bài nịnh bợ**
**Ở cuốn sách, cuốn thơ**
**Nói về tình yêu, tình người, tình ngợm**

**Hãy chặt hết những dây leo**
**Bám vào tác phẩm người khác để sống**
**Loại ký sinh trùng thời đại**
**Như thằng không biết uống rượu làm thơ say**

**Bạn không hiểu**
**Hay không muốn hiểu**
**Một vài điều ti tiện**
**Chuyên trò "mượn hoa cúng Phật"**

**Hãy uống hai viên thuốc nhức đầu**
**Trùm chăn**
**Ngủ...**

*Cali 19-8-96*

bấy nhiêu ga nh nặng. Ngươ i Mỹ đã lo cho mình ngay tư buổi đầu, không nhiều thì ít. Họ cho mình ở trên đất họ, cho mình thở không khí tự do của bầu trơ i họ, vậy la quy , la tốt rồi. Nhưng về lâu về da i, mình phải tự lo. Ngươ i Mỹ đâu co nợ gì mình ma bắt họ phải nuôi khi mình gia ? Cha ng lẽ no i kiếp trươ c họ mắc nợ, kiếp na y phải trả? Tôi nghĩ kẻ co bổn phận nuôi mình khi gia trươ c hết, chính la con mình. Về ly cũng như về tình. Tôi không muốn giải thích da i do ng vì sợ bị hiểu lầm tôi đang la m công việc kể lể công ơn cha mẹ, tuy rằng ba i học la m ngươ i na o cũng phải được giải thích, da i do ng nếu cần. Khi cha mẹ gia yếu không đủ sư c la m ra tiền nữa va con ca i đã khôn lơ n thì con ca i co bổn phận nuôi dưỡng cha mẹ. Tôi thấy đo la điều hợp vơ i tinh thần Á Đông va cũng rất tự nhiên, va cha ng lẽ định nhơ chính phủ Mỹ nuôi mình thì... tự nhiên hơn la để con ca i mình nuôi? Sao ta không tạo điều kiện để con ca i ba o hiếu, bởi đo la niềm vui của chu ng? Ba nghĩ sao trong lu c ba sốt sắng hô ha o cổ xu y bảo vệ truyền thống dân tộc, ba lại không muốn ca c con chu toa n bổn phận la m con? Cũng đư ng tra ch con ca i không hiếu thảo trong khi chính ta không muốn chu ng ba o hiếu...

"Vư a rồi tôi co no i tôi chư a cho tôi một lối thoa t vì thực tình tôi không biết ca c con co vui lo ng ba o hiếu không, co sẵn sa ng nuôi mình khi gia yếu không. Tôi không da m dư t khoa t tư khươ c việc xin nhập tịch Mỹ vì lẽ ấy. Nếu sau na y cha ng co đư a na o chịu nuôi mình, lu c đo tôi đa nh phải nộp đơn xin được la m công dân Mỹ quốc."

Ba Cầm chỉ biết lắc đầu:

"Thôi đi ông ơi! Ga n vư a thôi!"

Ông Nhã ngồi im, ông không muốn no i vơ i ba Cầm điều ông suy nghĩ miên man sau đo . Ông nghĩ đến một ba i học luân ly trong sa ch Quốc Văn Gia o Khoa Thư nga y ông co n nhỏ:"Ông Tử Lộ xưa nha nghe o, phải đi đội gạo kiếm tiền nuôi cha mẹ. Vậy ma trong bụng lu c na o ông cũng vui vẻ... Đến khi ông la m quan thì cha mẹ khuất nu i cả. Ông thươ ng pha n na n tiếc rằng: không co n cha mẹ để đi đội gạo lấy tiền về nuôi nấng như xưa kia."

Ba i học luân ly ấy, nga y nay, trên đất nươ c ngươ i, chắc đã trở nên lạ lu ng, cổ lỗ, lỗi thơ i.■

*Santee, Hạ 1996*

HỒNG KHẮC KIM MAI

# HIU HẮT ĐUÔI MẮT CỦA NGƯỜI

*Tặng Hoàng Cầm và Đặng Tiến*

**Ta trở về**
**Hồn xuôi bóng quế**
**Nguyệt tà lung**

**Gió ru rặng tre**
**Ngơ ngác rừng thu sau hè**
**Sớm khuya**
**Mưa nắng rả rích**
**Sợi cỏ vàng om bóng vạc**
**Nỗi lòng tầm vông**
**Nhầy nhụa qua sông**
**Hôm nay hay đêm qua?**

**Ta vẫn biết**
**Tự ta gieo trồng**
**Cây đớn đau trên gành ráng cô đơn**
**Đồng lúa chiêm nở tròn**
**Hạt lệ cao sơn**
**Giọt lệ thi nhân**
**Dăm buổi héo hon trông đuôi mắt**
**Xanh lơ giận hờn**
**Ta đi**
**Trên hai bờ đê trong bến mê**
**Bến cửa tim ta**
**Những nhát buồn**

# KHÁCH TRONG THÁNG ĐẾN THẾ KỶ 21

Trong tháng qua một số thân hữu, văn hữu từ xa đã đến thăm tòa soạn *Thế Kỷ 21*:

• Nhà báo **Võ Long Triều**, chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ *Tiếng Gọi Dân Tộc* xuất bản ở Paris, nhân dịp đến thăm Cali, đã gặp gỡ chuyện trò với nhiều bằng hữu và người ái mộ, trong buổi sinh hoạt tại tòa báo *Thế Kỷ 21*, tối Chủ Nhật mùng 4 tháng Tám.

Ông Võ Long Triều đã từng làm Tổng trưởng Thanh niên chính phủ Nguyễn Cao Kỳ. Sau đó ông làm Dân biểu Quốc hội VNCH, đồng thời chủ nhiệm tờ nhật báo đối lập *Đại Dân Tộc*. Sau 1975, ông bị Cộng sản bắt và giam giữ hơn 10 năm. Hiện ông định cư tại Paris, Pháp.

Ô. Nguyễn Phúc Bửu Tập

Ông Lê Mạnh Hùng

• Ông **Bình Anson**, đại diện TK 21 tại Úc, ghé lại thăm và làm việc với Tòa soạn, nhân chuyến Mỹ du mùa hè với gia đình, đồng thời cũng đúng dịp tham dự Hội thảo Truyền thông Điện tử do TK 21 và *Người Việt* tổ chức.

• Cô **Phan Đỗ Quyên**, từ Úc, thăm Tòa soạn nhân chuyến đi dự Đại hội Chuyên gia họp ở Nam California vào trung tuần tháng Tám. Đỗ Quyên (Úc) là một cây bút quen thuộc với độc giả TK 21 qua những bài tùy bút trong sáng đầy tính nhân bản.

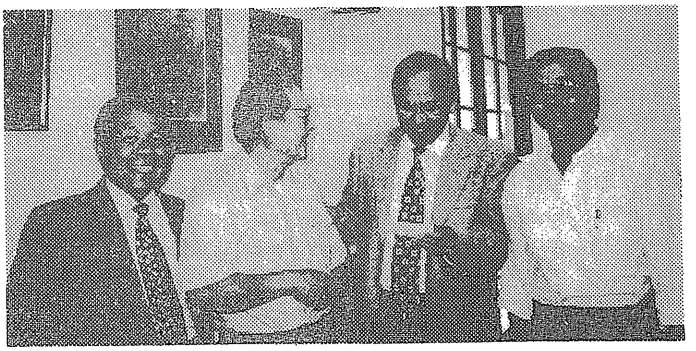

Ông Võ Long Triều (cầm giấy) và các bạn cũ.

Nhà văn Hồ Minh Dũng

• Ông **Nguyễn Phúc Bửu Tập**, ở Chicago, Illinois, ghé thăm đầu tháng Tám. Ông bắt đầu viết cho *Thế Kỷ 21* trong một loạt bài liên quan đến Phật giáo, mà bài đầu tiên, *Phật Giáo và vấn đề nhân quyền*, đăng trên số tháng Tư 1996. Trong buổi đến thăm, ông bày tỏ cảm tình rất nồng hậu đối với tờ báo, và hứa sẽ đóng góp nhiều loạt bài khác trong tương lai.

• Ông **Lê Mạnh Hùng**, khách đến từ Luân Đôn. Trước 1975 ông Hùng tốt nghiệp Kỹ sư Hàng hải đại học MIT Hoa Kỳ. Hiện ông đang làm việc tại đài BBC, Luân Đôn, và thỉnh thoảng đóng góp bài vở cho TK 21 về đề tài lịch sử Việt Nam cận đại.

Trong chuyến đến thăm Tòa soạn TK 21 chiều ngày 16 tháng Tám vừa rồi, ông Hùng đã gặp gỡ một số bạn hữu và độc giả TK 21, và trình bày vài điều mới tìm thấy trong lịch sử cận đại, trong đó có bản dịch văn bia Phạm Hồng Thái mà ông ghi được tại Trung Quốc.

• Ông **Hoàng Đức Phương**, từ Pháp, ghé thăm TK 21 nhân chuyến đi dự Đại hội Chuyên gia. Ông Phương hiện hoạt động trong nhóm Việt Tộc ở Paris, chuyên nghiên cứu về Nhân văn Việt tộc nhằm phát huy tinh hoa của dân tộc Việt Nam.

• Ông **Hồ Minh Dũng**, ghé thăm TK 21 hôm cuối tháng Tám, để tặng tòa soạn cuốn sách mới in của ông: *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa*. Nhưng mục đích chính là để chào từ biệt lên đường đi... tái định cư ở tiểu bang Georgia, miền Đông Hoa Kỳ. Hồ Minh Dũng đã cộng tác với TK 21 ngay từ khi ông mới từ Việt Nam qua Mỹ cách đây hơn hai năm. Ông đã đóng góp nhiều bài thơ và nhiều truyện ngắn.■

# NGƯỜI ĐƯỢC BẠC

PHẠM NGUYÊN LƯƠNG

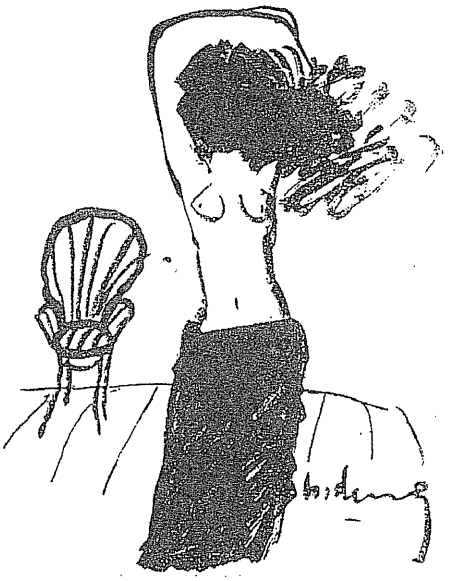

Nicolle có bạn trai từ hồi cô ta mới 14 tuổi. Steven, tên người bạn trai, ở cùng tỉnh Fort Supply ở Oklahoma với Nicolle, chỉ hơn cô ta năm tuổi. Hắn bỏ học để đi làm, kiếm tiền từ hồi 17 tuổi. Steven làm nghề phụ thợ mộc và thợ nề cho một công ty xây cất. Vì vậy hắn có tiền để bao bọc cô bé Nicolle. Mẹ Nicolle, bà Karen, dù rất cởi mở về vấn đề luyến ái, bà ta chẳng những đã qua thời kỳ đã từng giao du thân mật với nhiều bạn trai hồi trẻ? Tuy nhiên thấy con gái có bồ quá sớm, bà đã giúp con gái tránh những việc không đẹp có thể xảy ra, bằng cách bà giới hạn bớt những tự do quá trớn của con gái. Bà muốn Nicolle học cho xong bậc trung học.

Bà Karen đặt ra luật giới nghiêm trong gia đình cho con Nicolle: 10 giờ đêm là phải có mặt ở nhà. Nếu Nicolle không theo đúng, bà sẽ cấm không cho cô ta đi chơi với Steven vào những ngày kế đó. Nicolle còn nhỏ, đã luôn thành thật với mẹ. Đi chơi với Steven, đi đâu, làm gì, co bé đều nhất nhất kể cho mẹ nghe. Khi bà thấy Steven bắt đầu đòi hỏi thân mật hơn nữa, bà Karen lập tức bắt Nicolle uống thuốc ngừa thai ngay. Vì thế, cuộc tình của hai người tuổi trẻ đã không có gì đáng tiếc xảy ra. Cô bé Nicolle vẫn cặp bồ và vẫn đi học đều. Chỉ đến năm Nicolle lên lớp 12, vừa 19 tuổi, mối tình của hai người bắt đầu có nhiều sóng gió.

Steven bị cô bé Laura, làm chung cùng sở theo đuổi. Steven thực sự không thích cô bé đó. Nhưng nó lại tham lam, muốn bắt cá hai tay. Hôm đi chơi ở trong Mall với Nicolle, bất chợt bắt gặp cô Laura ở đó. Hai đứa đứng lại để nói chuyện. Nicolle thấy vậy bỏ vào nhà vệ sinh gần đó, để cho hai người dễ nói chuyện. Không ngờ lúc Nicolle trở ra, cô ta bắt gặp quả tang chàng bồ Steven đang ôm hôn cô bé Laura. Nicolle sửng sốt, như bị sét đánh, cô ta đã làm dữ. Cô ta vùng vằng bỏ về, mặc cho Steven chạy theo xin lỗi. Nicolle thực sự cảm thấy cô ta đã bị mất mặt. Lần đầu tiên trong đời, cô ta thấy thằng bồ mà cô ta vẫn thương yêu trong hơn ba năm qua đã phản bội. Tính Nicolle rất lý tưởng về tình yêu. Bao nhiêu những đứa con trai theo đuổi, cô ta đều từ chối. Nicolle chỉ muốn trung thành với một mình Steven. Nụ hôn vụng trộm của người bạn trai đầu đời đã làm Nicolle vỡ mộng. Cô ta đã tự ái. Vì chưa có kinh nghiệm về tình trường, Nicolle đã không thể chịu đựng được sự phản bội đó của người bạn trai. Cô coi đó là sự phản bội lại những sự thương yêu, hứa hẹn của hai đứa đã có từ trước.

Nicolle đã khóc lóc kể hết mọi chuyện cho mẹ nghe. Cô bé quyết định không gặp lại thằng Steven nữa. Cô ta cũng không thèm nghe điện thoại xin lỗi của Steven, dù rằng bà Karen đã cố

THẾ DŨNG

# HÔN CA

*gửi Mình...*

**Hôn nhau ràng rịt Đất - Trời**
**Mưa hơi ẩn mật... Tuyết rơi mịn màng**

**Khi hôn nhau cạnh cầu thang,**
**Gió lùa sững lạnh, nắng vàng chợt nghiêng**

**Hôn nhau cuối ngọn hương Thiền**
**Chân nhang thảng thốt ưu phiền chợt đi...**

**Hôn nhau giọt lệ tràn mi,**
**Môi yêu ấp, nỗi dậy thì ủ men...**

**Hôn nhau giữa đám đông quen**
**Nghe ngàn lá rụng, nghe then khóa rời.**

**Hôn trong vũ điệu lả người...**
**Nghe Kinh Mạch hát những lời trùng dương.**

**Hôn khi đèn đỏ đặc đường...**
**Thương quay quắt một nén hương cuối đời?**

**Hôn nhau nghẹn thở cả đôi,**
**Mặt Trời cười nụ, Mặt Người trăng lên...**

**Hôn nhau cho tiếng chết chìm**
**Cho lời mất tích - cho tim lặng tờ...**

**Hôn nhau run rẩy Cõi Mơ**
**Cho Tinh Huyết mở từng tờ Kinh Yêu...**

**Hôn nhau cho Sáng thành Chiều**
**Cho Muộn thành Sớm cho Diều nối dây...**

**Hôn nhau dàn giụa hao gầy...**
**Nghe Nguyên Khí khóc - cho Ngày thành Đêm?**

*8-3-96*

giúp hai đứa làm hòa với nhau. Trong lúc giận dữ, Nicolle còn nói với mẹ rằng, nó sẽ trả thù thằng Steven bằng cách đi chơi với những người bạn trai khác. Nó nói và làm thật! Đúng là tính nết của một cô gái mới lớn: vừa ngây thơ, vừa tự hại mình; Cô ta đã để cho đám con trai lợi dụng, mà cứ tưởng như vậy là hay, là cách để trả thù Steven. Bà Karen đã phải nhiều lần giải thích cho Nicolle. Bà biết Steven thực tình yêu con gái bà, và bà muốn xây dựng cho hai đứa.

Nicolle từ ngày quen biết nhiều bạn trai cô ta thêm dạn dĩ. Với người đàn ông nào Nicolle cũng có thể đứng nói chuyện với họ dễ dàng. Không còn sự rụt rè như trước. Bà Karen lại càng ngạc nhiên, thấy con gái thích nói chuyện với ông Terry, một bạn nhậu của chồng bà. Terry lớn hơn Nicolle đến 30 tuổi. Ông ta vẫn thường đến nhà nhậu nhẹt, đánh billard với bố của Nicolle từ 10 năm nay. Ông Terry coi Nicolle như cô cháu. Thỉnh thoảng, những lần được mời đi ăn sinh nhật của Nicolle, ông Terry thường mua quà đắt giá để tặng cho cô gái. Nicolle thích lắm. Cô ta, thường cùng thằng bồ Steven, gọi ông Terry bằng chú mỗi khi hai đứa gặp ông ta. Thấy ông Terry góa vợ, lại dễ dãi, chúng xúi nhau xin xỏ ông Terry đủ thứ quà mà chúng muốn. Nhiều hôm túng tiền tiêu, xin bố mẹ cho vẫn chưa đủ xài, bà Karen còn biết rằng Nicolle, đã đến gặp ông Terry ở nhà riêng của ông ta, để tỉ tê xin tiền nữa.

Hồi hai đứa đang giận nhau. Lúc bà Karen đang tỉ tê khuyên nhủ Nicolle là phải đề phòng đám bạn trai lợi dụng. Terry tình cờ đi qua đấy, nghe được. Ông ta thôi không đánh billard với bố Nicolle nữa, mà ra ngồi cạnh bà Karen để khuyên nhủ cô bé Nicolle. Thấy mẹ và chú Terry luôn bênh thằng Steven, Nicolle đã bực mình khóc nức nở và chạy lên phòng của cô ta ở trên lầu. Nhìn vẻ mặt thất vọng của bà Karen, ông Terry vội vã chạy theo khuyên giải cô bé. Bà Karen cũng đi theo, nhưng vừa đến lầu thì thấy Nicolle đã đóng chặt cửa phòng, chỉ để cho ông Terry vào theo. Từ ngoài cửa, bà Karen nghe ông Terry đang nhỏ nhẹ khuyên bảo Nicolle:

"Tại sao vậy? Tại sao đột nhiên cháu lại gây gắt với Steven dữ vậy? Không gì hai đứa đã đi với nhau ít nhất là mấy năm rồi. Cháu không thấy là cháu đang vô lý đối với Steven hay sao?"

Tiếng Nicolle nức nở:

"Chú không biết đâu. Chú không biết ảnh đâu! Cháu chán anh ta quá rồi. Cháu không

muốn gặp ảnh nữa. Ảnh vừa ghen tương, vừa độc đoán, lại vừa vô lý như thế, mà bảo cháu làm lành lại với ảnh làm sao được? Cháu nhất định không thèm nhìn mặt ảnh nữa."

Tiếp theo đó, bà Karen lại nghe tiếng con Nicolle liên tiếp kể xấu thằng Steven đủ chuyện. Bà ta chán nản bỏ xuống dưới nhà. Bà cố nghĩ cách để làm sao cho Nicolle đổi ý. Bà biết rằng cô con đã quá lý tưởng về tình yêu. Khi trước, lúc còn yêu nhau, nó đã nói rằng nếu thằng Steven bỏ nó, nó có thể chết được. Thế mà, mới thấy thằng bồ hôn một đứa con gái khác, Nicolle đã nhất quyết bỏ tay bạn trai lâu năm đó.

Hơn một giờ đồng hồ sau bà Karen mới thấy ông Terry từ trên lầu bước xuống. Mặt ông ta tươi tỉnh. Ông ta nháy mắt bà Karen ra một chỗ, để báo cho bà ta biết rằng Nicolle đã bắt đầu dịu xuống. Cô ta có vẻ phục thiện. Tương lai hai đứa trở lại với nhau đã thấy rõ. Bà Karen công nhận rằng ông Terry đã có nghệ thuật ăn nói. Ông ta làm nghề bán xe hơi đã hơn 20 năm qua. Miệng lưỡi ông ta dẻo quẹo, rất dễ quyến dụ người khác phải theo với ý của ông ta. Ông Terry đã bị xui xẻo, khi người vợ trẻ của ông ta bị tai nạn xe chết từ ba năm nay, ông Terry còn thương người vợ đó, nên không để ý đến những cô gái khác. Ông ta chỉ lui tới những nhà bạn thân để giao thiệp sau giờ làm việc, hoặc trong những ngày nghỉ. Bà Karen thấy ông Terry đã khuyên nhủ được Nicolle, bà mừng lắm. Trong thâm tâm bà vẫn muốn có đứa con rể vừa khỏe mạnh vừa nhanh nhẹn như Steven.

Hai tuần lễ nặng nề trôi qua. Nhờ sự dàn xếp khéo léo của ông Terry, Nicolle đã chịu gặp lại Steven. Chúng vẫn còn hờn mát nhau. Từ đó, hễ có chuyện gì không vừa ý nhau. Thay vì nói chuyện với bà mẹ, cả hai đều chạy đi tìm ông Terry để nhờ phân xử. Bà Karen càng nể ông Terry ra mặt. Bà coi ông ta như một người bạn quí của toàn thể gia đình.

Hai đứa trẻ tiếp tục xung khắc. Cứ vài tuần lại thấy chúng giận nhau vài ngày. Mỗi lần giận Steven, Nicolle lại đi đến ông Terry để mách chuyện. Có ngày cô bé đến chỗ ông Terry ở ngay chỗ làm việc của ông ta để kể lể. Tối đến, lại theo ông Terry về nhà riêng của ông ta để đãi ăn, vừa được khuyên nhủ thêm. Tối khuya, ông Terry phải đưa cô gái ra xe, bắt buộc trở về nhà.

Lần giận Steven chót, kéo dài hơn một tuần lễ. Nicolle nhất định ở rịt trong phòng riêng chẳng thèm ra ngoài, dù là để đi làm công việc bán thời gian của cô ta. Cô chỉ ra khỏi nhà khi cần đến với ông Terry để được khuyên nhủ. Tối hôm đó, vì có việc phải về khuya, bà Karen không vào phòng Nicolle hỏi thăm con gái như thường lệ. Sáng hôm sau, bà không biết con gái ra sao, bèn đến gõ cửa phòng. Không thấy tiếng trả lời, bà liền đẩy cửa bước vào. Không ngờ căn phòng trống trơn: cô bé Nicolle đã xách va li quần áo của cô ta đi đâu mất. Hoảng hồn, bà Karen vội báo cho chồng và Steven cùng biết. Họ điện thoại cho ông Terry để hỏi thăm. Ông chủ hãng xe chỗ Terry làm việc bảo rằng ông Terry đã xin nghỉ dài hạn không lương. Nói rằng phải về thăm bà con đang bị bệnh nặng gì đó. Gia đình bà Karen càng hoảng hốt. Họ đi tìm khắp nơi. Họ đoán rằng Nicolle đã bỏ nhà đi theo ông Terry. Nhưng rồi họ lại sợ sự trùng hợp: ông Terry có thể đã đi thăm họ hàng của ông ta. Còn cô Nicolle thì bỏ đi đâu đó, để giải buồn. Bà Karen sợ rằng Nicolle có thể quẫn trí và tự tử. Vợ chồng bà Karen bàn nhau chưa nên báo ngay cho cảnh sát, họ vẫn hy vọng con gái đang ở nhà của bạn bè nào đó ít lâu, rồi sẽ trở về nhà. Bà Karen lần lượt hỏi thăm các bạn bè của Nicolle và của Steven, để tìm con gái.

Trong khi đó, Steven đã thêm bực tức. Nó đã đoán gần đúng sự thực, nhưng lại không dám nói ra cho bà Karen biết vì nó quá tự ái; nó biết rằng ông Terry đứng đắn và vẫn còn nhớ thương cô vợ trẻ chỉ hơn Nicolle chừng 10 tuổi. Ông ta từ trước vẫn coi Nicolle như một cô cháu cần được khuyên nhủ, giúp đỡ. Nhưng càng làm như vậy Nicolle càng bị quyến rũ, phần vì giọng nói ngọt ngào, phần vì cử chỉ đứng đắn của ông ta; Steven biết vậy và thầm ghen với ông Terry, dù hắn biết rằng ông ta luôn thực lòng khuyên nhủ Nicolle trở lại với Steven.

"Lửa gần rơm, lâu ngày cũng bén". Với sự vật nài, quyến rũ của Nicolle mỗi khi tìm đến để được khuyên nhủ, ông Terry dần dần quên mất bà vợ quá cố. Ông dần thấy Nicolle không còn


CHÚC MỪNG

Nhận được hồng thiệp của các bạn
từ Westminster Press
báo tin lễ vu quy của cô

**Tăng Thị Thu Trang**

đẹp duyên cùng cậu

**Nguyễn Tài**

Chúng tôi xin chung vui cùng
các bạn ở Westminster Press
và chúc Thu Trang - Nguyễn Tài
trăm năm hạnh phúc.

**THẾ KỶ 21**

con nít nữa. Ông thấy quả tim của ông đã bắt đầu đập mau khi cô Nicolle ở gần. Tối hôm đó, sau bữa ăn cô bé Nicolle đang than thở vì lại giận thằng bồ Steven đã gây gổ với cô ta. Đang than thở, cô bé đột nhiên ôm chầm lấy chú Terry mà hôn say đắm. Cô ta vẫn muốn có một người yêu lịch lãm như Terry để quên đi anh bồ vừa trẻ trung, non dại về đủ mọi phương diện. Lại không hiểu được tâm lý của đàn bà như của cô ta. Hôm đó, ông Terry, đã không còn khả năng để đẩy Nicolle ra như mọi lần và bắt cô bé phải ra xe, đưa trả về nhà bố mẹ. Ông ta đã để những khoái cảm làm lu mờ tất cả. Ông đã tích cực đáp ứng lửa tình rừng rực của cô gái trẻ.

Hai người đã say đắm ân ái với nhau. Nicolle định ở luôn tại nhà ông Terry đêm đó. Nhưng ông này đã khôn ngoan sắp xếp với cô ta. Ông ta muốn đem cô gái đi một nơi đặc biệt để lập tổ ấm. Họ muốn được hoàn toàn tự do. Tránh mọi đàm tiếu của những bạn bè, người quen ở vùng đó. Nhất là để tránh mặt "Kỳ đà cản mũi" Steven khỏi quấy rầy Nicolle.

Terry đã rút hết những tiền của chàng ta vẫn để dành ở nhà băng. Anh ta lại xin nghỉ dài hạn ở chỗ đang làm việc. Kinh nghiệm cho biết, đi đến nơi mới, chưa chắc đã tìm được việc làm tốt như ở chỗ cũ. Hơn nữa nếu có chuyện gì xảy ra, dù với cô bồ nhỏ nhắn, yêu anh ta tha thiết, chuyện gì cũng có thể xảy ra. Lúc đó, nếu không tìm được việc làm tốt, anh ta vẫn có thể trở về chỗ đó để xin làm việc lại.

Có cô bồ trẻ, Terry nghĩ ngay đến việc tìm một nơi lý tưởng nào đó, để anh ta có thể hú hí với Nicolle và có những ngày "Trăng Mật" càng kéo dài càng hay. Anh ta chợt nhớ đến một người bạn, cũng làm nghề bán xe hơi, nhưng lại đang ở Las Vegas. Anh hỏi Nicolle có muốn đi Las Vegas sinh sống với anh ta không. Cô bé, suốt đời sống ở tỉnh nhỏ. Đã bao phen mơ ước được đi nghỉ hè ở Las Vegas. Nay lại được đi nghỉ dài hạn với người yêu, thì còn gì hơn nữa? Nicolle mau mắn nhận lời ngay. Thế là, chỉ cần một tối, về nhà sắp xếp quần áo; đem theo nữ trang, những đồ quí giá bố mẹ đã cho. Sáng sớm hôm sau, Nicolle đã nhanh nhẹn xách va-li, trốn gia đình, đến xe của Terry đang đợi sẵn ở một góc phố, gần nhà cô gái.

Mối tình của cô gái trẻ với gã trung niên đã ba đời vợ, rất là thơ mộng. Anh Terry đã không tiếc gì để làm cho cô gái luôn cảm thấy vui tươi, hạnh phúc bên anh ta. Nhưng Nicolle đã không vì vui vẻ mà quên bố mẹ. Ngay đêm thứ hai ở trong khách sạn hạng trung bình ở Las Vegas, cô ta đã gọi điện thoại về hỏi thăm bố mẹ. Cô báo cho mẹ cô biết những chuyện đã xảy ra. Cô ta cũng không hề giấu giếm những tình cảm của cô ta với chàng Terry, bạn của bố. Bà Karen đã sửng sốt. Nhưng nghe con gái nói, bà ta biết rằng bà ta không nên và không thể thay đổi được sự si mê của con gái đối với người bạn của chồng tuổi đáng cha chú của Nicolle đó. Bà biết Nicolle đã ra ngoài vòng tay kiểm soát của bà. Lúc đó Nicolle đã hơn 19. Bà biết, con gái vẫn chưa đủ khôn ngoan. Nhưng đó là cuộc đời. Nicolle phải biết tự lo, và học lấy những kinh nghiệm trong trường đời. Bà Karen chỉ có thể khuyến khích con gái phải nên cẩn thận. Có việc gì xảy ra, cứ việc gọi về nhà, để xem bố mẹ có thể khuyên bảo hoặc giúp đỡ gì không.

Nicolle đã vâng dạ lời mẹ cho qua. Tình yêu đã làm cô ta chỉ nhìn thấy hào quang của hạnh phúc và bất kể những chuyện khác. Sự già dặn, tính trầm tĩnh của Terry trong mọi trường hợp, đã


# CHIA BUỒN

Được tin bạn

**DƯƠNG MẠNH HÙNG**

Kiến trúc sư,
hội viên Thanh Niên Thiện Chí,
chuyên viên Bộ Dân Vận VNCH
từ trần tại Saudi Arabia ngày 10
tháng Tám 1996
Hưởng thọ 55 tuổi.
Nhóm bạn cũ xin chia buồn cùng
chị Nga, các cháu và tang quyến.
Cầu cho hương hồn bạn
Dương Mạnh Hùng sớm siêu thoát.

**Bùi Hồng Sĩ**
**Đào Mộng Nam**
**Đinh Quang Anh Thái**
**Đỗ Ngọc Yến**
**Đỗ Quý Toàn**
**Đỗ Việt Anh**
**Hà Tường Cát**
**Lê Đình Điểu**
**Nghiêm Phú Phát**
**Ngô Mạnh Thu**
**Nguyễn Kim Hùng**
**Nguyễn Thượng Hiệp**
**Nguyễn Tường Quý**
**Phạm Phú Minh**
**Phạm Quốc Bảo**
**Phạm Thị Nga**
**Tống Hoằng**
**Trần Đại Lộc**
**Trần Quang Đôn**
**Trần Văn Ngô**

làm Nicolle vừa nể phục, vừa yêu anh ta say đắm. Nhưng rồi túi tiền của cả hai đã cạn dần. Terry biết rằng muốn kéo dài những ngày "Trăng Mật" ở Las Vegas anh phải làm ra tiền. Nicolle cũng đồng ý, thu xếp, để cả hai đều đi tìm việc làm.

Terry đã gặp lại người bạn và được dàn xếp để có việc, làm một người bán xe hơi, ở cùng chỗ với anh bạn đó. Nicolle, nhờ có nhan sắc, lại trẻ trung, được một sòng bạc nhận dạy cho nghề đánh bạc, để làm nghề chia bài, làm nhà cái, đánh với các khách đánh bài ở sòng bài đó. Một quãng đời mới bắt đầu. Nicolle học nghề cờ bạc rất mau. Sau một thời gian thử thách, cô ta được nhận làm một nhân viên chính thức của sòng bạc. Nhưng cũng bởi nghề nghiệp. Biết đánh bài, thì cũng là lúc cô ta bắt đầu mê thú đen đỏ. Mỗi ngày làm việc tám giờ. Chơi bài, lấy tiền của khách, vẫn chưa đủ. Sau giờ làm việc Nicolle lại đến các sòng bài khác, dùng tiền kiếm được, để đánh bạc.

Có mấy người đến đánh bạc ở Las Vegas mà đã luôn được bạc? Ai đến đó đánh bạc mà cũng thắng cả, thì làm sao Las Vegas, mỗi ngày mỗi phát triển? Nicolle dù được huấn luyện nghệ thuật đánh bài để làm lợi cho sòng bài. Nhưng khi cờ bạc với tiền riêng của cô ta, Nicolle đã luôn xui xẻo. Tiền kiếm được của cô ta đã theo chiều gió mà bay. Tiền của Terry cho thêm cũng đã bay vèo.

Hết tiền đánh bạc, trong lúc cơn thèm cờ bạc mỗi ngày mỗi lên cao, làm Nicolle bứt rứt. Tuần đó, trong bàn xì-dách của Nicolle ở chỗ cô ta làm việc, có một tay bạc trông rất bảnh trai. Lúc nào cũng thấy hắn đóng bộ, quần áo, cà-vạt rất chỉnh tề. Hắn lại có kỹ thuật đánh bài rất cao. Nicolle làm cái, chơi với bốn hoặc năm tay con. Ngoài hắn ra, các tay con dần dần thua hết tiền. Chàng trai đó, trái lại đã thắng liên tiếp. Đống tiền thẻ của hắn trước mắt mỗi ngày mỗi cao, dù hắn ta đã giấu bớt vào trong các túi áo. Nicolle biết một số nhân viên an ninh chìm của sòng bài đã đi lại ngó chừng hắn. Ở các sòng bạc, khách chơi bạc, thua bao nhiêu cũng được. Hết tiền, bán cả xe, để lấy tiền đánh bạc là tùy ý. Đã có nhiều hãng mua xe hơi cũ và mới ở gần đó. Hết tiền, nhiều khi được chủ sòng thương hại, mua cho một vé xe bus để về lại nguyên quán. Trái lại, nếu khách được bạc. Người đó sẽ ít được thiện cảm của sòng bài.

Một giáo sư dạy toán ở California, dùng phương pháp tính toán, đoán được những con số có thể xảy đến và dùng phương pháp thống kê (Statistic and Probability technic) đã liên tiếp được bạc. Hồi đó các chủ sòng ở Las Vegas đã xin án tòa cấm không cho giáo sư toán này đến các sòng bài của họ đánh bạc. Họ đã trả tượng trưng cho giáo sư đó một món tiền gọi là bồi thường cho sự cấm đoán đó. Chuyện đó đã được báo chí hồi đó đăng tải khắp nơi. Khi không được các chủ sòng bạc góp nhau tặng không cho một số tiền, nhưng lại không cho ông ta đến đánh bài; trong cuộc phỏng vấn dành cho báo chí, giáo sư toán đó đã trả lời rằng: Tiền thưởng bồi thường, chỉ là một chuyện. Chuyện chính là ông ta thích đánh bài hơn.

Trong bàn bài xì-dách của Nicolle, chàng trai đó đã luôn được bạc. Sau này nhân viên an ninh của sòng bài cho Nicolle biết, tên anh là Leon. Thấy hắn đánh bài giỏi, Nicolle có cảm tình ngay. Cô ta theo dõi, thấy Leon đánh ở những chỗ khác, có lúc được, có lúc thua. Một lần, lúc được nghỉ giữa mấy giờ làm việc, Nicolle đột nhiên được gã Leon đó đến mời đi uống nước, giải khát ở một quầy gần đó. Hắn nói rằng, hôm đó hắn đang hên, vì có sự hiện diện của Nicolle. Cô bé được hắn bốc lên cao, khoái chí, tít mắt cười, vừa nói:

"Ông được bạc, tôi nghĩ là ông giỏi, chứ không phải chỉ vì hên không đâu?"

Leon cười lại:

"Mỗi thứ một ít. Không có cái hên, thì khó được bạc lắm. Đánh bạc bao năm nay, tôi biết, nếu không hên, là cứ muốn rút quân này, nó lại trật qua quân khác. Làm sao mà thắng nổi? Số tôi cứ gần gái đẹp là hên ngay đó."

*(còn tiếp)*


# CHIA BUỒN

Được tin thân mẫu của bạn Nguyễn Trọng Nho là

**Cụ bà**
**NGUYỄN NGUYÊN KHẢI**
**Nhũ danh Vũ Thị Phụng**
**Pháp danh Nhật Phúc**

từ trần ngày 19 tháng Tám 1996
tại California
Hưởng thọ 80 tuổi
Xin thành thật chia buồn cùng hai bạn Nguyễn Trọng Nho - Vân Bằng và tang quyến.
Xin cầu chúc hương hồn Cụ Bà sớm tiêu diêu miền Cực Lạc.

**Đỗ Quý Toàn**
**Lê Đình Điểu**
**Ngô Mạnh Thu**
**Phạm Phú Minh**

# Vòng chân trời văn học nghệ thuật

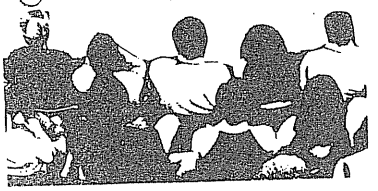

LÊ TAM CA

## Đêm Thơ Nhạc "Tình Ca Tiền Chiến"

Tối 26 tháng Bảy 1996, Ủy ban Thanh niên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA), phối hợp với CLB Thanh niên Bách Việt, tổ chức Đêm Thơ Nhạc "Tình Ca Tiền Chiến." Đây là buổi dầu tiên của chương trình sinh hoạt *Những Ngày Thứ Sáu Cuối Tháng* do Ủy ban Thanh niên VAALA chủ trương. Những buổi kế tiếp sẽ cùng các hội đoàn thanh niên khác luân phiên tổ chức.

Ông Nghiêm Phú Phát, Giám đốc Điều hành Hội VAALA và anh Lê Nguyên Phương, Trưởng ban Thanh niên, nói về chương trình sinh hoạt của VAALA và giới thiệu Câu lạc bộ Thanh niên Bách Việt.

Tiếp theo, Vương Hồ Tiếu Diện, Tổng Thư ký CLB Thanh niên Bách Việt, đã giới thiệu chương trình đêm thơ nhạc với 14 tiết mục ca nhạc và ngâm thơ do các bạn Thanh niên Bách Việt trình bày. Những giọng hát sinh viên tươi trẻ, mượt mà đã chuyển đến người tham dự các ca khúc tiền chiến khá thành công.

Nổi bật nhất trong chương trình là bản Tiếng Sáo Thiên Thai thơ của Thế Lữ Phạm Duy phổ nhạc do hai giọng ca chủ lực của Câu lạc bộ Thanh niên Bách Việt Tiếu Diện và Phương Hằng song ca. Âm lượng vừa đủ và sự hài hòa của hai giọng ca đã diễn đạt đúng mức nét phiêu bồng của dòng nhạc và sự thanh thoát của lời thơ. Ngoài ra sự góp giọng của cử tọa như Diamond Bích Ngọc với Thuyền Viễn Xứ và Nguyễn Thanh Hùng với bài thơ Khúc Ca Phạm Thái cũng đã gây sôi nổi hội trường. Người tham dự cũng không thể quên giọng ngâm thơ ngọt ngào, đầy tình cảm của Nguyên Dung đã trình bày bài thơ nổi tiếng và thật khó ngâm: Đôi Mắt Người Sơn Tây của Quang Dũng. Cả hội trường như lắng xuống cùng điệu ngâm. Rồi tiếng vỗ tay tán thưởng vang lên kéo dài nhiều phút.(Tâm Hoa)

## Nhạc sĩ Phạm Duy lên lưới

Chiều thứ Bảy mùng 3 tháng Tám, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, nhạc sĩ Phạm Duy lại có dịp trình làng hai điều mới lạ.

Thứ nhất, nhờ sự yểm trợ kỹ thuật của công ty điện toán Kí Con, Phạm Duy mở một "trang nhà" (*web page*) trên hệ thống điện toán toàn cầu *Internet*, và thứ hai, ông cho cử tọa nghe thử hai đoạn trong một trường ca mới là "Truyện Kiều," với hòa âm của Duy Cường và tiếng hát Ái Vân.

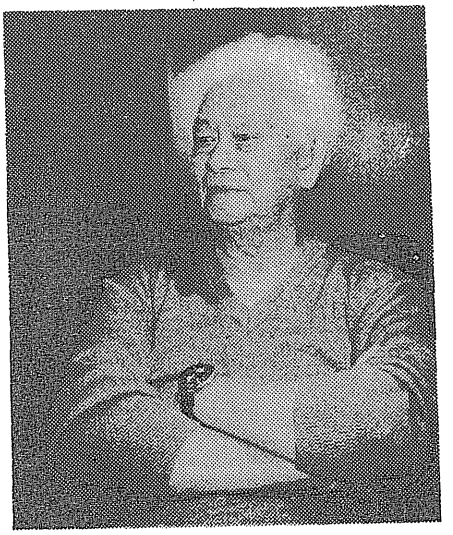

Nhạc sĩ Phạm Duy, tự nhận là đang "sướng như lên tiên," vì đã "lên lưới" điện toán toàn cầu *Internet*. Trong buổi nói chuyện về "Phạm Duy Anthology" trên lưới, nhạc sĩ Phạm Duy còn cho tham dự viên nghe thử hai đoạn trong trường ca "Truyện Kiều" mà ông đang viết, với hòa âm của Duy Cường và tiếng hát Ái Vân.

Việc "lên lưới" điện toán toàn cầu hiện nay đã khá quen thuộc với cộng đồng chúng ta, nhưng riêng với nhạc sĩ Phạm Duy, ông nói rằng ông được "sướng như tiên," vì nhờ mạng lưới điện toán, ông lưu giữ và phổ biến được toàn bộ các tác phẩm của ông, bằng chữ viết, hình ảnh và cả âm thanh.

Kỹ sư Lê Cẩm Thạch, thuộc công ty Kí Con, đã dùng máy điện toán, gắn với một màn ảnh lớn bằng màn ảnh xi-nê, "truy cập" (*download*) trang nhà "Phạm Duy Anthology," cho cử tọa thấy và nghe nhạc Phạm Duy qua các giai đoạn lịch sử.

Trả lời một câu hỏi của cử tọa về khả năng của mạng lưới điện toán, ngoài việc lưu trữ các tác phẩm đã có, có kích thích cho việc sáng tác hay không, nhạc sĩ Phạm Duy khẳng định: "Có chứ."

Sau đó, ông cho cử tọa nghe, trong lúc ông "múa" để minh diễn từng đoạn nhạc của trích đoạn "Truyện Kiều." Ông cho biết, đây mới chỉ là bản nháp. Nhưng cử tọa đã thích thú theo dõi và nhìn thấy một Phạm Duy ở tuổi 76 mà vẫn đầy sinh lực.

## Nghệ sĩ Bùi Xuân Đáng bày tranh và nói chuyện về hoa phong lan

Chiều thứ Bảy mùng 3 tháng Tám, tại Phòng Sinh Hoạt của Hội VAALA, Câu lạc bộ VAALA đã tổ chức một buổi nói chuyện về hoa phong lan.

Hơn 50 khách yêu lan đã đến nghe nghệ sĩ Bùi Xuân Đáng trình bày và giải đáp các thắc mắc về cách nuôi trồng, chăm sóc và tách cây hoa phong lan.

Tuy đã ở lứa tuổi 80, nghệ sĩ Bùi Xuân Đáng, với dáng người cao lớn, giọng nói rõ ràng, vang vọng, không cần máy vi âm, đã lôi cuốn sự chú ý và thích thú của toàn thể cử tọa.

Trong buổi nói chuyện, nhà trồng lan họ Bùi cũng trưng bày nhiều mẫu hoa lan khác nhau, trong đó nhiều cây đã đoạt giải của các cuộc thi hoa lan. Ngoài ra, còn có một số tranh vẽ các loại lan hiếm quý, cho thấy nhà trồng lan họ Bùi là một nghệ sĩ đa tài, đa dạng.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, nói chuyện về bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc, với đông đảo thân hữu và các bạn trẻ , tại Phòng Sinh Hoạt VAALA, tối thứ Hai mùng 5 tháng Tám.

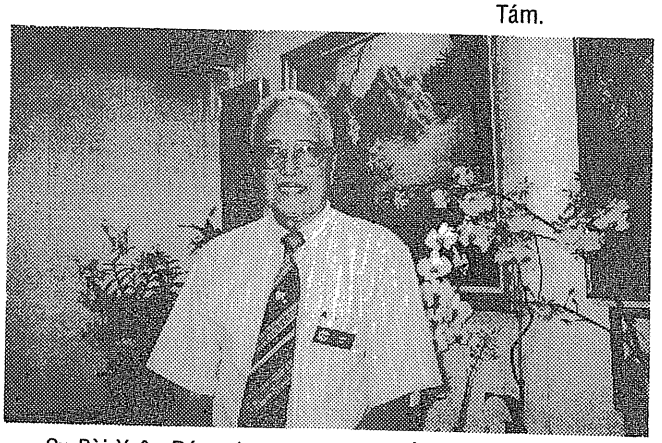

Cụ Bùi Xuân Đáng, họa sĩ và người trồng hoa phong lan, tại phòng triển lãm VAALA, chiều thứ Bảy mùng 3 tháng Tám 1996, trước những giò phong lan do cụ trồng, trong đó nhiều giò đã đoạt giải thưởng ở các cuộc thi hoa quốc gia và quốc tế.

## Tiếng đàn và giọng hát Nguyễn Đức Đạt

Tối thứ Sáu mùng 2 tháng Tám, tại trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, số 11022 Acacia Parkway, thành phố Garden Grove, khoảng 80 người đã ngồi chật phòng sinh hoạt của Hội để thưởng thức tài năng của Nguyễn Đức Đạt, trong đêm sinh hoạt văn nghệ với chủ đề "Vào Hạ" do Câu Lạc Bộ VAALA tổ chức.

Khi được nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát ngỏ lời là nên nói cho nhóm thính giả biết một chút về mình, Nguyễn Đức Đạt đã nhỏ nhẹ kể lại vài nét về cuộc đời của anh và cô em gái là Nguyễn Dung, cũng có mặt trong buổi sinh hoạt.

Hai anh em mồ côi mẹ từ nhỏ, và không biết cha là ai. Đạt bị mù từ khi sinh ra. Sống trong trại mồ côi Long Thành cho đến 1975, trại bị Cộng Sản giải tán, hai anh em Đạt và Dung phải đi ăn xin ở Sài Gòn. Một sự tình cờ đã giúp Đạt có cơ hội học nhạc với một nhạc sĩ ở một tiệm hớt tóc.

Nhờ là con lai, Đạt được đi Mỹ, và được đi học. Hiện anh đang học năm thứ ba chương trình cử nhân âm nhạc tại đại học Fullerton, còn Dung đang học trường đại học cộng đồng.

Mở đầu chương trình văn nghệ "Vào Hạ," Nguyễn Đức Đạt đã độc tấu hai nhạc phẩm — bản "Summer Place" và bản "Hạ Trắng." Nguyễn Đức Đạt không chỉ tuyệt diệu trong lãnh vực độc tấu tây ban cầm, anh còn hát, và sáng tác những ca khúc ngợi ca cuộc đời, ngợi ca con người, ngợi ca tình yêu đôi lứa. Anh thành công cả trong những bản nhạc ngoại quốc. (Đinh Quang Anh Thái)

## Nhà văn Doãn Quốc Sỹ nói chuyện về văn hóa dân tộc

Trong hai tiếng đồng hồ, từ 8 giờ tối, hôm thứ Hai mùng 5 tháng Tám, tại Phòng Sinh Hoạt VAALA ở Garden Grove, nhà văn Doãn Quốc Sỹ, đến từ Houston Texas, đã tiếp xúc thân mật và trao đổi ý kiến với gần 50 thân hữu và cựu môn sinh về đề tài văn hóa dân tộc trong cộng đồng người Việt hải ngoại.

Trong số những người có mặt, ngoài một số hội viên Hội Văn học Nghệ thuật Việt Mỹ, còn có các bạn trẻ thuộc Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam Nam Cali, Câu Lạc Bộ Thanh Niên Bách Việt, Lớp Việt ngữ thuộc Trung Tâm Văn hóa Việt Nam, và các nhà hoạt động văn hóa như các nhạc sĩ Phạm Duy, Nghiêm Phú Phi, các giáo sư Phạm Cao Dương, Đỗ Quý Toàn, Minh Đức, các nhà văn Phạm Quốc Bảo, Hoàng Khởi Phong, Đinh Phụng Tiến, v.v...

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, với dáng người thanh mảnh nhưng không yếu đuối, giọng nói nhỏ nhẹ, từ tốn của một thiền sư, mở đầu buổi

sinh hoạt bằng cách kể một câu chuyện về thăm quê cũ, đọc được một bài thơ nôm na, bình dị mà thấm được tình quê hương dân tộc.

Vốn cũng là nhà giáo, Doãn Quốc Sỹ còn là tác giả của nhiều bộ sách giáo khoa, hoặc sách khảo cứu về giáo dục, ngôn ngữ. Từ hàng chục năm trước, khi còn giảng dạy ở các trường đại học Sư Phạm và Văn Khoa Sài Gòn, ông đã đặc biệt chú trọng đến các em thiếu niên nhi đồng.

Ông cho biết, đáng tiếc là hiện nay ông không còn giữ được bản in nào của các bộ sách dành cho thiếu nhi như truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, đo ông biên soạn suốt 20 năm ở Sài Gòn. Nhưng ông hy vọng ở thư viện trường đại học Cornell, ở Ithaca, New York, còn giữ được.

Nhận định về tính văn hóa của dân tộc Việt, ông Doãn Quốc Sỹ cho rằng chúng ta không nên quá bảo thủ, nhưng cũng không nên quá buông thả vào nếp sống mới đến thành vong bản.

Phái đoàn Văn Khố Việt Nam thuộc đại học UCI đến thăm Hội VAALA và đề nghị cộng đồng Việt Nam tiếp tay phát triển Văn Khố bằng cách tặng sách báo và tài liệu. Hình trên: (từ trái) Ô. Prany Sananikone, bà Anne Frank, bà Angela Yang, và Ô. Lê Đình Điểu.

Với sự điều hợp của nhà báo Lê Đình Điểu, Chủ tịch Hội VAALA, cuộc thảo luận bàn tròn giữa nhà văn Doãn Quốc Sỹ và các thân hữu đã xoay quanh vấn đề "làm thế nào để tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại học và nói tiếng Việt."

Giáo sư Phạm Cao Dương đưa ra kinh nghiệm tranh đấu ở các đại học Mỹ để có các môn về ngôn ngữ và văn hóa Việt được giảng dạy ở trung học và đại học Mỹ. Nhưng giáo sư Dương cho rằng trở lực chính là cộng đồng chúng ta thiếu thầy, thiếu giảng khóa, không có một thư viện lưu trữ sách báo tiếng Việt, thiếu người làm công việc tu thư để cập nhật hóa các dữ kiện chính xác về đời sống hiện đại.

Các bạn trẻ Hoàng Quốc Khánh (Chủ tịch THSVVN) và Tạ Văn Trung (Trung Tâm VHVN) cũng đưa ra những khó khăn trong công tác dạy tiếng Việt cho các em nhỏ và các sinh viên muốn trau giồi tiếng Việt.

Kỹ sư Lê Cẩm Thạch, thuộc công ty điện toán Kí Con, gợi ý là có thể dùng *Internet* để mở lớp dạy tiếng Việt cho cả người lớn lẫn trẻ em.

Với mạng lưới điện toán toàn cầu *Internet* ngày càng phổ biến, và sắp tới sẽ rất dễ sử dụng, và máy móc có giá rẻ, việc khai thác các "trang nhà" để mở những lớp dạy tiếng Việt cũng như lưu trữ mọi tài liệu văn hóa Việt Nam, là một lối thoát cho các dự án văn hóa Việt Nam.

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ, cũng như hầu hết các tham dự viên của buổi họp mặt, đều tỏ ra phấn khởi trước viễn ảnh tươi sáng mà mạng lưới điện toán toàn cầu mang lại.

## Văn Khố Việt Nam xin đồng bào tặng tài liệu

Văn Khố Việt Nam và Đông Nam Á (*South-east Asian Archives*, SEAA), thuộc viện đại học UCI, hiện do bà Anne Frank làm quản đốc, kêu gọi cộng đồng người Việt ở khắp nơi tặng cho Văn Khố những tài liệu liên quan đến mọi hoạt động của người Việt, như sách, báo, băng nhạc, băng phỏng vấn, thư từ, truyền đơn, tờ quảng cáo, luận văn, luận án, tranh, ảnh, v.v...

SEAA hiện đã có một số tài liệu được lưu trữ và phân loại, để cho các sinh viên, giáo sư và nhà nghiên cứu sử dụng, để tìm hiểu hoặc viết bài, viết luận án về văn hóa, lịch sử Việt Nam.

Bà Anne Frank cho biết, nếu cộng đồng người Việt tiếp tay đóng góp, thì chẳng bao lâu Văn Khố này sẽ là nơi lưu trữ đầy đủ tài leịu về người Việt hải ngoại, không những giúp ích cho việc tìm hiểu hôm nay, mà còn được dùng tới trong nhiều thế hệ sau.

Giáo sư Phạm Cao Dương, hiện dạy sử tại đại học UCI và một số đại học khác ở miền Nam California, đồng thời là thành viên của Hội đồng Cố vấn SEAA, nói rằng SEAA đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy văn hóa Việt Nam ở hải ngoại, trong lúc đó còn giúp sự thật lịch sử được tôn trọng chứ không bị bóp méo trong âm mưu của người Cộng sản.

Mọi đóng góp hoặc thắc mắc về Văn Khố SEAA, xin liên lạc: Bà Anne Frank, UCI Library / Vietnam-Southeast Asian Archives, PO Box 19557, Irvine CA 92713. ĐT (714) 824-4968.

## Đêm Nhạc Thính Phòng Mùa Hè: Nhịp cầu nối đôi bờ cổ điển và hiện đại

Đúng giờ. Đó là đặc điểm thứ nhất ghi nhận

được trong Đêm Nhạc Thính Phòng Mùa Hè do Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ tổ chức, vào lúc 8 giờ tối thứ Bảy mùng 10 tháng Tám, tại thính đường viện Đại học Concordia.

Thính đường này cũng là một giáo đường, được kiến trúc và thiết trí với những tiêu chuẩn cao và chuyên nghiệp về âm thanh và ánh sáng, thật thích hợp cho trình diễn và thưởng ngoạn nhạc cổ điển và nhạc thính phòng.

Nhạc sĩ Nguyễn Khánh Hồng, trưởng dàn nhạc thính phòng của Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ, ra dấu cho dàn nhạc chuẩn bị trình tấu.

Kiến trúc độc đáo, với trần cao, sàn dốc thoai thoải khiến người ngồi phía sau không bị vướng tầm mắt bởi hàng ghế trước, và ngồi ở bất cứ chỗ nào trong phòng cũng nhận được một lượng âm thanh đồng đều. Sân khấu như một thung lũng, và khán giả ngồi ở những sườn đồi bao quanh nửa vòng cung.

Từ sân khấu thung lũng đó, những giọng hát, những tiếng đàn cất lên, vang ra khắp thính đường — trực tiếp, tự nhiên, không bị biến thái, không được khuếch đại qua hệ thống âm thanh điện tử. (Những máy vi âm để trên sân khấu chỉ dùng để thâu chương trình vào băng nhựa, làm tài liệu, chứ không dùng để khuếch âm).

Tài liệu bằng âm thanh ghi lại của buổi trình tấu hôm nay hẳn sẽ là quý giá cho những người tìm hiểu âm nhạc và sinh hoạt văn hóa cộng đồng người Việt hải ngoại, mai sau. Nhưng, trước hết tài liệu đó sẽ ghi nhận và minh chứng cho một bước tiến của Hội Hiếu Nhạc Việt Mỹ.

Được thành lập từ năm 1994, do một số nhạc sĩ xuất thân từ Viện Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn và các đại học Hoa Kỳ, Hội có mục đích duy trì và phát huy nghệ thuật âm nhạc, đặc biệt là nhạc hòa tấu thính phòng. Hội đã tổ chức nhiều buổi hòa nhạc, như buổi ra mắt tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt năm 1994, buổi tưởng niệm Giáo sư nhạc sĩ Đỗ Thế Phiệt tại Ebell Theater năm 1995..

Đêm nhạc Thính Phòng Mùa Hè ở Concordia là một biểu diễn cho thính chúng thưởng ngoạn, đồng thời cũng là một diễn tập để đưa dàn nhạc của Hội Hiếu Nhạc lên cao hơn một cấp.

Trang trọng. Đó là đặc điểm thứ hai ghi nhận được trong đêm nay, khi các nhạc sĩ — lớn tuổi như Cao Thanh Tùng, Phạm Văn Phúc, Lư Long Sơn; trẻ hơn như Nguyễn Phúc Hải, Ngô Long Nhất; hoặc trẻ nữa như Vũ Trụ, Lê Cẩm Thanh, Chung Richard, Nguyễn Anna,... — trong y phục màu đen truyền thống của dàn nhạc cổ điển Tây phương đã định vị trên sân khấu, nhạc sĩ Nguyễn Khánh Hồng bước ra, trong tiếng vỗ tay vang dội.

Dàn nhạc 20 người, theo sự dắt dẫn của cây vĩ cầm đầu đàn Nguyễn Khánh Hồng, mở đầu chương trình với ba đoản khúc của Dạ Khúc số 6 của Mozart, tạo ngay được ấn tượng mạnh mẽ đầy tin tưởng nơi người nghe.

Mặc dù phải xếp đặt lại đồ đạc trên sân khấu, ban tổ chức không kéo dài thời gian chuyển tiếp giữa các tiết mục — dường như vừa đủ cho một thay đổi từ dòng nhạc thác đổ của hàng chục cây vĩ cầm, hồ cầm, trung hồ cầm, sang cung bậc khoan thai, réo rắt của nhóm tứ tấu, cùng tiếng dương cầm yểu điệu của Tần Hồng Vân, nâng tiếng hát Bích Liên lên cao.

Bích Liên chứng tỏ nắm vững kỹ thuật đơn ca nhạc thính phòng khi cô dịu dàng, lả lướt với "Vết Chim Bay" của Cung Tiến, rồi chuyển sang nhí nhảnh, hơi "quậy" với "Les Filles de Cadix" của Leo Delibes.

Tần Hồng Vân, một dương cầm thủ tốt nghiệp Viện QGAN Sài Gòn từ năm 1972, hiện là giám đốc âm nhạc của Rochester Chinese Christian Church ở New York, đã để lại trong lòng thính giả những âm hưởng vang dội, nhưng ngọt ngào và thắm thiết, qua nhiều thể điệu, của những Chopin, Bach, Beethoven, Sarasate.

Màn song tấu Nguyễn Khánh Hồng (vĩ cầm), Tần Hồng Vân (dương cầm) với một nhạc khúc mang âm hưởng Gypsy, mở đầu cho phần hai của chương trình, cùng với màn ngũ tấu kết thúc qua nét nhạc rộn rã của Beethoven, có lẽ là hai tiết mục nổi bật của Đêm Nhạc Thính Phòng, với những tràng pháo tay kéo dài của hơn 200 khán giả bắt các nghệ sĩ phải trở lại sân khấu hơn một lần.

Các tiết mục đơn ca (Trần Chúc, với Nguyễn Mỹ Lệ dương cầm), tứ ca và hợp ca (với Tạ Chương tây ban cầm, tứ tấu đàn dây và Tần Hồng Vân dương cầm) là những nhịp cầu nối dòng nhạc cổ điển vào chân trời hiện đại, với kỹ thuật khổ luyện của mỗi người, để làm cho đêm

của Mozart, tạo ngay được ấn tượng mạnh mẽ đầy tin tưởng nơi người nghe.

Mặc dù phải xếp đặt lại đồ đạc trên sân khấu, ban tổ chức không kéo dài thời gian chuyển tiếp giữa các tiết mục — dường như vừa đủ cho một thay đổi từ dòng nhạc thác đổ của hàng chục cây vĩ cầm, hồ cầm, trung hồ cầm, sang cung bậc khoan thai, réo rắt của nhóm tứ tấu, cùng tiếng dương cầm yểu điệu của Tần Hồng Vân, nâng tiếng hát Bích Liên lên cao.

Bích Liên chứng tỏ nắm vững kỹ thuật đơn ca nhạc thính phòng khi cô dịu dàng, lả lướt với "Vết Chim Bay" của Cung Tiến, rồi chuyển sang nhí nhảnh, hơi "quậy" với "Les Filles de Cadix" của Leo Delibes.

Tần Hồng Vân, một dương cầm thủ tốt nghiệp Viện QGAN Sài Gòn từ năm 1972, hiện là giám đốc âm nhạc của Rochester Chinese Christian Church ở New York, đã để lại trong lòng thính giả những âm hưởng vang dội, nhưng ngọt ngào và thấm thiết, qua nhiều thể điệu, của những Chopin, Bach, Beethoven, Sarasate.

Màn song tấu Nguyễn Khánh Hồng (vĩ cầm), Tần Hồng Vân (dương cầm) với một nhạc khúc mang âm hưởng Gypsy, mở đầu cho phần hai của chương trình, cùng với màn ngũ tấu kết thúc qua nét nhạc rộn rã của Beethoven, có lẽ là hai tiết mục nổi bật của Đêm Nhạc Thính Phòng, với những tràng pháo tay kéo dài của hơn 200 khán giả bắt các nghệ sĩ phải trở lại sân khấu hơn một lần.

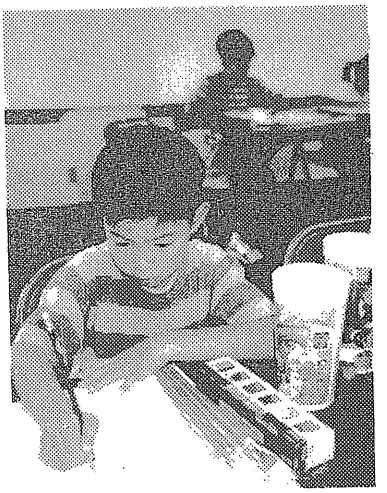

Theo lời thầy dặn: vẽ bằng bút chì trước, rồi tô màu sau...

Các tiết mục đơn ca (Trần Chúc, với Nguyễn Mỹ Lệ dương cầm), tứ ca và hợp ca (với Tạ Chương tây ban cầm, tứ tấu đàn dây và Tần Hồng Vân dương cầm) là những nhịp cầu nối dòng nhạc cổ điển vào chân trời hiện đại, với kỹ thuật khổ luyện của mỗi người, để làm cho đêm nhạc thêm quyến rũ, dễ cảm thông.

Sau buổi trình diễn, khán thính giả còn ở lại quây quanh các nghệ sĩ trình diễn để thăm hỏi, cổ võ, chúc tụng...

Đêm mùa hè ở Irvine trời trong, thoáng vài vạt mây mỏng, sao lấp lánh và gió rì rào đưa những giai điệu của chương trình nhạc thính phòng theo mãi khách nghe trên đường về.

## Lớp vẽ thiếu nhi của Hội VAALA: Trước hết, làm quen với cái đẹp

Mười hai em, tuổi từ 8 tới 14, ríu rít như một đàn chim, kéo đến trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, sáng thứ Bảy mùng 10 tháng Tám, để làm quen với đường nét và màu sắc.

Nói với các phụ huynh dẫn con em đến buổi khai giảng lớp vẽ, họa sĩ Hồ Thành Đức nhấn mạnh rằng "Không luyện cho các em vẽ cho khéo, mà giúp các em làm quen với cái đẹp của nghệ thuật tạo hình."

Họa sĩ Đức, và con trai lớn của ông, họa sĩ Hồ Thành Cung, được hội VAALA giao trách nhiệm hướng dẫn các em thiếu nhi thích vẽ được học một số kỹ thuật trong khung cảnh thân mật của một vườn trẻ. Mục đích chính là tạo dịp cho các em bộc lộ những tiềm năng về thẩm mỹ, để trước hết các em đến gần cái đẹp. Từ đó, với thời gian, với sự luyện tập, các em sẽ nhìn ra cái đẹp trong đời sống, và sáng tạo cái đẹp cho đời sống.

Lớp vẽ thiếu nhi của Hội VAALA vốn đã được mở ra từ những năm 1990, với hàng trăm em theo học, dưới sự hướng dẫn của nhiều họa sĩ, như Nguyên Khai, Lê Chi, Nguyễn Thị Hợp, Ann Phong, Hồ Thành Đức, v.v...

Lớp vẽ ngưng hoạt động một thời gian vì thiếu phương tiện phòng ốc. Nay, nhờ trụ sở Hội VAALA có thêm văn phòng ở trên lầu, nên Phòng Sinh Hoạt ở góc đường Main-Acacia, thị xã Garden Grove, được dùng làm Phòng Triển lãm thường trực của Hội, và cuối tuần là nơi các em đến học vẽ.

Họa sĩ Ann Phong, hiện là Trưởng Ban Nghệ


**Thế Kỷ 21... dọn đến nhà mới trên Internet!**

Kể từ số báo tháng Chín này, *Thế Kỷ 21* rời "thành phố" cũ là **Vietmedia**, dọn tới "thành phố" mới là **Kicon**. Quý độc giả hãy mở máy và bấm vào địa chỉ sau đây, để đọc TK 21 trên lưới:

**http://kicon.com/theky21**

Thuật Tạo Hình, thuộc Ban Chấp Hành Hội VAALA, cho biết nếu số học sinh tăng nhiều, Hội sẽ mời thêm các họa sĩ khác mở thêm nhiều lớp, cho các lứa tuổi hoặc trình độ khác nhau.

### Đêm Thơ Nhạc Thanh Hùng:
### Tiếng trống dồn trong điệu dân ca

Gần 80 người đã ngồi kín các hàng ghế của Phòng Sinh Hoạt VAALA nơi góc đường Main và Acacia, thị xã Garden Grove, tối thứ Sáu mùng 9 tháng Tám, để nghe Thanh Hùng "độc diễn" ngâm thơ và hát dân ca, từ 8 giờ tới 10 giờ.

Thanh Hùng, ở tuổi 65, với cái lưng đau phải đeo đai, nhưng giọng nói và giọng hát vẫn sung mãn, trẻ trung, đã dẫn người nghe đi theo ông từ huyền sử nhạc Việt với trống đồng, tới những bài thơ hoành tráng của một thời toàn dân kháng chiến chống ngoại xâm.

Từ Dallas, Texas, nghệ sĩ Thanh Hùng đến quận Cam để tiếp nối một công việc ông đã khởi sự từ năm qua: ghi âm những bài dân ca cổ truyền và các điệu ngâm thơ độc đáo, mà theo ông "để các bạn trẻ hôm nay và ngày mai giữ lấy, khai phá và phát triển thêm, làm giàu cho kho tàng văn hóa dân tộc."

Trong "Đêm Thơ Nhạc Thanh Hùng" tối thứ Sáu, do Hội VAALA tổ chức, với những lời giới thiệu dí dỏm của Đinh Quang Anh Thái, và Ngô Mạnh Thu, người nghệ sĩ đến từ Texas đã dốc hết tâm tư vào những điệu hát ru, hát đối, và những câu thơ thét đuổi giặc thù.

Đặc biệt, khi hát dân ca, ông không dùng đàn, mà dùng trống cái và chiêng để phụ họa, khiến cho nét cổ điển dân gian nổi bật, tạo cho đêm sinh hoạt một không khí đình đám tưng bừng, rộn rã.

Thanh Hùng không thuần túy là một nghệ sĩ trình diễn. Ông hát và ngâm chỉ để minh diễn cho những kết quả khảo cứu, sưu tầm của ông về dân ca, dân nhạc. Ông trình bày những kết quả tìm tòi qua sử học, nhân chủng học, dân tộc nhạc học, để cho thấy dân tộc Việt Nam xứng đáng có một chỗ đứng riêng trong lịch sử văn hóa nhân loại.

Theo ông, dòng nhạc truyền thống của dân tộc có những biến tấu trải qua thời gian, nhưng không mai một được.

Ông dẫn chứng bằng một điệu hát của người Mường, chuyển sang một khúc "chầu văn" (thường nghe thấy ở các cuộc lên đồng, hoặc các bài hát cô đầu), và lướt qua một đoạn điệp khúc của bài "Về Miền Trung" (của Phạm Duy):

*Người đi trên đống tro tàn,*
*Thương em, nhớ mẹ*
*Hương vàng về đâu...*

để thấy từ cung điệu đến tiết tấu có một sự tương đồng, một tính nhất quán, một "trước sau nối kết," không thể lẫn với nhạc Tàu, nhạc Thái, nhạc Ấn được.

Nghệ sĩ Thanh Hùng hát dân ca, đệm bằng trống chứ không bằng đàn.

Nhạc sĩ Ngô Mạnh Thu, hiện là Trưởng Ban Nghệ Thuật Trình Diễn của Hội VAALA, trong phần kết thúc buổi sinh hoạt "Thơ Nhạc Thanh Hùng," cho biết Hội VAALA sẽ thâu thanh và hệ thống hóa các điệu dân ca, dân nhạc do Thanh Hùng sưu tầm và minh diễn "để người Việt ở khắp nơi có thể thưởng thức hoặc nghiên cứu."

PHÁP

### Nhạc sĩ Nguyễn Văn Tường qua đời

Nguyễn Văn Tường sanh ngày 9 tháng Mười Một 1929, tại Saigon. Đi Pháp học về điện, nhưng bỏ ngang để học nhạc tại *Conservatoire de la musique de Paris*, từ 1951 tới 1954. Sau đó, ông còn học hòa âm và sáng tác tới năm 1961.

Bài nhạc đầu tiên ông viết là bài *Les Quatre Saisons* (Bốn mùa), theo nhạc ngữ cổ điển Tây phương, nhưng lại dựa trên một bài thơ của thi sĩ Trung Hoa Yao Shin Hsien.

Ông có nhiều bằng cấp và chứng chỉ về âm nhạc, cũng như nhiều tấu khúc nổi tiếng, trong đó nhiều bài đã được các hãng đĩa của Pháp thâu thanh.

Ông mất ngày 20 tháng Tám 1996, tại Paris, hưởng thọ 67 tuổi. (Trần Quang Hải). ■

# SÁCH BÁO TRONG THÁNG

## Tử Tù Tự Xử Lý

hồi ký của **Trần Thư**, Văn Nghệ xuất bản, 337 trang, giá US$15.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Nghệ, PO Box 2301, Westminster, CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Sách chia làm hai phần số trang tương đương nhau, phần chính là câu chuyện của tác giả Trần Thư mang tựa đề *Câu Chuyện Của Tên Tử Tù Xử Lý Nội Bộ* từ đó được rút gọn để làm tên cả cuốn sách, *Tử Tù Xử Lý Nội Bộ*; phần kế tiếp là Phụ Lục, gồm nhiều bài viết, phỏng vấn... của nhiều tác giả khác nhau liên quan đến "vụ án xét lại chống đảng" mà trong đó tác giả Trần Thư là một nạn nhân và cũng là động lực để ông viết tập hồi ký này.

Trần Thư đã mở đầu cuốn hồi ký bằng một hồi ức chiến tranh, một trận đánh với quân Pháp vào cuối năm 1951 ở vùng tỉnh Thái Bình, lúc bấy giờ tác giả là chính trị viên tiểu đoàn. Một bức tranh trong sáng, phơi phới tình yêu nước của một thời cả dân tộc đồng lòng đứng lên dành độc lập. Nhưng sự trong sáng ấy tương phản ngay tức khắc với chương kế tiếp, khi "vụ án" mở màn, và những số phận người bị đày đọa trong lao tù hàng chục năm chỉ nhằm để tìm ra một âm mưu lật đổ chính quyền trong tưởng tượng do những thế lực tối tăm của đảng cầm quyền nghĩ ra. Tác giả kể chuyện một cách tỉnh táo, không bi đát hóa, không cường điệu, thậm chí có khi còn dí dỏm, nhưng ông đã trình bày được sự tàn ác lớn lao của đảng cộng sản Việt Nam, và dĩ nhiên, sự đau khổ cùng cực của những nạn nhân của nó. Những mảng sự thật được viết ra với cái giá sự đau khổ bị áp bức của cả một đời người, và viết với bút pháp đầy tính chất văn học như của Trần Thư sẽ là tác phẩm quý báu để lại cho hậu thế, cho biết cái họa độc tài nó tàn hại cho con người và dân tộc như thế nào.

Ngoài phần hồi ký của Trần Thư, cuốn sách này còn là một tập hợp tài liệu khá đầy đủ về "vụ án xét lại" mà đảng cộng sản VN cho tới nay vẫn cố tình bưng bít. Đó là những bài viết, những cuộc phỏng vấn, những thư khiếu nại... rất sinh động của những người trong cuộc, nghĩa là những người qua hàng chục năm đã cùng gia đình họ nếm trải sự nghiền nát cố tình mà đảng cộng sản đã áp đặt lên đời sống tinh thần, vật chất và đời sống xã hội của họ.

## Về

tập truyện ngắn của **Hà Thúc Sinh**, Văn Mới xuất bản 1996, 128 trang, giá US$7.00. Liên lạc: Văn Mới, 1528 S. La Cienega Bl. Los Angeles, CA 90035, USA. Tel: (310) 559-0413.

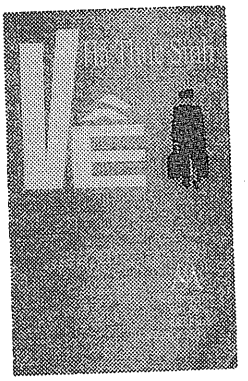

Cuốn sách mỏng, gồm chín truyện, đề tài khá khác nhau, nhưng tựu trung là những mảnh đời, những tình huống, suy nghĩ của người Việt Nam sau năm 1975. Đó có thể là câu chuyện đánh cờ tướng trong trại cải tạo hoặc tâm trạng một người trẻ di dân Việt Nam lớn lên và học hành thành đạt ở Mỹ, có thể mượn chuyện ma quỷ giữa ban ngày để đưa ra hình ảnh người cộng sản điển hình của đất Nghệ An, hoặc một mối tình nảy nở thầm kín giữa "cô chủ" có nhà cho thuê với chàng trai thuê nhà, trong cái đám người Việt tị nạn ở Hoa Kỳ... Các đề tài như thế nhan nhãn trong cuộc sống, nhưng Hà Thúc Sinh chọn lựa rất kỹ, mỗi nắm bắt lấm lúc như tình cờ của nhà văn trước cuộc sống đang trôi chảy đều có ẩn dấu một nét điển hình, sẽ mang tính chất phổ quát và sẽ đại diện cho một lớp người nào đấy, vào một thời điểm nào đấy.

Tác giả có một hiểu biết sâu về cuộc sống nên truyện của ông "có nội dung," đem lại cho người đọc cái cảm tưởng mình đang tiếp xúc với việc thật ở đời ở bề mặt lẫn chiều sâu. Về tâm lý ông cũng sành, phanh phui nhiều tâm cảnh thú vị và cảm động. Ông có vẻ sở trường về tình cảnh người già trên đất Mỹ, hay ít ra đó cũng là đề tài đang được ông đặc biệt quan tâm.

## Thức, Buồn Chi và Tôi Chim Ngủ Đậu Cành Xanh

hai tập thơ của **Nguyễn Nam An** cùng mới do Nhân Văn xuất bản trong năm 1996. Liên lạc: Nhân Văn, P.O.Box 53658, San Jose CA 53658, USA. Cuốn *Thức, Buồn Chi* dày 248 trang, giá US$14.00; cuốn *Tôi Chim Ngủ Đậu Cành Xanh*

163 trang, giá US$12.00.

Nhìn hai quyển sách thơ liên tiếp ra đời cách nhau một thời gian không xa và số trang của chúng, người ta thấy sức sáng tác dồi dào của tác giả. Dĩ nhiên điều quan trọng của thơ không ở số lượng, nhưng nguồn suối thơ lênh láng trào dâng không phải là điều không đáng chú ý, nó nói lên cõi lòng phong phú và năng lực của tác giả. Trước đây Mai Thảo há chẳng lấy làm kinh ngạc trước sức làm thơ nhiều và nhanh "không ai đuổi kịp" của Bùi Giáng đó sao?

Theo Hoàng Khởi Phong viết trong lời tựa của tập *Thức, Buồn Chi* thì trong tuyển tập thơ đầu tiên của người Việt Nam xuất bản tại hải ngoại năm 1977, thơ của Nguyễn Nam An đã có mặt. Và từ bấy đến nay, con người thơ trong Nguyễn Nam An không những không chết với cuộc sống nhiều tranh đấu của xứ Mỹ, trái lại vẫn tiềm tàng sống mạnh, và ngày nay cống hiến mọi người một vườn quả phong phú vừa chín rộ.

## Cười Với Ta... Với Vẹm (tập một)

đoản văn trào phúng của **Tư Đầm Đầm**, do tuần báo trào phúng Con Cò xuất bản, 132 trang, giá US$10.00. Liên lạc: P.O. Box 365, Garden Grove, CA 92642. USA. Tel: (714) 534-7530.

Tác giả tâm sự rằng ...*viết nói chung, và viết trào phúng nói riêng, đối với tôi, đã đến chỉ bởi căm hận bọn giặc đỏ, và cũng bởi nỗi sầu thăm thẳm của một con người có đời sống "bất bình thường."* (bất bình thường đây theo tác giả là vì phải bỏ nước ra đi sống ở một nước khác xa lạ). Các bài trong tập Một này là các bài báo tác giả viết vào các năm 1990, 91, bình luận, nhận định một cách trào phúng về các sự kiện chính trị, xã hội lớn nhỏ trong thời gian ấy. Tác giả dùng thể trào phúng hoặc để cười chơi những chuyện vui lạ xảy ra trong xã hội, hoặc để làm vũ khí tấn công cái mà có lẽ tác giả căm ghét nhất, là Cộng sản.

Chuyện thời sự của một thời, khi đã qua đi thì không ai để ý đến nữa. Nhưng khi những chuyện đó đã được viết lại theo một cung cách có nghệ thuật, nhất là nghệ thuật chọc cười, thì có hy vọng sẽ có người vẫn thích thú đọc lại. Một số bài của Tư Đầm Đầm sẽ đạt được điều đó, trong tập Một *Cười Với Ta... Với Vẹm* này.

## Câu Thơ Về Người

thơ của **Phan Ni Tấn (N.D.), Nhân Văn xuất bản 1996, 125 trang, giá US$10.00. Liên lạc: Nhân Văn, P.O. Box 53658, San Jose, CA 95153, USA.**

Thơ Phan Ni Tấn có nét độc đáo riêng. Người ta có thể tìm thấy điều ấy trong từng bài, đôi khi thậm chí trong từng câu thơ. Giữa thế giới thơ thường ý được lặp lại, từ ngữ sáo mòn, đại khái na ná giống nhau mà tìm thấy điều độc đáo thì thật thích lắm. Độc đáo không phải là lập dị, những "vấn đề" Phan Ni Tấn có trong tâm hồn để cần giàn trải ra thơ thì cũng giống như mọi người thôi, đó là nhớ thương quá khứ của mình khi còn ở Việt Nam, đó là tấm lòng tri kỷ với bạn bè, nỗi vui đoàn tụ với người thân, hoặc nhìn con mình lớn lên... Rất bình thường, nhưng khi Phan Ni Tấn biến thành thơ thì nó chỉ là riêng của anh, vì anh có ngôn ngữ riêng, thoạt trông có khi tưởng như thô thiển — cái thô thiển của ngôn ngữ nói của miền Nam — nhưng lại chuyên chở được bao tình cảm tế vi, và đó là điều Phan Ni Tấn đạt được một cách kỳ diệu.

Trong Bài Ca Đoàn Tụ, sau bao nhiêu năm


**Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?**

*Chỉ cần mang cây đàn đến AV TRAVEL là có thể vừa đi du lịch vừa hát du ca!*

**AV TRAVEL & NETWORK**
**10900 Westminster Ave., Suite 9**
**Garden Grove, CA 92643**
**(714) 537-2200**
**FAX # (714) 741-2900**
(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

**Xin [illegible] cho Nga hay Phương (714) 537-2200**

cách biệt được gặp lại mẹ già, thi sĩ đã viết như thế này:

*thiệt tình! Mới đó mà lẹ ghê*
*gặp má cứ tưởng như nằm mộng*
*tìm con gia tốc đập hả hê*
*chèn ơi! Má coi già quá ể!*

và nhớ tới người cha đã qua đời:

*nhớ tới ba mà tiếc cho người*
*phải ba còn sống qua đây, má*
*đãi ba nhậu một trận đã đời*

Đâu có gì cường điệu lớn lao, mà nghe sao thấm thía. Đối với tình quê hương cũng vậy, thoạt đầu như nói chuyện cà rỡn, nhưng cái thấm thiết thì thật không bờ bến:

*ở hoài một chỗ chán thấy mẹ*
*lại muốn như mây một cánh bay dài*
*bay về quê xưa xin tan ra nhè nhẹ*
*thấm đất trời quê ẩm máu xương ai*

Lắm khi cũng lối nói tự nhiên ấy lại biến thành tài tình:

*Nửa đêm khuya khoắt trời mưa bất cẩn*
*tạt trúng hồn anh những giọt xanh xao*

Cứ thế, gặp mãi những cái bất ngờ. Đọc thơ Phan Ni Tấn thật là thích.

## Viết Lên Trời Xanh

truyện dài của **Hoàng Khởi Phong**, Văn Khoa xuất bản, 293 trang, giá US$15.00, ngoài nước Mỹ thêm $2.00. Liên lạc: Văn Khoa, 9200 Bolsa Ave. Suite 123, Westminster CA 92683. Tel & Fax: (714) 892-0801.

Hoàng Khởi Phong đã có thơ và văn xuất bản trong nước trước năm 1975. Ra nước ngoài ông là một trong những cây bút viết rất đều, nhất là từ cuối thập niên 80 trở lại đây. Ông trăn trở những vấn đề người Việt Nam còn lại sau cuộc chiến, bám theo chúng, đưa chúng vào tác phẩm của mình.

Viết Lên Trời Xanh là một truyện dài, viết về những người lính Việt Nam bên này và bên kia sông Bến Hải. Do tình cờ của cuộc chiến, vài người lính của hai miền Nam Bắc gặp nhau trong một địa bàn khá hẹp. Họ gặp nhau trong chiến tranh và sau chiến tranh. Theo tác giả, ông đã hư cấu phần cốt truyện, còn các hình ảnh trong câu truyện phần lớn là có thực, do tác giả chứng kiến hoặc nghe kể lại. Và động lực chính để ông viết cuốn này là muốn cổ võ lòng nhân ái. Chiến tranh là chuyện bắn giết, nhưng khi cơn say máu chém giết qua đi, lòng nhân ái vẫn có chỗ đứng trong tâm những người vừa tham dự việc đó. Tác giả không hướng những suy nghĩ của mình vào sự căm thù, mà muốn hướng chúng tới một nơi nào có ánh sáng của ngày mai.

## Thạch Sanh và Lý Thông

truyện cổ tích song ngữ Anh Việt của **Nguyễn Thị Nhuận**, tranh minh họa do **Nguyễn Thị Hợp** và *Nguyễn Đồng*, Người Việt xuất bản, 29 trang khổ lớn, không ghi giá bán. Liên lạc: Người Việt, 14891 Moran Street, Westminster, CA 92683, USA. Tel: 892-9414.

Đây là một cuốn sách rất đẹp, có lẽ là một trong những cuốn sách dành cho nhi đồng Việt Nam công phu nhất từ trước đến nay về hình thức lẫn nội dung. Câu chuyện Thạch Sanh Lý Thông vốn là một truyện dân gian Việt Nam nhiều tình tiết ly kỳ hấp dẫn, được cây bút Nguyễn Thị Nhuận kể lại một cách mạch lạc trong sáng, và được hai họa sĩ Nguyễn Thị Hợp và Nguyễn Đồng tạo nên những bức minh họa màu sắc trang nhã, đầy tính dân tộc.

Một món quà rất tốt cho nhi đồng Việt Nam, góp phần giáo dục tinh thần dân tộc, tiếng Việt và khiếu thẩm mỹ nơi các em.

## Sao Vẫn Nhớ Đêm

thơ của **Ngọc Thủy**, 47 trang, không ghi nhà xuất bản, giá bán và địa chỉ liên lạc.

Ngọc Thủy đã viết văn trước khi làm thơ, đặc biệt cô thành công trong loại truyện nhi đồng, với lối văn tươi tắn, trong sáng và có duyên. Thơ cô cũng có những đặc tính ấy, thường mang những tình cảm tích cực, dù là về tình yêu lứa đôi, tình mẹ con hay tình cảm đối với thiên nhiên. Đó là dấu hiệu của một tâm hồn đằm thắm đối với đời. Nhà thơ Hà Thượng Nhân cho rằng Ngọc Thủy hội đủ hai điều kiện là vốn

sống và tấm lòng chân thành tha thiết với nghệ thuật để có thể thành công trên con đường thi ca.

## Giọt Lệ Em Yêu

Băng cassette đọc truyện của **Ngọc Thủy**, do trung tâm Giáng Ngọc thực hiện. Liên lạc: Giáng Ngọc, 9551 Bolsa Ave. Westminster, CA 92683, USA. Hoặc: Đài phát thanh Quê Hương, 779 Montague Expressway, Milpitas, CA 95035, USA.

Giọt Lệ Em Yêu là truyện tình cảm do Ngọc Thủy sáng tác, chính tác giả và nam ca sĩ Nguyễn Tuấn Ngọc diễn đọc ghi âm vào băng.

## Tình Là Gì

CD ca nhạc với tiếng hát **Sơn Tuyền**, Quang Tô sản xuất, phát hành. Liên lạc: Sơn Tuyền Enterprise P.O.Box 9837 Fountain Valley CA, 92728 U.S.A. Tel: (714) 531-8511 Sơn Tuyền là một giọng hát chuyên trình bày những giai điệu mang rõ nét cung bậc dân gian. Sau này được gọi là những ca khúc Quê Hương. Đây là CD thứ 21 của Sơn Tuyền Enterprise. Điều đó, trước hết chứng tỏ giọng hát Sơn Tuyền rất được mến mộ. Đồng thời nội dung các CD đã đáp ứng đúng tầm cảm nhận của người nghe. CD **Tình Là Gì** gồm 10 ca khúc, hầu hết là những bài dân ca hay dân ca phát triển. Hòa âm phối khí khá cẩn thận và có nhiều mới lạ, thích hợp với người nghe hôm nay. Giọng hát tươi tắn, đằm thắm. Sơn Tuyền đã giải đáp câu hỏi 'Tình Là Gì' một cách thông minh. Không chỉ là tình lứa đôi, mà còn là tình đất nước, quê hương, tình gia đình, tình người với người. Bài *Tình Cha Con*, kết thúc chương trình thật đặc sắc với những khám phá mới về mặt trình diễn một ca khúc thể loại Quê Hương. (NMT)

## Vu Lan Về Nhớ Mẹ

Cassette thơ nhạc do Ái Hữu Gia Đình Phật Tử Vĩnh Nghiêm Hải Ngoại thực hiện và phát hành nhân mùa Vu Lan Báo Hiếu P.L.2540. Liên lạc Vĩnh Nghiêm H.N. 13882 Pine St #3 Westminster CA 92683 U.S.A. Tel: (714) 899-8167 hay tòa soạn *Thế Kỷ 21*.

Nội dung gồm 10 bài hát và hai bài thơ của các tác giả phật tử: Đỗ Kim Bảng, Lê Cao Phan, Ngô Mạnh Thu, Giác An, Hoàng Trọng Thụy, Huyền Không, Trúc Thiên, Tuệ Nga. Trình bày bởi các giọng ca, ngâm: Thanh Lan, Phượng Bằng, Trang Mỹ Dung, Quỳnh Như, Thùy Dương, Thúy Vinh... Vì là một cuốn băng dành cho muà Vu Lan Báo Hiếu nên nội dung mang tâm tình của người con hướng về đấng sinh thành. Nghe **Vu Lan Về Nhớ Mẹ** rất dễ nhận thấy tình cảm trải rộng trong mỗi tiết mục. Tuy thiết tha mà không bi lụy. Thấy lòng an nhiên vì đã sống và hiểu lẽ vô thường. Hòa âm phối khí cũng như các giọng ca ngâm tạo cho cuốn băng giá trị mới, khác với những chương trình đã có từ trước. Đạo trong Đời, Đời trong Đạo chính là nội dung của băng nhạc **Vu Lan Về Nhớ Mẹ.** (NMT)

Vĩnh Nghiêm

## 50 Năm Đời Vẫn Hát

CD **Khánh** Ly cùng hát với 10 nhạc sĩ sáng tác. Nguyễn Hoàng Đoan sản xuất và phát hành. Liên lạc: Khánh Ly Enterprises PO Box 3295 Cerritos CA 90703 USA.

Một chương trình ca nhạc độc đáo. Tác giả của 10 bài hát thuộc ba thế hệ nhạc sĩ sáng tác đã cùng hát với Khánh Ly trong CD **50 Năm Đời Vẫn Hát**: Việt Dzũng, Trịnh Nam Sơn thành danh nơi hải ngoại, Trầm Tử Thiêng, Từ Công Phụng nổi tiếng từ trước 1975 ở trong nước, nay vẫn còn sung mãn sáng tác, Phạm Duy, cây đại thụ của nền âm nhạc Việt Nam hiện đại. Các nhạc sĩ đã nói về trường hợp ra đời của bài hát của mình. Ngoài ra, người nghe cũng được biết về quan niệm sáng tác bằng chính tiếng nói của các nhạc sĩ. Những bài hát gói ghém tâm tình, những hơi ca đầy cảm xúc, cùng những phát biểu của chính tác giả đã đem đến cho CD **50 Năm Đời Vẫn Hát** một vị trí riêng. CD này của Khánh Ly vừa là một chương trình ca nhạc giá trị vừa là một tài liệu ghi lại những dữ kiện của một giai đoạn lịch sử âm nhạc mới Việt Nam. (NMT)■

* Chuyến đi Las Vegas vừa rồi của tôi rất thành công. Tôi lái một chiếc xe bốn ngàn đô la đến đó, và ra về trên một chiếc xe buýt trị giá hai chục ngàn.

* Họ li dị vì lí do khác biệt tôn giáo. Nàng thờ phụng đồng tiền, còn chàng thì chẳng có xu nào.

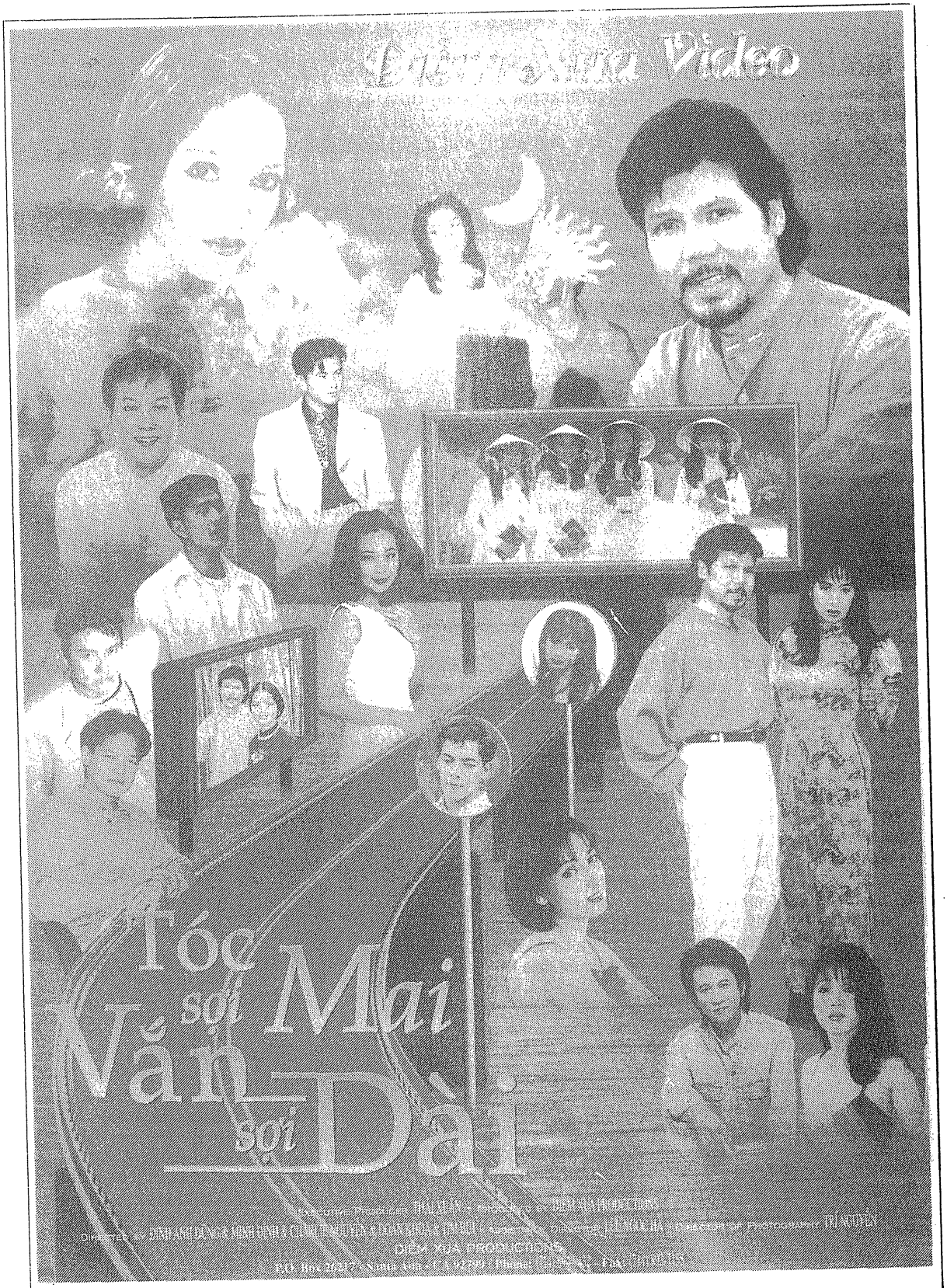


**DIỄM XƯA PRODUCTIONS**

**P.O Box 26217 Santa Ana, CA 92799 Tel: (714)894-9432 * Fax: 9714)893-7155**

Orange County, California, USA

# Thuh Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City,
CA 92655

## TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA,USA.
*Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991+1992+1993 +1994+1995, CA, USA..
* Aesthetics Congress 1991+1992+1993 +1994+1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beaty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.

THUH BEAUTY
Orange County, California, USA

## GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

**Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận.**
**Giải phẫu:**
*Mắt, mũi, cằm, ngực, da mặt, da trán, hút mỡ. Lấy da và mỡ bụng. Chữa trị các hình thức Silicone. Giải phẫu bàn tay Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.*

*Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển*

Tel. & Fax:
**(714) 8-949-949**

**Bp: (714) 218-6262**

## CHUYÊN MÔN:

* Facial
* Dưỡng Da
* Trang điểm cô dâu, dạ hội
* Lột da mặt
* Xâm Thẩm Mỹ
* Dầu thơm Pháp
* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

**Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

# HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

- Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
- Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

## Phiếu Mua Báo Dài Hạn

*(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)*

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

**Nội địa Hoa Kỳ và Canada:**
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
**Úc và Á châu:**
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
**Âu châu:**
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.



*Tìm đọc:* **NHỮNG NGÀY XA XƯA ẤY**

Hồi ký của **THU TÂM**
(người yêu của Trần Huy Liệu)

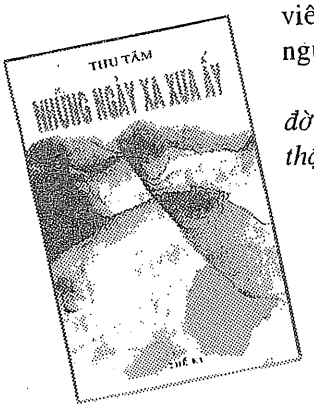


Vào tuổi thanh xuân, Thu Tâm yêu say đắm Trần Huy Liệu — một nhà hoạt động cộng sản nổi tiếng, trước kia là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng. Mối tình nồng thắm giữa hai người kéo dài chưa được bao lâu thì bị cắt đứt. Vì...

*Bạn hãy đọc, để biết vì sao. Bạn phải đọc, để nhìn lại được đời sống xã hội, nhất là tình yêu, của lứa tuổi hai mươi Việt Nam thập niên 30.*

Thế Kỷ xuất bản. Bìa Khánh Trường.
120 trang. Giá $10.00.

**Liên lạc: Thế Kỷ**
**11022 Acacia Parkway #AGarden Grove CA 92640 USA**
**Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944**
**E-mail: theky21@ix.netcom.com**

# JM MORTGAGE

JM MORTGAGE CORPORATION
17802 IRVINE BLV. #125, TUSTIN, CA 92680
PHONE: 714-544-5009 * 1-800-565-3637 (NGOÀI ORANGE COUNTY)
FAX: 714-544-5677

**HOME IMPROVEMENT, FHA TITLE ONE, EQUITY LOANS:**

Bạn có thể mượn tới $25,000 để làm landscaping, hàng rào, xây thêm phòng, sửa nóc nhà, patios, sơn nhà, đồ dùng kitchen. Không cần Equity, không cần appraisal nếu dưới $25,000. Nhà đang ở hoặc cho thuê đều được.

**NHÀ SẮP BỊ TỊCH THU (Foreclosure)**

Nếu quí vị dự định bỏ nhà vì: *Giá trị căn nhà thấp hơn nợ cũ *Tiền trả hàng tháng cao quá *Bệnh nặng hoặc chết chóc *Không thể trả nổi nữa vì một lý do chính đáng. Xin gọi công ty để "Save your credits" và quí vị không phải trả tiền huê hồng.

Property must qualify based on negotiation with current lien holders for all costs incurred included brokerage fees.

Đặc biệt: **JM MORTGAGE** chuyên môn **FHA, VA, Conv** (trên toàn Hoa kỳ), Cal Pers, Chfa, **Hud Repo Panel**, SBA, và Cities Loans.

*** Có Chương Trình Mua Nhà Không Cần Tiền Down***

"Leads" provided by company for agents. Công ty sẽ hoàn trả tiền học phí cho người muốn vào ngành địa ốc.

E-mail: jmmtgcor@aol.com

*Kha John (Pager: 714-571-6885)*

# DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
*(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)*

**TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074**

**Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU**
**Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI**

**CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:**

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi dựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

**BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:**

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

**NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:**
**PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...**

**MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN**
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

# Lá Lành Đùm Lá Rách

SAP-VN là một hội thiện nguyện hợp pháp (thành lập năm 1992) được hưởng qui chế miễn thuế của tiểu bang California và liên bang Hoa kỳ theo điều luật 501(c)3 của IRS.

**Mục đích** — Trợ giúp về y tế, giáo dục và xã hội cho các trẻ em nghèo, khuyết tật, và đồng bào kém may mắn ở Việt Nam.

**Ngân quỹ hoạt động** — Do sự đóng góp tài chánh của mạnh thường quân và sự nỗ lực gây quỹ của hội.

Ngân khoản trợ giúp hằng năm trung bình khoảng $50,000 mỹ kim; dụng cụ và vật liệu y tế trị giá khoảng $100,000 - $500,000 mỗi năm.

**Bản tin Green Cross** phát hành miễn phí mỗi tam cá nguyệt để tường trình về hoạt động của SAP-VN ở Hoa kỳ và Việt Nam.

## HOẠT ĐỘNG CỦA SAP-VN

- **Tài trợ hoạt động khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.**
- **Bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình, vá môi và hở hàm ếch cho trẻ em khuyết tật gia đình nghèo.**
- **Bảo trợ Quỹ Khuyến Học cho Giáo sinh Sư phạm ở các tỉnh.**
- **Chuyển tặng trang thiết bị, vật liệu y khoa cho các bệnh viện, đại học.**
- **Tài trợ Quỹ Ẩm Thực cho Trường Nuôi Dạy Trẻ Khuyết Tật Nhà Bè.**
- **Trợ giúp nạn nhân thiên tai, bão lụt (khi điều kiện ngân quỹ cho phép).**

*Mọi đóng góp ý kiến, công sức và tài chánh xin liên lạc về:*

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, California 92643

Phone & Fax (714) **537-4877**

***Giờ mở cửa văn phòng: Từ 10 giờ sáng - 5 giờ chiều mỗi Thứ Bảy.***

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

TOGETHER WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX

LASER PRINTERS

TONER CATRIDGES

FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA

THUÊ & LEASE

HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ

NHẬN ĐẾN MỌI NƠI

ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY

ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP

REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ

15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

## Sách do Thế Kỷ xuất bản và phát hành

# Hà Nội Trong Mắt Tôi

Bút ký, tùy bút...của **Phạm Xuân Đài**, viết tại Việt Nam và Hoa Kỳ trong năm năm qua. Trần Hồng Châu (tức Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Saigon) cho rằng: "Niềm yêu đời thắm thiết, niềm tin vào tình người và cái thiện...(...) Phạm Xuân Đài đã được nuôi dưỡng trong khí hậu tinh thần đó."

Tựa của **Trần Hồng Châu**

■ *185 trang. Giá $10.00*

**THẾ KỶ** xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Bánh Mì Cali

S. 1-35/ 1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được mạo
vị vất ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI
Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341
Lê's
Florist Boutique
Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions
14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

# MAXIM'S ENTERTAINMENTS

## Một Món Quà Cho Mùa Xuân

THANH LAN - ELVIS PHƯƠNG - LÊ THU - KENNY THÁI - DUY QUANG - TRỊNH NAM SƠN - NHẬT TRƯỜNG - Ý NHI - MỸ LAN - QUỲNH HƯƠNG - HOÀI NAM - PHI NHUNG - QUỲNH LAN - DIỄM HƯƠNG - HẠ VY- KHẢ TÚ - THANH VÂN - MALINA NHÃ LAN - SONYA LE - LAURA

10161 Bolsa Ave. A 104, Westminster, CA 92683
Tel: **(714) 839-8628** * Fax: **(714) 839-6586**

# NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

# VANCO FOODS * LITTLE SAIGON

SUPERMARKET

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92843
TEL.: **(714) 530-2999**

SUPERMARKET

9822 BOLSA AVE., WESTMISTER, CA 92683
TEL.: **(714) 531-7272**

## ĐÁP LẠI SỰ ỦNG HỘ CỦA QUÝ KHÁCH, TỪ THÁNG 8/1996, SALE VÀ TẶNG THƯỞNG ĐẶC BIỆT NHIỀU LÔ TRÚNG $1000 - $500 - $100 - $50 V.V... VÀ 1 XE TOYOTA CAMRY 96

***ĐẶC BIỆT: XỔ SỐ - TẶNG QUÀ ĐEM ĐẾN CHO QUÝ KHÁCH:***

Chương trình sổ số đặc biệt của chúng tôi là một món quà để chân thành cám ơn quý vị đã chọn LITTLE SAIGON VÀ VANCO FOODS là ngôi chợ của gia đình.

- **Mọi vé số tặng đều bảo đảm được trúng thưởng và lãnh bằng tiền mặt tại chỗ TỪ $1 ĐẾN $1,000.**
- **Hoặc trúng quà và 1 xe hơi Toyota Camry 1996**

- Chúng tôi cũng thay lời cám ơn quý khách bằng những quà tặng thật giá trị cho mỗi lần đi chợ.
- Quý vị có thể nhận lời cám ơn của Công Ty bằng vé số, quà tặng kết hợp cả hai món quà trên.

**Hàng Sale từ 08-08 đến 08-14, 1996**

| | |
|---|---|
| - Rau muống | 39¢/Lb |
| - Sầu riêng trái | $1.49/Lb |
| - Nho xanh, đỏ | 59¢/Lb |
| - Bún quế lâm | 59¢/gói |
| - Mì tô Đại Hàn | $2.99/thùng |
| - Cá Bông Lau | $1.39/Lb |
| - Đùi gà vàng | 55 /Lb |
| - Nạc đùi heo | $1.49/Lb |

79¢/EA

**và còn nhiều mặt hàng SALE khác tại chợ**

# ĐẶC BIỆT

*Chiên Cá, Hấp Tôm Cua tại chợ.*

**Quý khách hàng đã biết rõ về giá hạ cũng như phẩm chất luôn luôn tươi tốt của chợ chúng tôi, không nơi nào bằng.**

VISA | MasterCard | DISCOVER | ATM

Chợ chúng tôi có nhận thẻ tín dụng để trả tiền hàng

## CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn **NHẤT**
- Hàng nhiều **NHẤT**
- Thịt, cá, rau tươi **NHẤT**
- Đủ loại hàng thực dụng **NHẤT**
- Giá cả các loại hàng hạ **NHẤT**
- Đã có tặng phẩm nhiều **NHẤT**
- Tiếp đãi ân cần **NHẤT**
- Địa điểm thuận lợi **NHẤT**
- Bãi đậu xe an toàn **NHẤT**
- Và đã được mọi người ưa thích **NHẤT**

MỞ CỬA
7 NGÀY TỪ
8:30AM-9:00PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

# DỰ ÁN THÁI TUẤN 1996

## RA MẮT ALBUM THÁI TUẤN

gồm 24 bức tranh in lọc mầu trên giấy trắng mịn, 20 bài Thái Tuấn viết về nghệ thuật tạo hình và phong cách thưởng ngoạn nghệ thuật, trong đó có năm bài dịch sang tiếng Anh (do Nguyễn Ngọc Bích), bài giới thiệu của Huỳnh Hữu Uy, bài góp ý của Nguyễn Đổng, nhạc cảm đề của Lê Uyên Phương và vài dòng cảm nghĩ của nhà văn Võ Phiến.
(Hội VAALA xuất bản. Giá một cuốn: $32.00)

□ **Tại WASHINGTON DC**
**6 giờ** chiều **thứ Sáu**
**13 tháng Chín** 1996
tại 7403 Windy Hill,
McLean VA 22102.

□ **Tại CALIFORNIA**
**11 giờ** sáng **thứ Bảy**
**mùng 5 tháng Mười** 1996
tại VAALA
11022 Acacia Parkway #A,
Garden Grove CA 92840

## TRIỂN LÃM TRANH

□ **Tại WASHINGTON DC**
gồm 30 tranh sơn dầu mới nhất của Thái Tuấn, được vẽ tại Orléans, Pháp quốc, nơi ông cùng gia đình đang cư ngụ. Tác giả có mặt trong buổi khai mạc,
**6 giờ 30** chiều **thứ Bảy 14 tháng Chín** 1996, tại **Viet Arts Center**,
5228 Port Royal Road, Springfield VA 22151 - ĐT (703) **321-7266**.
Triển lãm sẽ kéo dài từ 14 đến 22 tháng Chín 1996.

□ **Tại CALIFORNIA**
gồm 12 tranh mới nhất của Thái Tuấn. Tác giả có mặt trong buổi khai mạc,
**11 giờ** sáng **thứ Bảy mùng 5 tháng Mười** 1996, tại **VAALA**,
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840,
ĐT (714) **537-8352**; **638-9510**; **534-9430**.
Triển lãm sẽ kéo dài từ mùng 5 đến 13 tháng Mười 1996.
Phòng triển lãm mở cửa mỗi ngày từ 10 giờ sáng đến 5 giờ chiều.